CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ LỆ TINH

----- o0o -----

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án "Nhuộm hàng may mặc"

Địa chỉ: Nhà xưởng cho thuê của Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam thuộc KCN Dệt may Phố Nối, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

HƯNG YÊN, THÁNG NĂM 2024

CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ LỆ TINH

----- o0o -----

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án "Nhuộm hàng may mặc"

Địa chỉ: Nhà xưởng cho thuê của Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam thuộc KCN Dệt may Phố Nối, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

HƯNG YÊN, THÁNG NĂM 2024

CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ LỆ TINH

----- o0o -----

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Của Dự án: "Nhuộm hàng may mặc"

Địa chỉ: Nhà xưởng thuê lại của Công ty TNHH dệt may Lee Hing Việt Nam tại Lô đất số L4, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

ĐƠN VỊ TƯ VẤN	**CHỦ DỰ ÁN**
GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Hanh	Nguyễn Thị Thu Hậu

HƯNG YÊN, THÁNG NĂM 2024

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT 3
DANH MỤC BẢNG 4
DANH MỤC HÌNH 4
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ 5
1. Tên chủ dự án: 5
1.2. Tên dự án đầu tư: 5
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư 6
1.3.1. Công suất của dự án đầu tư 6
1.3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư, đánh giá việc lựa chọn công nghệ sản xuất của dự án đầu tư 7
1.3.3. Sản phẩm của dự án 10
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án 10
1.4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất 10
1.4.2. Nguồn cung cấp điện, nước 15
1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án 16
1.5.1. Các hạng mục công trình của dự án 16
1.5.2. Danh mục máy móc, thiết bị sử dụng tại dự án. 22
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG 24
1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường 24
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải 25
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ 26
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải 26
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa 26
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải 28
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải 31
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường 35
3.3.1. Công trình, biện pháp lưu trữ, xử lý rác thải sinh hoạt 35
3.3.2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường 35
3.3.3. Công trình biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại 36
3.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung 39

3.5. Các công trình bảo vệ môi trường khác 39

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành.....40

3.7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....43

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....48

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải 48

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải 49

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép tiếng ồn, độ rung 50

4.4. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại.51

4.5. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất: 51

4.6. Nội dung về quản lý chất thải.....51

CHƯƠNG V. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN.....54

5.1 Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án 54

5.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....54

5.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải 54

5.2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật.....55

CHƯƠNG VI. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ 56

PHỤ LỤC 57

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

ATLĐ-VSMT	:An toàn lao động và vệ sinh môi trường
BOD	: Nhu cầu ôxy sinh học
BVMT	: Bảo vệ môi trường
CAS	: Chuỗi số định danh hóa chất
COD	: Nhu cầu ôxy hóa học
CTCN	: Chất thải công nghiệp
CTNH	: Chất thải nguy hại
CTR	: Chất thải rắn
ĐTM	: Đánh giá tác động môi trường
HTXL	: Hệ thống xử lý
KCN	: Khu công nghiệp
NT	: Nước thải
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
QLMT	: Quản lý môi trường
VOCs	: Hợp chất hữu cơ bay hơi
TSP	: Tổng hạt bụi lơ lửng
TSS	: Tổng chất rắn lơ lửng
WHO	: Tổ chức Y tế Thế giới
GHCP	: Giới hạn cho phép
XLNT	: Xử lý nước thải

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Nhu cầu sử dụng hóa chất 11
Bảng 1.2. Nhu cầu sử dụng nước 15
Bảng 1.3. Tổng hợp các hạng mục công trình của dự án 16
Bảng 1.4. Danh mục các máy móc, thiết bị sử dụng tại dự án 22
Bảng 3.1. Tổng hợp các công trình thoát nước mưa 26
Bảng 3.2. Khối lượng nước thải sản xuất phát sinh 28
Bảng 3.3. Quản lý và xử lý chất thải rắn công nghiệp 36
Bảng 3.4. Khối lượng chất thải nguy hại dự kiến phát sinh 37
Bảng 3.5. Trang thiết bị PCCC và ứng phó sự cố hóa chất 42
Bảng 3.6. Tóm tắt các hạng mục công trình BVMT và sự thay đổi, điều chỉnh so với báo cáo ĐTM 43

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Sơ đồ dây chuyền sản xuất của dự án 7
Hình 1.2. Vị trí dự án trong Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam 16
Hình 1.3. Tổng mặt bằng xưởng I 19
Hình 1.4. Mặt bằng xưởng D 20
Hình 1.5. Mặt bằng kho C(thuê mới) 21
Hình 3.1. Sơ đồ hệ thống thu gom và thoát nước mưa 26
Hình 3.3. Sơ đồ thu gom và thoát nước thải sản xuất 29
Hình 3.4. Sơ đồ mạng lưới thu gom và thoát nước thải 30
Hình 3.5. Hình ảnh mạng lưới thu gom nước thải sản xuất của nhà máy 31
Hình 3.6. Sơ đồ đường ống thu gom khí thải tại khu vực pha thuốc nhuộm và kho hóa chất 32
Hình 3.7. Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý khí thải tại dự án 33

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên chủ dự án:

Công ty TNHH Quốc tế Lệ Tinh

- Địa chỉ văn phòng: Lô đất số L4, KCN dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

- Người đại diện: Bà Nguyễn Thị Thu Hậu Chức vụ: Giám đốc

Sinh ngày 25/4/1981 Quốc tịch: Việt Nam

Giấy chứng minh nhân dân số 03118014505 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp.

Địa chỉ thường trú và địa chỉ liên lạc: 15C/19/128 An Đà, phường Đằng Giang, ngô Quyền, Hải Phòng.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0901104011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp giấy chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 06 năm 2021 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 21 tháng 05 năm 2024.

- "Dự án nhuộm hàng may mặc" của Công ty TNHH Quốc tế Lệ Tinh không thuộc đối tượng phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo điều 37, Luật đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020 (Dự án đầu tư của nhà đầu tư trong nước). Công ty TNHH Quốc tế Lệ Tinh đã có Báo cáo số 04/BCGSĐGĐT gửi Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên về việc báo cáo giám sát, đánh giá thực hiện đầu tư.

1.2. Tên dự án đầu tư:

"Dự án nhuộm hàng may mặc"

- Địa điểm thực hiện dự án: Nhà xưởng thuê lại của Công ty TNHH dệt may Lee Hing Việt Nam tại Lô đất số L4, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

- Các quyết định phê duyệt về môi trường:

Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 847/QĐ-UBND do UBND tỉnh Hưng Yên cấp ngày 12 tháng 4 năm 2022.

- Quy mô của dự án đầu tư: Tổng vốn đầu tư của dự án này là 4.500.000.000 đồng. Theo quy định của Luật Đầu tư công, dự án công nghiệp có vốn đầu tư có tổng số vốn đầu tư dưới 60 tỷ đồng thuộc Dự án công nghiệp nhóm C.

Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường theo khoản 5 mục I Phụ lục II (ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ). Dự án đã được UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt báo cáo ĐTM, dự án thuộc đối tượng cấp giấy phép môi trường cấp tỉnh.

So với ĐTM đã được phê duyệt, dự án có thuê bổ sung thêm 01 nhà C để làm kho, không sản xuất tại nhà C, công suất, công nghệ sản xuất không thay đổi so với ĐTM đã

được phê duyệt. Căn cứ khoản 2, Điều 27, Nghị định 08, dự án đã có ĐTM khi tăng 01 kho của dự án không thuộc đối tượng phải đánh giá tác động môi trường (dự án tăng quy mô nhưng không thuộc đối tượng phải điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư do chủ dự án là nhà đầu tư trong nước, không thuộc đối tượng cấp chứng nhận đầu tư). Do đó, Công ty xin trình bày tích hợp trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đã có ĐTM theo mẫu đính kèm tại phụ lục VIII Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

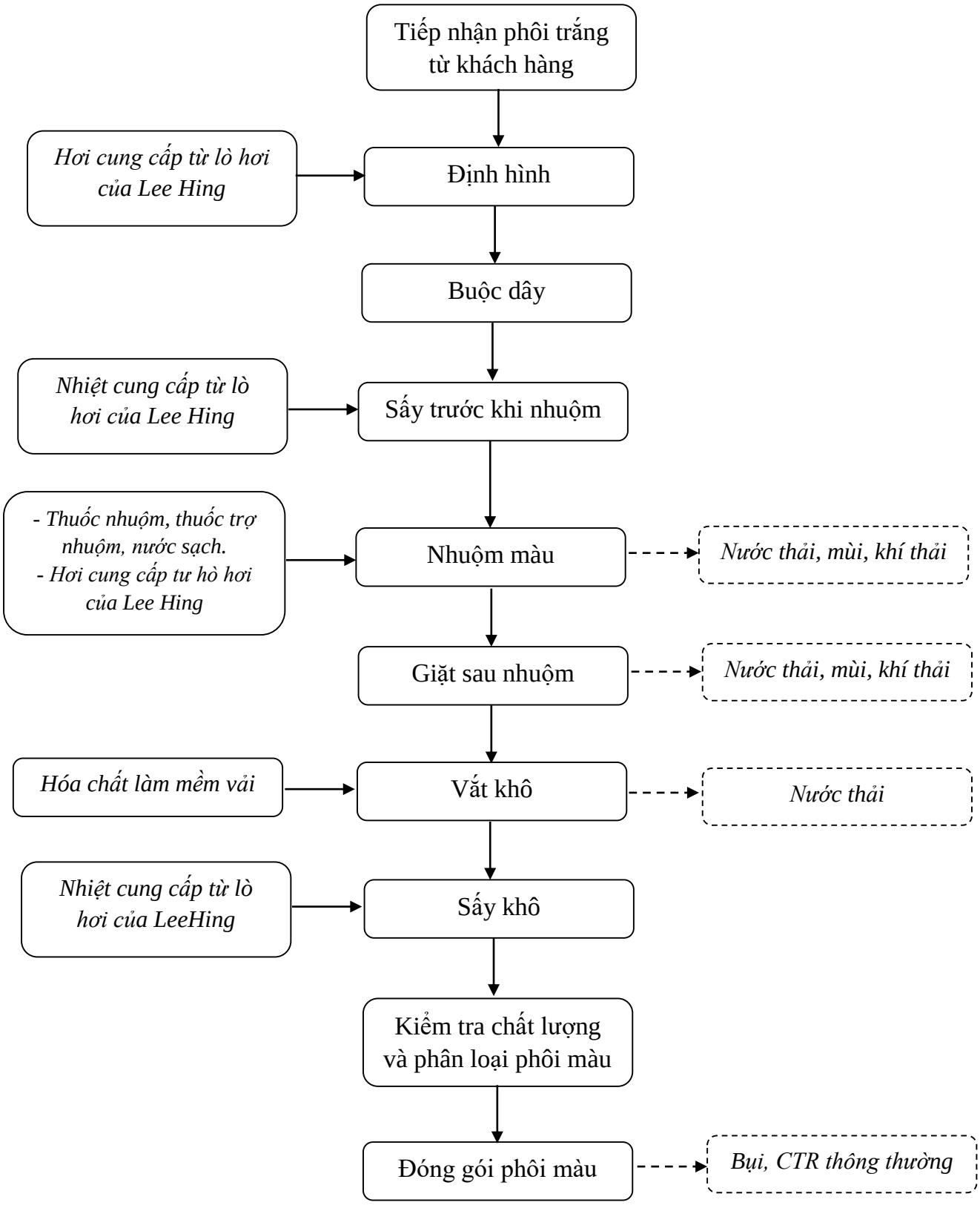
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư

1.3.1. Công suất của dự án đầu tư

Công suất của dự án 25.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 1.950 tấn sản phẩm/năm).

1.3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư, đánh giá việc lựa chọn công nghệ sản xuất của dự án đầu tư

Quy trình công nghệ sản xuất của dự án:



Hình 1.1. Sơ đồ dây chuyền sản xuất của dự án

Thuyết minh dây chuyền sản xuất:

- Nhập nguyên liệu: Công ty nhận đơn đặt hàng từ khách hàng với nguyên liệu đầu vào dạng bán thành phẩm là các sản phẩm dệt đã được gia công cơ bản (phôi trắng).

- Định hình: Trước khi vào công đoạn nhuộm, vải sẽ được xử lý, định hình sơ bộ trước khi nhuộm, cụ thể là vải sẽ được đưa vào các máy hấp định hình. Tại đây, vải được hấp trong thời gian khoảng 30 phút. Trung bình khi máy hấp hoạt động tối đa công suất là 8-10 mẻ/ngày, tối đa 100sp/mẻ đối với máy hấp công suất nhỏ và 1000sp/mẻ đối với máy công suất lớn. Công đoạn hấp chỉ sử dụng hơi nước nóng cấp từ lò hơi.

- Buộc dây: tùy vào yêu cầu của từng sản phẩm, sản phẩm sẽ được đưa qua các bàn thao tác và công nhân sẽ tiến hành buộc dây đối với từng sản phẩm. Mục đích của công đoạn này để giúp cho sản phẩm không bị nhăn.

- Sấy: sản phẩm được đưa vào các máy sấy công nghiệp để sấy trước khi nhuộm. Nhiệt độ sấy khoảng 85°C, thời gian sấy khoảng 20 phút/mẻ.

- Công đoạn Nhuộm:

+ Công đoạn giặt, nhuộm sản phẩm được thực hiện trên cùng thiết bị gọi chung là thùng nhuộm.

+ Công đoạn pha thuốc nhuộm: gồm 2 công đoạn: Pha chất trợ nhuộm và pha thuốc nhuộm. Mỗi công đoạn pha xong sẽ chuyển hóa chất đã pha sang thùng nhuộm rồi mới chuyển sang công đoạn tiếp theo.

Trước khi tiến hành nhuộm sản phẩm hàng loạt theo đơn hàng đảm bảo chất lượng của các sản phẩm nhuộm theo đúng yêu cầu của khách hàng về màu sắc, chất lượng. Tại dự án sẽ thực hiện quá trình nhuộm mẫu tại 02 máy nhuộm để xác định quá trình nhuộm diễn ra; đưa ra các tỷ lệ pha màu thích hợp cho phân xưởng nhuộm. Sau khi nhuộm mẫu, mẫu được đưa vào phòng thí nghiệm để kiểm tra về màu sắc, chất lượng. Nếu mẫu đạt yêu cầu, bộ phận kỹ thuật chuyển lệnh, báo tỷ lệ pha màu xuống bộ phận nhuộm từ đó công nhân vận hành sẽ tiến hành nhuộm màu sản phẩm theo đúng tỷ lệ thuốc nhuộm được đề xuất.

+ Công đoạn nhuộm: đây là công đoạn quan trọng nhất của quá trình sản xuất, nó quyết định màu sắc và chất lượng sản phẩm. Tại công đoạn này, công nhân tiến hành nạp nguyên liệu là vải đã qua các công đoạn xử lý sơ bộ trước đó vào các máy nhuộm. Vải sẽ được ngâm vào trong dung dịch nhuộm một thời gian nhất định, thuốc nhuộm được đưa vào theo công thức bên bộ phận kỹ thuật đã chuyển giao. Dự án tiến hành nhuộm theo mẻ, mỗi mẻ thực hiện trong vòng 3-4 giờ. Nhiệt độ máy nhuộm được điều chỉnh tăng dần, lên đến 135°C trong vòng 30 phút đầu, sau đó sẽ được hạ nhiệt, giảm xuống 85°C trong vòng 3 giờ kế tiếp là kết thúc quá trình nhuộm. Nước sử dụng cho công đoạn nhuộm là nước sạch.

Trong quá trình nhuộm, dự án sử dụng các loại hóa chất như: Thuốc nhuộm hoạt tính và các chất phụ trợ (CH_3COOH, chất làm mềm, chất làm trắng). Với công nghệ nhuộm dự án dự kiến sử dụng thì lượng thuốc nhuộm được hấp thụ vào sản phẩm lên tới trên 95%.

Quá trình nhuộm được chia làm 4 giai đoạn:

+ Các hạt thuốc nhuộm khuếch tán từ dung dịch đến bề mặt ngoài vải sợi

+ Các hạt thuốc nhuộm được hấp thụ lên bề mặt ngoài vải sợi.

+ Các hạt thuốc nhuộm, khuếch tán từ mặt ngoài vào sâu trong lõi vải sợi theo các mao quản.

+ Thực hiện liên kết bám dính vào vải sợi.

Trong 4 giai đoạn trên, giai đoạn 3 là giai đoạn diễn ra chậm nhất, nó quyết định tốc độ nhuộm. Sau khi nhuộm xong, công nhân không tiến hành mở nắp lấy sản phẩm ra ngay mà phải đợi đến khi nhiệt độ máy nhuộm hạ xuống còn 80°C, chốt an toàn mới tự động bật, công nhân mới có thể tiến hành mở nắp để kiểm tra sản phẩm. Nếu sản phẩm chưa đạt yêu cầu thì sẽ được bổ sung thêm thuốc nhuộm để nhuộm tiếp. Còn nếu sản phẩm đạt yêu cầu thì sẽ được thực hiện công đoạn tiếp theo.

- Giặt sau nhuộm (tích hợp trong máy nhuộm): Sau khi xả hết nước nhuộm ra, nước sạch sẽ được bơm vào để tiến hành công đoạn giặt sau nhuộm. Lượng nước sử dụng này dao động trong khoảng 150-300 lít/ mẻ/máy tùy thuộc vào thể tích của máy. Nhiệt độ trong máy giặt qua các mẻ giặt sẽ giảm từ 80°C xuống khoảng 45°C. Sau khoảng 2 lần giặt, sản phẩm sẽ được hệ thống cặp trục ép ép bớt lượng nước dư rồi chuyển sang khu vực vắt, sấy. Quá trình này sẽ làm phát sinh nước thải.

- Vắt, sấy sau nhuộm: Sau khi xả hết nước nhuộm ra, sản phẩm được chuyển sang công đoạn vắt, sấy.

+ Công đoạn vắt: Sau khi bổ sung chất làm mềm, sản phẩm được đưa vào máy vắt ly tâm để vắt sạch nước còn trên vải, trước khi chuyển sang công đoạn sấy khô.

+ Công đoạn sấy khô: Sau các quá trình trên, sản phẩm được đưa vào máy sấy khô trong vòng 90 phút; nhiệt cấp cho máy sấy lấy từ lò hơi, nhiệt trong máy sấy duy trì ở nhiệt độ 100°C để sấy khô sản phẩm.

- Kiểm tra và đóng gói:

Sản phẩm sau khi nhuộm hoàn thiện được kiểm tra về độ co giãn của sản phẩm, màu sắc sản phẩm. Sản phẩm không đảm bảo sẽ xem xét nhuộm lại, không thể sửa chữa sẽ loại bỏ là sản phẩm lỗi.

Sản phẩm đạt yêu cầu được đóng gói để đảm bảo sản phẩm không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố ngoại quan trong quá trình bảo quản. Sản phẩm đã đóng gói xong được vận chuyển vào kho, bảo quản chờ ngày xuất hàng.

Nguồn cấp nhiệt cho máy hấp, máy nhuộm và máy sấy là hệ thống lò hơi cung cấp từ Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam.

1.3.3. Sản phẩm của dự án

Sản phẩm cụ thể của dự án là các sản phẩm quần, áo thể thao. Do đặc thù sản phẩm của dự án nên khối lượng mỗi sản phẩm rất nhỏ, trung bình 78g/1 sản phẩm. Số lượng mỗi loại sản phẩm tùy thuộc đơn hàng tại từng thời điểm.

Công suất sản phẩm: 25.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 1.950 tấn sản phẩm/năm).

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án

1.4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất

1.4.1.1. Nguyên, vật liệu

Hoạt động sản xuất của cơ sở là nhuộm các sản phẩm may mặc. Nguyên liệu đầu vào cơ bản là các sản phẩm dệt, gia công sẵn. Do đó, nguyên liệu đầu vào phụ thuộc vào các đơn đặt hàng của khách hàng.

Số lượng ống vải đầu vào (đã gia công sẵn) tương đương là 25.000.000 ống vải/năm (78g/ống vải) ≈ 1.950 tấn vải/năm.

1.4.1.2. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu, hóa chất

Dự kiến nhu cầu nhiên liệu, hóa chất của dự án như sau:

Bảng 1.1. Nhu cầu sử dụng hóa chất

TT	Tên hóa chất	Tên khoa học	Mã CAS	Thành phần Công thức hóa học	Khối lượng (tấn/năm)
I	***Thuốc nhuộm khô (dạng bột)***				***10,75***
	Thuốc nhuộm cation				
1.1	Thuốc nhuộm màu đỏ tươi	Dyes Red SD-GR	38845-47-5	$C_{18}H_{23}C_{13}N_6Zn$	0,50
1.2	Thuốc nhuộm xanh cơ bản 159	Dyes Blue SD-2BL	105953-73-9	Cationic Blue XB	0,29
	Thuốc nhuộm axit				
1.3	Thuốc nhuộm axit màu vàng	Dyes Yellow NHF-S	71603-79-7	$C_{24}H_{18}IN_4NaO_7S$	3,03
1.4	Thuốc nhuộm đỏ	Dyes Red NHF-S	12220-47-2	Acid dyes red	0,56
	Thuốc nhuộm hoạt tính				
1.5	Thuốc nhuộm xanh lá	Bg Anoset Green BG	4403-90-1 7757-82-6 7732-18-5	$C_{28}H_{20}N_2Na_2O_8S_2$ (80%) Na_2SO_4 (15%) H_2O (5%)	0,00004
1.6	Thuốc nhuộm Bordeau x HF		6408-29-3 7757-82-6	C40H27CrN8O10S2.2Na (65%) Na_2SO_4 (30%)	0,10

			7732-18-5	H_2O (5%)	
1.7	Thuốc nhuộm xanh lam	Dyes Blue NHF-S	68541-71-9	$C_{32}H_{17}CrN_6NaO_{11}S$	0,78
1.8	Thuốc nhuộm màu cam	Gsn Dyes Orange Gsn (Tq)	12217-33-3	$C_{34}H_{28}N_4Na_2O_8S_2$	0,40
1.9	Thuốc nhuộm đỏ sẫm	Fluor. Red B400%	7647-14-5	NaCl (7-13%)	0,23
1.10	Thuốc nhuộm đen	GF Anoset Black GF	57693-14-8 7757-82-6 7732-18-5	$C_{40}H_{20}CrN_6NaO_{14}S_2$ Na_2SO_4 H_2O	3,54
1.11	Thuốc nhuộm đỏ đậm	Eriofast Red 2B	38845-47-5	$C_{18}H_{23}Cl_3N_6Zn$	0,06
1.12	Thuốc nhuộm đen Black M	Erioffast Black MP	27344-41-8	$C_{28}H_{20}Na_2O_6S_2$	0,47
1.13	Thuốc nhuộm đen bóng Black M	GF Anoset Black GF	57693-14-8 7757-82-6 7732-18-5	$C_{40}H_{20}CrN_6NaO_{14}S_2$ Na_2SO_4 H_2O	0,50
1.14	Thuốc nhuộm đỏ nâu	Eriosfast Red 2B	350797-46-5	$C_{27}H_{21}ClN_8O_9S_3.2Na$	0,29
1.15	Thuốc nhuộm đen Black M	Eriofasst Black M	854270-57-8	$C_{47}H_{26}ClCrN_{11}NaO_{16}S_3(-2)$	0,000036
II	***Hóa chất trợ nhuộm, làm mềm vải***				***92,07***
2.1	Chất tiền xử lý Kaletex	Kaletex SWN	61791-14-8	$CH_3O(CH_2CH_2O)_nCH_3$	0,85

			9064-14-6 7732-18-5	$C_{15}H_{32}O_2$ H_2O	
2.2	Axit Acetic	Acid Acetic	64-19-7	CH_3COOH	23,68
2.3	Axit Citric	Citric acid monohydrate	5949-29-1	$C_6H_8O_7$	10,35
2.4	Chất chống ố vàng ép khuôn	Adipic acid dihydrazide	1071-93-8	$NH_2NHCO(CH_2)_4CONHNH_2$	10,69
2.5	Chất xúc tác phân tán màu thấm vào sợi (bột CT)	Hợp chất natri tripolyphosphat	7758-29-4	$Na_5O_{10}P_3$	0,31
2.6	Hóa chất làm mềm mượt vải 810-HP1	Diethylene glycol monobutylether Octa methyl cyclotetrasilosane	112-34-5 556-67-2	$C_4H_9OCH_2CH_2OCH_2CH_2OH$ $C_8H_{24}O_4Si_4$	13,88
2.7	Kalevin APY	Fatty alcohol polyether sulfonate; Polyethylene glycol; Water	91648-56-5 25322-68-3 7732-18-5	Fatty alcohol polyether sulfonate (55%) C_2H_2O (15%) H_2O (30%)	16,83
2.8	Hóa chất làm mềm sợi vải STG-01	Octamethyl	107-51-7	$[(CH_3)_3SiO]_2Si(CH_3)_2$	15,15

2.9	Chất tăng trắng quang học	Ultraphor PWC	27344-41-8	Disodium 2,2'-(1,1'-biphenyl) – 4,4-diylvinylene)bis (benzenesulphonate)	0,33
	Tổng cộng				**102,82**

1.4.2. Nguồn cung cấp điện, nước

a. Nhu cầu sử dụng nước

Nhu cầu sử dụng nước của dự án được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng 1.2. Nhu cầu sử dụng nước

TT	Nội dung	Đơn vị	Nhu cầu
1	Nước phục vụ sinh hoạt	m^3/ngày	5,6
2	Nước sử dụng cho quá trình nhuộm	m^3/ngày	593,7
2.1	*Nước cấp cho các thiết bị nhuộm (nhuộm và pha thuốc nhuộm)*	m^3/ngày	*395,8*
2.2	*Nước cấp cho công đoạn giặt nhiệt độ thường sau nhuộm*	m^3/ngày	*197,9*
	Tổng cộng		**599,3**

- Nước sinh hoạt được tính cho 125 người x định mức 45 lít/người/ngày.

- Nước trong quá trình nhuộm: Định mức 1 tấn sản phẩm cần tiêu thụ 95 m^3 nước. Một ngày trung bình 6,25 tấn sản phẩm sẽ tiêu thụ 593,7 m^3/ngày.

Nguồn cung cấp: Hiện tại, Công ty sử dụng nước cấp từ nguồn nước sạch của KCN Dệt may Phố Nối B. Hệ thống cấp nước sạch đã được lắp đặt hoàn chỉnh đến khu xưởng. Hợp đồng cung ứng nước sạch số 60/2022/HĐKT-NS-ID được đính kèm phụ lục của báo cáo.

b. Nhu cầu về điện

Về cơ bản dự án được trang bị hệ thống máy móc hiện đại, đảm bảo việc tiết kiệm tối đa nguồn năng lượng sử dụng và tiêu hao năng lượng điện, nước ở mức thấp nhất. Nhu cầu điện phục vụ cho quá trình hoạt động của Nhà máy chủ yếu là cung cấp cho hoạt động của hệ thống máy móc, điện chiếu sáng và điện phục vụ cho hoạt động của khu văn phòng. Nhu cầu điện sử dụng trung bình 30.000-50.000 KWh/tháng. Nguồn cấp điện: cấp bởi Công ty TNHH Dệt May Lee Hing Việt Nam theo hợp đồng thỏa thuận số 01/2021-HĐTNX ngày 21/6/2021.

c. Hệ thống cấp hơi

Dự án khi đi vào hoạt động sẽ sử dụng hơi được cấp từ Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam. Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam đã lắp đặt 02 lò hơi đốt than, 01 lò công suất 10 tấn hơi/giờ và 01 lò công suất 15 tấn hơi/giờ. Lượng hơi dự án cần sử dụng là 100 tấn hơi/ngày được cấp bởi Công ty TNHH Dệt May Lee Hing Việt Nam theo hợp đồng thỏa thuận số 01/2021-HĐTNX ngày 21/6/2021.

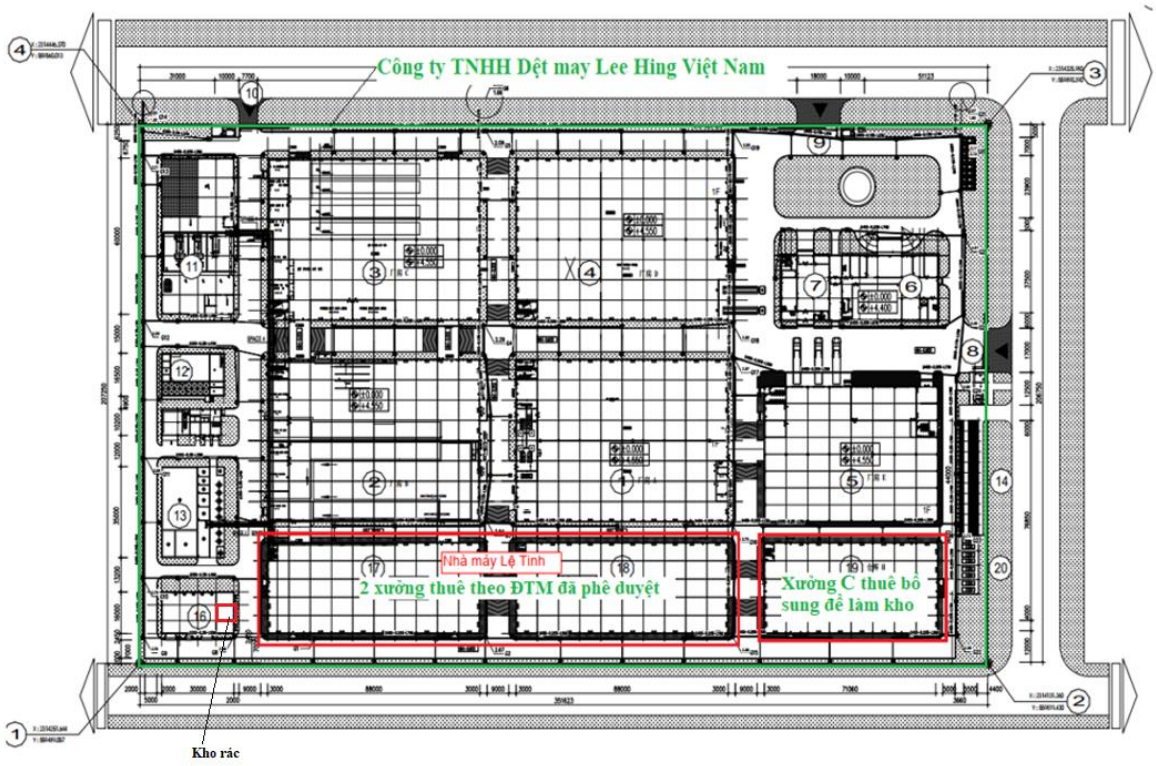
1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án

1.5.1. Các hạng mục công trình của dự án

Hai nhà xưởng được thuê theo ĐTM để triển khai dự án là nhà xưởng I và nhà xưởng D có tổng diện tích 6.160 m^2 đã được xây dựng hoàn chỉnh.

Dự án thuê bổ sung thêm xưởng C (còn gọi là xưởng H) có diện tích 2.530,7 m^2 để làm kho chứa nguyên vật liệu, sản phẩm.

Tổng diện tích triển khai dự án là 8.690,7 m^2.



Hình 1.2. Vị trí dự án trong Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam

Quy mô các hạng mục của dự án được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng 1.3. Tổng hợp các hạng mục công trình của dự án

STT	Chức năng sử dụng	Diện tích bố trí theo ĐTM (m^2)	Diện tích bố trí thực tế (m^2)
I	***Xưởng I (còn gọi là xưởng F)***	***3.080***	***3.080***
1	Khu vực nhuộm	2.965	2.130
2	Phòng thí nghiệm (pha thuốc nhuộm)	25	25
3	Phòng phối màu, so màu	0	115

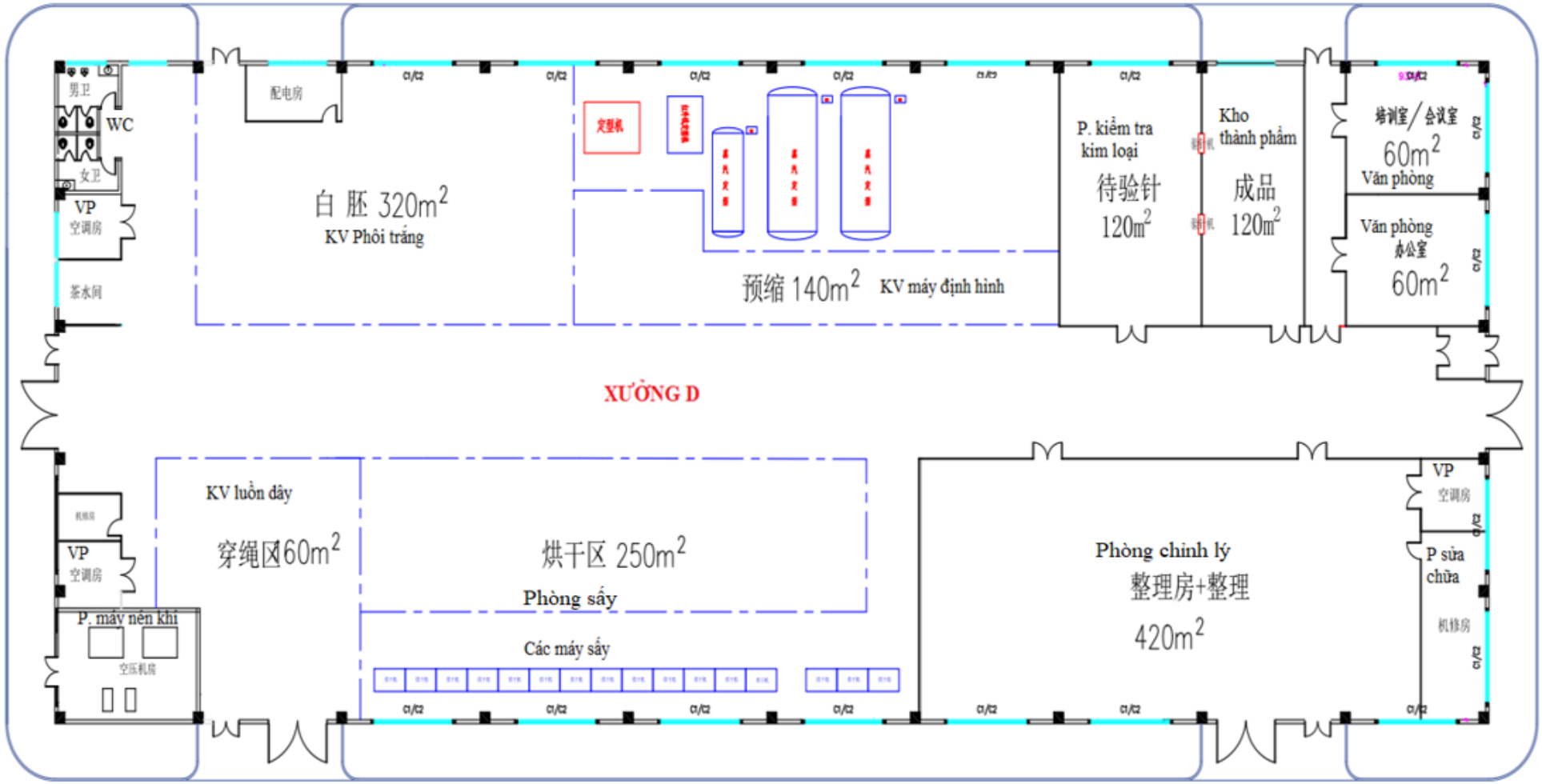
3	Kho hóa chất (trợ nhuộm, thuốc nhuộm)	70	320 130
4	Khu vệ sinh	20	20
5	Văn phòng, phòng họp	0	70
6	Phòng L/D (Phòng đào tạo & phát triển)	0	90
7	Phòng KDK (Phòng định hình: ép phẳng)	0	180
II	***Xưởng D (còn gọi là xưởng G)***	***3.080***	***3.080***
1	Khu vực hấp định hình, buộc dây, sấy, lối đi	3.010	2.150
2	Kho thành phẩm	0	120
3	Phòng kiểm tra kim loại	0	120
4	Văn phòng, các phòng phụ trợ	50	200
5	Nhà vệ sinh	20	20
6	Phòng chỉnh lý	0	420
7	Phòng máy nén khí	0	50
III	***Xưởng C (còn gọi là xưởng H)***	***2.530,7***	***2.530,7***
	Tổng cộng	**8.690,7**	**8.690,7**
	Các hạng mục công trình BVMT		
1	Nhà rác 45m^2: - *Bố trí khu vực chứa CTCNTT: 20m^2.* - *Bố trí khu vực chứa CTNH: 25m^2 (Có hàng rào quây ngăn cách 2 loại chất thải)*	45 m^2	Công ty TNHH Dệt may Lee Hing cho mượn.
2	Hệ thống xử lý khí thải kho hóa chất	01 hệ thống	lưu lượng 8.251 – 15.640 m^3/h

3	Hệ thống thoát nước mưa, nước thải	-	Công ty TNHH Dệt may Lee Hing tạo lập và quản lý

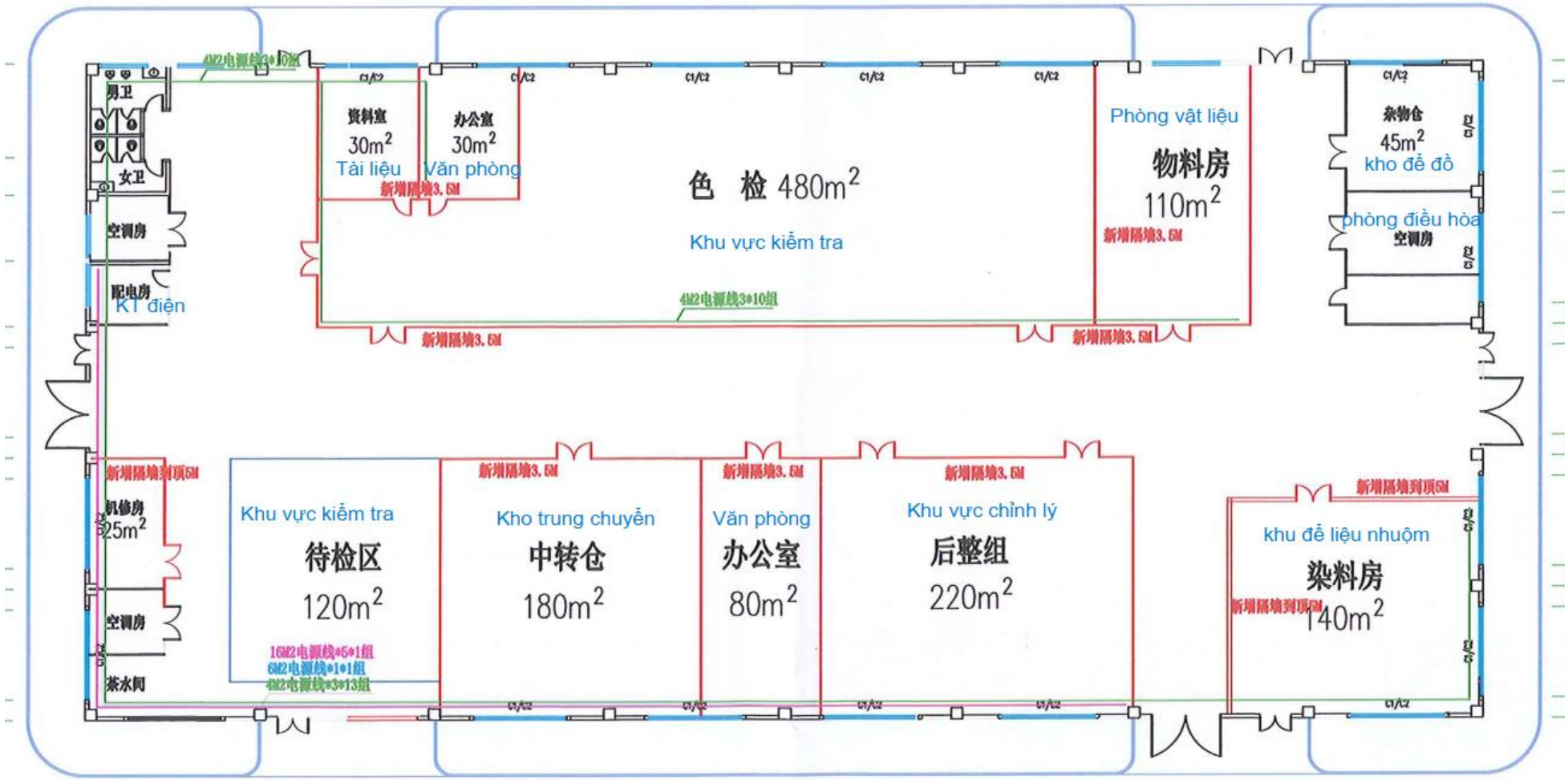
Mặt bằng dự án được thể hiện trong hình sau:



Hình 1.3. Tổng mặt bằng xưởng I



Hình 1.4. Mặt bằng xưởng D



Hình 1.5. Mặt bằng kho C(thuê mới)

1.5.2. Danh mục máy móc, thiết bị sử dụng tại dự án.

Danh mục các máy móc, thiết bị lắp đặt trong giai đoạn này được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng 1.4. Danh mục các máy móc, thiết bị sử dụng tại dự án

TT	Tên thiết bị	Số lượng thiết bị		Đơn vị	Ghi chú
		Theo báo cáo ĐTM	Thực tế lắp đặt		
I	***Máy móc chính***				
1	Máy hấp định hình và làm phẳng vải	01	05	Chiếc	Đặt tại xưởng D
2	Lò ủi (bàn là)	01	07	Chiếc	Xưởng C
3	Máy nhuộm	29	53	Chiếc	Xưởng I
4	Máy sấy	10	16	Chiếc	Đặt tại xưởng D
5	Máy thổi ống vải	03	03	Chiếc	Đặt tại xưởng I
6	Máy vắt li tâm, máy vắt thường	03	06	Chiếc	Đặt tại xưởng I
II	***Các máy móc phụ trợ***				
1	Máy đo pH	Không thống kê trong báo cáo ĐTM	02	Chiếc	Đặt tại xưởng I
2	Máy thử lực kéo		01	Chiếc	Đặt tại xưởng I
3	Máy phân tích quang phổ		01	Chiếc	Phân tích màu của mẫu hàng Đặt tại xưởng I
4	Máy dò kim		01	Chiếc	Đặt tại xưởng D
5	Máy kiểm tra tỷ lệ pha thuốc nhuộm		01	Chiếc	Đặt tại xưởng I
6	Máy kiểm tra màu toàn diện		05	Chiếc	Đặt tại xưởng I
7	Máy khử nước mẫu		02	Chiếc	Đặt tại xưởng I
8	Máy định lượng thuốc nhuộm		01	Chiếc	Đặt tại xưởng I
9	Máy định lượng chất phụ gia		01	Chiếc	Đặt tại xưởng I
10	Cân		02	Chiếc	Xưởng I, xưởng D
11	Máy nhỏ dung dịch tự động		01	Chiếc	Để hút các dung dịch thuốc nhuộm đã được pha sẵn trước đó, hút để pha thuốc nhuộm mới theo

					tỉ lệ đã được cài đặt sẵn trên phần mềm tự động Đặt tại phòng thí nghiệm
12	Lò gia nhiệt vật liệu dệt	Không thống kê trong báo cáo ĐTM	04	Chiếc	Sấy hàng mẫu, sử dụng điện Phòng thí nghiệm, xưởng I
13	Máy qua nhiệt		02	Chiếc	Ép phẳng mẫu vải (hàng mẫu sau nhuộm, gia nhiệt bằng điện) Phòng thí nghiệm, xưởng I
14	Máy		02	Chiếc	Ép phẳng mẫu vải (hàng mẫu trước nhuộm, gia nhiệt bằng điện) Phòng KDK, xưởng I
	Tổng cộng		**116**		
	Các máy móc, thiết bị phụ trợ khác				
	Thông gió, làm mát		-	-	- Khu vực xưởng chính sử dụng quạt thông gió - Văn phòng, các phòng kiểm tra sử dụng điều hòa.

Dự án tăng số lượng một số máy móc để đáp ứng yêu cầu của khách hàng khi có đơn hàng gấp nhưng công suất của dự án không đổi.

Máy nhuộm nhúng, nhuộm treo có công nghệ chung là nhuộm nhúng. Thay vì sản phẩm được buộc dây (máy nhuộm nhúng), sản phẩm sẽ được treo lên để nhuộm (máy nhuộm treo).

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Hiện tại, Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, Quy hoạch bảo vệ môi trường tỉnh Hưng Yên đang trong quá trình xây dựng, chưa được ban hành. Do đó, Chủ dự án sẽ đưa ra nhận định, đánh giá sự phù hợp của hoạt động dự án với các quy hoạch ngành có liên quan, cụ thể:

**** Quy hoạch quốc gia, tỉnh***

- Quy hoạch tổng thể phát triển các KCN của tỉnh Hưng Yên theo văn bản số 1181/TTg-CN ngày 11/08/2017 của Thủy tướng Chính phủ về việc đề án điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên đến năm 2020.

- Quy hoạch đô thị theo Khoản 1 Điều 46 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009 về rà soát quy hoạch, quyết định số 1141/QĐ-UBND ngày 6/5/2020 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch chung thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

**** Phù hợp với quy hoạch của KCN***

Dự án thuê lại nhà xưởng của Công ty TNHH dệt may Lee Hing Việt Nam và nằm trong KCN dệt may Phố Nối. KCN dệt may Phố Nối được Chính phủ cho phép thành lập tại văn bản số 385/CP-CN ngày 04/04/2003; UBND tỉnh Hưng Yên quyết định thành lập và phê duyệt dự án đầu tư và kinh doanh hạ tầng KCN tại văn bản số 1117/QĐ-UB ngày 13/6/2003 và số 1953/QĐ-UB ngày 06/10/2023.

KCN dệt may Phố Nối đã được UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối B, diện tích 121,6987ha tại Quyết định số 2284/QĐ-UBND ngày 30/9/2020. KCN được cấp GPMT số 699/GPMT-UBND ngày 04/4/2024.

Danh mục các ngành nghề được phép đầu tư trong KCN dệt may phối nối theo Giấy phép môi trường của KCN như sau:

TT	Danh mục ngành nghề được phép đầu tư	Mã ngành
1	Sản phẩm dệt may	C131
2	Sản xuất hàng dệt khác; sản xuất giày, dép	C139, C152
3	Các ngành công nghiệp nhẹ, may mặc, hàng tiêu dùng	C14, C222, H52, L68
4	Công nghiệp cơ khí, hóa chất, điện máy, điện tử	C259, C20, C26
5	Công nghiệp chế biến thực phẩm, dược phẩm	C10, C21
6	Dịch vụ khai thác, xử lý và cung cấp nước	E36
7	Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải	E37

Dự án nhuộm hàng may mặc với mục tiêu sản xuất chính là nhuộm vải nằm trong danh mục ngành sản phẩm dệt may. Vì vậy, dự án hoàn toàn phù hợp về ngành nghề và phân khu chức năng của khu công nghiệp Dệt may Phố Nối B.

**** Tình hình hoạt động của KCN Dệt may Phố Nối***

Tổng diện tích KCN Dệt May Phố Nối được quy hoạch là 121ha, chia làm 2 giai đoạn. Giai đoạn 1 có quy mô 25,17ha và giai đoạn 2 có quy mô 95,6ha.

Hiện tại KCN đã đầu tư 02 trạm xử lý nước thải tập trung có tổng công suất 20.000 m^3/ngày: Trạm số 1 công suất 12.000 m^3/ngày; Trạm số 2 công suất 8.000m^3/ngày.

Theo số liệu của KCN (tháng 8/2024), Trạm XLNT số 1 hoạt động khoảng 276.120 m^3/tháng, tương đương 9.200 m^3/ngày đêm, đạt 77% công suất thiết kế; Trạm XLNT số 2 đang vận hành trung bình với công suất 201.750 m^3/tháng, tương đương 6.725 m^3/ngày đêm, đạt 84% công suất thiết kế.

Theo Báo cáo về việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường tại các KCN trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, tỷ lệ lấp đầy của KCN đạt 100%. Hiện nay quỹ đất trong KCN đã được quy hoạch và đưa vào sử dụng, hạ tầng đã được đồng bộ và hiện đại với đầy đủ hệ thống cấp điện, cấp nước, thông tin liên lạc, thu gom rác thải, xử lý nước thải tập trung, hệ thống phòng cháy chữa cháy... Do đó, khi dự án đi vào hoạt động thì hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Dệt may Phố Nối B hoàn toàn đáp ứng được về công suất và hiệu suất xử lý đảm bảo toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ dự án đều được xử lý đạt tiêu chuẩn quy định trước khi xả ra môi trường.

Dự án thuê nhà xưởng của Công ty TNHH dệt may Lee Hing Việt Nam, thuộc diện tích giai đoạn 2 của KCN. Nước thải sau khi xử lý của dự án dẫn về HTXLNT tập trung của Công ty TNHH dệt may Lee Hing Việt Nam, sau đó dẫn về hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN dệt may Phố Nối.

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải

Hiện tại, tỉnh Hưng Yên chưa công bố khả năng chịu tải của môi trường đối với các nguồn tiếp nhận chất thải của tỉnh, do đó Báo cáo chưa có cơ sở dữ liệu để đánh giá sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.

CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Dự án thuê nhà xưởng của Công ty TNHH dệt may Lee Hing Việt Nam. Công trình thoát nước mưa dùng chung với Công ty TNHH dệt may Lee Hing Việt Nam. Toàn bộ hệ thống thoát nước mưa của Công ty TNHH dệt may Lee Hing Việt Nam đã được xác nhận hoàn thành, chi tiết như sau:

- Thông số kỹ thuật cơ bản của hệ thống thu gom thoát nước mưa:

+ Kết cấu: Cống thoát nước được sử dụng là hệ thống cống, rãnh bê tông

+ Kích thước, chiều dài của công trình thu gom thoát nước mưa bề mặt được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng 3.1. Tổng hợp các công trình thoát nước mưa

TT	Tên công trình	Khối lượng	Đơn vị
1	Cống BTCT D300	1.787	m
2	Cống BTCT D600		
3	Hố ga	179	Cái

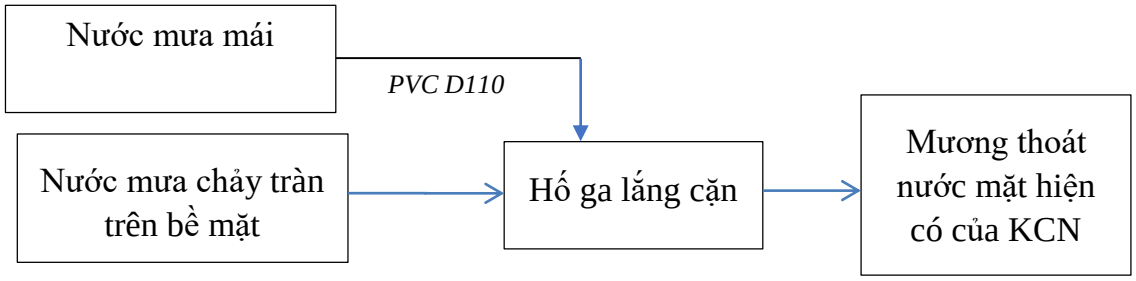
- Số lượng điểm thoát nước mưa: 2 điểm

- Quy trình vận hành từng điểm thoát:

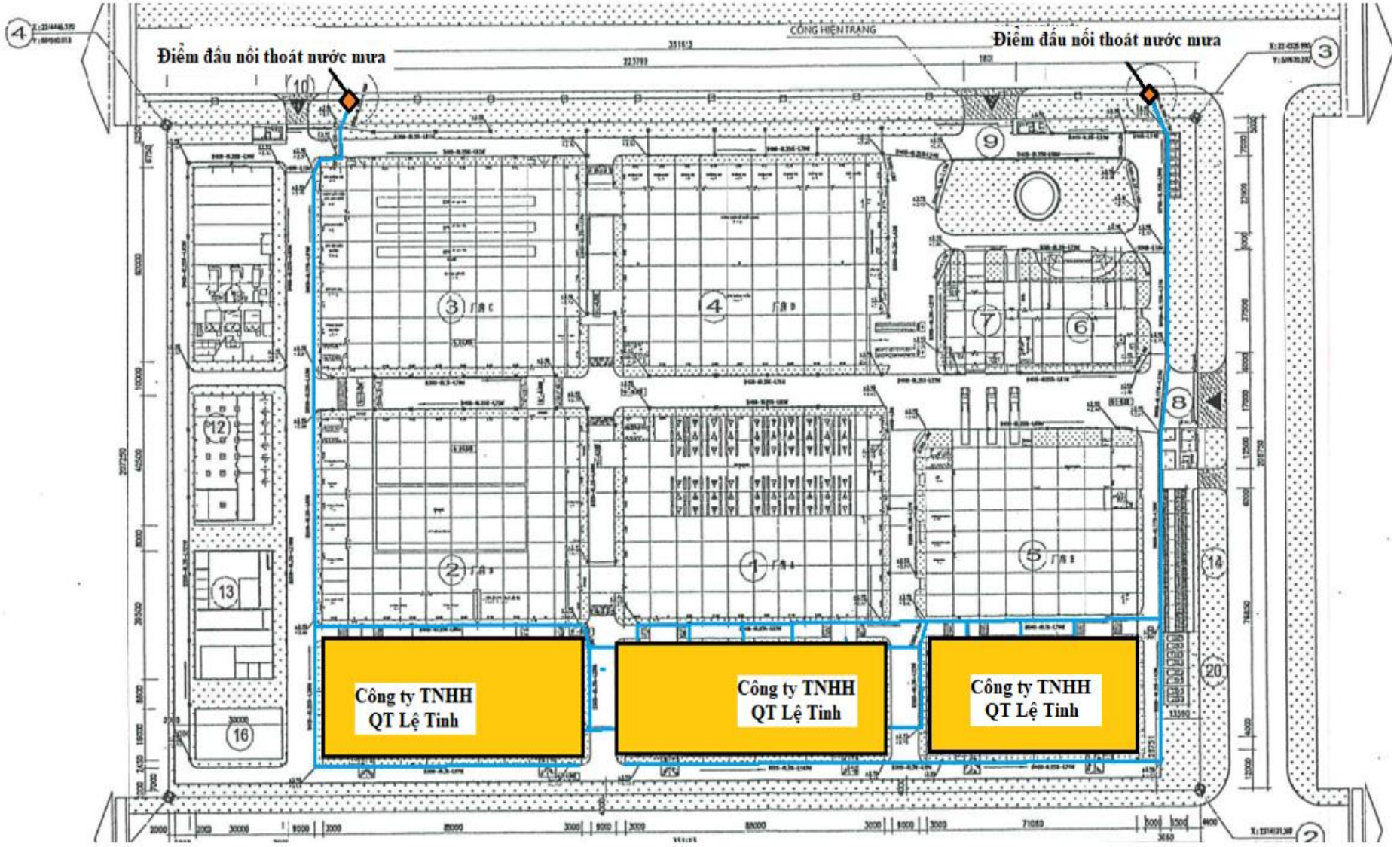
Toàn bộ đường thoát nước mưa được tách riêng với hệ thống thu gom nước thải và được thoát theo hình thức tự chảy. Nước mưa trên mái nhà được gom vào máng và dẫn xuống bằng đường ống đứng PVC D110.

Lượng nước mưa chảy tràn được thu gom và thoát vào hệ thống thoát nước mưa đã có được xây dựng ngầm bằng hệ thống cống, rãnh bê tông dạng xương cá có chiều rộng D300-D600 đạt tiêu chuẩn đi xung quanh. Trên dọc hệ thống thu gom có song chắn rác, hố ga để lắng cặn, chất bẩn trước khi chảy vào hệ thống thoát nước mưa chung của KCN Dệt may Phố Nối B.

Toàn bộ lượng nước mưa mái và nước mưa chảy tràn bề mặt sẽ được đấu nối qua 02 điểm xả để chảy vào hệ thống thu gom nước mưa chung của KCN Dệt may Phố Nối B. Sơ đồ minh họa hệ thống thu gom, thoát nước mưa:



Hình 3.1. Sơ đồ hệ thống thu gom và thoát nước mưa



Hình 3.2. Mạng lưới thu gom và thoát nước mưa

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

- Nước thải của dự án gồm các nguồn sau:

+ Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn nhuộm, giặt, vắt sản phẩm: 593,7 m^3/ngày.

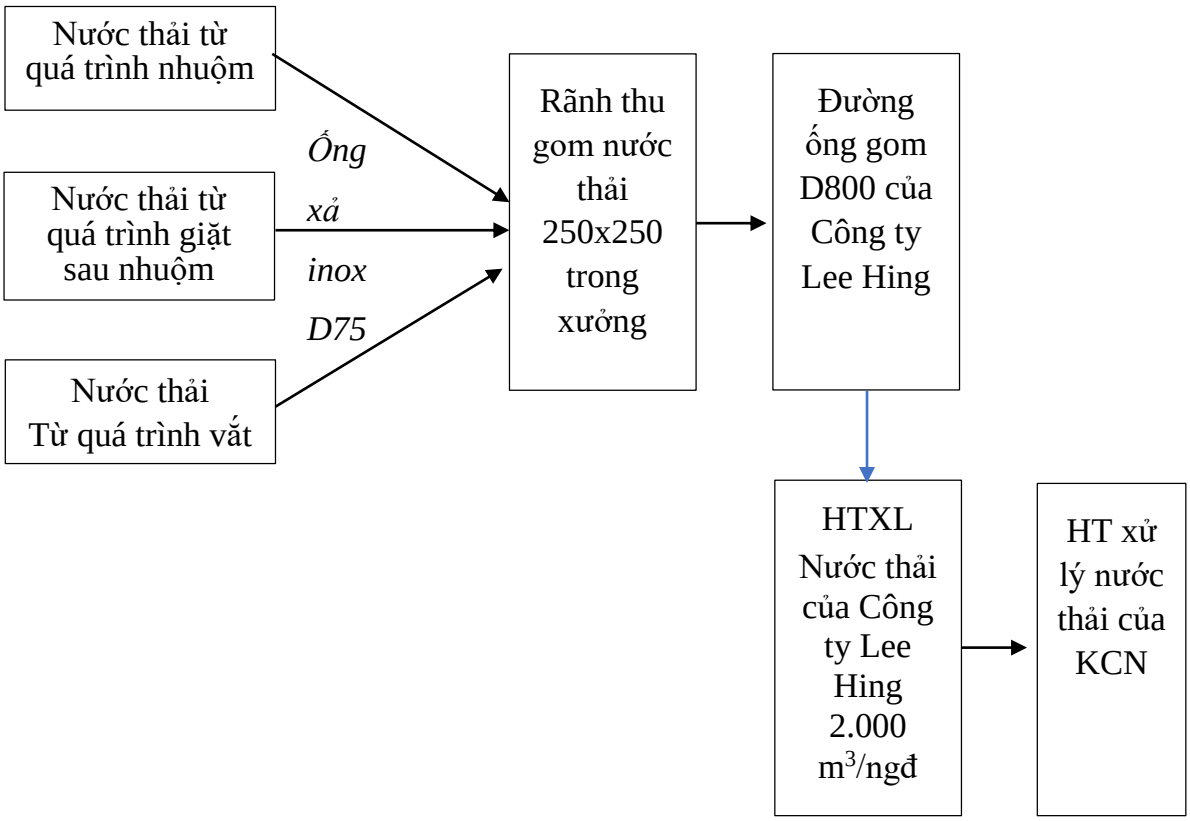
+ Nước thải vệ sinh từ bồn cầu. Thành phần gồm: chất rắn lơ lửng, chất rắn hòa tan, COD, BOD, chất hoạt động bề mặt, vi sinh vật,… Khối lượng phát sinh 5,6 m^3/ngày.

3.1.2.1. Thu gom, xử lý, thoát nước thải sản xuất

Bảng 3.2. Khối lượng nước thải sản xuất phát sinh

TT	Nguồn phát sinh	Thành phần ô nhiễm	Lưu lượng thải (m^3/ngày)	Ghi chú
1	Nước thải phát sinh từ quá trình nhuộm	Nhiệt độ, TSS, hóa chất nhuộm, độ màu	395,8	Nước thải có nhiệt độ 65-80^oC chứa các hóa chất nhuộm, độ màu cao
2	Nước thải phát sinh từ quá trình giặt sau nhuộm	TSS, độ màu, hóa chất nhuộm	192,0	Nước thải có nhiệt độ 30-45^oC chứa lượng nhỏ hóa chất nhuộm, chất trợ nhuộm, chất làm mềm.
3	Nước thải phát sinh quá trình vắt		5,9	Nước thải có nhiệt độ 30-35^oC
	Tổng lớn nhất		**593,7**	

- **Sơ đồ tổng thể mạng lưới thu gom và thoát nước thải sản xuất:**



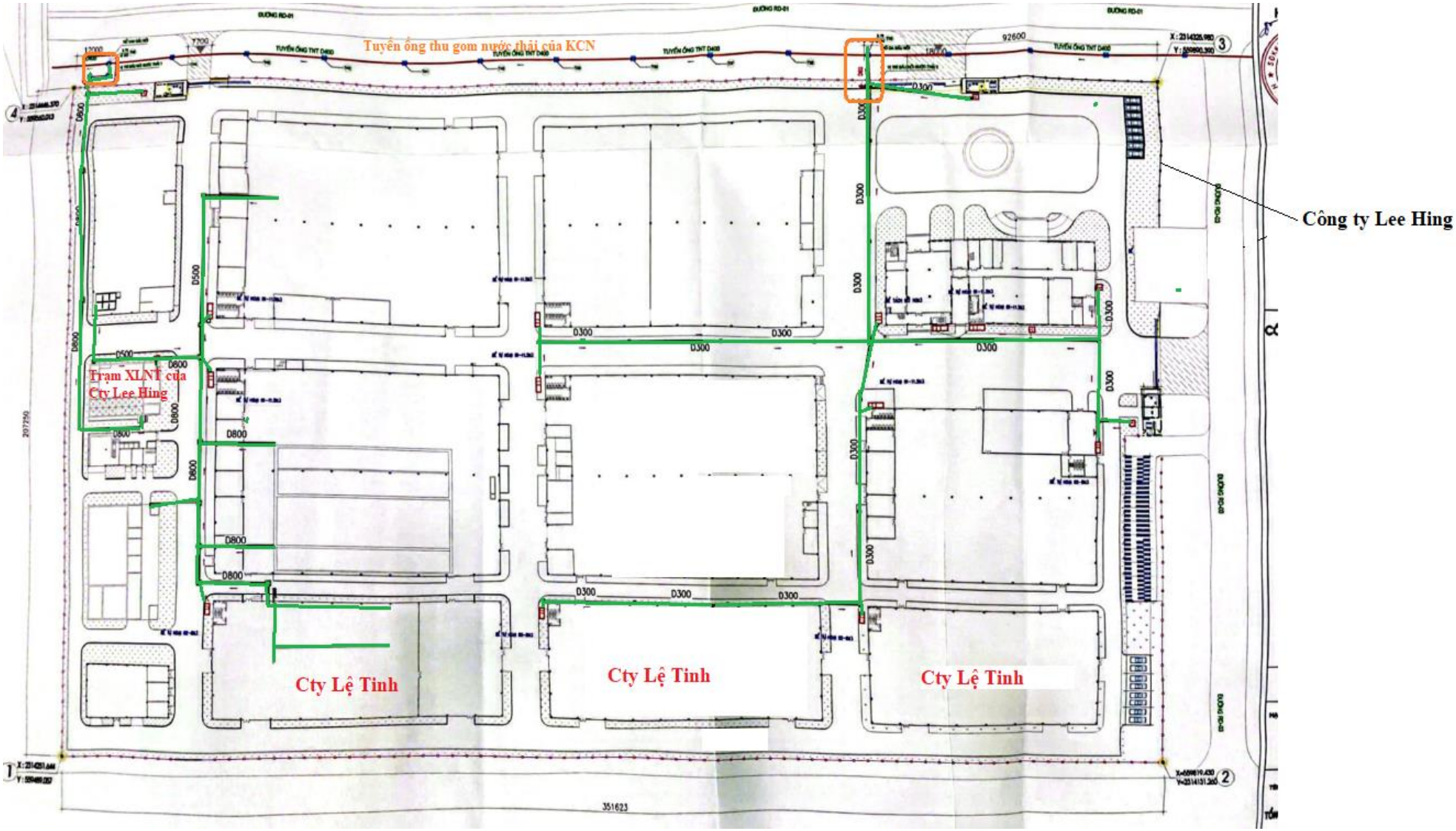
Hình 3.3. Sơ đồ thu gom và thoát nước thải sản xuất

- Công trình thu gom nước thải sản xuất:

Toàn bộ công trình thu gom, xử lý nước thải sản xuất phát sinh tại dự án do Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam tạo lập, đã được xây dựng hoàn thiện và đã được UBND tỉnh Hưng Yên cấp xác nhận hoàn thành tại văn bản số 2845/GXN-UBND ngày 13/11/2019.

+ Nước thải từ các máy nhuộm của dự án được thu gom qua các đường ống xả nước thải đi kèm máy nhuộm kích thước D75 đấu nối thẳng xuống các rãnh thu gom nước thải bằng bê tông kích thước rộng x sâu = 250x250 trong xưởng. Rãnh thu gom nước thải sản xuất có nắp đậy kín trên bề mặt rãnh nhằm tránh việc rò rỉ nước thải và phát sinh hơi, mùi hóa chất nhuộm ra ngoài không khí. Sau đó dẫn ra đường ống gom D800 của Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam. Toàn bộ nước thải sản xuất trên của nhà máy được chảy về hệ thống XLNT sơ bộ của Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam với công suất 2.000 m^3/ngày đêm rồi dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN.

Sơ đồ thu gom, thoát nước thải:



Hình 3.4. Sơ đồ mạng lưới thu gom và thoát nước thải



Hình 3.5. Hình ảnh mạng lưới thu gom nước thải sản xuất của nhà máy

3.1.2.2. Nước thải sinh hoạt

- Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ 3 khu nhà vệ sinh trong 3 nhà xưởng được thu gom bằng đường ống PVC D110, được xử lý sơ bộ 03 qua bể tự hoại 3 ngăn, dung tích 10 m^3/bể. Nước rửa tay chân thu về các hố ga, đi vào hệ thống thu gom nước thải bằng bê tông cốt thép có kích thước D300 và đấu nối với hệ thống thoát nước của Công ty TNHH dệt may Lee Hing Việt Nam, sau đó dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của KCN.

Toàn bộ nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt phát sinh tại Nhà máy do Công ty TNHH dệt may Lee Hing Việt Nam xử lý. Công ty TNHH Quốc tế Lệ Tinh có trách nhiệm trả phí xử lý nước thải như nội dung trong hợp đồng thuê nhà xưởng.

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

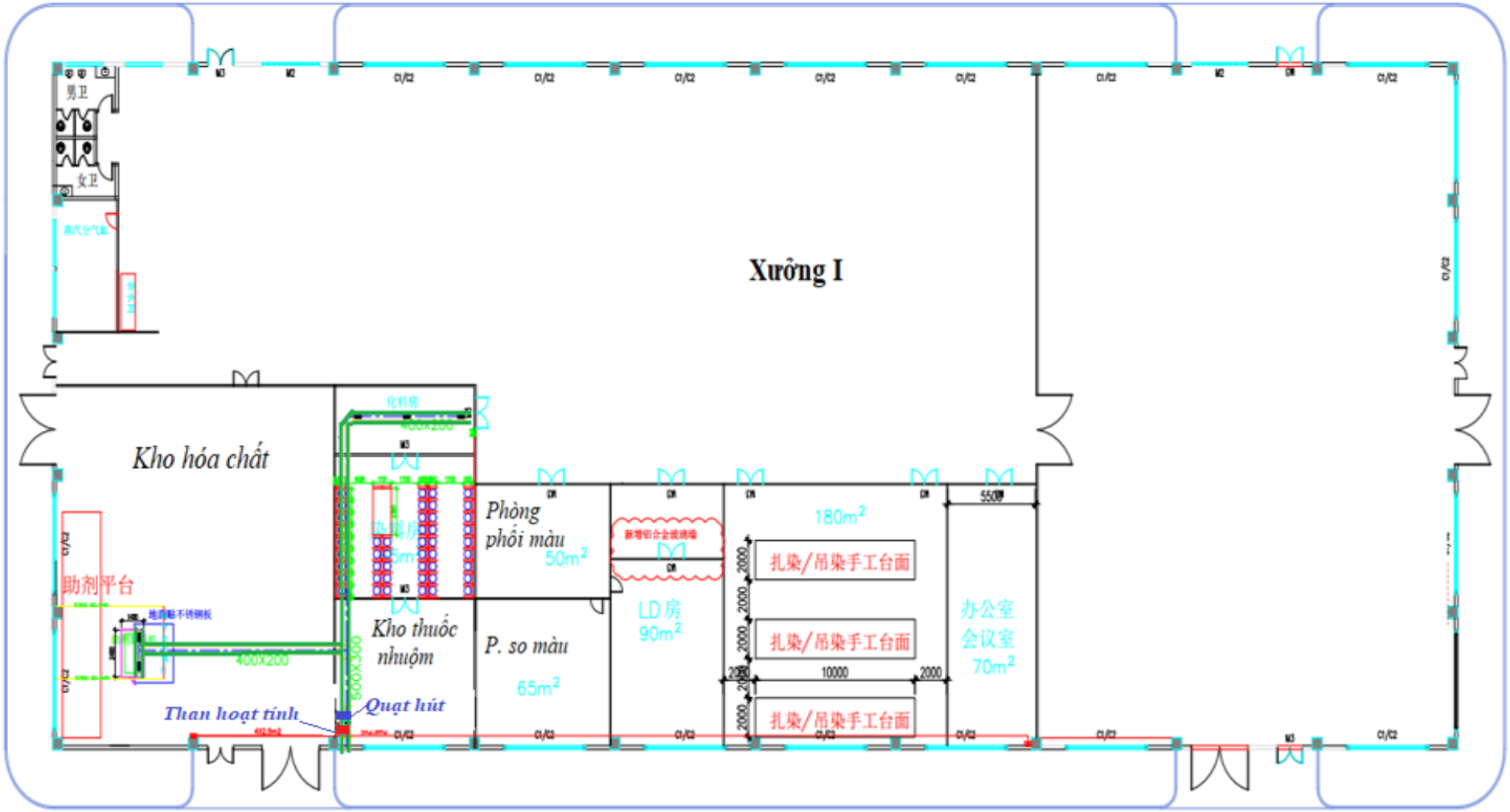
a. Nguồn phát sinh và tải lượng ô nhiễm

- *Nguồn phát sinh*

Kho hóa chất của dự án chia làm 02 phòng: 01 phòng hóa chất trợ nhuộm và 01 phòng thuốc nhuộm.

Tại dự án hầu hết là các loại thuốc nhuộm, thuốc trợ nhuộm và các hóa chất tiền xử lý của dự án. Khi thực hiện pha hóa chất, đong, cân đo sẽ phát sinh mùi do hóa chất bay hơi. Tác động này chỉ xảy ra khi đóng, pha, tuy không xảy ra thường xuyên nhưng thực hiện trong không gian hẹp, khá kín đo đó dự án đã đầu tư lắp đặt chụp hút và đường ống dẫn thoát khí ra hệ thống hấp phụ bằng than hoạt tính trước khi xả ra môi trường.

- Sơ đồ thu gom:

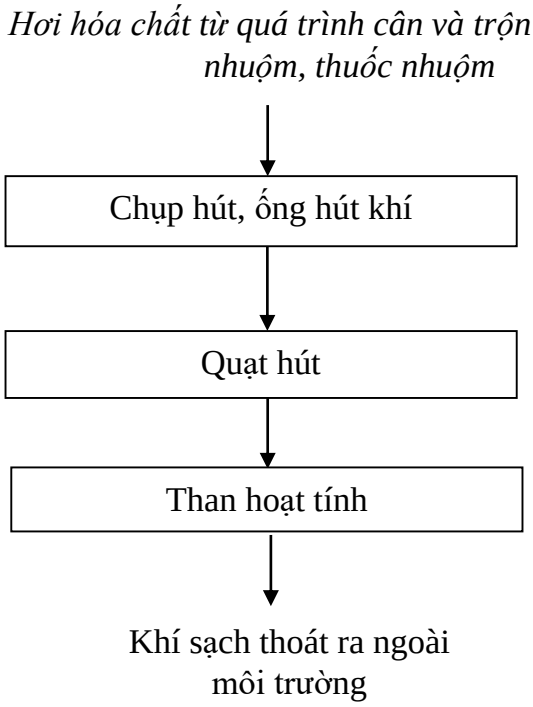


Hình 3.6. Sơ đồ đường ống thu gom khí thải tại khu vực pha thuốc nhuộm và kho hóa chất

b. Công trình xử lý bụi, khí thải đã được lắp đặt

Công ty đã lắp đặt 01 hệ thống xử lý hơi hóa chất tại khu vực cân, pha trộn hóa chất trợ nhuộm (tại phòng hóa chất trợ nhuộm) và khu vực cân, pha trộn thuốc nhuộm (phòng hóa chất nhuộm).

Quy trình thu gom xử lý như sau:



Hình 3.7. Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý khí thải tại dự án

Hơi hóa chất có thể phát sinh từ trong quá trình pha thuốc nhuộm tại buồng pha thuốc nhuộm được quạt hút, hút vào đường ống thu gom đi vào thiết bị hấp phụ bằng màng lọc than hoạt tính nhờ quạt hút ly tâm. Không khí mang theo hơi hóa chất từ quá trình chiết hóa chất từ quá trình phối trộn đi qua 02 màng lọc than hoạt tính sẽ được giữ lại, không khí sạch được thoát ra ngoài môi trường qua ống thoát khí của thiết bị xử lý.

Thông số chính của thiết bị:

- Cửa hút khí: là ô hình chữ nhật có các khe để hút hơi mùi hóa chất, được gắn trực tiếp trên hệ thống thu gom hơi mùi hóa chất.

Số lượng: 05 chụp (trong đó 02 cửa hút khí tại khu vực buồng pha hóa chất kích thước 300x200mm, 03 cửa hút khí tại phòng hóa chất trợ nhuộm 400x200mm),

- Hệ thống ống dẫn khí:

+ Ống dẫn từ chụp hút, kích thước 300x200mm, ống dẫn khí làm bằng vật liệu tôn mạ kẽm, dày 0,6mm. Tổng chiều dài 2,14 m.

+ Ống dẫn nhánh kích thước 400x200mm, ống dẫn khí làm bằng vật liệu tôn mạ kẽm, dày 0,6mm. Tổng chiều dài ống nhánh 32,2m.

+ Ống dẫn chính kích thước 500x300mm, ống dẫn khí làm bằng vật liệu tôn mạ kẽm, dày 0,6mm. Tổng chiều dài ống chính 4,07m.

+ Ống khói kích thước 500x300mm, dài 2,2m.

+ Quạt li tâm: 01 cái, công suất P = 2,2 kW, lưu lượng 8.251 – 15.640 m^3/h.

+ Chế độ vận hành: Hệ thống chỉ vận hành khi có hoạt động pha và cân hóa chất.

- Than hoạt tính: Dự án sử dụng 01 bộ lọc than hoạt tính gắn trên đường ống thu gom, đặt sau quạt hút để xử lý mùi và bụi từ quá trình cân, pha hóa chất.

+ Vật liệu hấp phụ: Than hoạt tính dạng viên.

+ Than dạng tổ ong hình lập phương 10x10x10cm

+ Khối lượng 0,4kg/viên

+ Sự hấp phụ Iot: 500-600mg/g

+ Sự hấp thụ VOCs: 55-65 kg/m^3

+ Số lượng: 01.

+ Khung lọc bằng kim loại.

+ Kích thước 500x300x100 (mm)/bộ. Tổng khối lượng than hoạt tính trong hệ thống 10 viên. Tổng khối lượng 10 viên x 0,4 kg/viên = 4kg.



Than hoạt tính lắp đặt trên đường ống



Quạt hút khí thải

- Tần suất thay thế: 6 tháng/lần.

- Khối lượng than chuyển giao thành CTNH: 8kg/năm.

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp và QCVN 20: 2009/BTNMT.

Đơn vị thiết kế và thi công hệ thống thu gom xử lý khí thải: Công ty TNHH Thực nghiệp Hồng Quân Việt Nam.

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.3.1. Công trình, biện pháp lưu trữ, xử lý rác thải sinh hoạt

- Nguồn phát sinh chất thải rắn sinh hoạt: từ hoạt động của văn phòng và hoạt động ăn uống của cán bộ, công nhân. Thành phần: Chất thải rắn sinh hoạt bao gồm giấy, bọc nylon, thực phẩm thừa, hộp đựng đồ ăn thức uống,…

- Lượng chất thải rắn sinh hoạt dự kiến phát sinh: khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trung bình 1,3 kg/người/ngày (*theo QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng*). Tuy nhiên, công nhân viên không ăn uống, sinh hoạt tại nhà xưởng nên rác thải phát sinh dự kiến 20% so với định mức tương đương 32,5 kg/ngày (tính cho 125 cán bộ công nhân viên).

- Biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải: Dự án sẽ bố trí các thùng rác loại 10-60lít tại các vị trí thích hợp. Nhân viên phụ trách dọn dẹp sẽ thường xuyên thu gom rác từ các thùng về khu vực tập kết là khu vực tập kết rác thải sinh hoạt chung tại xưởng I, diện để nhân viên thu rác đến thu gom, mang đi xử lý.

- Hợp đồng thu gom chất thải 0112/2023/HĐXLCTCN/CNCHB-LETINH giữa Công ty TNHH Quốc tế Lệ Tinh với Công ty Cổ phần môi trường công nghệ cao Hòa Bình được đóng kèm trong phụ lục báo cáo.

3.3.2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Nguồn phát sinh chất thải công nghiệp thông thường: Từ công đoạn nhập kho thành phẩm chủ yếu là thùng catton, sản phẩm hỏng, các dụng cụ bảo hộ lao động sau quá trình sử dụng …. Khối lượng phát sinh dự kiến theo đánh giá tại ĐTM là 1 tấn/năm.

Tuy nhiên, dự án khi đi vào hoạt động còn phát sinh thêm rác thải là lõi băng dính, mặt trong của tem nhãn, dây buộc hàng thải bỏ, pallet gẫy hỏng, hàng nhuộm mẫu thải bỏ,... với tổng khối lượng chiếm khoảng 0,4% công suất của nhà máy, tương ứng 7,8 tấn/năm.

Như vậy, tổng khối lượng rác thải công nghiệp của nhà máy khi hoạt động ổn định khoảng 8,8 tấn/năm.

- Công trình: Dự án thuê kho rác có diện tích 45m^2 Công ty TNHH dệt may LeeHing Việt Nam để bố trí rác thải công nghiệp và rác thải nguy hại. Kho có rào ngăn cách 2 loại chất thải này để tránh chuyển giao sai quy định. Trong đó, bố trí khu vực lưu chứa diện tích 20 m^2 tại kho chất thải thuê của Công ty TNHH dệt may LeeHing Việt Nam.

- Đánh giá khả năng lưu chứa và tần suất thu gom:

Khối lượng riêng của các loại chất thải theo Tchobanoglous và các cộng sự, 1993[4] như sau:

+ Bao bì carton: 41-80 kg/m^3

+ Nilong: 41-130 kg/m^3

+ Kim loại 130-1.151 kg/m^3

Lấy trung bình khối lượng chất thải công nghiệp phát sinh tại dự án là 100kg/m^3, tương đương 0,1 tấn/m^3.

→ Thể tích chất thải phát sinh 8,8 tấn/năm : 0,1 tấn/m^3 = 88 m^3/năm.

Với diện tích lưu chứa chiếm 70% diện tích kho (30% còn lại là lối đi lại), chiều cao lưu chứa 2m. Thể tích chứa được trong kho chất thải công nghiệp thông thường là 70% x 20 m^2 x 2m = 28 m^3 → Đảm bảo lưu chứa CTRCN thông thường phát sinh tại dự án với tần suất chuyển giao là 88 : 28 = 2-3 lần/năm.

Do đó, chủ dự án sẽ chủ động thuê đơn vị để chuyển giao chất thải công nghiệp thông thường trung bình tối thiểu 3 tháng/lần hoặc tùy thuộc vào tình hình thực tế tại kho.

- Biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải:

Bảng 3.3. Quản lý và xử lý chất thải rắn công nghiệp

Loại chất thải	Quản lý, lưu trữ và vận chuyển	Xử lý
Giấy, bao bì carton	Thu gom hằng ngày cho vào thùng chứa và chuyển đến khu vực lưu trữ chất thải rắn công nghiệp thông thường	Bán cho các đơn vị có chức năng tái chế.
Các loại CTR CN thông thường khác (dụng cụ lao động, sản phẩm hỏng,…)	Thu gom hằng ngày và cho vào thùng chứa và chuyển đến khu vực lưu trữ chất thải rắn công nghiệp thông thường	Thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

- Hợp đồng thu gom chất thải 0112/2023/HĐXLCTCN/CNCHB-LETINH giữa Công ty TNHH Quốc tế Lệ Tinh với Công ty Cổ phần môi trường công nghệ cao Hòa Bình được đóng kèm trong phụ lục báo cáo.

3.3.3. Công trình biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Khi Dự án đi vào hoạt động, nguồn chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu gồm: các bao bì, thùng đựng hóa chất thải bỏ....

Khối lượng CTNH phát sinh dự báo trong báo cáo ĐTM đã được phê duyệt (đóng kèm trong phụ lục của báo cáo), khối lượng được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng 3.4. Khối lượng chất thải nguy hại dự kiến phát sinh

TT	Loại CTNH	Mã CTNH	Tính chất	Trạng thái	*Khối lượng theo ĐTM (kg/năm)*	Khối lượng dự kiến (kg/năm)	Phân loại
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Đ, ĐS, C	Lỏng	*150*	150	NH
2,3	- Bao bì kim loại cứng thải - Bao bì nhựa cứng thải (Thùng đựng thuốc nhuộm, hóa chất bị vỡ hỏng)	18 01 02 18 01 03	Đ, ĐS	Rắn	*112*	1000	KS
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Đ, ĐS	Rắn	*50*	5000	KS
5	Phẩm màu và chất nhuộm thải có các thành phần nguy hại	10 02 02	Đ, ĐS, C	Lỏng	*112*	112	KS
6	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Đ, ĐS	Rắn	*8*	8	NH
-	Mực in từ khu văn phòng (1)	08 02 06	Đ, ĐS	Rắn	*16*	0	TT
7	Than hoạt tính đã qua sử dụng của HTXL khí thải	12 01 04	Đ	Rắn	*8*	8	NH
8	Bao bì mềm thải(2)	18 01 01	Đ, ĐS	Rắn	*0*	538	KS
9	Pin, ắc quy thải(3)	16 01 12	Đ, ĐS, AM	Rắn	*0*	0,5	NH
	Tổng cộng				***456***	**6.816,5**	

Như vậy, dự án 09 mã chất thải nguy hại:

- (1) Đối với mực in từ khu văn phòng, theo quy định tại Danh mục chi tiết của các CTNH, CTCNPKS, CTRCNTT – Phụ lục III, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT, mực in văn phòng là chất thải thông thường (phân loại TT). Do đó mực in, hộp mực in văn phòng sẽ được chủ dự án chuyển giao như chất thải rắn công nghiệp thông thường.

- (2) Công ty xin bổ sung 02 mã chất thải nguy hại là bao bì mềm thải chứa hóa chất do thực tế khi đi vào hoạt động có loại hóa chất được chứa đựng trong bao bì mềm là túi nilong của chất nhuộm dạng khô: 10,75 tấn/năm x 5% ~ 538 kg/năm.

- (3) Dự án phát sinh pin thải từ hoạt động của văn phòng: 0,5kg/năm.

Về khối lượng chất thải, đối với mã chất thải là bao bì chứa hóa chất có khối lượng lớn và giẻ lau dính hóa chất: tham khảo thực tế từ các nhà xưởng bên cạnh có công đoạn tương tự, khối lượng các chất thải loại này phát sinh nhiều hơn ĐTM đã đánh giá. Do đó, Công ty xin phép điều chỉnh khối lượng cho phù hợp với thực tế khi đi vào hoạt động.

- Công trình: Bố trí khu vực lưu chứa CTNH diện tích 25 m^2 tại kho thuê của Công ty TNHH dệt may Lee Hing Việt Nam. Khu vực lưu chứa có nền bê tông chống thấm, có khay chống tràn cho 2 mã CTNH dạng lỏng, bố trí bình bột chữa cháy cầm tay, kho được lắp đặt biển cảnh báo theo đúng quy định. Trong kho bố trí các thùng chứa có nắp đậy dung tích 60-120 lít để chứa các CTNH; bên ngoài mỗi thùng chứa được dán tên, mã và dấu hiệu cảnh báo CTNH theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Đánh giá sự phù hợp của công trình và tần suất thu gom CTNH:

Đối với 09 mã CTNH phát sinh tại dự án, chủ dự án sẽ bố trí như sau:

+ 04 thùng chứa CTNH dạng rắn gồm chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau; bao bì mềm; pin, ắc quy; than hoạt tính thải: bố trí các thùng chứa dung tích 60 lít (kích thước dài x rộng x cao = 43,4 x 34 x 61,7 (cm), diện tích mỗi thùng 0,268 m^2, thì chỉ cần diện tích khoảng 1,2 m^2 để bố trí các thùng chứa cạnh nhau.

+ Đối với 03 mã bao bì cứng thải bằng kim loại; bao bì nhựa cứng thải: bố trí vị trí lưu chứa, đóng kín nắp của bao bì thải sau khi đã sử dụng hết, đặt trên tấm thấm chất thải lỏng, đặt khu vực lưu chứa diện tích 15m^2.

+ Đối với 02 mã CTNH dạng lỏng, khối lượng phát sinh 112kg/năm và 150kg/năm. Chủ dự án dự kiến thu gom CTNH 03 tháng/lần, tương ứng khối lượng 1 mã CTNH dạng lỏng phát sinh lớn nhất 75kg/lần/mã. Với khối lượng dầu thải 50kg/03 tháng, tương ứng khoảng 54 lít/03 tháng (tỷ trọng dầu bôi trơn khoảng 0,912g/cm^3). Do đó, chủ dự

án bố trí 02 thùng phi chứa dầu có nắp vặn dung tích 60 lít để chứa chất thải lỏng (43,4 x 34 x 61,7 cm). Đồng thời bố trí 02 khay chống tràn kích thước mỗi khay 1,3 x 1,3 x 0,3 (m) (chiều dài khay tối thiểu = 2 lần chiều cao thùng chứa), tương ứng thể tích thu gom mỗi mã khi đổ tràn là 0,507m^3, đảm bảo khi đổ tràn thì dầu thải không chảy ra ngoài. Diện tích cần bố trí khay chống tràn và thùng chứa dầu là 1,69 x 2 ~ 3,4 m^2.

- Diện tích còn lại khoảng 5 m^2 bố trí các thiết bị PCCC; thùng chứa cát, xẻng đề phòng sự cố và lối đi lại.

- Biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, chuyển giao chất thải: Toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất hằng ngày sẽ được công nhân thu gom vào kho lưu giữ CTNH. CTNH được lưu giữ tại các thùng chứa có nắp đậy tương ứng với mã CTNH phát sinh.

Định kỳ 3 tháng/lần, chủ dự án sẽ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Hợp đồng thu gom chất thải 0112/2023/HĐXLCTNH/CNCHB-LETINH giữa Công ty TNHH Quốc tế Lệ Tinh với Công ty Cổ phần môi trường công nghệ cao Hòa Bình được đóng kèm trong phụ lục báo cáo.

3.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Định kỳ tiến hành bảo dưỡng máy móc thiết bị để đảm bảo chất lượng khi vận hành và giảm tiếng ồn.

- Phân bố các nguồn gây ồn ra các khu vực riêng biệt một cách hợp lý.

- Trang bị nút tai cho công nhân phải làm việc ở khu vực thường xuyên tiếp xúc với độ ồn cao.

- Có kế hoạch kiểm tra thường xuyên và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân.

- Bố trí thời gian nghỉ giải lao của công nhân hợp lý, không để công nhân làm việc liên tục quá 2h với nguồn gây ồn lớn (bố trí luôn phiên nhóm coongn hân làm việc tại khu vực có mức ồn cao)

Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung của dự án:

- QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

- QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.5. Các công trình bảo vệ môi trường khác

Giải pháp thông gió, làm mát nhà xưởng, nhà văn phòng:

- Đối với khu văn phòng sử dụng điều hòa cục bộ Gree cho từng phòng làm việc. Điều hòa Gree sử dụng chất làm lạnh R32 mới và tối ưu nhất hiện nay. Gas R32 có hiệu

suất làm lạnh cao hơn 1,6 lần so với Gas R410A, giúp tiết kiệm điện năng vượt trội. Hơn nữa, Gas R32 còn thân thiện với môi trường, không làm ảnh hưởng đến tầng Ozone.

- Đối với khu nhà xưởng: bố trí các quạt thông gió để làm mát nhà xưởng, cụ thể mỗi xưởng bố trí các quạt thông gió như sau:

+ Quạt thông gió 1,1KW, lưu lượng gió 4.610 m^3/h/quạt: 26 chiếc

+ Quạt thông gió 0,55KW, lưu lượng gió 2.060 m^3/h/quạt : 15 chiếc

→ Tổng lưu lượng gió mỗi xưởng là 150.760 m^3/h.

Mỗi xưởng có diện tích, 3.080 m^2, chiều cao xưởng 6m, tổng thể tích xưởng là 18.480 m^3/h. Như vậy, việc bố trí quạt hút đảm bảo hệ số trao đổi không khí đạt 150.760 m^3/h : 18.480 m^3 = 8,2 lần/giờ (đảm bảo lớn hơn mức yêu cầu tối thiểu là 6 lần/giờ theo TCVN 5687:2010).

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành

a. Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với khí thải trong quá trình vận hành thử nghiệm và trong quá trình hoạt động

- Định kỳ bảo dưỡng quạt hút, thay thế màng lọc than hoạt tính.

- Khi quạt hút, màng lọc than hoạt tính bị hỏng: tạm dừng hoạt động cân, pha hóa chất đến khi sửa chữa, thay thế xong thiết bị mới tiến hành hoạt động.

b. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải

- Thường xuyên kiểm tra hoạt động của các máy móc thiết bị và các rãnh thu gom nước thải

- Kiểm tra, nhắc nhở, giáo dục ý thức làm việc của nhân viên tại hệ thống khống chế ô nhiễm để kịp thời phát hiện và ứng phó sự cố xảy ra.

c. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác

**** Sự cố hóa chất***

Thực hiện ban hành biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất theo Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất; Thông tư số 32/2017/TT-BCT quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017, Nghị định số 26/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

Công ty sẽ tiến hành một số biện pháp nhằm đề phòng các sự cố hóa chất có thể xảy ra như sau:

+ Thường xuyên kiểm tra các thiết bị, thùng chứa hóa chất đảm bảo không bị thủng làm rò rỉ ra môi trường;

+ Công nhân làm việc trong khu vực để hoá chất sẽ được trang bị khẩu trang hoạt tính, kính đeo mắt, găng tay, quần áo bảo hộ;

+ Công nhân định kỳ được học nội quy về an toàn lao động, an toàn hoá chất.

+ Bố trí kho chứa hóa chất riêng biệt;

+ Kho chứa phải được phân thành các khu, mỗi khu tương ứng với một lại hoá chất, tại mỗi khu đặt biển cảnh báo riêng và cách thao tác sử dụng;

+ Trang bị thiết bị ứng phó sự cố hóa chất;

+ Ban hành hướng dẫn xử lý sự cố hóa chất và diễn tập định kỳ hàng năm;

+ Trang bị khay chống tràn thứ cấp nhằm phòng tránh hóa chất rò rỉ ra môi trường;

+ Trang bị các máy rửa mắt, vòi hoa sen để tắm đề phòng sự cố.

** Một số biện pháp giảm thiểu tác động khi bị sự cố hoá chất:*

- Khi xảy ra sự cố rò rỉ, đổ, tràn ra ngoài phải khẩn trương thực hiện: Ngừng ngay tất cả các hoạt động; Nhận diện ngay nguồn gây đổ tràn, vị trí, nguyên nhân gây đổ tràn; Thực hiện các biện pháp thu gom bằng xô, chậu, vật liệu thấm,… sau đó tập kết vào thùng chứa trong kho riêng.

- Khi xảy ra sự cố hóa chất có thể gây nguy hiểm cho người lao động:

+ Sơ tán công nhân ra khỏi khu vực xảy ra sự cố hoá chất.

+ Công nhân bị hoá chất dính vào người được đưa ra khu vực an toàn.

+ Sơ cứu tại chỗ theo đúng hướng dẫn đối với từng loại hoá chất

+ Gọi cấp cứu, đưa người đến bệnh viện nơi gần nhất.

Đã xây dựng và bố trí kho hóa chất theo quy định của Nghị định 113/NĐ-CP ngày 9/10/2017 Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất. Các hóa chất trong kho được bố trí trên giá, kệ theo các khu riêng trong đó các hóa chất có tính phản ứng với nhau được bố trí theo phân khu riêng. Trong kho bố trí các dụng cụ chống tràn hóa, trang thiết bị PCCC theo quy định. Ngay phía cửa ra vào đã bố trí bảng nội quy về an toàn hóa chất.

Các nhân viên làm việc ở những bộ phận liên quan đến hóa chất đều được tập huấn về an toàn hóa chất và phòng ngừa, ứng phó sự cố trong quá trình sử dụng, lưu giữ hóa chất. Ngoài kho lưu giữ hóa chất, thì các khu vực sản xuất có sử dụng hoát chất đều có hướng dẫn ứng phó sự cố hóa chất dán ở vị trí dễ quan sát.

**** Sự cố cháy nổ:***

Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam đã thi công lắp đặt hoàn thiện hệ thống phòng cháy chữa cháy và được Phòng cảnh sát PCCC & CNCN Công an tỉnh Hưng Yên kiểm tra, thẩm duyệt nghiệm thu PCCC tại văn bản số 41/NT-PC07 ngày 30/11/2018.

Chủ dự án giữ nguyên hệ thống PCCC tại 2 nhà xưởng bao gồm hệ thống đầu phun chữa cháy tự động sprinkler, đầu báo cháy nhiệt, đầu báo cháy khói quang, hệ thống chuông đèn, nút ấn báo cháy.

Ngoài ra, Chủ dự án đã bố trí thêm các phương tiện chữa cháy cầm tay, hệ thống đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn…

Trong giai đoạn hoạt động, Chủ dự án sẽ giám sát thường xuyên các thiết bị an toàn PCCC (báo cáo, chữa cháy…) và có các biện pháp bổ sung, thay thế kịp thời.

Khi xảy ra sự cố, ưu tiên con người được đặt lên hàng đầu, mọi người di chuyển tới cửa thoát hiểm, đồng thời hệ thống báo cháy bật và hệ thống PCCC được sử dụng.

Hàng năm, tại Công ty định kỳ kiểm tra hoạt động các thiết bị PCCC, định kỳ tổ chức diễn tập TCCC để phòng ngừa và ứng phó các sự cố có khả năng xảy ra. Trong thời gian tới, Chủ dự án tiếp tục thực hiện các kế hoạch, biện pháp đề ra. Tuyên truyền, nâng cao ý thức của công nhân trong công tác PCCC.

* Các trang thiết bị phòng ngừa ứng phó sự cố PCCC và sự cố hóa chất tại dự án như sau:

Bảng 3.5. Trang thiết bị PCCC và ứng phó sự cố hóa chất

TT	Mô tả	Đơn vị	Số lượng	Tình trạng thiết bị	Ghi chú
A	**Hệ thống thiết bị chữa cháy**				
1	HT báo cháy, chữa cháy tự động	Hệ thống	01	Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam đã lắp đặt	-
2	Bình chữa cháy xe đẩy MFZT35	Cái	01	Mới 100%	Bố trí theo TCVN 3890:2009
3	Bình CO_2	cái	15	Mới 100%	Bố trí theo TCVN 3890:2009
4	Bình bột MFZL4	Cái	10	Mới 100%	Bố trí theo TCVN 3890:2009
5	Xẻng xúc cát	Cái	2	Mới 100%	Bố trí theo TCVN 3890:2009
6	Bình chữa cháy tự động ABC loại 6kg	Cái	04	Mới 100%	Bố trí theo TCVN 3890:2009
B	**Thiết bị sơ cấp cứu**				
1	Tủ sơ cứu	Cái	02	Mới 100%	Bố trí tại các xưởng sản xuất

C	Vật tư bảo vệ cá nhân				
1	Găng tay cao su dài	Đôi	100	Mới 100%	Bộ phận kho, các phân xưởng
2	Kính trắng	Cái	100	Mới 100%	Trong toàn bộ nhà xưởng
3	Giẻ lau	Cái	100	Mới 100%	Bộ phận kho hóa chất
4	Găng tay sợi	Đôi	200	Mới 100%	Bộ phần làm sạch
5	Khẩu trang vải KT5	Cái	500	Mới 100%	Toàn bộ các bộ phận sản xuất
6	Mặt nạ phòng độc GM-76DS	Cái	5	Mới 100%	Bộ phận kho hóa chất
7	Tạp dề	Cái	13	Mới 100%	Bộ phận pha thuốc nhuộm
8	Ủng chống hóa chất	Cái	10	Mới 100%	Bộ phận kho hóa chất
9	Bộ quần áo chống hóa chất	Cái	5	Mới 100%	Bộ phận kho hóa chất

3.7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Tóm tắt các hạng mục công trình và sự thay đổi so với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt:

Bảng 3.6. Tổng hợp sự thay đổi, điều chỉnh so với báo cáo ĐTM

Stt	Công trình	Quy mô/Công suất theo ĐTM	Quy mô/Công suất thực tế	Quy trình công nghệ	Ghi chú
I	**Quy mô**				
1	Quy mô diện tích	6.160 m^2 gồm xưởng I và xưởng D	8.690,7 m^2 gồm xưởng I, xưởng D và kho C	-	Chủ dự án thuê thêm nhà C có diện tích 2.530,7 m^2 làm kho chứa.
II	**Công trình thu gom và xử lý nước thải**				

Stt	Công trình	Quy mô/Công suất theo ĐTM	Quy mô/Công suất thực tế	Quy trình công nghệ	Ghi chú
1	Công trình thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt	Nước thải sinh hoạt sử dụng 02 bể tự hoại dung tích 10 m^3/bể tại khu văn phòng. Tổng dung tích 20 m^3. Sau đó nước thải sinh hoạt chảy về hệ thống thoát nước của Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam, rồi chảy về HTXLNT của KCN	03 bể tự hoại, tổng dung tích 30m^3	- Nước thải từ nhà vệ sinh → 03 Bể tự hoại → Hệ thống thoát nước thải của Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam → HTXLNT của KCN	Sự thay đổi do bổ sung thêm nhà C làm kho
2	Công trình thu gom nước thải sản xuất	Nước thải từ quá trình nhuộm, giặt sau nhuộm, vắt dẫn vào đường ống nhựa, vào rãnh thu và HTXLNT của Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam, công suất 2.000m^3/ngày	Không thay đổi	Nước thải nhuộm, giặt, vắt → Đường ống inox → Hệ thống rãnh thu → Hệ thống thu gom và XLNT sản xuất của Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam.	-
III	**Công trình lưu giữ và xử lý chất thải rắn**				
1	Kho chứa chất thải sinh hoạt	Sử dụng kho của Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam, diện tích 24m^2	Bố trí các thùng chứa có nắp đậy	Chất thải rắn sinh hoạt → Thùng chứa → Kho CTRSH → Thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý	Đặt trong xưởng
2	Kho chứa chất thải công nghiệp thông thường	Sử dụng kho của Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam, diện tích 24m^2	Thay đổi: Bố trí 20m^2 trong nhà rác 45m^2 của Lee Hing	Chất thải rắn công nghiệp thông thường → thùng chứa/bao chứa → Kho CTRCNTT → Thuê đơn vị có	Nhà rác của Lee Hing

Stt	Công trình	Quy mô/Công suất theo ĐTM	Quy mô/Công suất thực tế	Quy trình công nghệ	Ghi chú
				chức năng thu gom, xử lý/ Bán cho đơn vị có khả năng tái chế.	
3	Kho chứa chất thải nguy hại	Sử dụng kho của Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam, diện tích 30m^2	Thay đổi: Bố trí 25m^2 trong nhà rác 45m^2 của Lee Hing	Chất thải nguy hại → thùng CTNH theo mã số → Kho chứa 10m^2 → Thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý	Nhà rác của Lee Hing
IV	**Công trình xử lý khí thải**				
1	Hệ thống thu gom khí thải từ kho hóa chất	- Thiết kế: Mùi, khí thải từ khu vực pha hóa chất và kho chứa hóa chất → Chụp hút → Màng lọc than hoạt tính → Thải khí sạch ra ngoài - Công suất quạt 1.500-1.780m^3/h.	Thiết kế: Mùi, khí thải từ khu vực pha hóa chất và kho chứa hóa chất → Chụp hút →Hấp phụ bằng than hoạt tính → Thải khí sạch ra ngoài - Công suất quạt 8.251 – 15.640 m^3/h.	Công nghệ: không đổi, hấp phụ bằng than hoạt tính. Chỉ thay đổi màng lọc thành than hoạt tính dạng viên tổ ong.	- Chi tiết xem ở dưới

Như vậy, dự án có những thay đổi về như sau:

- Dự án có thuê bổ sung thêm 01 nhà C để làm kho, không sản xuất tại nhà C. Công suất, công nghệ sản xuất không thay đổi so với ĐTM đã được phê duyệt. Căn cứ khoản 2, Điều 27, Nghị định 08, dự án đã có ĐTM khi tăng 01 kho của dự án không thuộc đối tượng phải đánh giá tác động môi trường (dự án tăng quy mô nhưng không thuộc đối tượng phải điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư do chủ dự án là nhà đầu tư trong nước,

không thuộc đối tượng cấp chứng nhận đầu tư). Do đó, Công ty xin trình bày tích hợp trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đã có ĐTM theo mẫu đính kèm tại phụ lục VIII Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Thay đổi phương án lưu chứa chất thải sinh hoạt, nguy hại, công nghiệp thông thường từ việc sử dụng kho của đơn vị cho thuê nhà xưởng thành bố trí khu vực lưu chứa tại xưởng sản xuất của công ty để dễ dàng trong công tác quản lý. Diện tích các kho chứa giảm xuống từ 24m^2 – 30m^2 (dùng chung) thành 20-25m^2 do phù hợp với thực tế là kho rác của Lee Hing cho mượn có diện tích 45m^2. Diện tích các kho đảm bảo khả năng lưu chứa các loại chất thải của dự án và đã được tính toán cụ thể tại mục 3.3 của báo cáo.

- Thay đổi công suất quạt hút: từ 1.500-1.780m^3/h thành 8.251 – 15.640 m^3/h do thay đổi màng lọc than hoạt tính thành than hoạt tính dạng viên tổ ong nên tăng hệ số cản. Tính toán cụ thể như sau:

Tính toán lưu lượng hút tại chụp hút:

$$L = 3600 \times v \times F \ (m^3/s)$$

v – Vận tốc hút không khí tại miệng chụp hút. (m/s).

Chọn vận tốc hút tại miệng hút v = 1,5 m/s, để đảm bảo hút được toàn bộ lượng khí thải phát sinh tại khu vực miệng hút cũng như phù hợp với điều kiện tốc độ chuyển động không khí nơi làm việc theo QCVN 26:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc (0,1 – 1,5 m/s).

F – Diện tích chụp hút (m^2).

Dự án có 2 chụp kích thước 300x200mm (0,06m^2) và 2 chụp hút 400x200mm (0,08m^2).

$$L = 3600 \times 1,5 \times 0,06 \times 2 + 3600 \times 1,5 \times 0,08 \times 3 = 1.944 \ m^3/h$$

Lưu lượng gió thất thoát qua khe hở trên tuyến ống không vượt quá 13,4 m^3/h cho 1 m triển khai (*Theo TCVN 5687:2010: Tiêu chuẩn quốc qua về thông gió – điều hòa không khí tiêu chuẩn thiết kế*). Với chiều dài thiết kế đường ống thu gom khí thải là 38,4 m, lưu lượng gió thất thoát: 13,4 x 38,4 ~ 515 m^3/h.

Chọn hệ số bù đắp khi bị cản qua bộ lọc than hoạt tính: k = 4 lần (hệ số thực nghiệm)

Công suất quạt hút cần thiết kế là Q = (1.944 + 515) x 4 = 9.836 m^3/h.

Do hiệu suất của quạt đạt 69% (hiệu suất ghi trên quạt) → Quạt cần có công suất là 9.836 : 69% = 14.255 m^3/h → Chọn quạt hút có công suất trong dải 8.251 – 15.640 m^3/h.

Các hạng mục thay đổi của dự án không thuộc trường hợp phải đánh giá tác động môi trường theo quy định tại điểm a, khoản 4, điều 37 của Luật Bảo vệ môi

trường và quy định chi tiết tại khoản 2 điều 27, Nghị định 08/2022/NĐ-CP. Do đó, Chủ dự án xin được trình bày những thay đổi nêu trên trong báo cáo này và xin tự chịu trách nhiệm trong suốt quá trình hoạt động của mình, đảm bảo đạt tiêu chuẩn, quy định cho phép. Các hạng mục công trình còn lại của Dự án đều được xây dựng, bố trí theo đúng báo cáo ĐTM đã được phê duyệt.

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động cán bộ công nhân tại dự án tại xưởng xưởng I;

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động cán bộ công nhân tại dự án tại xưởng D.

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động cán bộ công nhân tại dự án tại kho C.

+ Nước thải sản xuất từ hoạt động nhuộm, giặt, vắt.

- Lưu lượng xả thải tối đa: 599,3 m^3/ngày (Trong đó, nước thải sinh hoạt 5,6 m^3/ngày, nước thải sản xuất 593,7 m^3/ngày).

- Dòng nước thải: 03 dòng nước thải như trên gồm 03 dòng nước thải sinh hoạt và 01 dòng nước thải sản xuất.

- Các chất ô nhiễm:

+ Nước thải sinh hoạt: pH, BOD_5, TDS, TSS, Sunfua, Amoni, Nitrat, dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat, tổng Coliforms.

+ Nước thải sản xuất: độ màu, chất rắn lơ lửng, các kim loại nặng,...

- Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam – đơn vị cho thuê xưởng không quy định nồng độ giới hạn đối với nước thải khi đấu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải đối với các đơn vị cho thuê xưởng.

- Vị trí xả thải: Hệ thống thu gom và xử lý nước thải của Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam (trước khi đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Dệt may Phố Nối).

- Phương thức xả thải: tự chảy.

- Nước thải sinh hoạt: Sử dụng nhà vệ sinh hiện có, được xử lý sơ bộ qua 03 bể tự hoại với tổng thể tích 30m^3 (10 m^3/bể), sau đó ra hệ thống thu gom nước thải của Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam và đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Dệt may Phố Nối.

- Nước thải sản xuất: Theo đường ống xả nước thải đi kèm với máy nhuộm kích thước D75 đấu nối thẳng xuống hệ thống rãnh thu gom bằng bê tông có kích thước 250x250mm bố trí dọc nhà xưởng có nắp đậy kín tránh phát sinh hơi, mùi hóa chất nhuộm và dẫn về hệ thống xử lý nước thải của Công ty THHH Dệt may Lee Hing Việt Nam qua đường ống D800, sau đó khi được xử lý sẽ dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Dệt may Phố Nối.

Dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sau khi xử lý sơ bộ được đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp để tiếp tục xử lý, không xả trực tiếp ra môi trường).

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

1. Nguồn phát sinh khí thải:

+ 01 nguồn khí thải từ khu vực cân hóa chất;

+ 01 nguồn khí thải từ khu vực pha hóa chất nhuộm.

2. Lưu lượng xả khí thải tối đa: 15.640 m^3/h (bằng công suất lớn nhất của quạt hút).

3. Dòng khí thải:

01 dòng khí thải sau hệ thống xử lý bằng than hoạt tính.

4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn:

- Thành phần các chất ô nhiễm: bụi tổng, hơi HCl, hơi H_2SO_4, Acetaldehyt, Butylamin, Cyclohexan.

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí đối với các nguồn thải phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường khí thải sau xử lý đạt QCVN 20:2009/BTNMT về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ và QCVN 19:2019/BTNMT về bụi. Cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu giám sát	Đơn vị	QCVN 19:2009/ BTNMT ($C_{max}=CxK_pxK_v$, $K_p=1$; $K_v=1$)	QCVN 20:2009/ BTNMT	Quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng		**15.640**		Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	Bụi tổng	m^3/Nm^3	**200**	-		
3	HCl	mg/Nm^3	**50**	-		
4	H_2SO_4	mg/Nm^3	**50**	-		
5	Acetaldehyt	mg/Nm^3		**270**		

6	Butylamin	*mg/Nm^3*	-	**15**	08/2022/NĐ-CP	
7	Cyclohexan	*mg/Nm^3*		**1300**		

5. Vị trí, phương thức xả khí thải:

- Vị trí xả khí thải: khí thải xả ra bên ngoài nhà xưởng qua ống phóng không, sau khi xử lý bằng than hoạt tính. Tọa độ X = 2314239m; Y = 559558m *(theo hệ VN2000, kinh tuyến 105°30' múi chiếu 3°).*

- Phương thức xả: xả thải cưỡng bức bằng quạt hút trong ca làm việc.

Khí thải khu vực cân, trộn, pha thuốc nhuộm → Hệ thống thu gom khí thải → Quạt hút → Than hoạt tính → Ống thoát khí.

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép tiếng ồn, độ rung

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của hệ thống máy móc, thiết bị của Dự án gồm: khu vực sản xuất

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

+ Nguồn số 1: Các máy móc sản xuất tại xưởng I.

+ Nguồn số 2: Các máy móc sản xuất tại xưởng D.

Vị trí xin cấp phép tiếng ồn: Khu vực cổng Công ty.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT đối với tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT đối với độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	**Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)**		**Tần suất quan trắc định kỳ**	**Ghi chú**
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	**Từ 21 giờ đến 6 giờ**		
1	70	55	-	Khu vực thông thường
QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn				

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường
QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung				

4.4. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại

Cơ sở không thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại nên không phải xin phép đối với nội dung này.

4.5. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất:

Cơ sở không thực hiện việc nhập khẩu phê liệu từ nước ngoài nên không phải xin phép đối với nội dung này.

4.6. Nội dung về quản lý chất thải

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Loại CTNH	Mã CTNH	Tính chất	Trạng thái	Khối lượng dự kiến (kg/năm)	Phân loại
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Đ, ĐS, C	Lỏng	150	NH
2,3	- Bao bì kim loại cứng thải - Bao bì nhựa cứng thải (Thùng đựng thuốc nhuộm, hóa chất bị vỡ hỏng)	18 01 02 18 01 03	Đ, ĐS	Rắn	1000	KS
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị	18 02 01	Đ, ĐS	Rắn	5000	KS

	nhiễm các thành phần nguy hại					
5	Phẩm màu và chất nhuộm thải có các thành phần nguy hại	10 02 02	Đ, ĐS, C	Lỏng	112	KS
6	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Đ, ĐS	Rắn	8	NH
7	Than hoạt tính đã qua sử dụng của HTXL khí thải	12 01 04	Đ	Rắn	8	NH
8	Bao bì mềm thải	18 01 01	Đ, ĐS	Rắn	538	KS
9	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Đ, ĐS, AM	Rắn	0,5	NH
	Tổng cộng				**6.816,5**	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh bao gồm (vỏ bao bì carton, nilong, pallet, hàng lỗi,…): 8,8 tấn/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 32,5 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: bố trí thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại đảm bảo đáp ứng quy định tại Khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho CTNH: 25m^2 (trong nhà rác 45m^2 của Công ty TNHH dệt may Lee Hing Việt Nam)

- Thiết kế, cấu tạo: Kết cấu bê tông cốt thép, mái tôn. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã chất thải nguy hại, bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy, đối với mã chất thải dạng lỏng có bố trí khay chứa đặt phía dưới đảm bảo chất thải không bị rò rỉ, tràn đổ ra ngoài, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định; đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại Khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: bố trí thiết bị lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo an toàn, không bị hư hỏng, rách vỡ vỏ và đáp ứng các quy định tại Khoản 1 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Diện tích khu vực chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường: 20m^2 (trong nhà rác 45m^2 của Công ty TNHH dệt may Lee Hing Việt Nam)

- Thiết kế, cấu tạo: Khu vực lưu chứa nằm trong xưởng, đảm bảo các yêu cầu theo quy định tại Khoản 3 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy, dung tích 60-120 lít. Chất thải rắn sinh hoạt được tập kết trước giờ thu gom 30 phút đầu mỗi xưởng để nhân viên vệ sinh đến thu gom.

- Thiết bị lưu giữ chất thải đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại Khoản 1 Điều 26 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

CHƯƠNG V. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

5.1 Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án

Công suất của dự án là 25.000.000 sản phẩm/năm (tương ứng 1.950 tấn vải/năm). Sản phẩm của dự án là vải thể thao có tỷ trọng 6,08m^2 – 6,72 m^2/kg, tương ứng công suất của dự án tính theo m^2 lớn nhất là:

1.950 x 10^3 x 6,72 = 13.104.000 m^2/năm → dự án sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi) có công suất trung bình (từ 5.000.000 đến 50.000.000 m^2/năm) theo quy định tại số thứ tự 5, mục I, phụ lục II, Nghị định 08/2022/NĐ-CP. Do đó, Dự án thuộc danh mục loại hình sản xuất kinh doanh dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất trung bình.

- Đối với nước thải, dự án đấu nối nước thải sản xuất vào hệ thống xử lý nước thải của Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam, nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ đấu nối vào hệ thống thoát nước của Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam. Sau đó, toàn bộ nước thải của dự án đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải của KCN Phối Nối. Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam không có yêu cầu tiêu chuẩn tiếp nhận đối với nước thải phát sinh tại dự án. Do đó, báo cáo không đề xuất vận hành thử nghiệm và quan trắc định kỳ đối với nước thải.

- Đối với khí thải: tần sất quan trắc lấy mẫu đối với khí thải theo hướng dẫn tại khoản 5, điều 21, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT: 3 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp của giia đoạn vận hành ổn định công trình xử lý chất thải.

Do đó, kế hoạch vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý cụ thể như sau:

5.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Kế hoạch vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải đã hoàn thành của Dự án cụ thể như sau:

+ Thời gian bắt đầu: dự kiến tháng 01/2025;

+ Thời gian kết thúc: dự kiến tháng 06/2025;

Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng.

5.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Tần suất quan trắc: 03 mẫu đơn khí thải đầu ra của HTXL khí thải trong 3 ngày liên tiếp khi hệ thống đã vận hành ổn định (trước khi tiến hành lấy mẫu cơ sở sẽ chủ động gửi văn bản thông báo tới Sở Tài nguyên và Môi trường).

Thông số lấy mẫu: Lưu lượng, bụi tổng, hơi HCl, hơi H_2SO_4, Acetaldehyt, Butylamin, Cyclohexan.

Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN 20:2009/BTNMT.

5.2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật

- Đối với nước thải: Do nước thải phát sinh tại dự án không xả trực tiếp vào môi trường, nguồn tiếp nhận nước thải của dự án là hệ thống thu gom/xử lý nước thải của Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam. Đơn vị cho thuê nhà xưởng không có yêu cầu tiêu chuẩn tiếp nhận đối với nước thải phát sinh tại dự án. Do đó, báo cáo không đề xuất giám sát định kỳ đối với nước thải.

- Đối với khí thải: Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường có công suất xả bụi, khí thải tối đa là 15.640 m^3/h. Loại hình của dự án và công suất xả bụi, khí thải tối đa của dự án nhỏ không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ và quan trắc tự động liên tục theo quy định tại Điều 98, Nghị định 08/2022/NĐ- CP và theo quy định chi tiết tại Phụ lục XXIX của Nghị định trên.

Tuy nhiên, để có thể theo dõi giám sát chất lượng khí thải và có kết quả báo cáo định kỳ với khách hàng, chủ dự án đề xuất chương trình quan trắc định kỳ quan trắc khí thải 01 năm/lần.

+ Vị trí lấy mẫu: khí thải tại ống phóng không của hệ thống xử lý bụi, hơi hóa chất từ kho hóa chất.

+ Thông số lấy mẫu: Lưu lượng, bụi tổng, hơi HCl, hơi H_2SO_4, Acetaldehyt, Butylamin, Cyclohexan.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT ($C_{max}=CxK_pxK_v$, Kp=1; K_v=1) và QCVN 20:2009/BTNMT.

CHƯƠNG VI. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Chủ dự án cam kết về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong báo cáo.

2. Chủ dự án cam kết thực hiện nghiêm túc công tác bảo vệ môi trường theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Cam kết nước thải được thu gom triệt để về trạm xử lý nước thải tập trung và hệ thống thoát nước thải của Công ty TNHH Lee Hing Việt Nam

- Thu gom, xử lý khí thải đảm bảo đáp ứng QCVN 19:2009/BTNMT – quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ (cột B) và QCVN 20:2009/BTNMT.

- Thu gom, lưu giữ và chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp, chất thải nguy hại theo đúng hướng dẫn của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT và các văn bản pháp luật liên quan.

- Cam kết tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện về an toàn, vệ sinh môi trường.

- Lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, sự cố cháy, nổ và các rủi ro, sự cố môi trường khác trong toàn bộ quá trình hoạt động của Dự án.

- Cam kết khắc phục, chịu mọi trách nghiệm trước pháp luật trong trường hợp xảy ra sự cố môi trường./.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC I:
CÁC GIẤY TỜ PHÁP LÝ

PHỤ LỤC II:
CÁC BẢN VẼ HOÀN CÔNG

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH HƯNG YÊN
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Mã số doanh nghiệp: 0901104011

Đăng ký lần đầu: ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 21 tháng 05 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ LỆ TINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LE TINH INTERNATIONAL COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô đất số L4, KCN dệt may Phố Nối B, Phường Dị Sử, Thị xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: *0904876879* Fax:

Email: Website:

3. Vốn điều lệ : 4.500.000.000 đồng.

Bằng chữ: Bốn tỷ năm trăm triệu đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	ĐÀM THỊ DUNG	Việt Nam	Số 8/1, CT4A8, Phường Quán Toan, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	1.530.000.000	34,000	031068859	

2	NGUYỄN THỊ KIM DUYÊN	Việt Nam	Số 20/19/46 Lạch Tray, Phường Hàng Kênh, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	1.485.000.000	33,000	031183010920	
3	NGUYỄN THỊ THU HẬU	Việt Nam	15C/19/128 An Đà, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	1.485.000.000	33,000	031181014505	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ THU HẬU Giới tính: *Nữ*

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: *25/04/1981* Dân tộc: *Kinh* *Quốc tịch: Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *031181014505*

Ngày cấp: *10/08/2021* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *15C/19/128 An Đà, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *15C/19/128 An Đà, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ HƯNG YÊN PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Doãn Thị Tâm

Gửi Chị Hậu LH 留底 LH lưu

LT - Sheet - 00009

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

越南社會主義共和國

獨立-自由-幸福

----------o0o----------

THỎA THUẬN CHO THUÊ NHÀ XƯỞNG

廠房租用合同

Số* 編號：*01/2021-HĐTNX

- *Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91 được Quốc Hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;*
  根據政府國會于 2015 年 11 月 24 號第 91 號民事法;
- *Căn cứ nhu cầu của các bên;*
  根據雙方的需求;

1. Bên cho thuê gọi tắt là Bên A 出租方簡稱為甲方:

- **Tên công ty : Công ty TNHH dệt may Lee Hing Việt Nam**
  公司名稱 : 利興紡織越南有限公司
- Địa chỉ : Lô 4 KCN Dệt may Phố Nối, Phường Dị Sử, Thị xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
  地址 : 越南興安省美豪坊異史市富內紡織工業園 4 區
- Đại diện : ZENG WEI NENG
  代表人 : ZENG WEI NENG 先生
- Chức vụ : Tổng giám đốc
  職位 : 總經理
- Điện thoại : 0221 3900 888
  電話 : 0221 3900 888
- Mã số thuế : 0901006279
  稅務編號 : 0901006279
- Tài khoản số 銀行賬號 : USD 19031061871555, Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam-Chi nhánh Hưng Yên.

  Tài khoản số 銀行賬號 : VND 19131061871789, Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam-Chi nhánh Hưng Yên。

  Địa chỉ Ngân hàng 銀行地址: Tại thửa đất số 318, tờ bản đồ số 24, thị trấn Bần Yên Nhân, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

Là chủ sở hữu khu nhà tổng hợp trong Công ty TNHH dệt may Lee Hing Việt Nam tại Lô L4 KCN dệt may Phố Nối, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

利興紡織越南有限公司是位於越南興安省美豪縣異史社富內紡織工業園利興紡織越南有限公司內的業主。

2. Bên thuê gọi tắt là Bên B: 承租方以下簡稱為乙方

- **Tên công ty : Công ty TNHH Quốc tế Lệ Tinh**
  公司名稱 ：丽晶国际有限公司
- Địa chỉ : Lô L4 KCN Dệt may Phố Nối B, Phường Dị Sử, Thị xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
  地址 ：越南兴安省美豪坊异史市富内纺织工业园 L4 区
- Đại diện : ĐÀM THỊ DUNG
  代表人 : DAM THI DUNG 女士
- Chức vụ : Giám đốc
  职位 ：經理
- Điện thoại : 0904 658880
  电话 : 0904 658880
- Mã số thuế : 0901104011
  税务编号 : 0901104011
- Tài khoản số : VND1021818686, NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Phố Hiến
  银行帐号 : VND1021818686, VCB 银行

Hưng Yên, *ngày 21 tháng 06 năm 2021*
兴安，2021 年 06 月 21 日

Hai bên thống nhất ký kết thỏa thuận thuê nhà xưởng này, với các nội dung sau:
现雙方經協商一致同意簽訂本厂房租用协议，具体内容如下：

Điều 1: Đặc điểm chính của khu nhà xưởng
第一條：廠房的說明

1. Bên A đồng ý cho Bên B thuê xưởng D (còn gọi là xưởng G) và xưởng I (còn gọi là xưởng F) của Bên A để tiến hành sản xuất và nhuộm hàng may mặc, do đó Bên B chịu toàn bộ trách nhiệm xin chính phủ Việt Nam cấp phép đối với các hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng may mặc sau khi thuê; nghĩa là Bên B phải tuân thủ các yêu cầu liên quan của chính phủ Việt Nam về phòng cháy chữa cháy, hải quan, thuế, môi trường.., tiến hành các hoạt động kinh doanh hợp pháp, có trách nhiệm phối hợp với các yêu cầu của cơ quan chức năng. Hải quan Việt Nam yêu cầu phải có hàng rào phân cách đối với sản phẩm của doanh nghiệp chế xuất, tất cả những yêu cầu này do Bên B chịu trách nhiệm và nghiêm túc thực hiện.

   甲方同意向乙方出租甲方的 D 栋及 I 栋廠房进行生产服装项目，故乙方负责在承租后向越南政府申请生產服装營運作業的所有责任，即乙方要按越南政府、消防、海关、税务、环保等相关法律规定进行做好相关要求，并进行合法经营，对于越南政府提出配套要求这由乙方负责。越南海关要对加工保税物料成品需要进行分隔围栏等，这些需要乙方按相关规定自己负责，并安排处理好。

2. Địa chỉ nhà xưởng thuê: Lô L4 KCN dệt may Phố Nối B, Phường Dị Sử, Thị xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

租用廠房的地址：越南興安省美豪縣異史社富內紡織工業園 L4 區

a. Bên A sẽ chịu trách nhiệm quản lý các công trình công cộng; đường nội bộ, cây xanh, tuần tra quản lý và giữ gìn trật tự khu vực bên ngoài nhà xưởng thuê của Bên B. Bên B phải nghiêm túc chấp hành các quy định về quản lý 5S đối với việc quản lý các công trình công cộng của bên A. Nếu Bên A xác nhận đồng ý để cho Bên B sử dụng hàng rào phân cách, toàn bộ địa phận trong hàng rào do Bên B quản lý và chịu toàn bộ trách nhiệm.

   工厂的公共区：内部道路、绿化、乙方承租厂区外保巡逻与治安控制管理（不含已出租厂内保安）由甲方管理，乙方要遵守甲方的公共厂区 5S 管理制度。如果甲方确认同意将分隔围栏的区域转交给乙方的使用的，这些划分隔围栏内区域将交由乙方负责管理并承担全部责任;

b. Trong thời gian Bên B thuê xưởng của Bên A, Bên B không được xây dựng, sửa chữa bất kỳ hạng mục gì ảnh hưởng đến kết cấu nhà xưởng của Bên A. Trường hợp phải sửa chữa, phải thông báo với Bên A, hai bên tiến hành thương lượng nhất trí mới được tiến hành công việc. Nếu quá trình lắp đặt và sử dụng thiết bị gây ảnh hưởng đến kết cấu nhà xưởng và thiết bị điện nước của Bên A, Bên B có trách nhiệm tiến hành khôi phục nguyên trạng xưởng thuê, thiết bị của xưởng thuê và có trách nhiệm bồi thường （nếu có).

   乙方在承租甲方工廠中，不能做任何影響到房屋結構。若需要增加建造、裝修服務于生產，務必要通知甲方進行雙方協商同意才可。如因机器设备安装及使用过程中对房屋结构及甲方提供的水电设施造成损坏的，乙方需要对损坏甲方厂房及设施进行修复及赔偿（如有）。

   Trong trường hợp kết cấu xưởng hao mòn tự nhiên, bên A sau khi nhận được thông báo của bên B phải có trách nhiệm sửa chữa kịp thời. Nếu bên A không hoàn thành công việc sửa chữa xưởng trong thời gian hợp lí , gây ảnh hưởng đến bên B, bên A có trách nhiệm bồi thường thiệt hại liên quan.

   如果是厂房结构自身造成建筑损坏，甲方在收到乙方通知后需及时维护，如甲方未在合理工作日完成维护，并对乙方造成影响，甲方需进行相应赔偿。

   Trong trường hợp có trách nhiệm bồi thường phát sinh, Bên A và bên B sẽ có biên bản thống nhất cụ thể trên cơ sở tinh thần hợp tác. Các bên sẽ căn cứ trên biên bản này để thực hiện các nghĩa vụ phát sinh。

   如果发生赔偿的情况下，甲方和乙方在配合态度的基础上做出一份具体的确认文件。各方根据此份文件进行相关义务在发生赔偿的情况下，甲方和乙方在配合态度的基础上做出一份具体的确认文件。各方根据此份文件进行相关义务。

Điều 2: Thời gian thuê

第二條：租用時間

1. Thời gian thuê và thời gian dự kiến thuê : từ ngày 01/07/2021 đến 30/06/2029 (tổng 08 năm)

租用時間及计租时间：从 2021 年 07 月 01 日至 2029 年 06 月 30 日（共租赁 08 年）

2. Nếu bên nào kết thúc thời gian thuê xưởng trước thời hạn quy định trong hợp đồng phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trước ít nhất 3 tháng kể từ ngày chấm dứt trước hạn hợp đồng. Nếu không thông báo trước 3 tháng mà đơn phương chấm dứt hợp đồng, bên vi phạm có trách nhiệm bồi thường vi phạm hợp đồng với số tiền bồi thường tương đương với 03 tháng tiền thuê nhà xưởng tại kỳ thuê nhà xưởng tương ứng. Hợp đồng chỉ có thể chấm dứt sau khi bên vi phạm đã bồi thường thiệt hại

   甲乙任何一方要提前終止本合同，均要提前三个月书面通知對方。如果未能提前三个月进行双方协商好就要单方面进行解除终止本合同时，违约方需要向守约方进行赔偿的违约金确定为本合同对应财年的 3 个月厂房租金，违约方支付违约金后才可以解除本合同。

   Trong mọi trường hợp bên A muốn chấm dứt hợp đồng trước hạn mà không có thông báo trước theo thời gian quy định trên, bên B đều có thời gian tối thiểu là 01 (một) tháng để hoàn tất công tác hoàn trả mặt bằng mà không mất phí.

   甲方在合同没结束之前的情况下终止合同而没有向乙方提前通知，乙方需要至少一个月内来完成收拾厂房的事情，同样这个月之内不用向甲方付租赁费。

Điều 3: Diện tích thuê và giá thuê
第三條：租用面积及单價

1. **Diện tích thuê và giá thuê**
   租用面积及单价：

a. Giá thuê và diện tích thuê theo tháng từ tháng 07/2021 đến tháng 06/2025 được tính như sau:

从 2021 年 07 月至 2025 年 06 月的每月厂房出租面单价计算：

STT 序號	Hạng mục 項目	Đơn vị tính 單位	Số lượng 數量	Đơn giá 單價(USD)	Tiền thuê 租金金额 USD
1	G (D) 栋厂租金 Tiền thuê xưởng G (D)	M2	3080	4.2140	**12,979.12**
2	I (F) 栋厂租金 Tiền thuê xưởng I (F)	M2	3080	4.2140	**12,979.12**
				Tổng 合计	**25,958.24**

b.Giá thuê và diện tích thuê theo tháng từ tháng 07/2025 đến tháng 06/2029 được tính như sau:

从 2025 年 07 月至 2029 年 06 月的每月厂房出租面单价计算：

STT 序號	Hạng mục 項目	Đơn vị tính 單位	Số lượng 數量	Đơn giá 單價(USD)	Tiền thuê 租金金额 USD
1	G (D) 栋厂租金 Tiền thuê xưởng G (D)	M2	3080	4.816	**14,833.28**
2	I (F) 栋厂租金 Tiền thuê xưởng I (F)	M2	3080	4.816	**14,833.28**
				Tổng 合计	**29,666.56**

Đơn giá trên chưa bao gồm các chi phí khác như thuế giá trị gia tăng, tiền điện, tiền nước, phí xử lý nước thải, tiền hơi nước, chi phí suất ăn và các chi phí khác (nếu có)…

以上单价未含政府規定的增值税，未含 水費、電費、水處理費, 蒸汽費, 餐費 、其他費用(如有)。。

Tỷ giá chuyển đổi được căn cứ vào tỷ giá mua chuyển khoản của Ngân hàng ngoại thương Việt Nam-Vietcombank tại thời điểm phát hành hóa đơn.

兌換的匯率將按當時發行發票以及 Vietcombank 銀行當時買價匯款的匯率計算。

2. Ngoài tiền thuê, hàng tháng Bên B phải chi trả cho Bên A khoản phí dịch vụ, bao gồm: tiền điện, tiền nước, phí xử lý nước thải, tiền hơi nước, chi phí suất ăn và các chi phí khác (nếu có)... Giá của các hạng mục được quy định chi tiết tại các phụ lục của hợp đồng này.

關於其他費用，包括：水費、電費、水處理費, 蒸汽費, 餐費 、其他費用(如有)...等費用將在本合同的附录合同进行签订。

3. Các chi phí phát sinh khác sẽ được quy định chi tiết tại các phụ lục của hợp đồng này.

其他當月追加費用將由雙方协商后再进行签订附录合同。

Điều 4: Phương thức thanh toán

第四條：付款方式

Tiền thuê nhà xưởng, tiền điện và các chi phí khác sẽ được thanh toán cụ thể như sau:

廠房租金、电费及其他费用支付，具體如下：

1. Sau khi hai bên kí kết hợp đồng, Bên B phải thanh toán cho Bên A 3 tháng tiền thuê, được tính là tiền đặt cọc. Sau khi hết hạn hoặc chấm dứt hợp đồng, và sau khi bên B thanh toán toàn bộ tiền thuê xưởng và các chi phí liên quan, hoàn tất các thủ tục bàn giao hợp đồng thuê

mà không có bất kì hành vi vi phạm hợp đồng nào, trong vòng 30 ngày làm việc Bên A sẽ tiến hành trả lại tiền đặt cọc cho Bên B, không tính lãi.

雙方簽訂合同后，乙方要給甲方支付 3 個月租金視為押金；押金于合同解除或终止后且乙方按本合同约定条款付清租金及相关费用、办理完租赁物交接手续后且无其他违约情形，甲方于 30 个工作日内无息退还乙方押金，押金金額不計利息；

2. Thời gian thanh toán tiền thuê xưởng và các chi phí khác là trước ngày mồng 10 hàng tháng. Do vậy, trước ngày mồng 5 hàng tháng Bên A sẽ gửi hóa đơn và yêu cầu thanh toán tiền thuê xưởng và các chi phí dịch vụ khác (theo biểu mẫu yêu cầu thanh toán của bên B) cho Bên B. Sau khi bên B nhận được hóa đơn, phải thanh toán cho Bên A toàn bộ tiền thuê xưởng và tất cả các chi phí điện nước phát sinh và chi phí dịch vụ ... của tháng trước đó trước ngày mồng 10 của tháng.

每月租金及其他费用的付款時間需要在次月 10 日前支付；即：每個月 5 日前甲方將給乙方本月租金與各種服務費等申請請款與發票（按乙方的申請請款格式），乙方收到發票后，乙方于當月 10 日之前給甲方支付上個月全部廠方租金以及所有一切發生的水电费用及服務費等。

Điều 5 : Quyền và nghĩa vụ của Bên cho thuê

第五條：出租方權利與義務

1. Sau khi thông báo và được sự đồng ý của Bên B, Bên A có quyền định kỳ kiểm tra tình hình an toàn sử dụng nhà xưởng thuê.

經通知并得到乙方的同意，甲方可進行定期檢查乙方的廠房安全使用情況。

2. Bên A đảm bảo có đầy đủ quyền hợp pháp cho thuê nhà xưởng, bao gồm quyền cho thuê nhà xưởng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Bên A đảm đảm có Giấy chứng nhận nghiệm thu PCCC, Giấy chứng nhận bảo vệ môi trường và các giấy giấy chứng nhận hợp pháp khác theo quy định của nhà nước.

甲方會保證按法律規定出租廠房的權限，包括政府認可甲方自己能出租廠房的權限，土地使用證、廠房消防驗收合格證、環保合格證。

3. Không được cản trở bên B sử dụng nhà xưởng thuê theo đúng mục đích thuê;

不能有任何阻礙影響乙方使用廠房的合法性。

4. Bên A có trách nhiệm xuất hóa đơn VAT đối với chi phí thuê xưởng và các chi phí khác đúng quy định của pháp luật, thuế GTGT do bên B chịu trách nhiệm.

甲方按租金及其他费用要开增值税發票，增值税发票税金由乙方负责；

5. Về vấn đề cung cấp nước, điện và các hạng mục Bên B không thể độc lập ký kết hợp đồng cung cấp với các nhà cung cấp, Bên A sẽ lắp đồng hồ đo nước và điện tại nhà xưởng cho Bên B thuê, Bên A sẽ trả thay cho Bên B cho các nhà cung cấp những chi phí trên. Hàng tháng người phụ trách của Bên A tiến hành đối chiếu số lượng mà Bên B sử dụng, chuyển cho phòng kế toán tính chi phí, các chi phí khác căn cứ vào phụ lục hợp đồng để xuất hóa đơn. Toàn bộ

các chi phí trả thay sẽ hàng tháng sẽ được tính cụ thể và phát hành hóa đơn cùng với chi phí thuê xưởng.

關於供水、供電與其他項目若乙方不能單獨與政府或供應商簽訂供應合同，甲方將在乙方租用廠房安裝一個電錶與水錶，甲方給乙方代付費用。每個月甲方的負責人將核對數量以及申報財務部計算費用，其他費用將按照附录合同內容开出發票。其他由甲方給乙方代付的費用將與每個月租金一起計算，同時全部發票將一起給乙方。

6. Các hạng mục như Internet... nếu Bên B có thể độc lập ký kết hợp đồng với nhà cung cấp, Bên B sẽ tiến hành chi trả theo quy định.

   通訊費等項目若乙方能單獨與供應商簽訂合同，將会由乙方自己負責支付費用。

7. Bên A tiến hành mua bảo hiểm cháy nổ cho các nhà xưởng cho Bên B thuê trong suốt thời gian cho thuê.

   甲方將進行購買廠房的火保险；

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của Bên thuê
第六條：承租方的權利與義務

1. Trả tiền thuê và các chi phí khác (điện, nước, nước thải, suất ăn…) đúng hạn.

   按時支付廠房租金及其他费用（水費、電費、水處理費, 蒸汽費, 餐費 、其他費用）。

2. Bên B tuân thủ nghiêm chỉnh mọi quy định của Nhà Nước Việt Nam về chất thải, vệ sinh công nghiệp, chống ô nhiễm môi trường, đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ. Khi Bên A kiểm tra phát hiện bên B có vấn đề về an toàn trong quá trình sử dụng, thì Bên B phải kịp thời để khắc phục.

   乙方严格遵守越南政府的环保规定，管理与排放垃圾及污水等，并确保治安、做好消防管理及安全生产工作。如果甲方检查发现乙方有安全使用问题时，乙方要及时纠正。

3. Bên B phải tuân thủ theo các yêu cầu của Chính phủ Việt Nam về công tác phòng cháy chữa cháy, hải quan, thuế, môi trường.., tiến hành các hoạt động kinh doanh hợp pháp, phụ trách phối hợp với cơ quan Chính phủ Việt Nam. Hải quan Việt Nam yêu cầu phải có hàng rào phân cách đối với khu vực thành phẩm, vật liệu gia công chế xuất..., những yêu cầu này do bên B chịu trách nhiệm và sắp xếp công việc.

   乙方要按越南政府、消防、海关、税务、环保等相关法律规定进行做好相关要求，并进行合法经营，对于越南政府提出配套要求这由乙方负责。越南海关要对加工保税物料成品需要进行分隔围栏等，这些需要乙方按相关规定自己负责，并安排处理好。

4. Trường hợp xảy ra cháy nổ do lỗi của bên B (theo kết luận của cơ quan điều tra liên quan), và sau khi Công ty bảo hiểm ra quyết định về phần trăm (%) giá trị tài sản bồi thường cho phần nhà xưởng bị thiệt hại của Bên A, thì số tiền chênh lệch còn lại của giá trị tài sản bị

thiệt hại là giá trị được ghi nhận trong báo cáo tài chính của năm gần nhất, với giá trị bồi thường trên sẽ do Bên B sẽ chịu trách nhiệm chi trả cho bên A

若由于乙方錯誤造成消防事故（經政府相關機構調查結果）以及保險公司發佈甲方廠房受損賠償百分比（%）。剩下財產受損差額（按最近年度報告計算金額）將由乙方負責支付給甲方。

5. Khi không được sự đồng ý bằng văn bản của Bên A, Bên B không được phép cho thuê lại tài sản thuê hoặc cho thuê trá hình. Nếu Bên A phát hiện, có quyền chấm dứt hợp đồng và buộc Bên B chịu trách nhiệm vi phạm hợp đồng.

   未经甲方书面同意，乙方不得将租赁物擅自转租或变相租赁，否则甲方有权解除合同并追究乙方违约责任。

6. Bên B phải đảm bảo việc thuê và sử dụng lao động làm việc tại nhà xưởng mà Bên B thuê lại của Bên A hoàn toàn hợp pháp, phù hợp với Luật lao động của nhà nước Việt Nam.

   乙方要保證僱用勞動者在承租甲方廠房的工作是完全符合越南勞動法律的規定。

7. Bên B phải đảm bảo mua bảo hiểm cho toàn bộ thiết bị máy móc của Bên B trong thời gian thuê xưởng tại Bên A. Danh mục máy móc không cần cung cấp cho bên A, nhưng trường hợp phải phục vụ cho những việc điều tra hợp pháp của các cơ quan quản lý nhà nước liên quan, Bên B phải cung cấp cho bên A để phục vụ công tác điều tra theo quy định.

   乙方必須在承租期內購買機械設備等財產保險，乙方不用提交給甲方。但每當需要提供服務越南政府相關單位調查工作，乙方應按規定及時提供。

8. Sau khi Bên A bàn giao nhà xưởng cho Bên B, Bên B có trách nhiệm quản lý và sử dụng nhà xưởng cũng như các thiết bị bên trong nhà xưởng phù hợp với quy định của hợp đồng. Lên kế hoạch định kỳ bảo dưỡng bảo trì hệ thống điện, cử người chuyên trách vận hành hệ thống điện, có trách nhiệm thay mới với các thiết bị hỏng, đảm bảo hệ thống điện, hoạt động hoàn toàn bình thường khi hết thời hạn cho thuê và bàn giao trả lại nhà xưởng cho Bên A.

   甲方移交廠房給乙方使用后，乙方要負責按本合同規定管理與使用廠房的合理性。擬定保養保修廠房裡的電，安排負責人員運作電。若設備損壞，負責換新。確保電、完全仍正常運作直到合同期限期滿乙方把廠房退還給甲方止。

9. Trong thời gian thuê xưởng, tất các hư hại, hao mòn của xưởng thuê (không bao gồm các hao mòn tự nhiên) do trong quá trình sản xuất của bên B gây ra Bên B có trách nhiệm sửa chữa và chịu mọi chi phí sửa chữa liên quan.

   在租赁期内，由乙方生产过程造成的租赁工厂的一切损坏和磨损（不包括自然磨损），由乙方负责维修并承担全部相关维修费用。

10. Trong thời gian thuê xưởng, nếu Bên B muốn cải tạo, sửa chữa nhà xưởng thuê, cần phải xin phép Bên A, đồng thời cung cấp cho Bên A các phương án thiết kế, cải tạo. Sau khi được Bên A đồng ý, được các cơ quan chức năng phê duyệt (nếu có) mới được tiến hành.

在租赁期间，如乙方须对租赁物进行装修、改建，须事先向甲方提交装修、改建设计方案，并经甲方同意，同时须向政府有关部门申报同意 (如有)。

11. Việc cải tạo, sửa chữa nhà xưởng thuê của Bên B trong thời gian thuê sẽ được tháo dỡ khi hợp đồng thuê hết hạn hoặc chấm dứt, nếu tài sản thuê bị hư hại do tháo dỡ, Bên B có trách nhiệm khôi phục nguyên trạng.
乙方在租赁期间对租赁物进行的改建、装饰或装修，在租赁合同期满或租赁合同解除时，乙方应予拆除，因拆除造成租赁物毁损的，乙方应恢复原状；

Điều 7: Điều kiện thay đổi hợp đồng.
第七條:合同的變更

1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có bất kỳ vấn đề gì cần thay đổi , bổ sung nội dung của hợp đồng, hai bên phải bàn bạc, thống nhất và ký kết bằng văn bản, đồng thời ghi trong phụ lục của hợp đồng. Phụ lục hợp đồng được coi là phần không thể tách rời hợp đồng, có giá trị pháp lý tương đương hợp đồng.

   在合同履行中，有任何需要更改, 补充合同内容，雙方應經協商書面簽訂許可，且視為合同附錄，合同附錄是本合同不可分割部分，與合同有同等法律效力。

2. Sau khi hai bên đã hoàn thành các nghĩa vụ về tài chính, việc chấm dứt hợp đồng được coi là có hiệu lực.

   在雙方履行完成本合同規定相關財務义务責任后，双方合同的终止才可视为有效。

Điều 8: Trường hợp bất khả kháng
第八條：免责解除合同情况

Trường hợp bất khả kháng như: chiến tranh, các quy định của nhà nước và các đơn vị liên quan, lệnh cấm hoặc hạn chế của nhà nước, luật nhà nước Việt Nam thay đổi ...mà hai bên không cam kết trong hợp đồng này, khiến cho việc thực hiện hợp đồng không được tiến hành.

免责情况如：戰爭时越南政府决定關閉各個單位；越南政府限制法或禁止規定，越南法律的變更直接影響本合同不能执行。

Điều 9: Thỏa thuận trách nhiệm
第九條：责任约定

Do bên A chỉ chịu trách nhiệm cho bên B thuê nhà máy và thông thường chỉ thu tiền thuê nhà máy nên hai bên đã thống nhất các trách nhiệm sau:
因甲方只是负责租赁厂房给乙方，正常只是收取厂房租金，故双方进行以下责任约定：
1.Nếu vì lý do bất khả kháng, bao gồm nhưng không giới hạn do Điện lực Việt Nam hoặc khu công nghiệp gây mất điện, nước, hoặc sự cố thiết bị lò hơi bất thường do Bên A cung cấp, hoặc thiết bị cấp nước, cấp điện bất thường do Bên A cung cấp xảy ra sự cố, v.v ... khiến Bên B bị gián đoạn sản xuất. Bên A không chịu trách nhiệm về những tổn thất gây ra cho bên B.

如因不可抗力的原因，包括但不局限于越南供电部门或工业园区等部门进行停限电停限水停限排、甲方提供锅炉设备异常、甲方供水供电设备异常等致导乙方不能开工生产的，甲方不用承担因此而造成乙方的任何损失责任。

2. Trong điều kiện cung cấp nước, điện, hơi nước, xả nước thải bình thường tại các sở cấp điện, khu công nghiệp, phòng lò hơi và xưởng nhuộm của Bên A sản xuất bình thường, Bên A có thể hỗ trợ cung cấp 600 m3 nước mỗi ngày (24 giờ) để xử lý nước. Điện là 1000 kWh / ngày và hơi là 100 tấn / ngày, nếu nhu cầu sản xuất của Bên B lớn hơn lượng cung cấp trên thì Bên B sẽ làm đơn xin các bộ phận liên quan để được mở rộng công suất, Toàn bộ các chi phí liên quan do bên B tự chịu trách nhiệm.

在供电部门、工业园区、锅炉房的水电汽及污水排放正常供给及甲方染色车间正常生产的情况下，甲方可以协助提供每天（24 小时）提供水处理用水 600 立方米/天，电力 1000 度电/天，蒸汽 100 吨/天，如乙方生产需求大于以上供应量，由乙方自行向相关部门申请增容，所有申请费用及所增设施设备等相关费用，全部由乙方承担及自行办理；

3.Vào các ngày lễ và chủ nhật theo luật định, Bên A không cung cấp hơi nước, nước sạch và xử lý thải. Nếu yêu cầu cung cấp bổ sung vào Chủ nhật, Bên B cần liên hệ với Bên A trước hai ngày để xác nhận và thanh toán chi phí bổ sung liên quan, bao gồm nhưng không giới hạn ở trợ cấp làm thêm giờ cho nhân viên và cán bộ an toàn trong phân xưởng nồi hơi và phân xưởng xử lý nước. Thời gian, mức tiêu thụ phải được tính toán theo số đọc đồng hồ hơi của lò hơi;

国家法定假期及周日甲方不提供蒸汽及需水处理的净水及污水排放；如周日需要加开供应，乙方需要提前两天与甲方沟通确认，并计付相关附加费用，包括但不局限于锅炉车间及水处理车间员工及安全员的加班补贴，如果蒸汽使用不达到最低安全使用排放量时需要支付锅炉损耗补贴；同时要按锅炉蒸汽总表读数进行抄表计算使用量；

4.Bên A không phụ trách nhân sự của Bên B, không trả lương thay cho Bên B, không mua vật liệu sản xuất thay cho Bên B đối với các vấn đề ngoài nhà xưởng không cho thuê

甲方不代管乙方人员，不代乙方发工资，不代乙方购生产物料等非租赁厂房以外的事项；

5.Bên A không chịu trách nhiệm về việc Bên B giải quyết mọi công việc liên quan đến kinh doanh của các cơ quan ban ngành, bao gồm nhưng không giới hạn việc kiểm tra pháp lý và xử lý hành chính đối với hoạt động sản xuất và hoạt động của mình như hải quan, thuế, bảo vệ môi trường, an ninh công cộng, phòng cháy chữa cháy và các phòng ban khác.

甲方不代乙方负责处理其对政府部门的任何经营相关事务，包括但不限于海关、税务、环保、公安、消防等部门对其生产经营的合法检查及行政处理等;

Điều 10: Điều khoản khác

第十條：其他條款

1. Hai bên cam kết cùng nhau thực hiện đúng các nội dung đã cam kết trong hợp đồng này. Trường hợp có tranh chấp hoặc vi phạm hợp đồng, các bên sẽ cùng nhau giải quyết trên tinh thần hợp tác hữu nghị. Nếu hai bên không thể tự giải quyết sẽ mời toàn án kinh tế tỉnh Hưng Yên giải quyết, quyết định của tòa án là quyết định cuối cùng buộc các bên phải thực hiện, chi phí trọng tài và án phí do bên có lỗi chịu trách nhiệm.

   雙方保證嚴格遵守本合同條款；若發生糾紛，雙方將經友好協商處理；協商不成的，將請興安省法院處理，法院的決定是最終解決方法；違反方承擔費用。

2. Nếu phát sinh các vấn đề không thống nhất giữa hai bên ngoài những nội dung trong bản hợp đồng này, hai bên dựa trên tinh thần thỏa thuận giải quyết.

   以上合同内容如有其它不同意见时，双方友好协商解决。

3.Hợp đồng thuê xưởng I của bên A bao gồm việc bên B sẽ được sử dụng miễn phí tất cả các thiết bị, máy móc trong xưởng I (theo bảng kê chi tiết máy móc thiết bị đính kèm).

本合同在乙方租赁甲方 I 栋厂房时，需要乙方同时会用免费甲方 I 栋厂房内的机器设备事宜 （根据所附机械设备详细清单）

4. Quyền sử dụng thiết bị trong nhà xưởng cho bên B thuê: Toàn bộ máy móc thiết bị trong bảng kê trên đều thuộc quyền sở hữu của bên A, bất luận là phụ lục hợp đồng đến hạn hay ký tiếp hợp đồng thuê xưởng thì quyền sở hữu toàn bộ thiết bị thuộc về bên A, bên B chỉ có quyền sử dụng thiết bị trong thời gian thuê nhà xưởng, không có quyền sở hữu đối với máy móc thiết bị. Đồng thời, bên B không được chuyển giao cho bên khác sử dụng.

乙方租赁厂房内设备的所有权：详细清单件所列甲方设备工具的所有权属于甲方，不论本合同机器租赁期满还是续租期间的机器所有权都是属于甲方，乙方对设备工具一直只享有租赁期间的使用权，没有设备工具的所有权。同时乙方不能转租给其他公司使用。

5. Nếu không được sự đồng ý của Bên A, Bên B không được tự ý thêm bớt linh kiện, thay đổi chức năng trên thiết bị, không được di chuyển, thế chấp thiết bị vì bất kỳ lý do gì, nếu không Bên B sẽ chịu mọi trách nhiệm đã gây ra.

未经甲方同意，乙方不得在设备上随意增加或减少部件或改变其功能，也不得以任何理由对设备进行搬移或抵押，否则由此造成的责任由乙方全部承担。

6. Đối với những hư hỏng, mất mát máy móc thiết bị do Bên B sử dụng không đúng mục đích thì Bên B phải chịu trách nhiệm bảo dưỡng và bồi thường. Bên B đảm bảo máy móc thiết bị của Bên A được sử dụng trong điều kiện bình thường.

对在乙方因使用不当造成机器设备损坏或损失等，乙方要承担维修及赔偿，乙方要保证甲方机器设备日常能正常使用。

7. Sau khi hai bên ký hợp đồng này thì mọi thỏa thuận về hợp đồng cho thuê xưởng giữa 2 bên sẽ đương nhiên chấm dứt, mọi việc được thực hiện theo nội dung của hợp đồng này. Khi hợp đồng này chấm dứt mà hai bên không có thỏa thuận gia hạn hay ký hợp đồng thuê xưởng khác thì hai bên đồng ý rằng quyền sử dụng máy móc thiết bị của Bên B cũng sẽ đồng thời chấm dứt, và Bên A không chịu trách nhiệm về bất kỳ tổn thất nào gây ra cho Bên B liên quan đến việc sử dụng các thiết bị này;

在双方签订本合同后，对于这之前双方签订的租赁厂房协议自动终止，全部按现本合同内容执行；在本合同发生终止时，双方未商讨续期合同或者签订租金厂地合同则双方同意乙方使用设备的使用权同时结束。甲方将不承担关于乙方不使用这些设备任何损失；

8.Hợp đồng được lập thành 04 bản (Trung – Việt), mỗi bên giữ 02 bản, có giá trị pháp lý như nhau và có hiệu lực từ ngày ký. Nếu có sự khác biệt về ý nghĩa giữa tiếng Việt và tiếng Trung của các điều khoản, tiếng Việt sẽ được ưu tiên tham chiếu.

此合同一式 04 份（中-越文），各持 二份，具有相同的法律效力，從雙方簽訂日起生效。若中文与越南文不一致将以越南文之描述为准。

ĐẠI DIỆN BÊN A 出租方甲方代表	**ĐẠI DIỆN BÊN B** 承租方乙方代表
CÔNG TY TNHH DỆT MAY LEE HING VIỆT NAM Tổng Giám Đốc ZENG WEI NENG	CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ LỆ TINH GIÁM ĐỐC Đàm Thị Dung

2021年07月01日利兴纺织越南有限公司转交丽晶国际有限公司使用的机械设备清单

Danh sách máy móc thiết bị Công ty TNHH Dệt may Lee Hing chuyển giao cho Công ty TNHH Quốc tế Lệ Tinh ngày 01 tháng 07 năm 2021

序号 STT	名称 Tên	型号/规格 Quy cách	生产厂家/编号 Nhà SX	基本配置 Công suất	单位 ĐVT	数量 SL	单价 (USD) Đơn giá	金额USD Thành tiền	备注 Ghi chú
1	#11边浆染色机	DX-500	骏业	11KW	台	1	17118	17,118.00	
2	#12边浆染色机	DX-300	骏业	7.5KW	台	1	14106	14,106.00	
3	#13边浆染色机	DX-150	骏业	7.5KW	台	1	12226	12,226.00	
4	#15边浆染色机	DX-50	骏业	4KW	台	1	3576	3,576.00	
5	#16边浆染色机	200IP	宏申	4KW	台	1	9372	9,372.00	
6	#18边浆染色机	200IP	宏申	4KW	台	1	9372	9,372.00	
7	#19边浆染色机	200IP	宏申	4KW	台	1	9372	9,372.00	
8	#20边浆染色机	1-3-5IP	宏申	2KW	台	1	3942	3,942.00	
9	#21边浆染色机	100IP	宏申	4KW	台	1	6960	6,960.00	
10	#22边浆染色机	100IP	宏申	4KW	台	1	6960	6,960.00	
11	#23边浆染色机	300IP	宏申	4KW	台	1	11496	11,496.00	
12	#1脱水机	KZ-10	骏业	4KW	台	1	917	917.00	
13	#2脱水机	LH120	骏业	7.5KW	台	1	7380	7,380.00	
14	#3脱水机	HE-1500	骏业		台	1	7700	7,700.00	
15	#1干衣机	GDP-300	骏业	4KW	台	1	4426	4,426.00	
16	#2干衣机	GDP-300	骏业	4KW	台	1	4426	4,426.00	
17	#3干衣机	GDP-300	骏业	4KW	台	1	4426	4,426.00	
18	#5干衣机	GDP-300	骏业	4KW	台	1	4426	4,426.00	
19	#6干衣机	GDP-300	骏业	4KW	台	1	4426	4,426.00	
20	#8干衣机	GDP-80	骏业	4KW	台	1	2360	2,360.00	
21	#1成衣跑馬定型机/CHK18-0306TEC无缝圆筒针织机	圣东妮	中大	18KW	台	1	109962	109,962.00	
22	#2真空加湿成衣定型机	HT-U2000*400S	海仕达	6KW	台	1	74580	74,580.00	
23	#3真空加湿成衣定型机	HT-U1200*200S	海仕达	4KW	台	1	46200	46,200.00	
24	打色摇摆机				台	1	608	608.00	
25	布车小				辆	74	282	20,868.00	
26	柜式空调	5匹			台	4	950	3,800.00	
27	地磅3T				台	1	435	435.00	
28	电子磅200KG				台	2	84	168.00	
29	电子称	0.001KG至3KG			台	1	150	150.00	
30	手推平板车	不锈钢			辆	2	95	190.00	
31	不锈钢工作台				张	3	225	675.00	
32	油木板工作台				张	4	165	660.00	
33	4人组合办公桌/椅				张	1	665	665.00	
34	办公室文件柜				个	3	81	243.00	
35	办公室分体空调	1匹			台	1	786	786.00	
36	落地风扇				台	3	93	279.00	
37	边浆染色机	DX-50	骏业		台	1	3576	3,576.00	
							合计:	**408,832.00**	

出租方(甲方)：利兴纺织越南有限公司

Công ty TNHH dệt may Lee Hing Việt Nam (BÊN A)

CÔNG TY TNHH DỆT MAY LEE HING VIỆT NAM

ĐẠI DIỆN BÊN A

代表签名：

Tổng Giám Đốc

ZENG WEI NENG

日期：2021年 07月 01日

ngày 01 tháng 07 năm 2021

承租方(乙方)：丽晶国际有限公司

Công ty TNHH Quốc tế Lệ Tinh (BÊN B)

CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ LỆ TINH

ĐẠI DIỆN BÊN B

代表签名：

GIÁM ĐỐC

Đàm Thị Dung

日期：2021年 07月 01日

ngày 01 tháng 07 năm 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
越南社會主義共和國
獨立-自由-幸福
----------o0o----------

HỢP ĐỒNG CHO THUÊ NHÀ XƯỞNG

廠房租用合同

Số* 編號：*03/202405-HĐTNX-TT

- *Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91 được Quốc Hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;*
  根據政府國會于 2015 年 11 月 24 號第 91 號民事法；
- *Ngày 13 tháng 5 năm 2024 Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng thuê nhà xưởng này, với các nội dung sau:*
  2024 年 5 月 13 日，雙方經協商一致同意簽訂本廠房租用合同，具體內容如下：

1. **Bên cho thuê gọi tắt là Bên A** 出租方簡稱為甲方:
   - **Tên công ty : Công ty TNHH dệt may Lee Hing Việt Nam**
     公司名稱 **: 利興紡織越南有限公司**
   - Địa chỉ : Lô 4 KCN Dệt may Phố Nối B, Phường Dị Sử, Thị xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
     地址 : 越南興安省美豪市異史坊富內 B 紡織工業園 4 區
   - Đại diện : LIANG YUAN
     代表人 : LIANG YUAN 先生
   - Chức vụ : Chủ tịch
     職位 : 主席
   - Điện thoại 電話: 0221 3900 889
   - Mã số thuế 稅務編號 : 0901006279
   - Tài khoản số 銀行賬號: VND 19131061871789, Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam-Chi nhánh Hưng Yên.
   - Địa chỉ Ngân hàng 銀行地址: Tại thửa đất số 318, tờ bản đồ số 24, thị trấn Bần Yên Nhân, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

2. **Bên thuê gọi tắt là Bên B:** 承租方以下簡稱為乙方
   - **Tên công ty : Công ty TNHH Quốc tế Lệ Tinh**
     公司名稱 **: 麗晶國際有限公司**

- Địa chỉ : Lô đất số L4, Khu công nghiệp dệt may Phố nối B, Phường Dị Sử, Thị xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
  地址 ：越南興安省美豪市異史坊富內 B 紡織工業園 6 區
- Đại diện : Nguyễn Thị Thu Hậu
  代表人 : Nguyen Thi Thu Hau 女士
- Chức vụ : Giám Đốc
  職位 : 經理
- Điện thoại 電話 : 0904 658880
- Mã số thuế 稅務編號 : 0901104011
- Tài khoản số 銀行賬號: 1021818686（VND）, NH TMCP Ngoai Thuong Việt Nam – CN Pho Hien
-

Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng thuê nhà xưởng này, với các nội dung sau:

現雙方經協商一致同意簽訂本廠房租用合同，具體內容如下：

Điều 1: Đặc điểm chính của khu nhà xưởng

第一條：廠房的說明

1. Bên A đồng ý cho Bên B thuê xưởng H (Theo số trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) của Bên A để tiến hành sản xuất hàng may mặc, do đó Bên B chịu toàn bộ trách nhiệm xin chính phủ Việt Nam cấp phép đối với các hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng may mặc sau khi thuê; nghĩa là Bên B phải tuân thủ các yêu cầu liên quan của chính phủ Việt Nam về phòng cháy chữa cháy, hải quan, thuế, môi trường.., tiến hành các hoạt động kinh doanh hợp pháp, có trách nhiệm phối hợp với các yêu cầu của cơ quan chức năng. Hải quan Việt Nam yêu cầu phải có hàng rào phân cách đối với sản phẩm của doanh nghiệp chế xuất, tất cả những yêu cầu này do Bên B chịu trách nhiệm và nghiêm túc thực hiện.

   甲方同意向乙方出租甲方的 H 棟廠房（按土地證上編號）進行生產服裝項目，故乙方負責在承租後向越南政府申請生產服裝營運作業的所有責任，即乙方要按越南政府、消防、海關、稅務、環保等相關法律規定進行做好相關要求，並進行合法經營，對於越南政府提出配套要求這由乙方負責。越南海關要對加工保稅物料成品需要進行分隔圍欄等，這些需要乙方按相關規定自己負責，並安排處理好。

2. Địa chỉ nhà xưởng thuê: Lô 4 KCN dệt may Phố Nối B, Phường Dị Sử, Thị xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

   租用廠房的地址：越南興安省美豪市異史坊富內 B 紡織工業園 4 區

a. Bên A sẽ chịu trách nhiệm quản lý các công trình công cộng; đường nội bộ, cây xanh, tuần tra quản lý và giữ gìn trật tự khu vực bên ngoài nhà xưởng thuê của Bên B. Bên B phải nghiêm túc chấp hành các quy định về quản lý 5S đối với việc quản lý các công trình công cộng của bên A. Nếu Bên A xác nhận đồng ý để cho Bên B sửa dụng hàng rào phân cách, toàn bộ địa phận trong hàng rào do Bên B quản lý và chịu toàn bộ trách nhiệm.

工廠的公共區：內部道路、綠化、乙方承租廠區外保巡邏與治安控制管理（不含已出租廠內保安）由甲方管理，乙方要遵守甲方的公共廠區 5S 管理制度。如果甲方確認同意將分隔圍欄的區域轉交給乙方的使用的，這些劃分隔圍欄內區域將交由乙方負責管理並承擔全部責任。

b. Trong thời gian Bên B thuê nhà xưởng của Bên A, Bên B không được xây dựng, sửa chữa bất kỳ hạng mục nào ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng. Nếu cần bổ sung thêm dịch vụ xây dựng, trang trí vào sản xuất thì phải thông báo cho Bên A chấp thuận.

乙方在承租甲方工廠中，不能做任何影響到房屋結構的建造、裝修。若需要增加建造、裝修服務於生產，務必要通知甲方同意才可。

Điều 2: Thời gian thuê
第二條：租用時間

1. Thời gian thuê và thời gian dự kiến thuê : Từ 01/07/2024 đến 30/06/2026 (tổng 2 Năm)

租用時間及计租时间：从 2024 年 7 月 1 日至 2026 年 06 月 30 日 （共租赁 2 年）

2. Nếu bên nào muốn kết thúc thời gian thuê xưởng trước thời hạn quy định tại hợp đồng, phải thông báo cho Bên kia bằng văn bản trước ít nhất 3 tháng kể từ ngày chính thức chấm dứt trước thời hạn hợp đồng. Đồng thời sau khi hai bên sẽ tiến hành ký kết thỏa thuận chấm dứt hợp đồng trước hạn bằng văn bản mới có thể chấm dứt hợp đồng.

甲乙任何一方要提前終止本合同，均要提前三个月书面通知對方，并雙方進行簽訂雙方終止合同的協議后才可以提前解除本合同。

Điều 3: Diện tích thuê và giá thuê
第三條：租用面积及单價
1. Diện tích thuê và giá thuê
租用面积及单价：

厂房 Xưởng	单位 Đơn vị	数量 Số lượng	合同 货币 Đơn vị tiền tệ của hợp đồng	合同 单价 Đơn giá hợp đồng
H(C)栋厂房租金 Tiền thuê xưởng H (C)	平方米 m2	2530.7	USD	5.5

Đơn giá trên chưa bao gồm các chi phí khác như thuế giá trị gia tăng, tiền điện, tiền nước, chi phí thu gom rác thải, phí bảo vệ nội bộ, Internet, chi phí suất ăn, chi phí quản lý…

以上價格未含政府規定的增值稅，未含水費、電費、生產與生活垃圾、內部保安費、通信費、食宿費、管理費等。

Tỷ giá chuyển đổi được căn cứ vào tỷ giá mua chuyển khoản của Ngân hàng ngoại thương Việt Nam-Vietcombank tại thời điểm phát hành hóa đơn.

兌換的匯率將按當時發行發票以及 Vietcombank 銀行當時買價匯款的匯率計算。

2. Ngoài tiền thuê, hàng tháng Bên B phải chi trả cho Bên A khoản phí dịch vụ, bao gồm: Phí bảo vệ, phí xử lý rác, phí điện chiếu sáng khu vực công cộng, chi phí quản lý hành chính, suất ăn, phí xử lý nước thải, tiền điện.... Giá của các hạng mục được quy định chi tiết tại các phụ lục của hợp đồng này.

關於其他費用，包括：保安、垃圾處理以及路燈/行政管理費/伙食費/自來水及污水處理費/電費等費用將在本合同的附錄合同進行簽訂。

3. Các chi phí phát sinh khác sẽ được quy định chi tiết tại các phụ lục của hợp đồng này.

其他當月追加費用將由雙方協商後再進行簽訂附錄合同。

Điều 4: Phương thức thanh toán

第四條：付款方式

Tiền thuê nhà xưởng, tiền điện và các chi phí khác sẽ được thanh toán cụ thể như sau:

廠房租金、电费及其他费用支付，具體如下：

1. Sau khi hai bên kí kết hợp đồng, Bên B phải thanh toán cho Bên A 1 tháng tiền thuê, được tính là tiền đặt cọc. Sau khi hết hạn hoặc chấm dứt hợp đồng, và sau khi bên B thanh toán toàn bộ tiền thuê xưởng và các chi phí liên quan, hoàn tất các thủ tục bàn giao hợp đồng thuê mà không có bất kì hành vi vi phạm hợp đồng nào, trong vòng 30 ngày làm việc Bên A sẽ tiến hành trả lại tiền đặt cọc cho Bên B, không tính lãi.

雙方簽訂合同後，乙方要給甲方支付一個月租金視為押金；押金于合同解除或終止後且乙方按本合同約定條款付清租金及相關費用、辦理完租賃物交接手續後且無其他違約情形，甲方於 30 個工作日內無息退還乙方押金，押金金額不計利息；

2. Thời gian thanh toán tiền thuê xưởng và các chi phí khác là trước ngày mồng 10 hàng tháng. Do vậy, trước ngày mồng 5 hàng tháng Bên A sẽ gửi hóa đơn và yêu cầu thanh toán tiền thuê xưởng và các chi phí dịch vụ khác (theo biểu mẫu yêu cầu thanh toán của Bên B) cho Bên B. Sau khi bên B nhận được hóa đơn, phải thanh toán cho Bên A toàn bộ tiền thuê xưởng và các chi phí vụ phát sinh của tháng trước trong ngày mồng 10 của tháng.

每月租金及其他費用的付款時間需要在次月 10 日前支付；即：每個月 5 日前甲方將給乙方本月租金與各種服務費等申請請款與發票（按乙方的申請請款格式），乙方

收到發票後，乙方於當月 10 日給甲方支付上個月全部廠方租金以及所有一切發生的費用等。

Điều 5 : Quyền và nghĩa vụ của Bên cho thuê
第五條：出租方權利與義務

1. Bên A đảm bảo cung cấp điện áp, hệ thống máy lạnh phù hợp với nhu cầu sử dụng của Bên B.

   甲方提供正常的電量、現裝有冷氣設備給乙方使用。

2. Bên A có quyền định kỳ kiểm tra tình hình an toàn sử dụng nhà xưởng thuê.

   甲方可進行定期檢查乙方租用廠房安全使用情況。

3. Bên A đảm bảo có đầy đủ quyền hợp pháp cho thuê nhà xưởng, bao gồm quyền cho thuê nhà xưởng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Bên A đảm đảm có Giấy chứng nhận nghiệm thu PCCC, Giấy chứng nhận bảo vệ môi trường và các giấy giấy chứng nhận hợp pháp khác theo quy định của nhà nước.

   甲方會保證按法律規定出租廠房的權限，包括政府認可甲方自己能出租廠房的權限，土地使用證、廠房消防驗收合格證、環保合格證。

4. Có trách nhiệm xuất hóa đơn chi phí thuê xưởng và các chi phí khác đúng quy định của pháp luật (VAT).

   按租金及其他費用要開增值稅發票；

5. Về vấn đề cung cấp nước, điện và các hạng mục Bên B không thể độc lập ký kết hợp đồng cung cấp với các nhà cung cấp, Bên A sẽ lắp đồng hồ đo nước và điện tại nhà xưởng cho Bên B thuê, Bên A sẽ trả thay cho Bên B cho các nhà cung cấp những chi phí trên. Hàng tháng người phụ trách của Bên A tiến hành đối chiếu số lượng mà Bên B sử dụng, chuyển cho phòng kế toán tính chi phí, các chi phí khác căn cứ vào phụ lục hợp đồng để xuất hóa đơn. Do điện lực Việt Nam yêu cầu 10 ngày thanh toán tiền điện một lần, Bên B có trách nhiệm chốt số điện đúng hạn theo quy định của điện lực và thanh toán cho Bên A để Bên A thanh toán thay. Toàn bộ các chi phí trả thay sẽ hàng tháng sẽ được tính cụ thể và phát hành hóa đơn cùng với chi phí thuê xưởng.

   關於供水、供電與其他項目若乙方不能單獨與政府或供應商簽訂供應合同，甲方將在乙方租用廠房安裝一個電錶與水錶，甲方給乙方代付費用。每個月甲方的負責人將核對數量以及申報財務部計算費用，其他費用將按照附錄合同內容開出發票。因越南供電公司對電費為每 10 天要結算一次付款，故乙方需要按照越南供電公司規定按時抄表支付電費給甲方進行支付，其他由甲方給乙方代付的費用將與每個月租金一起計算，同時全部發票將一起給乙方。

6. Các hạng mục khác như Internet... nếu Bên B có thể độc lập ký kết hợp đồng với nhà cung cấp, Bên B sẽ tiến hành chi trả theo quy định.

其他的通訊費等項目若乙方能單獨與供應商簽訂合同，將會由乙方自己負責支付費用。

7. Bên A tiến hành mua bảo hiểm cháy nổ cho các nhà xưởng cho Bên B thuê.

甲方將進行購買廠房的火災保險；

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của Bên thuê

第六條：承租方的權利與義務

1. Trả tiền thuê và các chi phí khác (điện, nước, gas, tiền ăn, các chi phí khác suất...)

按時支付廠房租金及其他費用（水費、電費、蒸汽、餐費、其他費用等）。

2. Tuân thủ nghiêm chỉnh mọi quy định của Nhà Nước Việt Nam về chất thải, vệ sinh công nghiệp, chống ô nhiễm môi trường, đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ. Bên B phải chịu mọi trách nhiệm về mọi tai nạn về người hoặc tài sản do sự quản lý kém của Bên B gây ra.

嚴格遵守越南政府的環保規定，管理與排放垃圾及污水等，並確保治安、做好消防管理及安全生產工作。由乙方自己經營管理不善，造成任何人員或財產事故，所有責任均有乙方承擔。

3. Trường hợp xảy ra cháy nổ do lỗi của bên B (theo kết luận của cơ quan điều tra liên quan), và sau khi Công ty bảo hiểm ra quyết định về phần trăm (%) giá trị tài sản bồi thường cho phần nhà xưởng bị thiệt hại của Bên A, thì số tiền chênh lệch còn lại của giá trị tài sản bị thiệt hại, giá trị bồi thường được là giá trị được ghi nhận trong báo cáo tài chính của năm gần nhất, và do Bên B sẽ chịu trách nhiệm chi trả cho bên A

若由於乙方錯誤造成消防事故（經政府相關機構調查結果）以及保險公司發佈甲方廠房受損賠償百分比（%）。剩下財產受損差額（按最近年度報告計算金額）將由乙方負責支付給甲方。

4. Không được cho Bên thứ ba thuê lại khi chưa có sự đồng ý của bên A.

未經甲方同意不可出租甲方的廠房給任何第三方。

5. Bên B phải đảm bảo việc thuê và sử dụng lao động làm việc tại nhà xưởng mà Bên B thuê lại của Bên A hoàn toàn hợp pháp, phù hợp với Luật lao động của nhà nước Việt Nam.

乙方要保證僱用勞動者在承租甲方廠房的工作是完全符合越南勞動法律的規定。

6. Bên B phải đảm bảo mua bảo hiểm cho toàn bộ thiết bị máy móc của Bên B trong thời gian thuê xưởng tại Bên A. Danh mục máy móc không cần cung cấp cho bên A, nhưng trường hợp phải phục vụ cho những việc điều tra hợp pháp của các cơ quan quản lý nhà nước liên quan, Bên B phải cung cấp cho bên A để phục vụ công tác điều tra theo quy định.

乙方必須在承租期內購買機械設備等財產保險，乙方不用提交給甲方。但每當需要提供服務越南政府相關單位調查工作，乙方應按規定及時提供。

7. Sau khi Bên A bàn giao nhà xưởng cho Bên B, Bên B có trách nhiệm quản lý và sử dụng nhà xưởng cũng như các thiết bị bên trong nhà xưởng phù hợp với quy định của hợp đồng. Lên kế hoạch định kỳ bảo dưỡng bảo trì hệ thống điện bao gồm điều hòa trung tâm trong xưởng, cử người chuyên trách vận hành hệ thống điện và hệ thống điều hòa trung tâm, có trách nhiệm thay mới với các thiết bị hỏng, đảm bảo hệ thống điện, hệ thống điều hòa trung tâm hoạt động hoàn toàn bình thường khi hết thời hạn cho thuê và bàn giao trả lại nhà xưởng cho Bên A. Tất cả các hư hại về hao mòn tự nhiên trong thời gian thuê nhà xưởng, bện B không có trách nhiệm sửa chữa

   甲方移交廠房給乙方使用後，乙方要負責按本合同規定管理與使用廠房的合理性。擬定保養保修廠房裡的電、中央空調系統，安排負責人員運作電、中央空調系統。若設備損壞，負責換新。確保電、中央空調系統完全仍正常運作直到合同期限期滿乙方把廠房退還給甲方止。所有自然損耗的項目，乙方不必承擔責任。

8. Trong thời gian thuê xưởng, tất các hư hại, hao mòn của xưởng thuê do trong quá trình sản xuất, Bên B có trách nhiệm sửa chữa và chịu mọi chi phí sửa chữa liên quan.

   在租賃期間產生租賃物損壞的，乙方應負責維修，費用由乙方承擔。

9. Trong thời gian thuê xưởng, nếu Bên B muốn cải tạo, sửa chữa nhà xưởng thuê, cần phải xin phép Bên A, đồng thời cung cấp cho Bên A các phương án thiết kế, cải tạo. Sau khi được Bên A đồng ý, được các cơ quan chức năng phê duyệt mới được tiến hành.

   在租賃期間，如乙方須對租賃物進行裝修、改建，須事先向甲方提交裝修、改建設計方案，並經甲方同意，同時須向政府有關部門申報同意。

10. Việc cải tạo, sửa chữa nhà xưởng thuê của Bên B trong thời gian thuê sẽ được tháo dỡ khi hợp đồng thuê hết hạn hoặc chấm dứt, nếu tài sản thuê bị hư hại do tháo dỡ, Bên B có trách nhiệm khôi phục nguyên trạng.
    乙方在租赁期间对租赁物进行的改建、装饰或装修，在租赁合同期满或租赁合同解除时，乙方应予拆除，因拆除造成租赁物毁损的，乙方应恢复原状；

Điều 7: Điều kiện thay đổi hợp đồng.
第七條:合同的變更

1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có bất kỳ vấn đề gì cần thay đổi nội dung của hợp đồng, hai bên phải bàn bạc, thống nhất và ký kết bằng văn bản, đồng thời được ghi trong phụ lục của hợp đồng. Phụ lục hợp đồng được coi là phần không thể tách rời hợp đồng, có giá trị pháp lý tương đương hợp đồng.

   在合同履行中，有任何需要更改合同內容，雙方應經協商書面簽訂許可，且視為合同附錄，合同附錄是本合同不可分割部分，與合同有同等法律效力。

2. Bên A và Bên B không được tự ý thay đổi hoặc chấm dứt thời hạn hợp đồng trước thời hạn. Trường hợp hai bên có nhu cầu kết thúc hợp đồng trước thời hạn, hai bên phải Gửi thông báo bằng văn bản trước ba tháng , bàn bạc và thống nhất với nhau về phương thức chấm

dứt. Bên yêu cầu chấm dứt hợp đồng trước thời hạn phải chi trả các chi phí tổn thất do việc chấm dứt hợp đồng trước hạn phát sinh.

甲乙雙方不可隨意提前終止合同，若雙方需要終止合同，提前三个月做书面通知，經協商一致同意。否則，責任方要賠付對方為此帶來的相關經濟損失。

3. Sau khi hai bên đã hoàn thành các nghĩa vụ về tài chính, việc chấm dứt hợp đồng được coi là có hiệu lực.

在雙方履行完成本合同規定相關財務义务責任后，双方合同的终止才可视为有效。

Điều 8: Trường hợp bất khả kháng
第八條：免责解除合同情况

Trường hợp bất khả kháng phát sinh như: chiến tranh, khủng bố, đình công, bạo động, các quy định luật cấm của nhà nước và các đơn vị liên quan, hỏa hoạn, bão lũ, động đất, lệnh cấm của nhà nước, luật nhà nước Việt Nam thay đổi ...và các trường hợp khác hai bên không cam kết trong hợp đồng này mà trực tiếp ảnh hưởng đến quyền lợi và nghĩa vụ của hai bên.

免责情況如：戰爭、恐怖、罷工、暴動、越南政府決定關閉各個單位；火災、水災、颱風、地震；越南政府限制法或禁止規定，越南法律的變更；與各種超過雙方在本協議規定的控制而直接影響本協議規定的權利與義務。

Điều 9: Điều khoản khác
第九條：其他條款

1. Hai bên cam kết cùng nhau thực hiện đúng các nội dung đã cam kết trong hợp đồng này. Trường hợp có tranh chấp hoặc vi phạm hợp đồng, các bên sẽ cùng nhau giải quyết trên tinh thần hợp tác hữu nghị. Nếu hai bên không thể tự giải quyết sẽ mời toàn án kinh tế tỉnh Hưng Yên giải quyết, quyết định của tòa án là quyết định cuối cùng buộc các bên phải thực hiện, chi phí trọng tài và án phí do bên có lỗi chịu trách nhiệm.

   雙方保證嚴格遵守本合同條款；若發生糾紛，雙方將經友好協商處理；協商不成的，將請興安省法院處理，法院的決定是最終解決方法；違反方承擔費用。

2. Hợp đồng này được lập thành 02 bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản và có hiệu lực từ ngày ký.

   本合同一式兩份，雙方各持一份，有同等法律效力。從雙方簽訂日起生效。

ĐẠI DIỆN BÊN A 甲方代表	ĐẠI DIỆN BÊN B 乙方代表
CÔNG TY TNHH DỆT MAY LEE HING VIỆT NAM CHỦ TỊCH Liang Yuan	CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ LỆ TINH GIÁM ĐỐC Nguyễn Thị Thu Hậu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 847 /QĐ-UBND	*Hưng Yên, ngày 12 tháng 4 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án nhuộm hàng may mặc của Công ty TNHH Quốc tế Lệ Tinh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Báo cáo số 139/BC-STNMT ngày 05 tháng 4 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Dự án nhuộm hàng may mặc" (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Quốc tế Lệ Tinh (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam thuộc Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài nguyên và Môi trường *(để báo cáo)*;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Quản lý các KCN tỉnh;
- Trung tâm PVHCC và KSTTHC *(trả kết quả)*;
- Công ty TNHH Quốc tế Lệ Tinh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT2[L].

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hùng Nam

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

của Dự án nhuộm hàng may mặc

(Kèm theo Quyết định số 611 /QĐ-UBND ngày 12/4/2022 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

- Tên dự án: Dự án nhuộm hàng may mặc.

- Địa điểm thực hiện: Tại nhà xưởng cho thuê của Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam thuộc Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Quốc tế Lệ Tinh.

1.1. Phạm vi, quy mô Dự án

- Tại nhà xưởng cho thuê có diện tích 6.160 m^2 của của Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam thuộc Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

- Công suất thiết kế: Nhuộm các sản phẩm may mặc: 25.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 1.950 tấn sản phẩm/năm).

- Bố trí các khu vực sản xuất trên diện tích nhà xưởng cho thuê gồm: Khu văn phòng, khu vực hấp định hình, buộc dây, sấy, khu nhuộm, phòng thí nghiệm, kho chứa thuốc nhuộm khô, phòng pha thuốc, khu vệ sinh. Ngoài ra, sử dụng chung với đơn vị cho thuê nhà xưởng các hạng mục công trình phụ trợ như khu lưu giữ chất thải rắn, đường giao thông, sân bãi, cây xanh.

1.2. Công nghệ sản xuất của Dự án

- Quy trình nhuộm các sản phẩm may mặc: Tiếp nhận phôi trắng từ khách hàng → định hình → buộc dây → sấy trước khi nhuộm → nhuộm màu → giặt sau nhuộm → vắt khô → sấy khô → kiểm tra chất lượng và phân loại phôi màu → đóng gói phôi màu.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án

- Nguồn gây ô nhiễm môi trường nước: Nước thải sinh hoạt từ các hoạt động của công nhân viên tại dự án; nước thải phát sinh từ công đoạn giặt. nhuộm, vắt khô; nước mưa chảy tràn.

- Nguồn gây ô nhiễm môi trường không khí: Hơi thuốc nhuộm phát sinh tại các khu vực nhuộm, kho hoá chất và pha hoá chất; bụi, khí thải phát sinh do hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu.

- Ô nhiễm môi trường do chất thải rắn: Chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ các hoạt động của công nhân viên phát sinh khoảng 5,6 m^3/ngày.đêm, có thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất hữu cơ, dầu mỡ.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn nhuộm, giặt, vắt khô với tổng lượng khoảng 593,75 m^3/ngày, có thành phần ô nhiễm chủ yếu là độ màu, chất rắn lơ lửng và các kim loại nặng...

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Hơi hóa chất phát sinh từ công đoạn nhuộm giặt với thành phần các thông số ô nhiễm đặc trưng như: CH_3COOH, hơi HCl, hơi H_2SO_4, axetaldelhyt, butylamin, cyclohexan... Dự báo nồng độ đều nằm trong quy chuẩn cho phép.

- Mùi, khí thải phát sinh từ kho chứa, pha hóa chất nhuộm với thành phần các thông số ô nhiễm đặc trưng như: bụi tổng, hơi HCl, hơi H_2SO_4, CH_3COOH, axetaldelhyt, butylamin, cyclohexan... Tác động không thường xuyên (chỉ xảy ra khi đong, pha hóa chất) nhưng thực hiện trong không gian hẹp, kín do đó sẽ có biện pháp giảm thiểu tác động này.

- Bụi, khí thải phát sinh do hoạt động giao thông, vận chuyển, máy phát điện dự phòng chủ yếu là các khí CO, NO_x. Tải lượng phát thải các khí này biến đổi theo không gian và thời gian.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Chất thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên khoảng 32,5 kg/ngày. Rác thải này bao gồm chủ yếu thức ăn thừa và chất vô cơ như: nilon, giấy.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường gồm: Bao bì giấy, thùng carton phát sinh từ khu vực văn phòng; bao gói nguyên liệu, sản phẩm; sản phẩm lỗi, hỏng với tổng khối lượng khoảng 3,3 kg/ngày.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Gồm các loại chất thải: Bóng đèn huỳnh quang hỏng; giẻ lau, găng tay dính dầu mỡ; dầu mỡ bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị thải bỏ; thùng đựng thuốc nhuộm, hoá chất; than hoạt tính thải; mực in, hộp mực in thải bỏ từ khu vực văn phòng; cặn thuốc nhuộm thải với tổng khối lượng khoảng 456 kg/năm.

3. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ qua 02 bể tự hoại với tổng thể tích 20 m^3; nước thải nhà bếp qua bể tách dầu mỡ có thể tích 10,2 m^3 sau đó ra hệ thống thu gom nước thải của Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam và đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Dệt may Phố Nối.

- Nước thải sản xuất: Nước thải sản xuất được thu gom bằng hệ thống rãnh thu gom bằng bê tông có kích thước 500x500 mm bố trí dọc 2 nhà xưởng có nắp đậy kín tránh phát sinh hơi, mùi hoá chất nhuộm và dẫn về hệ thống xử lý sơ bộ của Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam đảm bảo đạt nồng độ tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải trước khi đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải

- Lắp đặt 01 hệ thống thu gom, xử lý mùi, khí thải phát sinh từ khu kho hoá chất và pha hóa chất nhuộm, quy trình: Mùi, khí thải → chụp hút → quạt hút → tháp hấp phụ bằng màng lọc than hoạt tính → khí thải sau xử lý đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT, QCVN 20:2009/BTNMT thải ra môi trường qua ống thoát khí.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường

Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường được thu gom, phân loại và chuyển về khu lưu giữ chất thải rắn thông thường của Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam có diện tích 24 m^2; hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại được thu gom về khu lưu giữ chất thải nguy hại của Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam có diện tích 30 m^2 có rãnh, hố thu chất thải lỏng và dán biển cảnh báo nguy hiểm; hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

3.5. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

- Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị.

- Trang bị thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thiết kế, lắp đặt hệ thống báo cháy, chữa cháy và trang bị phương tiện chữa cháy đầy đủ theo quy định.

- Định kỳ bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường, vận hành ổn định, khi gặp sự cố sẽ khắc phục kịp thời và kịp thời sửa chữa đảm bảo hệ thống vận hành trong thời gian sớm nhất.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án

- Công trình xử lý bụi, khí thải: 01 hệ thống xử lý mùi, khí thải phát sinh từ khu kho hoá chất và pha hóa chất nhuộm.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Dự án

** Giám sát khí thải:*

- Số vị trí: 01 điểm.

- Vị trí giám sát: Ống thoát khí sau hệ thống xử lý mùi, khí thải phát sinh từ khu kho hoá chất và pha hóa chất nhuộm.

- Thông số giám sát: Lưu lượng, bụi tổng, hơi HCl, hơi H_2SO_4, axetaldelhyt, butylamin, cyclohexan.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: Cột B, QCVN 19:2009/BTNMT – Khí thải đối với bụi và các chất vô cơ; QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải đối với một số chất hữu cơ.

* *Giám sát chất thải rắn:*

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ chất thải rắn tạm thời.

- Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng.

- Tần suất: Thường xuyên, định kỳ 01 năm/lần tổng hợp báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường.

* *Giám sát môi trường lao động:* Theo quy định của Bộ Y tế.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

6.1. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với Dự án

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất phát sinh của dự án đảm bảo đạt nồng độ tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải trước khi đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối.

- Đầu tư 01 hệ thống thu gom, xử lý mùi, khí thải phát sinh từ từ khu kho hoá chất và pha hóa chất nhuộm đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT – Khí thải đối với bụi và các chất vô cơ giá trị giới hạn B, QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải đối với một số chất hữu cơ; tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan; đảm bảo điều kiện làm việc của người lao động theo tiêu chuẩn, quy chuẩn vệ sinh lao động của Bộ Y tế; không phát thải khí thải có mùi khó chịu vào môi trường.

- Thu gom, phân loại, lưu giữ và xử lý toàn bộ các chất thải rắn công nghiệp, rác thải sinh hoạt, chất thải nguy hại đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường theo quy định.

6.2. Chủ dự án có trách nhiệm

- Phải vận hành các công trình xử lý chất thải thường xuyên liên tục, đúng theo quy trình kỹ thuật và phải được thể hiện trong nhật ký vận hành, đảm bảo nước thải, khí thải sau thiết bị xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường cho phép.

- Lập kế hoạch và đảm bảo phương tiện, nhân lực để thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng cứu và khắc phục các rủi ro và sự cố môi trường; chịu trách nhiệm đền bù những thiệt hại môi trường do dự án gây ra.

- Nghiêm túc thực hiện chương trình giám sát chất lượng môi trường như đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; cập nhật, lưu trữ số liệu giám sát và định kỳ báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các KCN tỉnh.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường./.

LT - S2023 - 00016

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence- Freedom- Happiness

HỢP ĐỒNG
CONTRACT

V/v: Vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại
Ref: transporting and treating the hazardous waste
Số: 0112/2023/HĐXLCTNH/CNCHB-LETINH
No. 0112/2023/HĐXLCTNH/CNCHB-LETINH

- Căn cứ vào Bộ Luật dân sự Số 91/2015/QH13 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam Căn cứ vào Bộ Luật dân sự Số 91/2015/QH13 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ngày 24 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 01 năm 2017;
- *Pursuant to Civil Law No. 91/2015/QH13 by National Assembly of S.R of Vietnam dated 24/11/2015 coming into effect on 01/01/2017;*
- Căn cứ vào Luật Bảo vệ Môi trường Số 72/2020/QH14 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ngày 17 tháng 11 năm 2020 có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 01 năm 2022;
- *Pursuant to Law of Environment Protection No. 72/2020/QH14 by National Assembly of S.R of Vietnam dated 17/11/2020 coming into effect on 01/01/2022;*
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 1 năm 2022 có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 1 năm 2022;
- *Pursuant to Circular No. 02/2022/TT-BTNMT dated January 10, 2022 effective from January 10, 2022;*
- Căn cứ giấy phép môi trường số 113/GPMT-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 20/04/2023 của Công ty Cổ phần Môi trường Công nghệ cao Hòa Bình;
- *Pursuant to environmental license No. 113/GPMT-BTNMT issued by the Ministry of Natural Resources and Environment on April 20, 2023, of Hoa Binh High Tech Environment Joint Stock Company;*
- Căn cứ vào đề nghị của Công ty TNHH Quốc tế Lệ Tinh và khả năng của Công ty Cổ phần môi trường Công nghệ cao Hòa Bình;
- *Based on the request of Le Tinh International Co., Ltd. and the capabilities of Hoa Binh High-Tech Environmental Joint Stock Company;*

Hôm nay, ngày 01 tháng 12 năm 2023, chúng tôi gồm có:
Today, December 01, 2023, we are:

Confidentia

BÊN A	:	**CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ LỆ TINH**
PARTY A	:	**LE TINH INTERNATIONAL COMPANY LIMITED**
Đại diện	:	Bà ĐÀM THỊ DUNG
Represented by	:	*Ms. DAM THI DUNG*
Địa chỉ	:	Lô đất số 4, Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối B, Phường Dị Sử, Thị xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
Address	:	*Lot 4, Coordinate Textile Industrial Zone B, Di Su Ward, My Hao Town, Hung oordinate Textile Industrial Zone B, Di Su Ward, My Hao Town, Hung Yen Province, Vietnam*
Điện thoại	:	84 904 658 880
Telephone	:	*84 904 658 880*
Mã số thuế	:	0901104011
Tax code	:	*0901104011*
Tài khoản số	:	
Account No.	:	

BÊN B	:	**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHỆ CAO HÒA BÌNH**
PARTY B	:	**HOA BINH HIGH TECHNOLOGY ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY**
Đại diện	:	Ông NGUYỄN THẾ MẬU
Represented by	:	*Mr NGUYỄN THẾ MẬU*
Địa chỉ	:	Thôn Đồng Phú, Xã Đồng Tâm, Huyện Lạc Thủy, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam
Address	:	*Dong Phu Hamlet, Dong Tam commune, Lac Thuy District, Hoa Binh Province, Viet Nam*
Điện thoại	:	02436789079
Telephone	:	*02436789079*
Mã số thuế	:	5400471316
Tax code	:	*5400471316*
Tài khoản số	:	110618556688 (VNĐ) tại ngân hàng Ngân hàng Vietinbank – Chi nhánh Đông Hà Nội
Account No.	:	*110618556688 (VND) at Vietinbank - Tien Son Branch, Bac Ninh*

Sau khi bàn bạc thỏa thuận hai bên cùng nhất trí ký kết Hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với những nội dung sau:

After the discussion, two parties agree to conclude this contract upon the following terms and conditions:

Confidential

Điều 1. Bên A thuê bên B thực hiện những công việc sau:

Article 1. Party A hires party B to perform the following work:

- Bên A đồng ý giao, bên B đồng ý nhận thực hiện việc vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh trong quá trình sản xuất của bên A. Các loại chất thải cụ thể như sau:

- *Party A agrees to hire party B to transport and treat the harmful wastes discharged from Party A's production process. All types of specific waste shall be shown as follows:*

Stt Ord	Tên chất thải nguy hại Name of harmful waste	Trạng thái tồn tại Existing state	Mã CTNH Code	Phương pháp xử lý Treatment method
1	Nước thải có các thành phần nguy hại *Wastewater*	Lỏng Liquid	19 10 01	Xử lý hóa lý tại hệ thống xử lý nước thải, bùn thải thiêu thủy trong lò đốt, tro xỉ hóa rắn hoặc đóng kén *Physicochemical treatment in wastewater treatment system, Sludge is incinerated in an incinerator, the ash and slag solidify*
2	Mực in thải *Waste ink containing hazardous substances*	Rắn Solid	08 02 01	Thiêu hủy trong lò đốt, tro xỉ hóa rắn *Incinerated in an incinerator, the ash and slag solidify*
3	Hộp mực in thải *Waste printing toner containing hazardous substances*	Rắn Solid	08 02 04	Thiêu hủy trong lò đốt, tro xỉ hóa rắn *Incinerated in an incinerator, the ash and slag solidify*
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại *Absorbing matter, filtering material, clout, saving cloth acquired poisonous clements*	Rắn Solid	18 02 01	Thiêu hủy trong lò đốt, tro xỉ hóa rắn *Incinerated in an incinerator, the ash and slag solidify*
5	Bao bì mềm thải *Soft packaging waste*	Rắn Solid	18 01 01	Thiêu hủy trong lò đốt, tro xỉ hóa rắn *Incinerate in an incinerator, the ash and slag solidify*
6	Bóng đèn huỳnh quang thải *Waste fluorescent lamp*	Rắn Solid	16 01 06	Nghiền phân tách, thủy tinh, đui đèn tái chế, bột huỳnh quang, than hoạt tính thải hóa rắn *Separation grinding, glass,*

Confidential

				recycled lampholders, fluorescent powder, solidified waste activated carbon
7	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải *Waste oil*	Lỏng/ Liquid	17 02 03	Thiêu hủy trong lò đốt, tro xỉ hóa rắn hoặc Xử lý tại hệ thống xử lý, tái chế dầu, cặn dầu được tận dụng làm nhiên liệu đốt *Incinerate in the incinerator, the ash and slag solidify or Treat in the oil treatment and recycling system, the oil sludge is used as fuel*
8	Bao bì cứng thải bằng kim loại *Waste from rigid metal packaging*	Rắn Solid	18 01 02	Thiêu hủy trong lò đốt, tro xỉ hóa rắn hoặc Súc rửa, nước xử lý tại hệ thống xử lý nước thải *Incineration in the incinerator, the ash and slag solidify or Rinsing, water treatment at the wastewater treatment system*
9	Bao bì cứng thải bằng nhựa *Waste from rigid plastic packaging*	Rắn Solid	18 01 03	Thiêu hủy trong lò đốt, tro xỉ hóa rắn hoặc Súc rửa, nước xử lý tại hệ thống xử lý nước thải *Incineration in the incinerator, the ash and slag solidify or Rinsing, water treatment at the wastewater treatment system*
10	Pin, ắc quy thải *Waste cell. battery*	Rắn/ Solid	16 01 12	*Phá dỡ, ngâm tẩy thu hồi nhựa và kim loại, nước thải đưa về hệ thống xử lý nước thải* *Demolition, soaking, recovery of plastic and metal, wastewater sent to the wastewater treatment system*
11	Chất thải y tế *Medical Waste*	Rắn/Solid	13 01 01	Thiêu hủy trong lò đốt, tro xỉ hóa rắn *Incinerated in an incinerator, the ash and slag solidify*
12	Chất kết dính thải *Waste binder*	Rắn/Solid	08 03 01	Thiêu hủy trong lò đốt, tro xỉ hóa rắn *Incinerated in an incinerator, the ash and slag solidify*

Confidential

13	Than hoạt tính từ quá trình xử lý khí thải *Activated carbon from the exhaust treatment process*	Rắn/Solid	12 01 04	Thiêu hủy trong lò đốt, tro xỉ hóa rắn hoặc Hóa rắn tại hệ thống hóa rắn *Incinerate in the incinerator, solidify the ash or slag or Solidify in the solidification system*
14	Bùn thải có chứa thành phần nguy hại *Waste sludge*	Bùn/Sludge	12 06 05	Thiêu hủy trong lò đốt, tro xỉ hóa rắn hoặc Hóa rắn tại hệ thống hóa rắn *Incinerate in the incinerator, solidify the ash or slag or Solidify in the solidification system*

- Vận chuyển và xử lý những chất thải nguy hại này tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về Quản lý chất thải nguy hại và Bảo vệ Môi trường của Việt Nam.

- *Transporting and treating the harmful waste as well as reprocessing should be in accordance with the Vietnam law of harmful management and environment protection.*

Điều 2. Địa điểm, thời gian giao nhận, số lượng, phương tiện vận chuyển

Article 2. Place and time of delivery, quantity and means of transport

2.1. Địa điểm giao nhận chất thải: Tại kho lưu giữ của Công ty bên A: Lô đất số 4, Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối B, Phường Dị Sử, Thị xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

2.1. Place for waste delivery and receipt: at the store of Party A: Lot 4, Pho Noi B Textile Industrial Zone, Di Su Ward, My Hao Town, Hung Yen Province, Vietnam.

2.2. Địa điểm lưu giữ và xử lý:

- Nhà máy của bên B: Tại Công ty CP Môi trường Công Nghệ Cao Hòa Bình, Thôn Đồng Phú, Xã Đồng Tâm, Huyện Lạc Thủy, Tỉnh Hòa Bình

2.2. Place of storage and treatment:

- Party B's factory: At Hoa Binh High Technology Environment Joint Stock Company, Dong Phu Hamlet, Dong Tam commune, Lac Thuy District, Hoa Binh Province, Viet Nam.

2.3. Thời gian giao nhận: Được thực hiện khi có sự yêu cầu của bên A và sau khi bên B bố trí được nhân lực.

2.3. Time of delivery and receipt: shall be as requested by party A and after party B arranges its workforce.

2.4. Số lượng hàng hóa: Căn cứ vào lượng chất thải phát sinh của Bên A.

2.4. Quantity of goods: based on the wastes discharged from the waste source owner.

2.5. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm bố trí phương tiện vận chuyển chuyên dụng, sắp xếp người cho hàng lên xe.

2.5. Means of transport: Party B shall be responsible for arranging the specialized vehicles and workforce.

Confidential

Điều 3. Đơn giá vận chuyển-xử lý và thể thức thanh toán

Article 3: Transporting and Treatment price and mode of payment

3.1. Đơn giá vận chuyển -xử lý

3.1 Transporting and Treatment price

- Đơn giá vận chuyển xử lý từng loại chất thải thể hiện theo bảng sau được thể hiện theo bảng giá dưới đây:

- *The treatment price for each type of waste shall be shown as follows:*

Stt ***Ord***	**Tên chất thải nguy hại** ***Name of harmful waste***	**Số lượng (Kg)** ***Quantity***	**Đơn giá (VNĐ)** ***Unit Price***
1	Nước thải có các thành phần nguy hại /*Wastewater*	01	2.200
2	Mực in thải *Waste ink containing hazardous substances*	01	2.500
3	Hộp mực in thải *Waste printing toner containing hazardous substances*	01	2.400
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại *Absorbing matter, filtering material, clout, saving cloth acquired poisonous clements*	01	2.700
5	Bao bì mềm thải /*Soft packaging waste*	01	2.300
6	Bóng đèn huỳnh quang thải/*Waste fluorescent lamp*	01	2.300
7	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải *Waste oil*	01	800
8	Bao bì cứng thải bằng kim loại *Waste from rigid metal packaging*	01	1.600
9	Bao bì cứng thải bằng nhựa *Waste from rigid plastic packaging*	01	1.600
10	Pin, ắc quy thải /*Waste cell, battery*	01	2.500
11	Chất kết dính thải /*Waste binder*	01	3.400
12	Than hoạt tính từ quá trình xử lý khí thải *Activated carbon from the exhaust treatment process*	01	2.300
13	Chất thải y tế/*Medical Waste*	01	5.500
14	Bùn thải có chứa thành phần nguy hại/*Waste sludge*	01	1.600

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế GTGT.

- *The above unit price not yet included VAT.*

Confidential

- Đơn giá được duy trì trong thời gian Hợp đồng còn hiệu lực

- *The unit price shall be valid within the Contract's validity*

3.2. Phương thức thanh toán

- Hai bên sẽ chốt khối lượng vào ngày 25 hàng tháng, sau đó bên B chuyển đầy đủ chứng từ thanh toán hợp lệ cho bên A trước ngày mồng 5 hàng tháng, bên A thanh toán cho bên B vào ngày cuối cùng của tháng đó, nếu bên B chuyển chứng từ cho bên A sau ngày mồng 5 của tháng, bên A sẽ thanh toán cho bên B vào ngày cuối cùng của tháng kế tiếp. Giá trị thanh toán là khối lượng công việc thực tế bên B thực hiện cho bên A trong tháng đó.

- *The two sides will finalize the volume on the 25th of every month ,party B shall transfer all valid payment documents to Party A by the 5th day of each month, Party A shall pay Party B on the last day of that month, if Party B transfers documents to Party A after the 5th day of month, Party A will pay Party B on the last day of the next month. Payment value is the actual workload performed by Party B for Party A in that month.*

- Thanh toán bằng chuyển khoản.

- *Currency for payment: account transfer.*

Điều 4. Trách nhiệm của các bên

Article 4. The Parties' responsibility

4.1. Trách nhiệm của bên A

4.1. Party A's responsibility

- Trước mỗi đợt bàn giao chất thải nguy hại, bên A phải thông báo cho bên B trước 48 giờ để bên B có thời gian bố trí nhân lực và phương tiện vận chuyển.

- *For each delivery, party A should inform party B 48 hours in advance so that party B shall have the time to arrange its workforce and vehicles.*

- Tạo điều kiện thuận lợi cho nhân lực và phương tiện của chủ Quản lý chất thải nguy hại vào điểm tập kết chất thải để thực hiện bốc xếp CTNH lên phương tiện vận chuyển phù hợp.

- *To facilitate the workforce and vehicles of harmful waste management owner to access to the waste gathering area to load the harmful waste to suitable vehicles.*

- Kiểm tra phương tiện vận chuyển phải có trong danh sách giấy phép Quản lý chất thải được Tổng Cục Môi trường cấp phép mới cho bên B bốc chất thải lên xe.

- *To check whether the vehicles are included in the List of waste management License issued by Environment General Bureau or not, then permitting party B to load the wastes to vehicles.*

- Hỗ trợ xe nâng hàng giúp bên B bốc chất thải lên xe (nếu là hàng nặng).

- *To support the lifting vehicles and assist party B to load wastes to vehicles (if any heavy goods)*

- Chuyển giao chất thải cho bên B, lập chứng từ CTNH theo như quy định của Thông tư Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 có hiệu lực thi hành ngày 10/01/2022. Yêu cầu ghi rõ tên

Confidentia

– số lượng CTNH bàn giao, đại diện có thẩm quyền ký và đóng dấu xác nhận, giữ lại liên 1 và bàn giao các liên còn lại cho bên B.

- To deliver the wastes to party B, preparing the documents of harmful waste as regulated by Circular No. 02/2022/TT-BTNMT *dated 10/01/2022 coming into effect from 10/01/2022. It is required to write clearly the name and the quantity of delivered harmful waste with the signature and seal of authorized representative. Party A shall keep 01 duplicate and the other duplicate shall be delivered to party B.*

- Cử cán bộ, nhân viên kỹ thuật phối hợp cùng bên B thực hiện các hoạt động chuyên môn, giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện và triển khai công việc để làm cơ sở nghiệm thu khối lượng và thanh toán.

- To appoint the technicians to coordinate with party B to implement the professional activities and settle any problems during the work performance for the basis of quantity acceptance and payment.

- Thanh toán đầy đủ kinh phí cho bên B theo đúng nội dung của Hợp đồng sau khi bên A nhận được các chứng từ và hóa đơn thanh tóan hợp lệ từ bên B.

- To make the full payment to party B as agreed in the contract after party A has received all eligible documents and invoice from party B.

- Định kỳ có trách nhiệm báo cáo với cơ quan chức năng về quá trình thực hiện quản lý chất thải theo quy định của Nhà nước.

- To periodically report the competent authorities the management of harmful waste in accordance with the State's regulations.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bên A không được chuyển giao bất kì chất thải nào cho bên nào khác ngoài bên B. Bên B sẽ không chịu trách nhiệm nếu bên A chuyển giao chất thải cho bên khác.

- During the implementation of the contract, Party A is not allowed to transfer any waste to any party other than Party B. Party B will not be responsible if Party A transfers the waste to another party.

4.2 Trách nhiệm của bên B

4.2 Party B's responsibility

- Nhanh chóng bố trí nhân lực và phương tiện vận chuyển khi có sự yêu cầu bàn giao chất thải và thông báo cho bên A thời gian đến nhận chất thải.

- To fast arrange its workforce and vehicles after the request of waste delivery and inform party A of the time for coming to receive the waste.

- Thực hiện nghiêm túc các nội quy, quy định ra vào công ty, nội quy phòng cháy chữa cháy, an toàn vệ sinh môi trường khi làm việc tại địa bàn của bên A.

Confidential

- To strictly perform all regulations of entry and leaving as well as the rules of fire-prevention and environment sanitation safety in case of working in Party A's area.

- Thực hiện nhận bàn giao CTNH từ chủ nguồn thải, tổ chức bốc xếp và vận chuyển CTNH bằng phương tiện chuyên dụng được Tổng Cục Môi trường cấp phép theo đúng các quy định của Nhà nước.

- To hand over the harmful wastes from the discharge source owner; to load and transport the harmful waste by specialized vehicles whose licenses are issued by Environment General Bureau in accordance with the State regulations.

- Vận chuyển đúng chủng loại CTNH. Đảm bảo vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định về Quản lý chất thải nguy hại và Bảo vệ Môi trường của Việt Nam. Chịu trách nhiệm giải quyết các sự cố xảy ra trên đường vận chuyển và trong quá trình xử lý *(Kể từ lúc nhận chất thải nguy hại và khi ra khỏi cổng nhà máy của bên A).*

- To transport the correct type of harmful waste. To guarantee to transport and treat the harmful waste in accordance with the Vietnam regulations of harmful waste management and environment protection. To be responsible for settling any problems occurred on the way of transport and during the handling process (from the receipt of harmful waste to get out from party A's factory gate)

- Cử cán bộ, nhân viên kỹ thuật phối hợp cùng bên A thực hiện các hoạt động chuyên môn để triển khai công việc cũng như giám sát trong quá trình bốc dỡ, vận chuyển và xử lý CTNH.

- To appoint its staff and technicians to coordinate with party A to perform the professional activities such as: supervising the process of harmful waste loading, transporting and handling.

- Xử lý triệt để và chịu trách nhiệm đến cùng với CTNH của bên A.

- To thoroughly treat and take responsibility for harmful waste together with party A.

- Xác nhận chứng từ CTNH và xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho bên A.

- To verify the documents of harmful waste to party A after completing its obligations.

- Gửi cho bên A những giấy phép hoạt động Quản lý chất thải nguy hại (Bản công chứng có giá trị) để bên A giải trình khi có sự kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước về Môi trường tại địa phương.

- To send to party A the Licenses of harmful waste management (validly notarized documents) so that party A makes the presentation if any check of State authorities of environment in the locality.

- Nếu có bất cứ vấn đề gì phát sinh trong quá trình thực hiện đều phải có thông báo bằng văn bản cho bên A để cùng phối hợp giải quyết.

- If any problem is arisen during the performance, it should inform party A in writing for settlement.

Confidentia

Điều 5. Bất khả kháng

Article 5. Force Majuere

- Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc nguy cơ xảy ra chiến tranh,...Và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam thì:

- Force majuere events are the ones occurred objectively and out of the parties' control such as: earthquake, storms, floods, tsunami, landslide, fire, wars or war risks....and unforeseeable events, policies change or any prohibitions of Vietnam competent authorities. In case of any force majuere events:

+ Hai bên sẽ tiến hành thảo luận tìm cách để tháo gỡ khó khăn, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nhau trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ.

+ Two parties shall make the discussion to settle any difficulties and provide the convenience to each other in the support spirit.

+ Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa những ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

+ Two parties shall make suitable prevention measures and necessary replacement measures to minimize any effect of force majuere events.

+ Thông báo ngay cho bên kia ngay sau khi xảy ra các sự kiện bất khả kháng để cùng phối hợp giải quyết.

+ either party shall promptly inform the other party of any occurrence of force majuere events for settlement coordination.

Điều 6. Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng

Article 6. Responsibility for the contract breach

- Hai bên tham gia tự chịu trách nhiệm trước Pháp luật về các cam kết đã thỏa thuận trong Hợp đồng, không được đơn phương sửa đổi nội dung hay hủy bỏ Hợp đồng. Mọi sự thay đổi bổ sung các điều khoản đều phải được sự nhất trí của hai bên và được lập thành văn bản mới có giá trị.

- Two concerned parties shall be self-responsible to the law for their commitment as agreed in this contract. They shall not unilaterally modify any contractual content or terminate this contract. Every amendment or modification to this contract's provision is only valid if it is agreed and made in writing by two parties.

- Trong quá trình thực hiện hai bên cần chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện Hợp đồng, nếu có gì vướng mắc kịp thời thông báo cho nhau, cùng bàn bạc tìm cách giải quyết trên cơ sở hợp tác đảm bảo lợi ích cho cả hai bên. Trường hợp có tranh chấp không tự giải quyết được sẽ khiếu nại với Tòa án kinh tế Hải Phòng để giải quyết. Phán quyết của Tòa án là cuối cùng buộc các bên phải thực hiện. Chi phí cho việc giải quyết tranh chấp và các thiệt hại kinh tế liên quan do bên có lỗi chịu.

Confidential

- During the contract performance, two parties shall inform each other of the progress of performance. If any difficulty, they should timely inform each other and find out the solution on the basis of cooperation and mutual benefits. In case any dispute cannot settled by two parties, such dispute shall be submitted to Hai Phong Economic Court for settlement. The award is final and binding on two parties for performance. The arbitration fee and relevant economic damages shall be borne by the losing party.

- Bên A có quyền chấm dứt hợp đồng khi phát hiện thấy Bên B vi phạm các quy định của hợp đồng này và của pháp luật Việt Nam về bảo vệ môi trường mà không cần báo trước và yêu cầu bồi thường thiệt hại phát sinh.

- Party A is entitled to terminate the contract, if it is found that Party B breaches its obligation in the contract or breach Vietnamese regulations on environment protection, without prior notice and claim for damages.

Điều 7. Hiệu lực của Hợp đồng

Article 7. Contract's validity

- Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 01/12/2023 đến hết ngày 01/12/2024.

- The contract is valid from December 1, 2023 to December 1, 2024.

- Trong trường hợp một trong hai bên muốn đơn phương chấm dứt hợp đồng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trước 30 ngày và thực hiện đầy đủ các thủ tục thanh lý hợp đồng.

- In case one of two side want to unilaterally terminate the Contract, it shall notify to the other in writing before 30 days and fully respond on doing liquidate the Contract.

- Hợp đồng tự động thanh lý khi các bên hoàn tất nghĩa vụ của mình.

- The contracts will be automatically liquidated when both parties fulfill their obligations

- Hợp đồng này được lập thành 04 bản bằng song ngữ tiếng Việt - Anh có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản làm cơ sở thực hiện. Trong trường hợp có xảy ra tranh chấp bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên sử dụng.

- This contract is made in 04 copies in dual lingual Vietnamese- English with adequate juridical value. Each party shall keep 02 copies of each serving as the base of their performance. In case of any difference, the Vietnamese copy shall prevail.

ĐẠI DIỆN BÊN A PARTY A'S REPRESENTATIVE	ĐẠI DIỆN BÊN B PARTY B'S REPRESENTATIVE
CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ LỆ TINH GIÁM ĐỐC Đàm Thị Dung	CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHỆ CAO HÒA BÌNH TỔNG GIÁM ĐỐC Nguyễn Thế Mậu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 1845/GXN-UBND	*Hưng Yên, ngày 13 tháng 11 năm 2019*

GIẤY XÁC NHẬN
HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

của dự án Lee Hing Textile Việt Nam.

BẢN SAO

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN XÁC NHẬN:

I. Thông tin chung về dự án/cơ sở:

- Tên chủ dự án: Công ty TNHH Lee Hing Việt Nam.
- Địa chỉ văn phòng: KCN dệt may Phố Nối, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.
- Địa điểm hoạt động: KCN dệt may Phố Nối, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.
- Điện thoại: 0221 3900 888 Fax:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên, mã số doanh nghiệp 0901006279, đăng ký lần đầu ngày 06/02/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 27/5/2019 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 2219/QĐ-UBND ngày 07/8/2017 của UBND tỉnh.

II. Nội dung xác nhận:

Xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án "dự án Lee Hing Textile Việt Nam" (tại Phụ lục kèm theo).

III. Trách nhiệm của chủ dự án:

Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thường xuyên vận hành và lập nhật ký vận hành các công trình bảo vệ môi trường đã nêu tại Mục 1, 2, 3 của Phụ lục kèm theo Giấy xác nhận này; thực hiện chế độ báo cáo về bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường theo quy định của pháp luật.

IV. Tổ chức thực hiện:

Giấy xác nhận này là căn cứ cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở./.

SAO Y BẢN CHÍNH
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày 25 - 11 - 2019
Số: 5087 Quyển: 01

Nơi nhận:
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Quản lý các KCN tỉnh;
- Công ty TNHH Lee Hing Việt Nam;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT; CV: TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Thế Cử

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 1
CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Thúy

Ủy ban nhân dân Tỉnh Hưng
Giờ ký: 13/11/2019 09:05

PHỤ LỤC

(Kèm theo Giấy xác nhận số: 2845 /GXN-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2019 của UBND tỉnh Hưng Yên)

1. Công trình thu gom, thoát nước, xử lý nước thải

1.1. Công trình thu gom, thoát nước mưa, nước thải

- Đã đầu tư hệ thống thu gom, thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thoát nước thải.

- Công trình thu gom, thoát nước mưa: Đã đầu tư hệ thống đường ống PVC D110, D250, D300 thu gom nước mưa trên mái vào hệ thống thu gom, thoát nước mưa. Đã xây dựng hệ thống thu gom nước mưa bằng hệ thống cống, rãnh bê tông dạng xương cá có chiều rộng D300-D600, tổng chiều dài 1.787 m và bố trí 179 hố ga sau đó thoát vào hệ thống thoát nước mưa của khu công nghiệp

- Công trình thu gom, thoát nước thải:

Đã đầu tư đường ống PVC D110 thu gom nước thải vệ sinh sau bể phốt, nước thải nhà bếp sau bể tách dầu mỡ sau, nước thải rửa tay chân về các hố ga thu gom sau đó đi vào hệ thống thu gom nước thải bằng bê tông cốt thép có kích thước D300-D500 và đấu nối với hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp.

Đã đầu tư đường ống PVC D110 thu gom nước thải từ hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi về hố ga thu gom và được dẫn về hệ thống xử lý nước thải sản xuất.

Đầu tư đường ống bê tông cốt thép D500 thu gom nước thải sản xuất qua hố ga sau đó được đưa về hệ thống xử lý nước thải sản xuất và đấu nối với hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp bằng đường ống bê tông cốt thép D800.

1.2. Công trình xử lý nước thải

- Đã đầu tư 07 bể tự hoại, tổng dung tích là 61,5 m^3 xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt trước khi đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp.

- Đã đầu tư 01 bể tách dầu mỡ có thể tích 10m^3 xử lý sơ bộ nước thải nhà bếp trước khi đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp.

- Đã đầu tư hệ thống xử lý sơ bộ nước thải sản xuất, nước thải từ hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi, công suất 2.000 m^3/ngày với quy trình:

Nước thải → Hố gom → Máy tách rác → Bể gom → Tháp giải nhiệt → Bể điều hòa → Bể phản ứng → Bể lắng → Bể sau xử lý → Đấu nối với hệ thống xử lý nước thải khu công nghiệp.

2. Công trình xử lý bụi, khí thải

- Đã lắp đặt 02 lò hơi đốt than, 01 lò công suất 10 tấn hơi/giờ, 01 lò công suất 15 tấn hơi/giờ và 01 lò dầu đảo nhiệt, công suất 129,2 kWh và lắp đặt 03 hệ thống xử lý bụi, khí thải có chung 01 ống phóng không ra môi trường. Quy trình xử lý bụi, khí thải như sau:

Bụi, khí thải → Xyclon thu bụi → Tháp hấp thụ → Quạt hút ly tâm → Ống phóng không.

- Đã lắp đặt hệ thống xử lý khí thải tại bể gom của hệ thống xử lý sơ bộ nước thải sản xuất với quy trình:

Khí thải → Chụp hút → Quạt hút → Tháp xử lý bằng than hoạt tính (02 lớp) → Ống phóng không.

3. Công trình lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Đã đầu tư kho chứa có diện tích khoảng 24 m^2 có nền cứng, mái che, tường bao lưu giữ chất thải sinh hoạt.

- Đã đầu tư kho chứa có diện tích 24 m^2, có nền cứng, mái che, tường bao để lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường.

- Đã đầu tư kho chứa có diện tích 30 m^2, có nền cứng, mái che, tường bao, rãnh và hố chống tràn đổ CTNH dạng lỏng, dán dấu hiệu cảnh báo để lưu giữ chất thải nguy hại.

4. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Giám sát khí thải:

01 vị trí tại ống phóng không chung sau hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi, lò dầu đảo nhiệt.

Thông số: Bụi, CO, SO_2, NO_x, lưu lượng.

Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT.

01 vị trí sau hệ thống xử lý mùi, hơi hóa chất phát sinh từ hệ thống xử lý sơ bộ nước thải sản xuất.

Thông số: Nhiệt độ, SO_2, CO, NO_x, NH_3, H_2S, Naphtalene.

Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B; QCVN 20:2009/BTNMT.

Tần suất: 03 tháng/lần.

Giám sát nước thải:

01 vị trí tại điểm đấu nối nước thải với hệ thống xử lý nước thải của khu công nghiệp.

Thông số: Độ màu, pH, TSS, COD, BOD_5, NH_4^+, NO_3^-, PO_4^{3-}, tổng dầu mỡ, chất hoạt động bề mặt, coliform, clo, nito, Cr (III), Cr(VI), Cu, Fe, lưu lượng.

Tiêu chuẩn so sánh: Tiêu chuẩn đấu nối của khu công nghiệp.

Tần suất: 03 tháng/lần.

Giám sát môi trường lao động: Theo quy định của Bộ Y tế.

5. Biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Đã đầu tư lắp đặt hệ thống thu gom bụi xưởng dệt với quy trình:

Bụi → Miệng hút → Quạt hút có bộ phận điều không → Màng lọc (thu gom bụi).

- Đã đầu tư tủ hút chuyên dụng, quạt hút trong phòng thì nghiệm và kho chứa hóa chất giảm thiểu hơi hóa chất phát tán ra môi trường.

- Đã đầu tư, lắp đặt hệ thống PCCC tại dự án và được phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy Công an tỉnh Hưng Yên nghiệm thu PCCC công trình Nhà máy Lee Hing Textile Việt Nam tại Công văn số 41/NT-PC07 ngày 30/11/2018.

6. Hồ sơ kèm theo Giấy xác nhận:

Hồ sơ sau đây được UBND tỉnh đóng dấu xác nhận trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Giấy xác nhận này:

Bộ hồ sơ đề nghị xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường với dòng chữ sau trên bìa: "*Kèm theo Giấy xác nhận số /GXN-UBND do UBND tỉnh Hưng Yên cấp ngày / /2019*".

7. Yêu cầu khác:

7.1. Vận hành thường xuyên công trình xử lý nước thải, khí thải đảm bảo nước thải, khí thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; ghi chép nhật ký vận hành và có kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động.

7.2. Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với công trình bảo vệ môi trường hoặc có sự thay đổi nội dung trong Giấy xác nhận này, Chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản đến cơ quan xác nhận để kịp thời xử lý hoặc điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn./.

消防局验收通知

CÔNG AN TỈNH HƯNG YÊN
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 197/NT-PCCC

Hưng Yên, ngày 28 tháng 12 năm 2022

Kính gửi: Công ty TNHH dệt may Leehing Việt Nam.

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy số 267/TD-PCCC ngày 25/11/2022 của Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC và CNCH) Công an tỉnh Hưng Yên;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy số 01/2022/ĐNNT-PCCC đề ngày 12/11/2022 của Công ty TNHH dệt may Leehing Việt Nam *(kèm theo hồ sơ, tài liệu có liên quan)*;

Người đại diện theo pháp luật là Ông Chen Wei Gui; Chức vụ: Tổng giám đốc.

Căn cứ Biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu về PCCC và CNCH ngày 22/12/2022 do đại diện Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Hưng Yên cùng các bên liên quan lập.

Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Hưng Yên chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC của công trình Cải tạo nhà xưởng số 1-A, nhà kho số 17-F, nhà kho số 18-G, nhà kho số 19-H thuộc Nhà máy Leehing Textile Việt Nam với các nội dung sau:

Địa điểm xây dựng: KCN dệt may Phố Nối B, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH dệt may Leehing Việt Nam.

Đơn vị tư vấn giám sát PCCC: Công ty cổ phần tư vấn công nghệ Thành An.

Đơn vị thi công xây dựng: Công ty TNHH xây dựng và thương mại Thành Thắng.

Đơn vị thi công hệ thống PCCC: Công ty cổ phần công nghệ Trường Giang.

Quy mô: Bổ sung đầu báo cháy tia chiếu Beam phía trên không gian trần treo tại Nhà xưởng số 1-A và nhà kho số 19-H. Bổ sung một số gian phòng phụ trợ sản xuất bên trong nhà kho số 17-F, nhà kho số 18-G có trần bằng thạch cao cao 3,4 m và quây vách panel xung quanh. Tháo bỏ trần thạch cao tại vị trí trục 1-2:A-D tại nhà kho số 17-F.

Các hệ thống, giải pháp phòng cháy và chữa cháy: Hệ thống báo cháy tự động trang bị cho toàn bộ khu vực của công trình, tủ trung tâm báo cháy tự động theo vùng 10 kênh. Hệ thống chữa cháy bằng nước bao gồm hệ thống cấp nước chữa cháy trong nhà, hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler được cấp nước từ trạm bơm chữa cháy đã được nghiệm về PCCC ở giai đoạn trước. Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn chỉ dẫn thoát nạn bố trí trên các cửa ra vào, đường thoát nạn để

chiếu sáng, chỉ dẫn lối đi và dễ quan sát. Trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu cho toàn bộ hạng mục công trình.

Nội dung được nghiệm thu về PCCC:

1. Quy mô; bố trí công năng các hạng mục công trình;
2. Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan;
3. Giải pháp thoát nạn;
4. Hệ thống báo cháy tự động;
5. Hệ thống chữa cháy bằng nước (trong nhà, chữa cháy tự động Sprinkler);
6. Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn chỉ dẫn thoát nạn;
7. Trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu;
8. Giải pháp cấp điện cho hệ thống PCCC.

Các yêu cầu kèm theo:

- Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật có liên quan;

- Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật có liên quan đã được lắp đặt theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng;

- Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về PCCC đối với cơ sở trước khi đưa vào hoạt động theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ, đồng thời liên hệ với Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Hưng Yên để được hướng dẫn, lập hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động PCCC;

- Khi cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng của các hạng mục công trình ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn phòng cháy và chữa cháy quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ thì phải lập hồ sơ thiết kế điều chỉnh, gửi đến cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH theo thẩm quyền để được thẩm duyệt thiết kế và nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- C07 – Bộ Công an;
- Đ/c Nguyễn Xuân Hồng – PGĐ CAT; *(để báo cáo)*
- Đ/c Trưởng phòng;
- Đội Công tác phòng cháy *(để quản lý cơ sở)*;
- Lưu: HS.

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Trung tá Cao Thế Hùng

CÔNG AN TỈNH HƯNG YÊN
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu PC10
Ban hành kèm theo
Nghị định số 50/2024/NĐ-CP
ngày 10/5/2024

BIÊN BẢN KIỂM TRA
AN TOÀN VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ

Hồi 08 giờ 00 phút ngày 21 tháng 5 năm 2024, tại Công ty TNHH dệt may Lee Hing Việt Nam.

Địa chỉ: Lô L4, KCN dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

Chúng tôi gồm:

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH - CÔNG AN TỈNH HƯNG YÊN

1. Đ/c Thượng úy Đỗ Văn Duy - Cán bộ Đội Công tác phòng cháy, phụ trách địa bàn.

2. Đ/c Thượng úy Vũ Quang Huy - Cán bộ Đội Công tác phòng cháy.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH DỆT MAY LEE HING VIỆT NAM

1. Ông Chen Wei Gui - Phó Tổng Giám đốc kỹ thuật *(Có Giấy ủy quyền làm việc);*

2. Ông Phạm Văn Hoàng - Cố vấn công ty;

3. Bà Bùi Thị Hằng - Trợ lý công ty, phiên dịch.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐẾN THUÊ: CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ LỆ TINH

1. Bà Nguyễn Thị Thu Hậu - Giám đốc;

Thực hiện Kế hoạch số 245/KH-PC07 ngày 22/02/2024 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Hưng Yên về việc kiểm tra PCCC và CNCH năm 2024; Công văn số 100/PC07 ngày 16/5/2024 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Hưng Yên đối với Nhà máy dệt nhuộm các loại vải thuộc Công ty TNHH dệt may Lee Hing Việt Nam. Kết quả kiểm tra cụ thể như sau:

I. Báo cáo của đại diện đơn vị được kiểm tra

- Công ty TNHH dệt may Lee Hing Việt Nam có địa chỉ tại Lô L4, KCN dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

- Năm đi vào hoạt động: 2018.

- Tính chất hoạt động: Dệt, may, cho thuê nhà xưởng;

- Chất cháy chủ yếu là nguyên liệu và thành phẩm và bao bì đóng gói sản phẩm.

- Tổng số CBCNV làm việc có khoảng 300 người chia 02 ca sản xuất (6h00 - 14h00; 14h00 - 22h00); Bảo vệ có 10 người chia 02 ca thường trực 24/24h.

- Hiện Công ty TNHH dệt may Lee Hing Việt Nam cho Công ty TNHH Quốc tế Lệ Tinh thuê 02 nhà kho F, G mỗi kho có diện tích 3.080m^2, hiện có khoảng 100 người làm việc sử dụng để nhuộm vải.

- Thực trạng trang bị phương tiện PCCC của cơ sở, chất lượng hoạt động của

hệ thống PCCC hoặc các trang thiết bị, phương tiện PCCC của cơ sở: Các hệ thống báo cháy, chữa cháy tự động, họng nước vách tường và các phương tiện thiết bị PCCC và CNCH đều duy trì tình trạng hoạt động; đã phối hợp với đơn vị Viettel Hưng Yên để triển khai lắp đặt hệ thống truyền tin cảnh báo cháy nhanh.

- Những thay đổi về quy mô, tính chất hoạt động hoặc những thay đổi khác liên quan đến có liên quan đến công tác PCCC của cơ sở: Các hạng mục không thay đổi so với thiết kế được duyệt.

II. Kiểm tra thực tế

1. Kiểm tra việc lập và lưu trữ hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động PCCC và CNCH tại cơ sở *(Quy định tại Điều 4 Thông tư 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020; Điều 9 Thông tư 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018)*

* Tại thời điểm kiểm tra cơ sở xuất trình các thành phần hồ sơ như:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0901006279 đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 27/5/2019; Người đại diện theo pháp luật: Ông ZENG, WEINENG – Tổng Giám đốc; Sinh ngày: 20/02/1965; Quốc tịch: Trung Quốc;

- Giấy phép xây dựng số 23/GPXD ngày 12/6/2017; số 43/GPXD ngày 28/8/2020 do Ban quản lý các KCN tỉnh Hưng Yên cấp;

- Giấy chứng nhận đầu tư số 2118785017 thay đổi lần thứ 6 ngày 22/9/2020; Mục tiêu dự án: sản xuất vải trang phục lót, trang phục thể thao, mũ và giày dép; gia công nhuộm và xử lý hoàn tất các sản phẩm từ vải dệt kim; sản xuất khẩu trang các loại; cho thuê nhà xưởng;

- Giấy phép xây dựng; Sơ đồ mặt bằng tổng thể; sơ đồ bố trí phương tiện PCCC; sơ đồ chỉ dẫn thoát nạn;

- Ban hành các nội quy, quy định về PCCC và CNCH; Quyết định thành lập Đội PCCC cơ sở có 50 thành viên (có danh sách kèm theo) và phân công nhiệm vụ của các thành viên Đội PCCC cơ sở;

- Giấy chứng thẩm duyệt PCCC Số 158/TD-PCCC ngày 17/8/2017; Công văn chấp thuận về PCCC số 39/CV-PC66 ngày 27/7/2018; số 85/CV-PC07 ngày 20/11/2018; Biên bản kiểm tra nghiệm thu PCCC ngày 12/9/2018; ngày 28/11/2018; Văn bản nghiệm thu PCCC tổng thể Nhà máy Leehing Textile Việt Nam số 41/NT-PC07 ngày 30/11/2018; Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 267/TD-PCCC ngày 25/11/2022; Biên bản kiểm tra nghiệm thu về PCCC ngày 22/12/2022; Văn bản chấp thuận kết quả kiểm tra nghiệm thu về PCCC số 197/NT-PCCC ngày 28/12/2022 đối với hạng mục cải tạo nhà xưởng số 1-A, nhà kho số 17-F, nhà kho số 18-G, nhà kho số 19-H.

- Biên bản kiểm tra định kỳ của cơ quan Công an;

- Phương án chữa cháy của cơ sở đã xây dựng và được Cơ quan Cảnh sát PCCC phê duyệt năm 2018, năm 2021; xây dựng và phê duyệt phương án CNCH năm 2019.

- Hồ sơ huấn luyện và cấp Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và

CNCH tháng 10/2021 cho 27 thành viên đội PCCC cơ sở; Hồ sơ huấn luyện định kỳ năm 2022, 2023;

- Phối hợp với Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH tổ chức thực tập phương án chữa cháy và CNCH tháng 11/2022 và năm 2023; Hồ sơ thực tập phương án nội bộ năm 2023, 2024.

- Kết quả kiểm tra đo điện trở chống sét năm 2024;

- Hồ sơ bảo hiểm cháy nổ bắt buộc của Công ty bảo hiểm PJICO Hưng Yên (P-23/HYE/NV1/3111/000010), đã tách riêng Giấy chứng nhận bảo hiểm cháy nổ bắt buộc, mua đúng tỉ lệ phí hạn đến ngày 10/7/2024;

- Ngày 28/3/2023 bảo dưỡng phương tiện, thiết bị PCCC và Hợp đồng bảo trì bảo dưỡng số 0605/2024/LH-ECO ngày 06/5/2024 phối hợp với Công ty cổ phần công nghệ xanh - Ecosafe.

- Sổ theo dõi công tác tuyên truyền, huấn luyện; Sổ theo dõi phương tiện PCCC và CNCH.

- Biên bản tự kiểm tra định kỳ hàng tháng và báo cáo kết quả định kỳ công tác PCCC và CNCH.

** Công ty TNHH Quốc tế Lệ Tinh xuất trình một số tài liệu sau:*

- Nội quy, quy định; biển báo, biển chỉ dẫn về phòng cháy, chữa cháy; sơ đồ thoát nạn phù hợp với đặc điểm, tính chất hoạt động của Công ty. Quy định sử dụng thiết bị điện sinh lửa, sinh nhiệt, nguồn lửa, nguồn nhiệt đảm bảo an toàn PCCC.

- Đã cử 25 người tham gia đội PCCC cơ sở của Công ty TNHH dệt may Lee Hing Việt Nam.

- Phối hợp với đơn vị cho thuê định kỳ kiểm tra và duy trì các điều kiện an toàn về PCCC trong phạm vi sử dụng của Công ty.

- Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc số PAR230007HBL.C mua đối với hàng hoá, máy móc tại 02 nhà kho F, G thuê của Công ty TNHH dệt may Lee Hing Việt Nam, đã tách riêng giấy chứng nhận bảo hiểm và mua đúng tỷ lệ theo quy định, hạn đến tháng 3/2025.

2. Kiểm tra thực tế tại cơ sở

2.1. Kiểm tra về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy

a) Đường giao thông cho xe chữa cháy *(Quy định tại Mục 6.2 QCVN 06/2022/BXD)*

- Đảm bảo thông thoáng mặt đường (đường chính, đường cụt, chỗ tránh xe và bãi quay xe....) để phương tiện chữa cháy hoạt động và tiếp cận từng nhà.

- Đảm bảo chiều rộng mặt đường (≥3,5m), chiều cao (≥4,25m) khoảng không từ mặt đường lên phía trên.

- Khoảng cách từ mép đường đến tường nhà hoặc khoảng đất trống để bảo đảm cho phương tiện chữa cháy, CNCH hoạt động.

b) Hệ thống, nguồn cấp nước chữa cháy ngoài nhà *(Theo quy định tại Mục 5.1 QCVN 06:2022/BXD; TCVN 2622-1995 và TCVN 6379:1998 TCVN 6379:1998)*

- Đối với hệ thống trụ cấp nước chữa cháy:

+ Gồm 21 trụ nước chữa cháy ngoài nhà, 02 trụ tiếp nước chữa cháy các trụ nước chữa cháy không bị che lấp, duy trì tình trạng hoạt động; các ngàm nối đúng theo yêu cầu của TCVN 6379:1998, đảm bảo theo quy định.

+ Số lượng, chất lượng của phương tiện, thiết bị được trang bị kèm theo trụ nước: 23 các hộp đựng phương tiện, kèm theo các cuộn vòi, lăng chữa cháy.

- Đối với nguồn nước tự nhiên (ao, hồ, bể nước): Đảm bảo đường, lối đi cho xe, máy bơm chữa cháy đỗ và triển khai hút nước chữa cháy; duy trì lượng nước dự trữ chữa cháy, nhất là vào mùa khô, bên trong Công ty có 01 bể nước chữa cháy có khối tích 600m^3.

- Tại thời điểm kiểm tra có thử nghiệm hoạt động của trụ nước chữa cháy, máy bơm chữa cháy duy trì tình trạng hoạt động.

2.2. Kiểm tra về khoảng cách an toàn PCCC *(Quy định tại phụ lục E, QCVN 06/2022/BXD)*

- Đảm bảo yêu cầu ngăn cháy lan của các kết cấu ngăn cháy (tường, vách, cửa ngăn cháy) của các khối nhà liền kề nhau trong cơ sở hoặc đến tường rào của cơ sở.

- Đảm bảo yêu cầu trong vùng khoảng cách ngăn cháy giữa các khối nhà với nhau hoặc từ khối nhà đến hàng rào tiếp giáp với cơ sở xung quanh; không thay đổi công năng sử dụng của nhà so với thiết kế được duyệt.

2.3. Kiểm tra bố trí mặt bằng, công năng sử dụng trong quá trình hoạt động của các hạng mục nhà

- Tổng diện tích đất: 72.873m2 gồm các hạng mục:

+ Nhà xưởng A, B, C, D cao 1 tầng có cùng 1 diện tích: 5.491m2; Nhà xưởng E: 1 tầng: 3.733m2; Nhà kho F, G cao 01 tầng, có diện tích: 3.080m2; Nhà kho H cao 01 tầng: 2.487m2; Nhà văn phòng cao 03 tầng, có diện tích: 1000m^2/tầng; Nhà nồi hơi có diện tích: 1.640m^2.

Ngoài ra còn có các công trình phụ trợ khác như nhà xe, nhà bảo vệ, trạm bơm, nhà chứa rác,...

- Giải pháp ngăn cháy lan: Đã thực hiện các giải pháp về ngăn cháy lan theo hồ sơ thiết kế được thẩm duyệt.

2.4. Kiểm tra điều kiện đảm bảo an toàn thoát nạn *(Quy định tại QCVN 06/2022/BXD; TCVN 3890-2023)*

- Duy trì yêu cầu thoát nạn của gian phòng:

+ Số lối ra thoát nạn, khoảng cách từ điểm xa nhất của gian phòng đến cửa thoát nạn; chiều rộng của đường, lối đi thoát nạn trong gian phòng, khu vực đảm bảo theo quy định.

+ Việc ngăn chia các các khu vực làm việc, bàn, ghế (gian phòng công cộng, văn phòng), bố trí dây chuyền công nghệ (khu vực sản xuất), sắp xếp, tồn chứa vật tư, hàng hóa (kho chứa) không ảnh hưởng đến chiều rộng đường, lối thoát nạn, khoảng cách thoát nạn.

+ Số người thường xuyên có trong gian phòng không vượt quá số lượng đã được phê duyệt.

- Duy trì yêu cầu của cửa thoát nạn:

+ Việc duy trì các cửa đi trên lối ra thoát nạn, hành lang, sảnh thoát nạn luôn mở theo chiều thoát nạn, được duy trì trạng thái thường đóng và không bị khóa.

+ Các cửa thoát nạn không bị khóa, chốt, bảo đảm ngăn khói và cửa không có chốt khóa để mở từ bên trong ra không cần chìa khóa.

2.5. Kiểm tra hệ thống điện

- Đối với hệ thống điện trong nhà, công trình:

+ Vị trí đặt tủ điện tổng và các hệ thống kỹ thuật khác, việc đấu nối bảo đảm yêu cầu kỹ thuật, ngăn cháy lan với khu vực xung quanh.

+ Việc bố trí cầu dao, aptomat của hệ thống điện phù hợp với công suất tiêu thụ của hệ thống. Dây dẫn, cáp điện trong nhà được đi trong các ống gen cách điện, chống cháy theo quy định.

+ Duy trì nối đất an toàn cho máy móc, thiết bị sử dụng điện trong các nhà máy, xưởng sản xuất để hạn chế hiện tượng rò điện ra vỏ thiết bị gây nguy hiểm cho người làm việc khi tiếp xúc.

+ Việc bố trí hàng hóa, vật tư, vật liệu dễ cháy và dễ bắt cháy đảm bảo khoảng cách với vị trí đặt ổ cắm điện, các thiết bị đóng cắt điện như cầu dao, aptomat, các thiết bị tiêu thụ điện, đặc biệt là thiết bị có khả năng sinh nhiệt, tia lửa dẫn đến khả năng xảy ra cháy lan do tiếp xúc hoặc khi có sự cố chập điện.

- Đối với nguồn điện cấp cho PCCC:

+ Nguồn điện cấp cho hệ thống PCCC gồm: hệ thống báo cháy, chiếu sáng và chỉ dẫn thoát nạn được lấy từ các tủ điện độc lập.

+ Thử nghiệm hoạt động của hệ thống điện cấp cho các hệ thống PCCC trên nguyên tắc khi cắt nguồn điện chính thì hệ thống này vẫn hoạt động bình thường.

2.6. Trang bị phương tiện, trang phục cho lực lượng PCCC cơ sở

(Phụ lục II, Thông tư số 150/2020/TT-BCA)

- Việc trang bị phương tiện chữa cháy (bình chữa cháy): Đã trang bị bình chữa cháy các loại.

- Đồ bảo hộ (Quần áo chữa cháy, mũ chữa cháy, gang tay, giầy, ủng, mặt nạ lọc độc, đèn phin chịu nước, bộ đàm cầm tay): Đã trang bị 27 bộ.

- Phương tiện cứu nạn, cứu hộ (rìu cứu thương, xà beng, búa tạ, kìm cộng lực, túi sơ cứu loại A, cáng cứu thương): Đã trang bị.

2.7. Kiểm tra các trang thiết bị, phương tiện PCCC

a) Kiểm tra việc duy trì trang bị đầu báo cháy, nút ấn, chuông đèn báo cháy

- Đối với đầu báo cháy (kiểm tra theo gian phòng, khu vực, hạng mục):

+ Đầu báo cháy lắp đặt tại khu vực xưởng sản xuất, văn phòng gồm các đầu báo cháy khói quang, nhiệt, tia chiếu.

+ Vị trí lắp đặt đầu báo cháy không bị che lấp bởi các thiết bị, vật liệu khác làm ảnh hưởng đến diện tích bảo vệ; đầu báo cháy không bị biến dạng và bị tháo ra.

+ Tình trạng hoạt động của đầu báo cháy (có đèn hiển thị trạng thái, kiểm tra xem đèn có hiển thị/nháy không): Duy trì tình trạng hoạt động.

+ Thử nghiệm hoạt động của đầu báo cháy (thời gian tác động của đầu báo nhiệt không quá 02 phút, đầu báo khói không quá 30 giây và đầu báo cháy lửa không quá 05 giây): Qua thử nghiệm, các loại đầu báo truyền tín hiệu về tủ trung tâm báo cháy và phát chuông cảnh báo cháy.

- Nút ấn, còi, đèn báo cháy (tổ hợp báo cháy)

+ Vị trí đặt tổ hợp báo cháy không bị che lấp bởi các thiết bị, vật liệu khác; số lượng đèn, nút ấn, còi (chuông) báo cháy đảm bảo theo thiết kế được duyệt.

+ Thử nghiệm hoạt động của tổ hợp báo cháy (kích hoạt nút ấn, tín hiệu còi, đèn báo cháy): Tại thời điểm kiểm tra, kích hoạt nút ấn báo cháy đã báo tín hiệu ra chuông đèn cảnh báo khu vực cháy.

b) Kiểm tra duy trì trang bị, hoạt động của hệ thống cấp nước chữa cháy trong nhà:

* Hệ thống họng nước chữa cháy:

- Số lượng, vị trí lắp đặt của họng nước chữa cháy đúng theo thiết kế được duyệt; duy trì tình trạng của họng nước chữa cháy trong nhà; các họng nước chữa cháy không bị cản trở, che lấp bởi vật liệu, hàng hóa.

- Cơ số phương tiện, thiết bị và tình trạng của thiết bị trang bị kèm theo họng nước chữa cháy đủ số lượng và đảm bảo theo quy định.

- Thử nghiệm hoạt động của họng nước, lăng, vòi chữa cháy. Đối với hệ thống họng nước chữa cháy duy trì áp theo chế độ tự động của máy bơm.

* Hệ thống chữa cháy tự động bằng nước, Sprinkler.

- Việc lắp đặt loại đầu phun phù hợp với khu vực bảo vệ (đảm bảo về số lượng, vị trí lắp, đảm bảo yêu cầu hoạt động của đầu phun sprinker).

- Tình trạng tổng thể bên ngoài của thiết bị (đường ống, van khóa, các đầu phun ở đúng vị trí, không bị hư hỏng, rỉ sét, rò nước....), không bị cản trở, che lấp bởi các phương tiện thiết bị, hàng hóa.

- Hệ thống cấp nước đã duy trì áp suất nước trong đường ống của hệ thống đến đầu phun sprinkler.

c) Kiểm tra bình chữa cháy ban đầu

- Vị trí trang bị bình chữa cháy đúng quy định, bảo đảm thuận lợi để sử dụng chữa cháy, đảm bảo tính toàn vẹn của vỏ bình, van, vòi phun; loại chất chữa cháy của bình phù hợp với đám cháy của khu vực bảo vệ.

- Tình trạng của bình chứa khí:

+ Đối với bình có áp kế: Áp kế để theo dõi áp lực khí đẩy trong bình còn bảo đảm chỉ vạch xanh.

+ Đối với bình không có áp kế: Qua cân và ghi trọng lượng bình đối chiếu với trọng lượng ban đầu thì bình đảm bảo.

- Lựa chọn theo xác xuất một số bình chữa cháy và phun chữa cháy theo tình huống giả định: Đảm bảo hiệu quả chữa cháy ban đầu.

d) Về hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn

- Duy trì vị trí lắp và số lượng của đèn chiếu sáng sự cố và đèn chỉ dẫn thoát nạn bảo đảm đúng quy định; các đèn không bị che lấp bởi các thiết vị, vật dụng khác.

- Thử nghiệm hoạt động của các đèn (kiểm tra qua nút test tại đèn hoặc ngắt nguồn điện lưới cấp cho đèn), các đèn duy trì tình trạng hoạt động đúng chức năng, bảo đảm cường độ sáng, thời gian chiếu sáng dự phòng.

đ) Kiểm tra duy trì việc niêm yết các nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC, CNCH

- Duy trì vị trí niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành.

- Nội quy bảo đảm nội dung theo quy định; mẫu biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC, CNCH đúng quy cách.

- Các phương tiện này không bị hư hỏng, cũ, mờ hoặc bị che lấp bởi vật dụng khác.

2.8. Kiểm tra việc duy trì hoạt động của các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan đến PCCC

a, Kiểm tra hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở

- Số lượng và người thực hiện nhiệm vụ PCCC đúng theo quyết định; đã được huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; việc phân công thường trực PCCC, CNCH trong và ngoài giờ đảm bảo theo quy định (ngoài giờ bố trí 05 đồng chí, trong giờ bố trí 30 đồng chí).

- Kiểm tra việc thường trực, kiến thức, kỹ năng của đội viên đội PCCC: Thành viên Đội PCCC duy trì hoạt động tại cơ sở; biết sử dụng các phương tiện, thiết bị về PCCC được trang bị tại cơ sở.

- Khi có tình huống báo cháy giả định tại 1 khu vực: Các thành viên Đội PCCC cơ sở khi có chuông báo cháy đã thực hiện các nhiệm vụ báo cháy, triển khai phương tiện chữa cháy và thực hiện nhiệm vụ CNCH theo nhiệm vụ đã được phân công.

b) Kiểm tra hệ thống tiếp địa, chống sét

- Hệ thống chống sét, tiếp địa các thiết bị theo quy định (kim thu sét, dây dẫn sét, mối nối của dây dẫn...) bảo đảm yêu cầu, nối đất cho các thiết bị được duy trì.

- Kết quả đo điện trở, nối đất: Đã thực hiện đo, kiểm tra định kỳ.

III. Kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở

(Quy định tại Khoản 3, Điều 5, Luật số 40/2013/QH13 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC cụ thể hóa tại Nghị định 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP):

3.1. Trách nhiệm trong việc tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH

- Đã tổ chức tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật và kiến thức về PCCC, CNCH (theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC và khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP) cho CBCNV và đội viên Đội PCCC cơ sở.

- Hàng năm, phê duyệt chương trình, kế hoạch, kinh phí và chỉ đạo, tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH phù hợp với từng đối tượng tại cơ sở; đã cập nhật, bổ sung trong sổ theo dõi công tác tuyên truyền, bồi dưỡng, huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH của cơ sở.

3.2. Trách nhiệm trong việc thành lập, duy trì hoạt động của đội PCCC cơ sở

- Đã ban hành quyết định thành lập, quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ của đội PCCC cơ sở; việc thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của đội PCCC cơ sở cụ thể như sau:

+ Đã tổ chức, quản lý hoạt động của Đội PCCC cơ sở thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

+ Đã phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở được quy định cụ thể tại Điều 45 Luật PCCC, nhiệm vụ CNCH được quy định tại Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP. Các nhiệm vụ này được cụ thể hóa kèm theo Quyết định thành lập Đội PCCC cơ sở.

+ Bảo đảm chế độ chính sách đối với cán bộ, đội viên đội PCCC cơ sở: Đã thực hiện;

+ Công ty đã trang bị phương tiện, thiết bị PCCC cho Đội PCCC cơ sở theo quy định của Thông tư số 150/2020/TT-BCA, Thông tư số 48/2015/TT-BCA.

- Cơ sở có khoảng 300 người làm việc tại các nhà xưởng, văn phòng, nhà kho đã thành lập Đội PCCC cơ sở gồm 50 người; lựa chọn người tham gia Đội PCCC cơ sở bảo đảm số lượng quy định và phù hợp với công tác PCCC, CNCH của cơ sở; lưu Quyết định trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở và gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

+ Cơ sở đã thành lập và duy trì hoạt động của Đội PCCC cơ sở, định kỳ rà soát để đưa ra khỏi danh sách những người không bảo đảm tiêu chuẩn và bổ sung thêm đội viên đảm bảo về số lượng quy định và yêu cầu công tác PCCC, CNCH tại cơ sở.

3.3. Trách nhiệm trong việc ban hành theo thẩm quyền nội quy và biện

pháp về PCCC và CNCH

- Đã ban hành Quyết định kèm theo nội quy, biện pháp PCCC, nội quy về công tác CNCH phù hợp với từng khu vực của cơ sở; việc ban hành nội quy, biện pháp về PCCC:

+ Nội dung nội quy, quy định về PCCC bảo đảm theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

+ Nội dung nội quy, quy định về CNCH bảo đảm theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA.

- Cơ sở đã ban hành nội quy, biện pháp PCCC và CNCH phù hợp với từng hạng mục, khu vực. Chỉ đạo, tổ chức phổ biến các quy định, biện pháp PCCC và CNCH cho CBCNV của cơ sở; niêm yết nội quy, quy định tại các khu vực theo quy định và giám sát việc thực hiện; lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

3.4. Trách nhiệm trong việc tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH

- Định kỳ hàng tháng tổ chức kiểm tra an toàn về PCCC và kiểm tra các điều kiện bảo đảm an toàn về CNCH của người đứng đầu cơ sở (theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 5 Luật PCCC, Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP; Điều 16 Nghị định 136/2020/NĐ-CP) và được ghi nhận bằng biên bản tự kiểm tra.

- Định kỳ đã xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra gửi Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Hưng Yên theo quy định.

- Đã lưu biên bản kiểm tra và báo cáo trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH.

3.5. Trách nhiệm trong việc xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (quy định tại Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Điều 9 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

- Đã xây dựng phương án chữa cháy (được Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH phê duyệt), phương án CNCH (cơ sở tự phê duyệt) theo quy định; nội dung phương án chữa cháy và CNCH đã sử dụng lực lượng, phương tiện tại chỗ đối với cơ sở;

- Năm 2023 phối hợp với Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH tổ chức thực tập phương án và năm 2024 có hồ sơ tự thực tập phương án.

3.6. Trách nhiệm trong việc huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH (quy định tại Điều 33 Nghị định 136/2020/NĐ-CP và Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

Đã phối hợp với Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH tổ chức huấn luyện nghiệp vụ về PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý; việc huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC bảo đảm theo quy định. Năm 2023 phối hợp với Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH định kỳ.

IV. Nhận xét đánh giá và kiến nghị

Nhìn chung việc thực hiện trách nhiệm của người đứng đầu và các quy định của nhà nước về PCCC và CNCH đã được quan tâm, thực hiện. Để đảm bảo an toàn PCCC và CNCH và thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về PCCC và CNCH, Đoàn kiểm tra Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Hưng Yên yêu cầu người đứng đầu cơ sở phải thực hiện nghiêm trách nhiệm của mình và những nội dung liên quan trong công tác PCCC và CNCH tại cơ sở như sau:

- Thường xuyên bổ sung, cập nhật hồ sơ theo dõi quản lý công tác PCCC và CNCH theo quy định (*Điều 4 Thông tư 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020; Điều 9 Thông tư 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018).*

- Trên khu vực đường giao thông không được để nguyên vật liệu, hàng hóa, máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông,..., không được làm nối mái phía trên, xây dựng lấn đường giao thông hoặc gây cản trở việc tiếp cận phục vụ công tác chữa cháy tại cơ sở; bố trí sắp xếp hàng hoá trong, vị trí xuất hàng và các khu vực xung quanh kho gọn gàng đảm bảo theo quy định *(Thực hiện thường xuyên).*

- Thường xuyên và định kỳ tổ chức kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị, phương tiện hệ thống PCCC tại cơ sở: Các bình chữa cháy kiểm tra định kỳ là 30 ngày/lần theo quy định tại điểm 4.2.1 TCVN 7435-2:2004 và bảo dưỡng ít nhất 1 năm một lần tại điểm 4.3.1 TCVN 7435-2:2004; vận hành bơm chữa cháy 01 lần/tuần; lăng, vòi kiểm tra 6 tháng/lần; Đèn chỉ dẫn thoát nạn, đèn chiếu sáng sự cố thực hiện kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ một năm một lần theo quy định tại Mục III Phụ lục VII Thông tư 17/2021/TT-BCA; Hệ thống báo cháy tự động thực hiện kiểm tra ít nhất một năm một lần và bảo dưỡng định kỳ toàn bộ hệ thống ít nhất hai năm một lần theo quy định tại Mục I Phụ lục VII Thông tư 17/2021/TT-BCA; Hệ thống chữa cháy tự động phải được kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ một năm một lần theo quy định tại Mục II Phụ lục VII Thông tư 17/2021/TT-BCA. Sau mỗi lần kiểm tra phải được đánh giá trên phiếu, sổ theo dõi và lưu trữ vào hồ sơ quản lý theo quy định.

- Duy trì công tác tự kiểm tra công tác PCCC tại cơ sở và sau mỗi lần kiểm tra phải có biên bản lưu; Thực hiện báo cáo định kỳ công tác PCCC **6 tháng/lần** gửi về Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Hưng Yên theo quy định;

- Phải tổ chức, bố trí phương án đảm bảo an toàn PCCC cho công trình bằng các giải pháp như tăng cường lực lượng thường trực 24/24h, kiểm soát, quản lý chặt chẽ nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất cháy, bổ sung phương tiện, thiết bị, dụng cụ chữa cháy... trong đó tập trung tăng cường các giải pháp đối với các hạng mục, khu vực còn tồn tại về PCCC và CNCH để chủ động ngăn ngừa nguy cơ cháy, nổ, tai nan, sự cố xảy ra tại cơ sở.

V. Ý kiến của đại diện cơ sở liên quan

* Đại diện đơn vị cho thuê: Ông Chen Wei Gui - Phó Tổng Giám đốc kỹ thuật *(Thông qua phiên dịch)* có ý kiến: Tôi xin hoàn toàn nhất trí với toàn bộ nội dung,

kết quả kiểm tra mà Đoàn kiểm tra về PCCC và CNCH đã nêu trong biên bản này. Tôi thay mặt cơ sở xin cam kết sẽ tiếp tục tổ chức thực hiện tốt công tác PCCC và CNCH trong thời gian tới. Ngoài ra không có ý kiến gì khác.

* Đại diện đơn vị đến thuê: 1. Bà Nguyễn Thị Thu Hậu - Giám đốc;

- Giám đốc có ý kiến: Tôi xin hoàn toàn nhất trí với toàn bộ nội dung, kết quả kiểm tra mà Đoàn kiểm tra về PCCC và CNCH đã nêu trong biên bản này; trong thời gian tới sẽ tiếp tục phối hợp với đơn vị cho thuê duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH theo quy định. Ngoài ra không có ý kiến gì khác.

Biên bản lập xong hồi 10 giờ 20 phút, cùng ngày gồm 11 trang được lập thành 03 bản, mỗi bên liên quan giữ 01 bản, đã đọc lại cho mọi người có tên trên cùng nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây./.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ CHO THUÊ	ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐẾN THUÊ	CÁN BỘ KIỂM TRA
CÔNG TY TNHH DỆT MAY LEE HING VIỆT NAM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC KỸ THUẬT CHEN WEI GUI	CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ LỆ TINH GIÁM ĐỐC Nguyễn Thị Thu Hậu	Thượng úy Đỗ Văn Duy
PHIÊN DỊCH		
Bùi Thị Hằng		

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 699 /GPMT-UBND	*Hưng Yên, ngày 04 tháng 4 năm 2024*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng khu công nghiệp Dệt may Phố Nối số 110/CV-PTHT ngày 28 tháng 3 năm 2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Báo cáo số 167/BC-STNMT ngày 03 tháng 4 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp giấy phép cho Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng Dệt may Phố Nối, địa chỉ trụ sở chính: Khu công nghiệp dệt may Phố Nối B, xã Nghĩa Hiệp, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án "Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối diện tích 121,6987 ha" tại xã Nghĩa Hiệp, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ và phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối diện tích 121,6987 ha.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Nghĩa Hiệp, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ và phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp 0900234755 đăng ký lần đầu ngày 18/02/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 06/10/2022 do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp.

1.4. Mã số thuế: 0900234755.

1.5. Loại hình sản xuất: Khu công nghiệp, gồm các ngành, nghề được phép thu hút đầu tư: Tổng hợp các ngành nghề công nghiệp nhẹ, may mặc, hàng tiêu dùng; công nghiệp cơ khí, hóa chất, điện máy, điện tử; công nghiệp chế biến thực phẩm, dược phẩm.

Chi tiết các ngành, nghề được phân loại theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, bao gồm:

TT	Danh mục ngành nghề được phép đầu tư	Mã ngành
1	Sản phẩm dệt may	C131
2	Sản xuất hàng dệt khác; sản xuất giày, dép	C139, C152
3	Các ngành công nghiệp nhẹ, may mặc, hàng tiêu dùng	C14, C222, H52, L68
4	Công nghiệp cơ khí, hóa chất, điện máy, điện tử	C259, C20, C26
5	Công nghiệp chế biến thực phẩm, dược phẩm	C10, C21
6	Dịch vụ khai thác, xử lý và cung cấp nước	E36
7	Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải	E37

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Dự án được triển khai trên diện tích 121,6987 ha thuộc địa bàn xã Nghĩa Hiệp, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ và phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô đầu tư: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

2. Nội dung cấp giấy phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

3.1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

3.2. Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng Dệt may Phố Nối:

3.2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

3.2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước

pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả chất thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

3.2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh Hưng Yên, Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

3.2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh Hưng Yên, Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giấy phép có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thời hạn của Giấy phép: 07 (bảy) năm kể từ ngày cấp giấy phép.

Giấy phép môi trường thành phần: Giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi số 301/GP-TCTL-PCTTr ngày 24/7/2019 của Tổng cục Thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 159/GXN-BTNMT ngày 12/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Tổng cục Thủy lợi – Bộ NN&PTNT;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Quản lý các KCN tỉnh;
- UBND huyện Yên Mỹ, thị xã Mỹ Hào;
- Cổng TTĐT tỉnh *(đăng tải công khai)*;
- Trung tâm PVHCC và KSTTHC *(trả kết quả)*;
- Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng Dệt may Phố Nối;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT2[L].

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hùng Nam

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 699 /GPMT-UBND ngày 04/4 /2024 của UBND tỉnh Hưng Yên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

1.1. Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt

- Nguồn số 1: Tòa nhà văn phòng Công ty.
- Nguồn số 2: Nhà máy xử lý nước cấp công suất 12.000 m^3/ngày đêm.
- Nguồn số 3: Nhà làm việc tại nhà máy xử lý nước thải tại giai đoạn I.
- Nguồn số 4: Nhà làm việc tại nhà máy xử lý nước thải tại giai đoạn II.

1.2. Nguồn phát sinh nước thải sản xuất

- Nguồn số 5: Phòng thí nghiệm.
- Nguồn số 6: Khu vực ép bùn.
- Nguồn số 7: Các doanh nghiệp thứ cấp.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Dòng nước thải số 1 từ nhà máy xử lý nước thải giai đoạn I

2.1.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Kênh tiêu Trần Thành Ngọ thuộc địa bàn xã Nghĩa Hiệp, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

2.1.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả nước thải: Xã Nghĩa Hiệp, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.
- Tọa độ vị trí xả nước thải *(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^0 30'$, múi chiếu 3^0)*: X(m): 2315148,6838; Y(m): 558534,1178.

2.1.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 12.000 m^3/ngày đêm (24 giờ).

- Phương thức xả nước thải: Tự chảy; xả mặt, xả ven bờ.
- Chế độ xả nước thải: Liên tục, 24 giờ/ngày đêm.
- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCĐP 02:2019/HY – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp (K_q=0,9; K_f=0,9; K_{hy}=0,85), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng đầu vào	m^3/giờ	-	-	Thực hiện trước 31/12/2024
2	Lưu lượng nước thải đầu ra	m^3/giờ	-	-	Đã lắp đặt
3	Nhiệt độ	^0C	40	-	Đã lắp đặt
4	pH	-	6 đến 9	-	Đã lắp đặt
5	Chất rắn lơ lửng	mg/L	34,425	-	Đã lắp đặt

6	COD	mg/L	51,6375	-	Đã lắp đặt
7	Amoni (tính theo N)	mg/L	4,05	-	Thực hiện trước 31/12/2024
8	Màu	-	50	-	Đã lắp đặt
9	Tổng N	mg/L	16,2	3 tháng/lần	Không áp dụng
10	Tổng P	mg/L	3,24	3 tháng/lần	Không áp dụng
11	BOD_5 (20°C)	mg/L	20,655	3 tháng/lần	Không áp dụng
12	Asen	mg/L	0,0405	3 tháng/lần	Không áp dụng
13	Thuỷ ngân	mg/L	0,00405	3 tháng/lần	Không áp dụng
14	Chì	mg/L	0,081	3 tháng/lần	Không áp dụng
15	Cadimi	mg/L	0,0405	3 tháng/lần	Không áp dụng
16	Crom VI	mg/L	0,0405	3 tháng/lần	Không áp dụng
17	Crom III	mg/L	0,162	3 tháng/lần	Không áp dụng
18	Đồng	mg/L	1,62	3 tháng/lần	Không áp dụng
19	Kẽm	mg/L	2,43	3 tháng/lần	Không áp dụng
20	Niken	mg/L	0,162	3 tháng/lần	Không áp dụng
21	Mangan	mg/L	0,405	3 tháng/lần	Không áp dụng
22	Sắt	mg/L	0,81	3 tháng/lần	Không áp dụng
23	Tổng Xianua	mg/L	0,0567	3 tháng/lần	Không áp dụng
24	Tổng phenol	mg/L	0,081	3 tháng/lần	Không áp dụng
25	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	4,05	3 tháng/lần	Không áp dụng
26	Sunfua	mg/L	0,162	3 tháng/lần	Không áp dụng
27	Florua	mg/L	4,05	3 tháng/lần	Không áp dụng
28	Clorua	mg/L	405	3 tháng/lần	Không áp dụng
29	Clo dư	mg/L	0,81	3 tháng/lần	Không áp dụng
30	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/L	0,0405	01 năm/lần	Không áp dụng
31	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/L	0,243	01 năm/lần	Không áp dụng
32	Tổng PCB	mg/L	0,0024	01 năm/lần	Không áp dụng
33	Coliform	MPN/100mL	3.000	3 tháng/lần	Không áp dụng
34	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1	3 tháng/lần	Không áp dụng
35	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0	3 tháng/lần	Không áp dụng

2.2. Dòng nước thải số 2 từ nhà máy xử lý nước thải giai đoạn II

2.2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Kênh tiêu Trần Thành Ngọ thuộc địa bàn phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

2.2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả nước thải: Phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

- Tọa độ vị trí xả nước thải *(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^0 30'$, múi chiếu 3^0):* X(m): 2313837,730; Y(m): 560395,831.

2.2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 8.000 m^3/ngày đêm (24 giờ).

- Phương thức xả nước thải: Tự chảy; xả mặt, xả ven bờ.
- Chế độ xả nước thải: Liên tục, 24 giờ/ngày đêm.
- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCĐP 02:2019/HY – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp (K_q=0,9; K_f=0,9; K_{hy}=0,85), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng đầu vào	m^3/giờ	-	-	Đã lắp đặt
2	Lưu lượng nước thải đầu ra	m^3/giờ	-	-	Đã lắp đặt
3	Nhiệt độ	^{0}C	40	-	Đã lắp đặt
4	pH	-	6 đến 9	-	Đã lắp đặt
5	Chất rắn lơ lửng	mg/L	34,425	-	Đã lắp đặt
6	COD	mg/L	51,6375	-	Đã lắp đặt
7	Amoni (tính theo N)	mg/L	4,05	-	Đã lắp đặt
8	Màu	-	50	-	Đã lắp đặt
9	Tổng N	mg/L	16,2	-	Đã lắp đặt
10	Tổng P	mg/L	3,24	-	Đã lắp đặt
11	BOD_5 (20°C)	mg/L	20,655	3 tháng/lần	Không áp dụng
12	Asen	mg/L	0,0405	3 tháng/lần	Không áp dụng
13	Thuỷ ngân	mg/L	0,00405	3 tháng/lần	Không áp dụng
14	Chì	mg/L	0,081	3 tháng/lần	Không áp dụng
15	Cadimi	mg/L	0,0405	3 tháng/lần	Không áp dụng
16	Crom VI	mg/L	0,0405	3 tháng/lần	Không áp dụng
17	Crom III	mg/L	0,162	3 tháng/lần	Không áp dụng
18	Đồng	mg/L	1,62	3 tháng/lần	Không áp dụng
19	Kẽm	mg/L	2,43	3 tháng/lần	Không áp dụng
20	Niken	mg/L	0,162	3 tháng/lần	Không áp dụng
21	Mangan	mg/L	0,405	3 tháng/lần	Không áp dụng
22	Sắt	mg/L	0,81	3 tháng/lần	Không áp dụng
23	Tổng Xianua	mg/L	0,0567	3 tháng/lần	Không áp dụng
24	Tổng phenol	mg/L	0,081	3 tháng/lần	Không áp dụng
25	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	4,05	3 tháng/lần	Không áp dụng
26	Sunfua	mg/L	0,162	3 tháng/lần	Không áp dụng
27	Florua	mg/L	4,05	3 tháng/lần	Không áp dụng
28	Clorua	mg/L	405	3 tháng/lần	Không áp dụng
29	Clo dư	mg/L	0,81	3 tháng/lần	Không áp dụng
30	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/L	0,0405	01 năm/lần	Không áp dụng
31	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu	mg/L	0,243	01 năm/lần	Không áp dụng

	cơ				
32	Tổng PCB	mg/L	0,0024	01 năm/lần	Không áp dụng
33	Coliform	MPN/100mL	3.000	3 tháng/lần	Không áp dụng
34	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1	3 tháng/lần	Không áp dụng
35	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0	3 tháng/lần	Không áp dụng

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Đường ống thoát nước thải toàn KCN được đặt trên hè dọc theo các tuyến đường trong KCN. Độ sâu chôn ống ban đầu là ≥ 0,7 (m). Ống thoát nước thải tại KCN Giai đoạn I được sử dụng là ống BTCT với đường kính ống là D300. Độ dốc thiết kế là độ dốc nhỏ nhất được tính bằng i = 1/D đảm bảo vận tốc tự chảy tối thiểu D ≥ 0,7 (m/s). Trên tuyến ống bố trí các hố ga, khoảng cách giữa các hố ga khoảng 25-30 (m). Nước thải từ các nhà máy được thu gom trên dọc tuyến ống và chảy về bể gom của Nhà máy xử lý nước thải.

Riêng Nhà máy Dệt nhuộm Hưng Yên đặt tại Giai đoạn I (đơn vị có nhu cầu xử lý nước thải lớn nhất trong KCN hiện nay) được lắp đặt riêng 01 đường ống thu gom nước thải bằng ống HDPE D600. Độ dốc dọc i = 0,2%, khoảng cách các hố ga L=30m; đặt dưới lòng đường EF nội bộ KCN. Điểm đầu từ hàng rào nhà máy đến điểm cuối là hố gom Nhà máy xử lý nước thải, chiều dài đoạn tuyến: L=160m.

Tại giai đoạn II, hệ thống đường ống thu gom nước thải sử dụng vật liệu chính là ống HDPE. Nước thải phát sinh từ các Doanh nghiệp của giai đoạn II được thu gom bằng ống HDPE D450 về nhà máy xử lý nước thải tại giai đoạn II. Mặt khác, nước thải từ các Doanh nghiệp của giai đoạn II cũng được thu gom bằng ống HDPE D300, D400, D500 về Nhà máy XLNT tại giai đoạn I, do chiều dài tuyến thu gom nước thải từ giai đoạn II sang giai đoạn I là quá lớn nên có bố trí 01 trạm bơm chuyển bậc nhằm đảm bảo khả năng thu gom nước thải.

Trạm bơm chuyển bậc tại KCN giai đoạn II (đóng vai trò điều tiết): Nước thải tại các lô L3, L4, L5, L6, L7, L8 và từ đường ống D450 chảy về trạm bơm để bơm đẩy về nhà máy xử lý nước thải giai đoạn I. Ngược lại, cũng có thể từ trạm bơm chuyển bậc bơm vào đường ống D450 bơm về nhà máy XLNT giai đoạn II.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Nhà máy xử lý nước thải giai đoạn I công suất 12.000 m^3/ngày đêm

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → tách rác thô → bể gom → thiết bị tách rác tinh → bể điều hòa 1, bể điều hòa 2 → {(bồn phản ứng → thiết bị tuyển nổi)/(bể phản ứng 1→ bể phản ứng 2 → bể keo tụ → bể tạo bông → bể lắng siêu tốc)} → bể tiếp xúc → tháp giải nhiệt → bể kị khí → bể trung gian → bể hiếu khí 1

→ bể hiếu khí 2 → bể lắng bùn sinh học → bể keo tụ - tạo bông → bể lắng bùn hóa lý → bể khử trùng → kênh đo lưu lượng → trạm quan trắc tự động, liên tục → nước thải sau xử lý đạt QCĐP 02:2019/HY – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp (K_q=0,9; K_f=0,9; K_{hy}=0,85) thải ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 12.000 m^3/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: Vôi, phèn sắt, axit H_2SO_4 50%, polymer A, chống cáu cặn, PAC, khử màu, Chlorine, than hoạt tính, polymer C.

1.2.2. Nhà máy xử lý nước thải giai đoạn II công suất 8.000 m^3/ngày đêm

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → bể tiếp nhận → bể điều hòa → tháp giải nhiệt → bể keo tụ - tạo bông 1 → bể lắng bùn hóa lý 1 → bể trung gian → bể kị khí → bể bơm tuần hoàn → bể selector → bể anoxic → bể sinh học hiếu khí → bể lắng bùn sinh học → bể keo tụ - tạo bông 2 → bể lắng bùn hóa lý 2 → bể khử trùng → mương quan trắc tự động, liên tục → nước thải sau xử lý đạt QCĐP 02:2019/HY – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp (K_q=0,9; K_f=0,9; K_{hy}=0,85) thải ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 8.000 m^3/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: Axit H_2SO_4 50%, chất keo tụ PAC, polyme anion, H_3PO_4, hóa chất khử màu, polymer cation, khử bọt, chlorine, mật rỉ, men vi sinh.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.3.1. Nhà máy xử lý nước thải giai đoạn I công suất 12.000 m^3/ngày đêm

- Số lượng trạm: 01 trạm.

- Vị trí lắp đặt: Mương quan trắc, trước khi thải ra môi trường.

- Thông số lắp đặt:

+ Thông số đã lắp đặt: Lưu lượng nước thải đầu ra, nhiệt độ, pH, chất rắn lơ lửng, COD.

+ Thông số chưa lắp đặt, hoàn thành trước ngày 31/12/2024: Lưu lượng nước thải đầu vào, amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: 01 thiết bị.

- Camera theo dõi: 01 bộ.

- Kết nối, truyền số liệu: Đã kết nối, truyền dữ liệu quan trắc tự động, liên tục nước thải sau xử lý về Sở Tài nguyên và Môi trường.

1.3.2. Nhà máy xử lý nước thải giai đoạn II công suất 8.000 m^3/ngày đêm

- Số lượng trạm: 01 trạm.

- Vị trí lắp đặt: Mương quan trắc, trước khi thải ra môi trường.

- Thông số lắp đặt:

+ Thông số đã lắp đặt: Lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra, nhiệt độ, pH, chất rắn lơ lửng, COD, amoni, tổng N, tổng P.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: 01 thiết bị.

- Camera theo dõi: 01 bộ.

- Kết nối, truyền số liệu: Chưa kết nối, truyền dữ liệu quan trắc tự động, liên tục nước thải sau xử lý về Sở Tài nguyên và Môi trường.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố

- Đối với nhà máy xử lý nước thải giai đoạn I: Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, lưu chứa nước thải tại bể điều hòa và bể gom quay vòng nước thải (thể

tích bể điều hòa, bể gom là 9.015,02 m^3) khi hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp gặp sự cố.

- Đối với nhà máy xử lý nước thải giai đoạn II: Đã xây dựng hồ sự cố có dung tích thiết kế 8.623,3 m^3 để lưu chứa nước thải khi hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp gặp sự cố.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý nước thải. Thường xuyên kiểm tra, bảo trì và bảo dưỡng các thiết bị máy móc của nhà máy xử lý nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra các đường ống, thiết bị để kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục; lắp đặt camera giám sát, thiết bị lấy mẫu tự động và truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

- Định kỳ 01 tháng/lần thực hiện lấy mẫu giám sát ngẫu nhiên chất lượng nước thải sau xử lý của 5 ÷ 8 cơ sở thứ cấp và định kỳ 01 tuần/lần thực hiện lấy mẫu phân tích chất lượng nước thải đầu vào trạm xử lý nước thải tập trung của Dự án.

- Lấy mẫu và phân tích chất lượng nước thải định kỳ theo quy định nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý.

- Vận hành linh hoạt 02 nhà máy xử lý nước thải khi 01 trong 2 nhà máy xử lý nước thải gặp sự cố.

- Quy trình ứng phó sự cố:

+ Trường hợp lưu lượng nước thải đầu vào vượt quá giới hạn tiếp nhận, quy trình ứng phó:

Bước 1: Mở van chuyển nước thải từ bể gom về Hồ sự cố theo đường ống inox DN 200 bằng các bơm tại bể gom.

Bước 2: Cán bộ phụ trách nhà máy sẽ liên hệ và cử người kiểm tra một số đơn vị có lưu lượng xả thải lớn để xác định đơn vị thứ cấp gây ra sự cố.

Bước 3: Sau khi xác định chính xác đơn vị thứ cấp xảy ra sự cố, yêu cầu Đơn vị giảm lưu lượng xả thải hoặc ngưng xả thải.

Bước 4: Khởi động lại trạm bơm để tiếp tục chuyển lượng nước còn lại trong trạm bơm về nhà máy.

Bước 5: Sau khi kiểm tra chất lượng nước thải tại các hạng mục công trình trong nhà máy xử lý sẽ tiến hành các bước điều chỉnh hóa chất, thời gian lưu nước… để đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra của nhà máy xử lý tập trung đạt theo tiêu chuẩn xả thải ra môi trường.

Bước 6: Khi lưu lượng và chất lượng nước thải về nhà máy ổn định, nhân viên vận hành sẽ thực hiện việc đóng van dẫn nước về Hồ sự cố để đưa vào nhà máy xử lý bình thường.

+ Trường hợp nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải đầu vào vượt quá giới hạn tiếp nhận, quy trình ứng phó:

Bước 1: Mở van chuyển nước thải từ bể gom về Hồ sự cố theo đường ống inox DN 200 bằng các bơm tại bể gom.

Bước 2: Song song với việc kiểm tra chất lượng nước thải ảnh hưởng đến các hạng mục công trình xử lý tiếp theo như bể điều hòa,... Đội trưởng đội vận hành sẽ cùng các nhân viên vận hành tiến hành kiểm tra tại các Trạm bơm chuyển bậc để xác định khu vực gây ra sự cố, nhanh chóng tìm ra được đơn vị thứ cấp gây ra sự cố.

Bước 3: Sau khi xác định chính xác đơn vị thứ cấp xảy ra sự cố, yêu cầu Đơn vị giảm lưu lượng xả thải hoặc ngưng xả thải. Đơn vị chỉ được phép xả thải trở lại khi đã khắc phục sự cố trong hệ thống cục bộ, chất lượng nước thải đạt tiêu chuẩn đấu nối với KCN.

Bước 4: Khởi động lại trạm bơm để tiếp tục chuyển lượng nước còn lại trong trạm bơm về nhà máy. Lượng nước thải này sẽ được kiểm tra chất lượng tại Phòng thí nghiệm của nhà máy để có thể đưa vào Hồ sự cố khi chất lượng nước vẫn không đạt giới hạn tiếp nhận xử lý của hệ thống.

Bước 5: Sau khi kiểm tra chất lượng nước thải tại các hạng mục công trình trong nhà máy xử lý sẽ tiến hành các bước điều chỉnh hóa chất, thời gian lưu nước... để đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra của nhà máy xử lý tập trung đạt theo tiêu chuẩn xả thải ra môi trường.

Bước 6: Khi lưu lượng và chất lượng nước thải về nhà máy ổn định, nhân viên vận hành sẽ thực hiện việc đóng van dẫn nước về Hồ sự cố để đưa vào nhà máy xử lý bình thường.

+ Trường hợp tràn, rò rỉ nước thải ra môi trường:

Khi phát hiện sự cố tràn đổ nước thải vào hệ thống thu gom nước mưa và thoát vào công trình thủy lợi, nhân viên trực ca tiến hành các bước sau:

Bước 1: Thông báo cho người phụ trách sự cố, thông báo đơn vị đang xả thải gây tràn đổ để ngưng hoạt động xả thải.

Bước 2: Thông báo đến cơ quan chức năng và tiến hành khoanh vùng nước thải, ngăn không cho nước thải thoát vào công trình thủy lợi.

Bước 3: Tiến hành bơm nước thải bị chảy tràn về hồ sự cố (đối với vị trí khoanh chặn tại giai đoạn 2) hoặc điều tiết nước thải vào mạng lưới thu gom nước thải.

Bước 4: Kiểm tra lưu lượng tiếp nhận nước thải của Nhà máy xử lý nước thải tại giai đoạn I và giai đoạn II để thực hiện điều tiết nước thải về các Nhà máy xử lý nước thải.

Bước 5: Kiểm tra nguyên nhân nước thải bị chảy tràn (nghẹt cống dẫn....) tiến hành khắc phục.

Bước 6: Nạo vét bùn tại mương, cống thoát nước mưa để xử lý và khơi thông dòng chảy.

+ Trường hợp Nhà máy XLNT tại giai đoạn I gặp sự cố:

Bước 1: Ngưng hoạt động xả thải; thông báo cho người phụ trách sự cố, thông báo ngưng điều tiết nước thải từ giai đoạn II về Nhà máy XLNT tại giai đoạn I.

Bước 2: Bơm nước thải trong mạng lưới nước thải tại giai đoạn II vào hồ sự cố của Nhà máy XLNT tại giai đoạn II.

Bước 3: Kiểm tra sửa chữa, khắc phục sự cố, trong vòng 4h chưa khắc phục sự cố thỏa thuận với các Doanh nghiệp hoạt động tại giai đoạn I, giai đoạn II hỗ trợ điều tiết lượng nước thoát vào mạng lưới thoát nước thải.

Bước 4: Sau khi khắc phục tiến hành điều tiết nước thải từ giai đoạn II về giai đoạn I để xử lý và xử lý nước thải đang lưu chứa trong hồ sự cố.

+ Trường hợp Nhà máy XLNT tại giai đoạn II gặp sự cố:

Bước 1: Ngưng hoạt động xả thải; thông báo cho người phụ trách sự cố, giám sát khả năng của vận hành của Nhà máy XLNT tại giai đoạn I để điều tiết lượng nước thải từ giai đoạn II về xử lý.

Bước 2: Đưa nước thải vào hồ sự cố của Nhà máy XLNT tại giai đoạn II.

Bước 3: Sau khi khắc phục tiến hành xử lý nước thải đang lưu chứa trong hồ sự cố.

+ Trường hợp cả hai Nhà máy XLNT đều gặp sự cố (rất khó có thể xảy ra):

Bước 1: Ngưng hoạt động xả thải, thông báo cho người phụ trách sự cố, kiểm tra tình trạng sự cố tại mỗi Nhà máy, kiểm tra lưu lượng tiếp nhận nước thải của mỗi Nhà máy XLNT.

Bước 2: Tiến hành kiểm soát lưu lượng của trạm bơm điều tiết nước thải từ giai đoạn II về giai đoạn I. Tiến hành song song việc lưu chứa nước thải vào bể gom và bể điều hòa tại mỗi Nhà máy XLNT (đối với Nhà máy XLNT tại giai đoạn I: tổng thể tích là 9015,02 m^3 và đối với Nhà máy XLNT tại giai đoạn II: tổng thể tích là 7293,92 m^3). Ngoài ra, nước thải cũng được lưu chứa vào hồ sự cố (8.000 m^3) của Nhà máy XLNT tại giai đoạn II. Thể tích lưu chứa nước thải cho cả 2 giai đoạn tính toán là 24.308,94 m^3 có khả năng ứng phó sự cố trong 29 giờ.

Bước 3: Thực hiện kiểm tra khắc phục sự cố. Trong trường hợp quá 29 giờ mà vẫn chưa khắc phục sự cố, Công ty sẽ thông báo cho các dự án đầu tư thứ cấp hoạt động trong khu công nghiệp để ngừng đấu nối nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp; yêu cầu các đơn vị thứ cấp có trách nhiệm lưu chứa nước thải tại đơn vị hoặc ngừng sản xuất, đảm bảo không làm phát sinh nước thải chưa xử lý ra ngoài môi trường; khẩn trương sửa chữa, khắc phục sự cố và có thông báo tới các đơn vị thứ cấp được biết khi hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp đã được khắc phục, sửa chữa xong.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Từ ngày 10/4/2024 đến ngày 10/7/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

- Nhà máy xử lý nước thải giai đoạn I công suất 12.000 m^3/ngày đêm:

+ Vị trí lấy mẫu: 02 điểm (01 điểm tại bể gom, 01 điểm tại mương quan trắc trước khi thải ra môi trường).

+ Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại mục 2.1.3 phần A Phụ lục này.

+ Tần suất lấy mẫu: Theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Nhà máy xử lý nước thải giai đoạn II công suất 8.000 m^3/ngày đêm:

+ Vị trí lấy mẫu: 02 điểm (01 điểm tại bể gom, 01 điểm tại mương quan trắc trước khi thải ra môi trường).

+ Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại mục 2.2.3 phần A Phụ lục này.

+ Tần suất lấy mẫu: Theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi: Nước thải xử lý đạt QCĐP 02:2019/HY – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp (K_q=0,9; K_f=0,9; K_{hy}=0,85) thải ra kênh tiêu Trần Thành Ngọ thuộc địa bàn xã Nghĩa Hiệp, huyện Yên Mỹ và phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

3.3. Trường hợp xả thải của nhà máy có sự cố bất thường phải báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan chức năng liên quan ở địa phương.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.6. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31/12/2024. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm nghiệm, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 699 /GPMT-UBND ngày 14/4/2024 của UBND tỉnh Hưng Yên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

Có 01 nguồn: Mùi, khí thải phát sinh từ bể xử lý kị khí của nhà máy xử lý nước thải giai đoạn II công suất 8.000 m^3/ngày đêm.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

Có 01 dòng khí thải: Ống thoát khí sau hệ thống xử lý mùi, khí thải phát sinh từ bể xử lý kị khí của nhà máy xử lý nước thải giai đoạn II công suất 8.000 m^3/ngày đêm.

- Vị trí xả thải: Ống thoát khí sau hệ thống xử lý mùi, khí thải phát sinh từ bể xử lý kị khí của nhà máy xử lý nước thải giai đoạn II công suất 8.000 m^3/ngày đêm thuộc khu công nghiệp Dệt may Phố Nối, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên. Tọa độ *(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^0 30'$, múi chiếu 3^0)*: X(m): 2313812,9121; Y(m): 560296,3041.

- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 10.000 m^3/giờ.

+ Phương thức xả thải: Cưỡng bức.

+ Chế độ xả thải: Không liên tục.

+ Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B (K_p=1; K_v=0,8) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn cho phép
1	Lưu lượng	m^3/giờ	-
2	Amoniac và các hợp chất amoni	mg/Nm^3	40
3	Hydro sunphua, H_2S	mg/Nm^3	6,0
4	Metyl mercaptan	mg/Nm^3	15

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý

Mùi, khí thải phát sinh từ bể kỵ khí của nhà máy xử lý nước thải giai đoạn II công suất 8.000 m^3/ngày đêm được hệ thống họng hút, chụp hút, đường ống thu gom khí thải, quạt hút dẫn về tháp lọc sinh học để xử lý trước khi thải ra ngoài môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

Hệ thống xử lý mùi, khí thải phát sinh từ bể kỵ khí của nhà máy xử lý nước thải giai đoạn II công suất 8.000 m^3/ngày đêm:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Mùi, khí thải từ bể kị khí của nhà máy xử lý nước thải giai đoạn II công suất 8.000 m^3/ngày đêm → chụp hút → quạt hút → tháp lọc sinh học → khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (K_p=1; K_v=0,8), QCVN 20:2009/BTNMT thải ra môi trường qua ống thoát khí.
- Công suất thiết kế: 10.000 m^3/giờ.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Vật liệu đệm, bùn sinh học từ bể sinh học hiếu khí.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Từ ngày 10/4/2024 đến ngày 10/7/2024.

2.2. Công trình, thiết bị phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý mùi, khí thải phát sinh từ bể kỵ khí của nhà máy xử lý nước thải giai đoạn II công suất 8.000 m^3/ngày đêm:

- Vị trí lấy mẫu: 01 điểm tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý mùi, khí thải phát sinh từ bể kỵ khí của nhà máy xử lý nước thải giai đoạn II công suất 8.000 m^3/ngày đêm.
- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý mùi, khí thải phát sinh từ bể kỵ khí của nhà máy xử lý nước thải giai đoạn II công suất 8.000 m^3/ngày đêm theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại mục 2 phần A Phụ lục này.
- Tần suất lấy mẫu: Theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường./.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 699 /GPMT-UBND ngày 04/4 /2024 của UBND tỉnh Hưng Yên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Có 02 nguồn ồn, rung chính của cơ sở:

- Nguồn số 1: Tiếng ồn, rung phát sinh từ hoạt động của máy nén khí của nhà máy xử lý nước thải giai đoạn I.

- Nguồn số 2: Tiếng ồn, rung phát sinh từ hoạt động của máy nén khí của nhà máy xử lý nước thải giai đoạn II.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn số 1: Tọa độ X(m)= 2315149,5364; Y(m)= 558348,8673.

Nguồn số 2: Tọa độ X(m)= 2313806,9025; Y(m)= 560283,6309.

bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Nền móng đặt máy được xây dựng bằng bê tông có chất lượng cao.

- Có kế hoạch theo dõi, bảo trì (kiểm tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hỏng,..).

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su như thiết kế của máy để giảm rung.

- Trang bị cho công nhân thiết bị chống ồn khi làm việc tại các công đoạn có phát sinh tiếng ồn cao.

- Trồng cây xanh trong và xung quanh khu công nghiệp để ngăn cản và giảm tiếng ồn.

2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn các thiết bị để hạn chế tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 699 /GPMT-UBND ngày 04/4 /2024 của UBND tỉnh Hưng Yên)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Đơn vị	Khối lượng
I	**Nhà máy xử lý nước thải công suất 12.000 m^3/ngày đêm**			
1	Hộp mực in thải	08 02 04	kg/năm	0,49
2	Mực in thải	08 01 02	kg/năm	0,37
3	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	kg/năm	0,8
4	Pin thải	19 06 05	kg/năm	0,49
5	Giẻ lau dính dầu	18 02 01	kg/năm	33,93
6	Dầu động cơ, bôi trơn thải	17 02 04	kg/năm	39,65
7	Linh kiện điện tử thải	16 01 03	kg/năm	1,17
8	Bao bì cứng thải	18 01 04	kg/năm	9
9	Bao bì mềm hóa chất	18 01 01	kg/năm	3.458,10
10	Các chất thải khác chứa thành phần nguy hại	19 12 03	kg/năm	175,5
11	Bùn từ nhà máy xử lý nước thải tại giai đoạn I	12 06 05	kg/năm	12.394.390
II	**Nhà máy xử lý nước thải công suất 8.000 m^3/ngày đêm**			
1	Hộp mực in thải	08 02 04	kg/năm	0,49
2	Mực in thải	08 01 02	kg/năm	0,37
3	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	kg/năm	0,85
4	Pin thải	19 06 05	kg/năm	0,49
5	Giẻ lau dính dầu	18 02 01	kg/năm	33,93
6	Dầu động cơ, bôi trơn thải	17 02 04	kg/năm	39,65
7	Linh kiện điện tử thải	16 01 03	kg/năm	1,17
8	Bao bì cứng thải	18 01 04	kg/năm	9
9	Bao bì mềm hóa chất	18 01 01	kg/năm	3.458,10
10	Các chất thải khác chứa thành phần nguy hại	19 12 03	kg/năm	175,5
11	Bùn từ nhà máy xử lý nước thải tại giai đoạn II	12 06 05	kg/năm	9.915.510
III	**Nhà máy xử lý nước cấp công suất 12.000 m^3/ngày đêm**			
1	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	kg/năm	0,75
2	Bao bì cứng thải	18 01 04	kg/năm	8
3	Bao bì mềm hóa chất	18 01 01	kg/năm	2.150,00

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Đơn vị	Khối lượng
IV	**Nhà điều hành**			
1	Hộp mực in thải	08 02 04	kg/năm	0,71
2	Mực in thải	08 01 02	kg/năm	0,43
3	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	kg/năm	0,85
4	Pin thải	19 06 05	kg/năm	0,71
V	**Mạng lưới thoát nước thải**			
1	Bùn nạo vét mạng lưới thoát nước thải	12 06 05	kg/năm	1.100
Tổng cộng				**22.320.600,5**

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bùn từ nhà máy xử lý nước cấp	160
2	Rác thải từ hoạt động quét dọn vệ sinh đường giao thông	800
3	Bùn nạo vét hệ thống thoát nước mưa	900
	Tổng	**1.860**

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

2,8635 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: Các thùng nhựa HDPE có nắp đậy.
- Khu vực lưu chứa:

+ Kho chứa chất thải nguy hại tại nhà máy xử lý nước thải giai đoạn I: có 02 kho diện tích: 08 m^2 và 43,2 m^2; kết cấu tường xây, có mái che, sàn bê tông để chống thấm, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ CTNH dạng lỏng; dán nhãn cảnh báo và trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy, chữa cháy theo quy định.

+ Kho chứa chất thải nguy hại tại nhà máy xử lý nước thải giai đoạn II: Diện tích 08 m^2, kết cấu tường xây, có mái che, sàn bê tông để chống thấm, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ CTNH dạng lỏng; dán nhãn cảnh báo và trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy, chữa cháy theo quy định.

+ Kho chứa chất thải nguy hại tại nhà máy xử lý nước cấp: Diện tích 16,5 m^2, kết cấu tường xây, có mái che, sàn bê tông để chống thấm, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ CTNH dạng lỏng; dán nhãn cảnh báo và trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy, chữa cháy theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát

- Tại nhà máy xử lý nước thải giai đoạn I: Bố trí khu vực lưu giữ bùn thải có diện tích 365 m^2.

- Tại nhà máy xử lý nước thải giai đoạn II: Bố trí khu vực lưu giữ bùn thải có diện tích 300 m^2.

- Tại nhà máy xử lý nước cấp: Bố trí khu vực lưu giữ bùn thải có diện tích 218 m^2.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: Các thùng chứa dung tích 15 lít, 120 lít, 160 lít.

- Khu vực lưu chứa: Không có.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy theo quy định về phòng cháy, chữa cháy;

- Các loại chất thải nguy hại được phân loại, để đúng vào các thùng chứa đã được dán tên, mã chất thải. Kho chứa rác thải có cửa ra vào để kiểm soát; dán biển tên, biển cảnh báo tại khu vực kho chứa rác thải. Định kỳ thuê đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải, tránh tình trạng để rác thải đầy kho, tràn ra ngoài.

Phụ lục 5

YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 699 /GPMT-UBND ngày 04/ 4 /2024 của UBND tỉnh Hưng Yên)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Không còn hạng mục, công trình sản xuất và công trình bảo vệ môi trường phải tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường này.

D. CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động, bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định pháp luật.

3. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường.

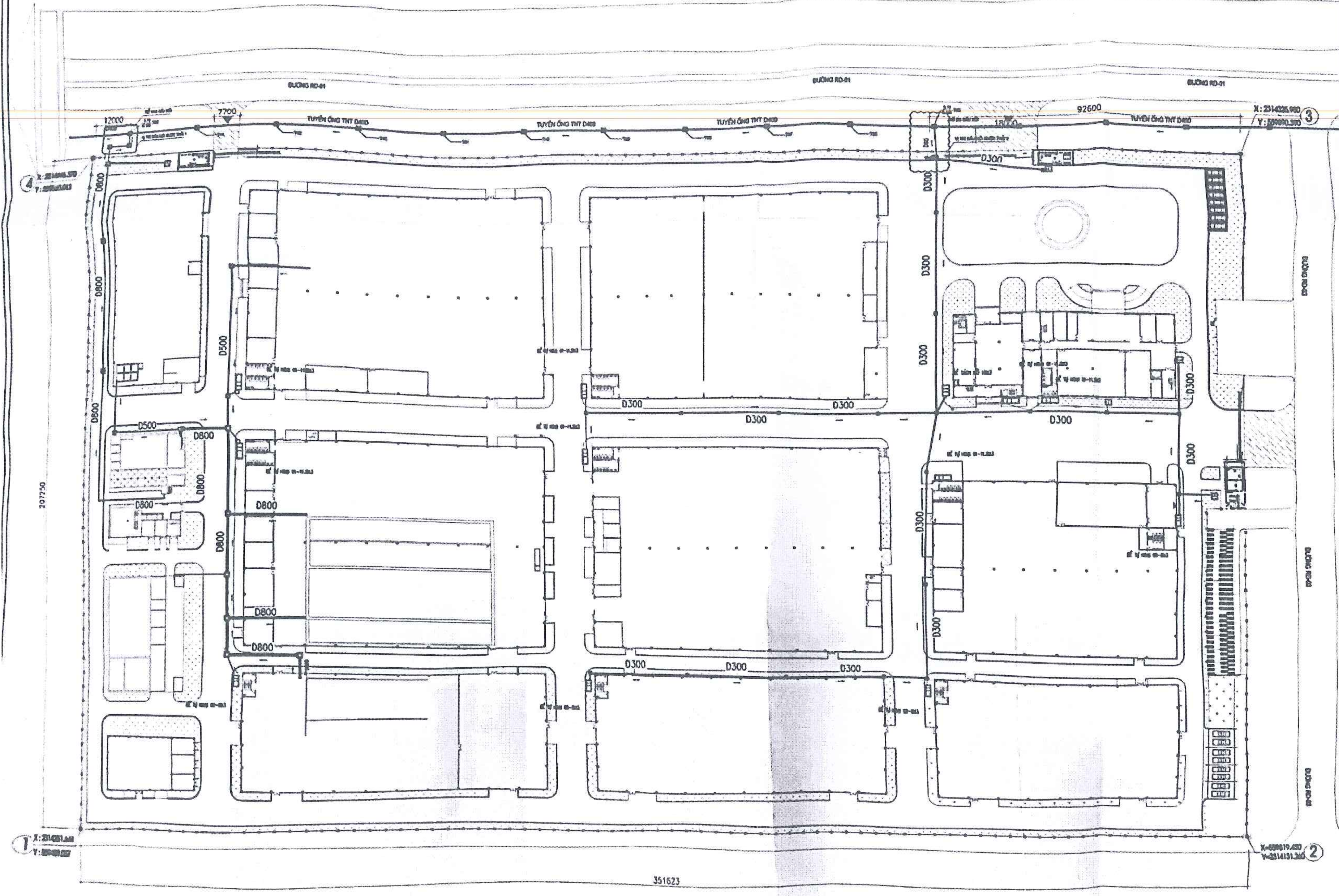
4. Ban hành và nghiêm túc thực hiện quy chế về bảo vệ môi trường của khu công nghiệp phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật theo quy định tại điểm k khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường.

5. Trồng và chăm sóc cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

TỔNG MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI HIỆN TRẠNG VỀ NHÀ MÁY XLNT SỐ 1

CÔNG TY TNHH DỆT MAY LEE HING VIỆT NAM



SỬA ĐỔI:

LẦN	NGÀY	XÁC N

CÔNG TY CỔ PHẦN PH
HẠ TẦNG DỆT MAY P

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG DỆT MAY PHỐ NỐI

TỔNG G
Phan T

CÔNG TY TRÁCH NHIỆ
DỆT MAY LEE HING

CÔNG TY TNHH DỆT MAY LEE HING

PHÓ T

ĐỊA ĐIỂM: LÔ L4, KCN DỆT MAY
PHƯỜNG DỊ SỬ - TX. MỸ HÀO

HẠNG MỤC

ĐẤU NỐI HẠ TẦNG K

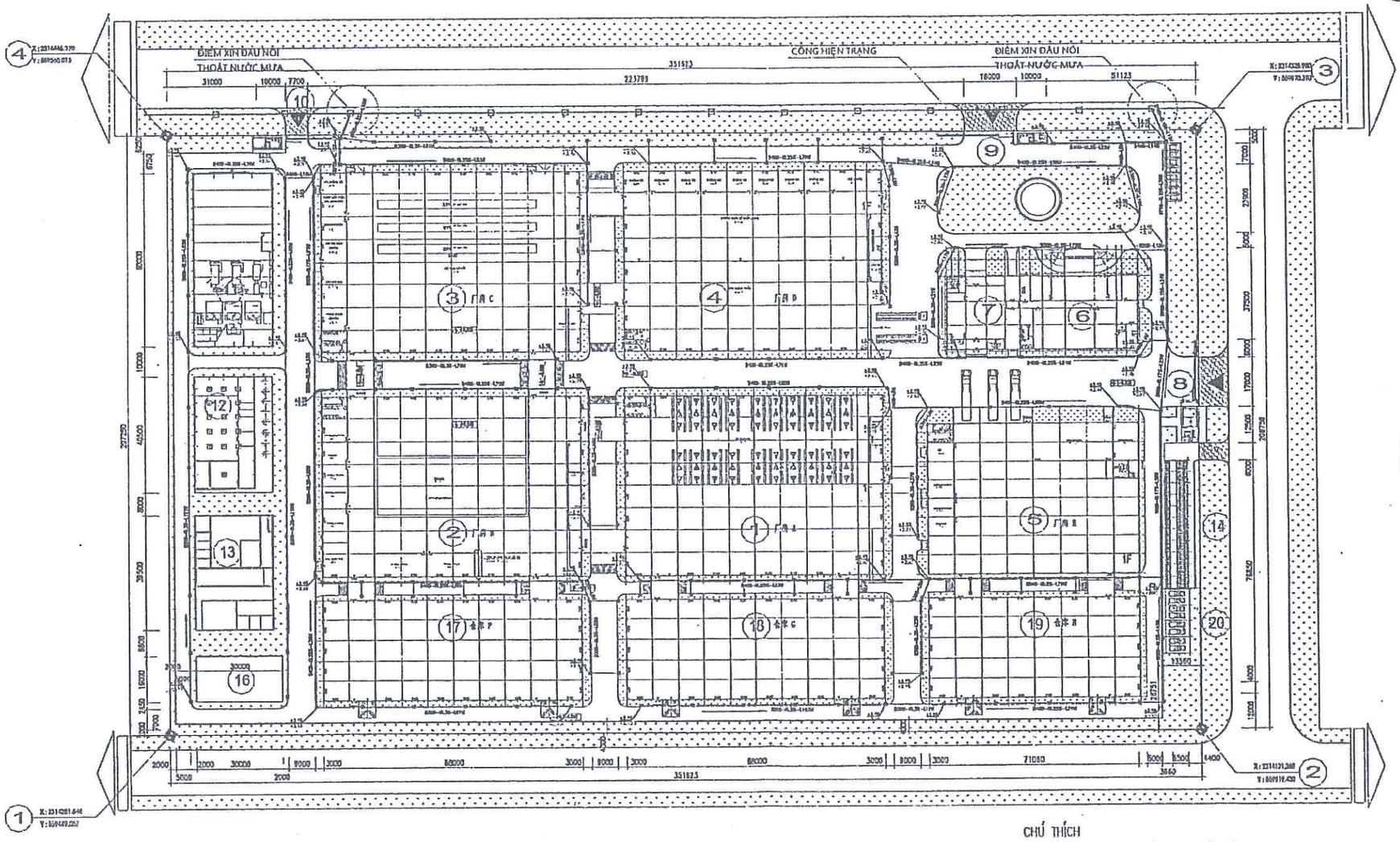
TÊN BẢN VẼ

TỔNG MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC TH

PHÁT HÀNH	/ /2024	KÝ
TỶ LỆ:	LẦN SỬA ĐỔI	
KHỔ GIẤY: A3		

Scanned with CamScanner

MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC MƯA



Mục đích phát hành - Issued for

Tham khảo	☐	Reference
Thiết kế sơ bộ	☒	Preliminary
Trình duyệt	☐	Your Approval
Thi công	☐	Construction
Hiệu chỉnh	☐	Revised
Hoàn công	☐	As-Built

Hiệu chỉnh - Revision

Ngày - Date	Nội dung - Content

Chấp thuận của Chủ đầu tư - Approval of the owner

CÔNG TY TNHH DỆT MAY LEE HING VIỆT NAM
利興紡織（越南）有限公司

LEE HING TEXTILE

GIÁM ĐỐC DỰ ÁN	
ĐẶNG HẢN BÌNH	
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ	
LIANG CHIA-HUA	

Đơn vị tư vấn - Consultant

CÔNG TY THIẾT KẾ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI GIZA VIỆT NAM
GIZA VIET NAM DESIGN AND CONSTRUCTION TRADING JOINT STOCK COMPANY

Phó tổng Giám đốc - Deputy general director	
NGÔ HỮU HOÀNG	
Chủ trì - Presided by	
KS. NGUYỄN VĂN THUẬN	
Thiết kế - Design by	
KS. HOÀNG NGỌC NAM	
Kiểm - Check by	
KS. NGUYỄN VĂN THUẬN	

Tên dự án - Project name

NHÀ MÁY LEE HING TEXTILE VIỆT NAM
利興（越南）纺织

Tên bản vẽ - Drawing name

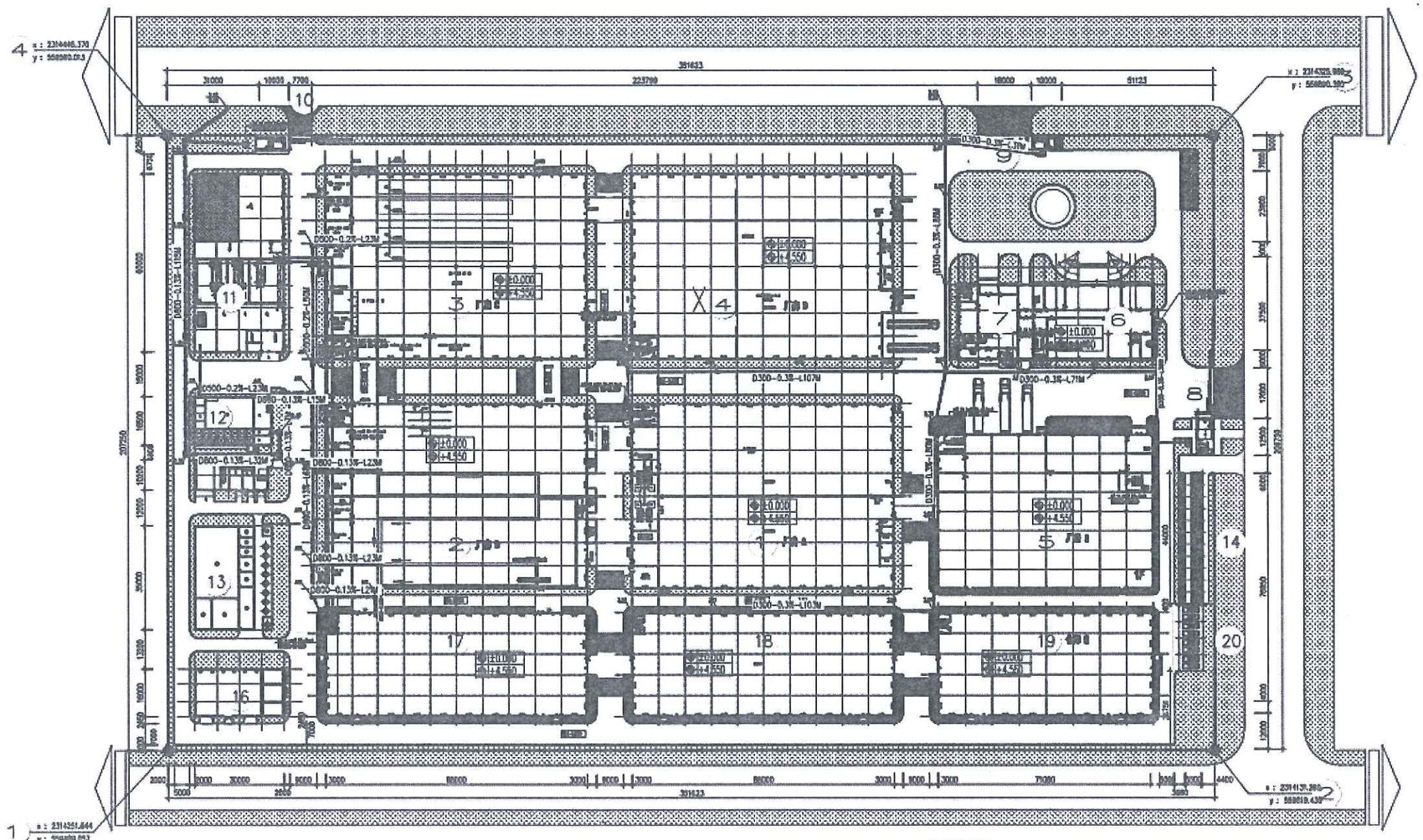
MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA

Hạng mục - Article

CẤP THOÁT NƯỚC

Tỉ lệ - Scale :		Số hiệu bản vẽ - Drawing No :
Ngày - Date :		CTN-01

MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC THẢI



CHÚ THÍCH
备注

——————— ỐNG UPVC CLASS 2 THOÁT NƯỚC THẢI SẢN XUẤT
生产废水排放UPVC CLASS 2管

——————— ỐNG UPVC CLASS 2 THOÁT NƯỚC THẢI SINH HOẠT
生活废水排放UPVC CLASS 2管

Mục đích phát hành - Issued for

Thẩm tra	☐	Reference	
Thiết kế sơ bộ	☐	Preliminary	
Trình Duyệt	☐	For Approval	
Thi Công	☐	Construction	
Hiệu Chỉnh	☐	Revised	
Hoàn Công	☐	As Built	

Hiệu chỉnh - Revision

Ngày - Date	Nội dung - Content

Chấp thuận của Chủ đầu tư - Approval of the owner

CÔNG TY TNHH DỆT MAY LEE HING VIỆT NAM
利兴纺织（越南）有限公司

LEE HING TEXTILE

GIÁM ĐỐC DỰ ÁN	
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ	
LIANG CHIUNG	

Tổng giám đốc
Deputy general director
NGÔ HỮU HOÀNG

Chủ trì - Provide by
KS. NGUYỄN VĂN THUẬN

Thiết kế - Design by
KS. HOÀNG DUỌC NAM

Kiểm - Check by
KS. NGUYỄN VĂN THUẬN

Tên dự án - Project name

NHÀ MÁY LEE HING TEXTILE VIỆT NAM
利兴（越南）纺织厂

Tên bản vẽ - Drawing name

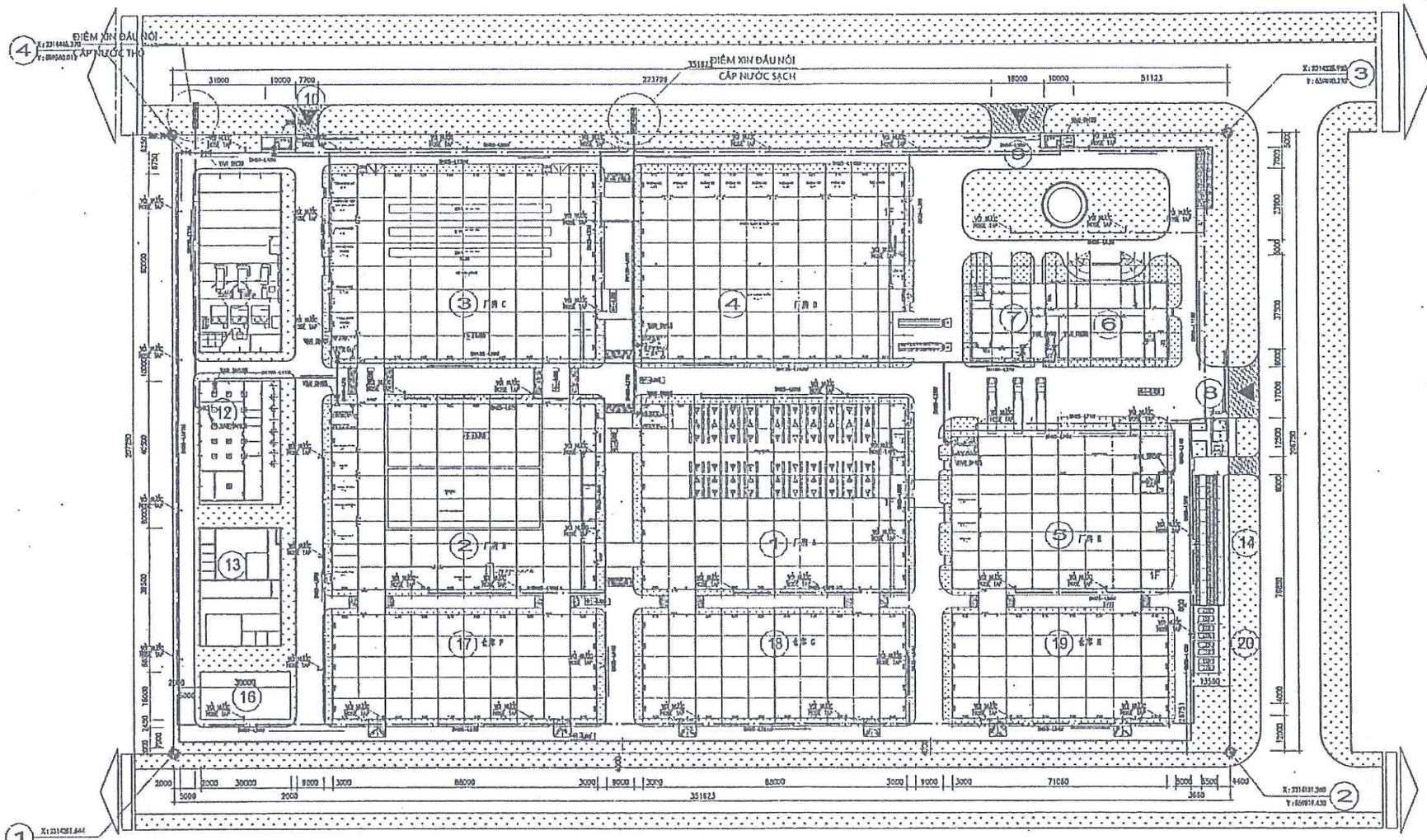
MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI

Hạng mục - Article

CẤP THOÁT NƯỚC

Tỷ lệ - Scale		Số hiệu bản vẽ - Drawing No.	CTN-02
Ngày - Date			

MẶT BẰNG TỔNG THỂ CẤP NƯỚC



Mục đích phát hành - Issued for

Thẩm tra	☐	Reference
Thiết kế cơ sở	☒	Preliminary
Chấp thuận	☐	Your Approval
Thi công	☐	Construction
Hiệu chỉnh	☐	Revised
Hoàn công	☐	As-Built

Hiệu chỉnh - Revision

Ngày - Date	Nội dung - Content

Chấp thuận của Chủ đầu tư - Approved of the owner

CÔNG TY TNHH DỆT KAY LEE HING VIỆT NAM
利興紡織（越南）有限公司

LEE HING TEXTILE

GIÁM ĐỐC DỰ ÁN 項目經理	
ĐIỀU HÀNH BIM 管理員	
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ 投資方代表人	
LÃNH ĐẠO VIỆN 院領導	
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC Deputy general director	NGÔ HỮU HOÀNG
CHỦ TRÌ - Prepared by	KS. NGUYỄN VĂN THUẬN
THIẾT KẾ - Design by	KS. HOÀNG NGỌC NAM
KIỂM - Check by	KS. NGUYỄN VĂN THUẬN

Tên dự án - Project name

NHÀ MÁY LEE HING TEXTILE VIỆT NAM
利興（越南）紡織廠

Tên bản vẽ - Drawing name

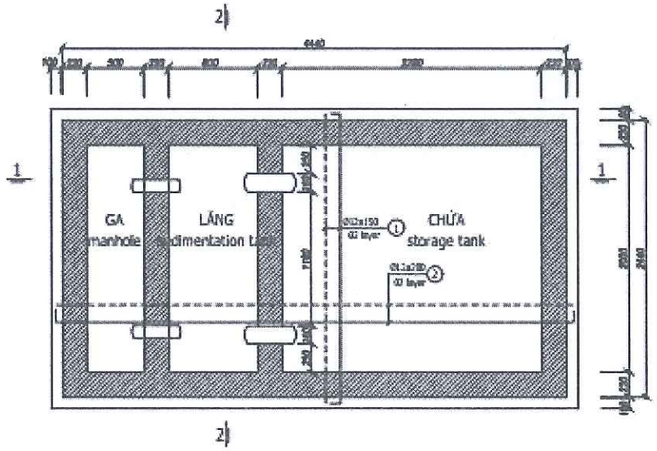
MẶT BẰNG CẤP NƯỚC

Hạng mục - Mục

CẤP THOÁT NƯỚC

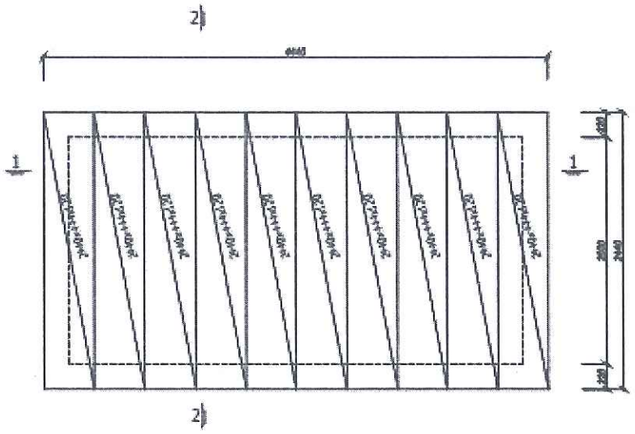
Tỉ lệ : Scale :		Số hiệu bản vẽ Drawing No :
Ngày : Date :		CTN-03

BỂ TỰ HOẠI



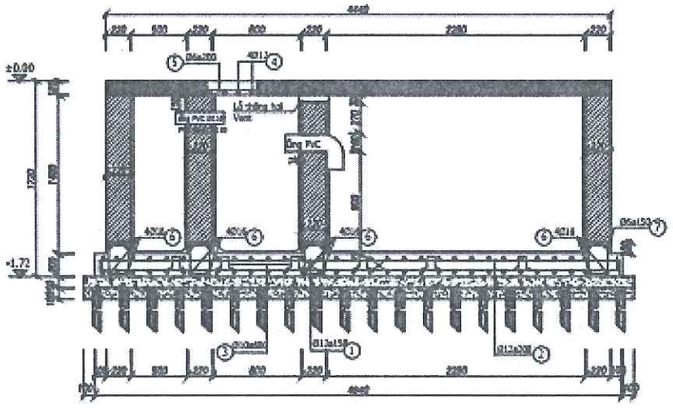
MẶT BẰNG KẾT CẤU BỂ PHỐT

Septick tank plan



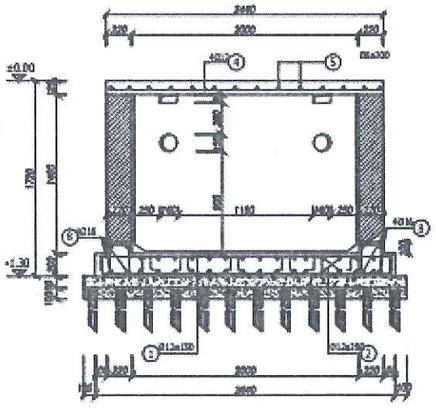
MẶT BẰNG ĐAN NẮP BỂ PHỐT

Septick cover plan



MẶT CẮT 1-1

Section 1-1



MẶT CẮT 2-2

Section 2-2

Mục đích phát hành - Issued for

Tham khảo	☐	Reference
Thiết kế sơ bộ	☒	Preliminary
Trình Duyệt	☐	For Approval
Thi Công	☐	Construction
Hiệu chỉnh	☐	Revised
Hoàn Công	☐	As-Built

Hiệu chỉnh - Revision

Ngày - Date	Nội dung - Content

Chấp thuận của Chủ đầu tư - Approval of the owner

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LEE HING VIỆT NAM
利興紡織（越南）有限公司

LEE HING TEXTILE

GIÁM ĐỐC DỰ ÁN	
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ	
LẮNG CHỨNG	

CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LEE HING VIỆT NAM

Phó tổng Giám đốc Deputy general director	
NGÔ HỮU HOÀNG	
Chủ trì - Provide by	
KS. NGUYỄN VĂN THUẬN	
Thiết kế - Design by	
KS. HOÀNG NGỌC NAM	
Kiểm - Check by	
KS. NGUYỄN VĂN THUẬN	

Tên dự án - Project name

NHÀ MÁY LEE HING TEXTILE VIỆT NAM
利兴（越南）纺织厂

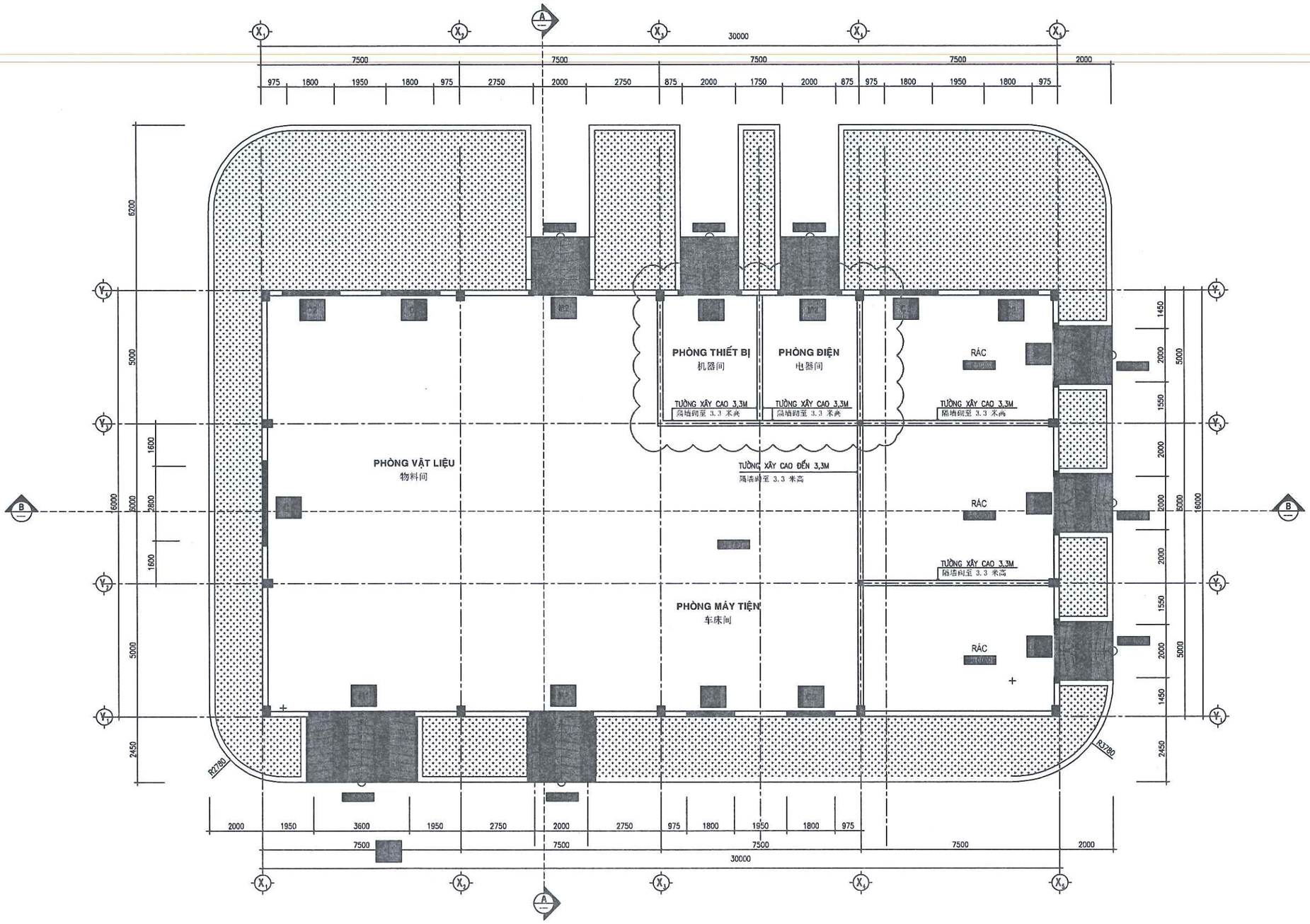
Tên bản vẽ - Drawing name

BỂ TỰ HOẠI

Hạng mục - Article

CẤP THOÁT NƯỚC

Tỷ lệ : Scale :		Số bản vẽ: Drawing No :	CTN-01
Ngày : Date			



MẶT BẰNG TẦNG 1
一层平面

Mục đích phát hành - Issued for

Tham Khảo	☐	Reference
Thiết kế Sơ Bộ	■	Preliminary
Trình Duyệt	☐	Your Approval
Thi Công	☐	Construction
Hiệu Chỉnh	☐	Revised
Hoàn Công	☐	As-Built

Hiệu chỉnh - Revision

Ngày - Date	Nội dung - Content

Chấp thuận của Chủ đầu tư - Approved of The Owner

CÔNG TY TNHH DỆT MAY LEE HING VIỆT NAM
LEE HING

GIÁM ĐỐC DỰ ÁN 项目经理	
DENG HAN BIN 邓汉斌	
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ 投资方代表人	
LIANG QIU LING 梁秋玲	

Tư vấn thiết kế - Design consultant:

GIZA
Dedicated & Devoted
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ & XÂY DỰNG GIZA VIỆT NAM
VIETNAM GIZA ENGINEERING AND CONSTRUCTION

Address : Tầng M - Nhà A - Tòa nhà Vilaccera
671 - Hoàng Hoa Thám - Hà Nội - Việt Nam
Tel : (84-4-04) 7500 999 - Fax : (84-4-04) 7501 001

Phó tổng Giám đốc Deputy general director	
NGÔ HỮU HOÀNG	
Chủ trì - Preside by	
KTS. HÀ ANH TUẤN	
Thiết kế - Design by	
KTS.KHỔNG MINH QUÂN	
Kiểm - Check by	
KTS. HÀ ANH TUẤN	

Tên dự án - Project name

NHÀ MÁY LEE HING TEXTILE VIỆT NAM
利兴（越南）纺织厂

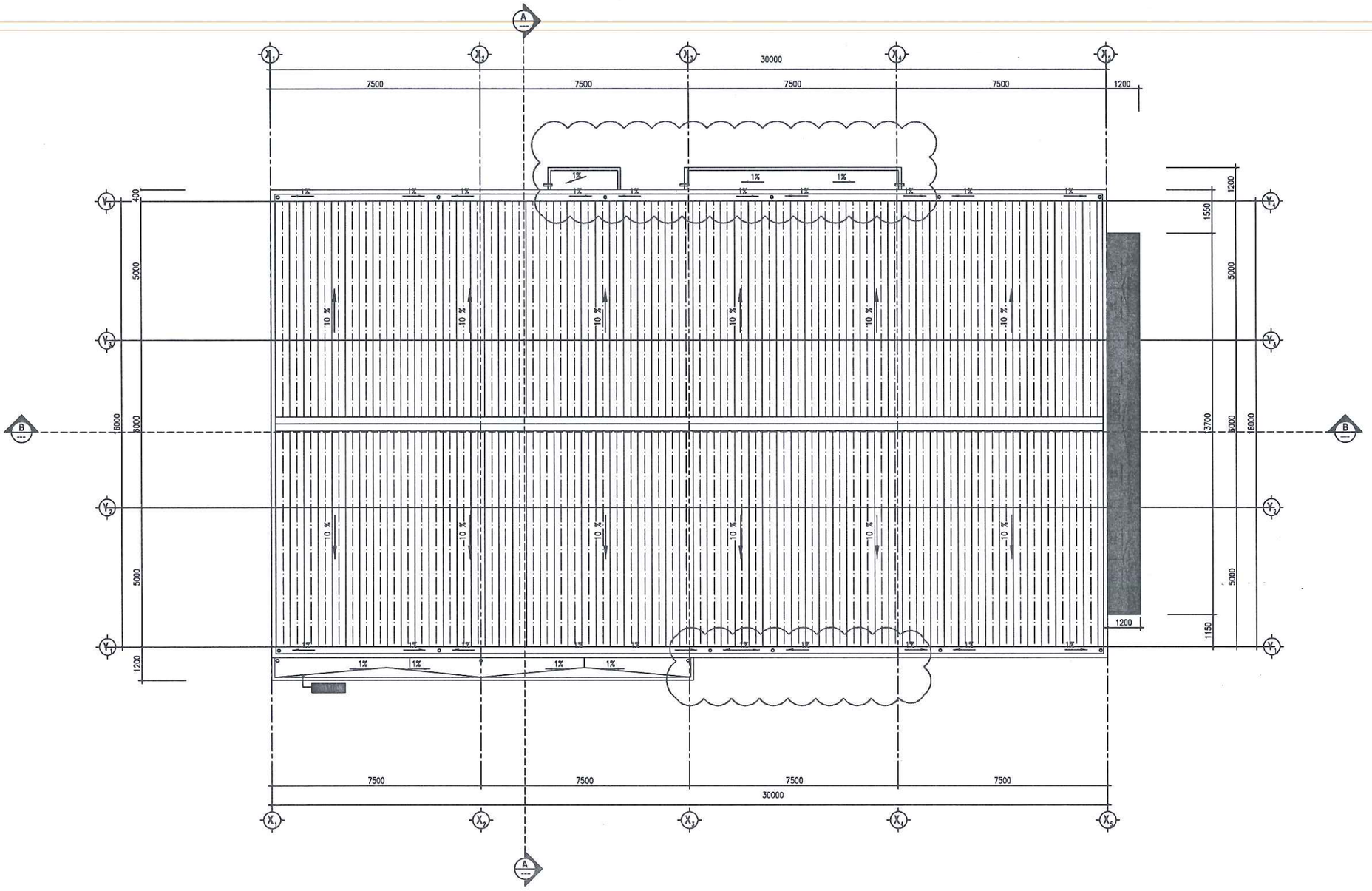
Tên bản vẽ - Drawing name

MẶT BẰNG TẦNG 1
一层平面

Hạng mục - Article

NHÀ CHỨA RÁC
废料仓库

Tỉ lệ : Scale :		Kí hiệu bản vẽ: Drawing No :
Ngày : Date :	22/01/2018	NR - 01



MẶT BẰNG MÁI
屋顶平面

Mục đích phát hành - Issued for		
Tham Khảo	☐	Reference
Thiết kế Sơ Bộ	■	Preliminary
Trình Duyệt:	☐	Your Approval
Thi Công	☐	Construction
Hiệu Chỉnh	☐	Revised
Hoàn Công	☐	As-Built

Hiệu chỉnh - Revision

Ngày - Date	Nội dung - Content

Chấp thuận của chủ đầu tư - Approved of the owner

CÔNG TY TNHH DỆT MAY LEE HING VIỆT NAM
利兴（越南）纺织厂
LEE HING

GIÁM ĐỐC DỰ ÁN 项目经理	
DENG HAN BIN 邓汉斌	
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ 投资方代表人	
LIANG QIU LING 梁秋玲	

Tư vấn thiết kế - Design consultant

GIZA
Declared & Devoted
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ & XÂY DỰNG GIZA VIỆT NAM
VIETNAM GIZA ENGINEERING AND CONSTRUCTION

Address : Tầng M - Nhà A - Tòa nhà Vigracera
671 - Hoàng Hoa Thám - Hà Nội - Việt Nam
Tel : (84-4-04) 7500 999 - Fax. (84-4-04) 7501 001

Phó tổng Giám đốc Deputy general director	
NGÔ HỮU HOÀNG	
Chủ trì - Preside by	
KTS. HÀ ANH TUẤN	
Thiết kế - Design by	
KTS.KHỔNG MINH QUÂN	
Kiểm - Check by	
KTS. HÀ ANH TUẤN	

Tên dự án - Project name

NHÀ MÁY LEE HING TEXTILE VIỆT NAM
利兴（越南）纺织厂

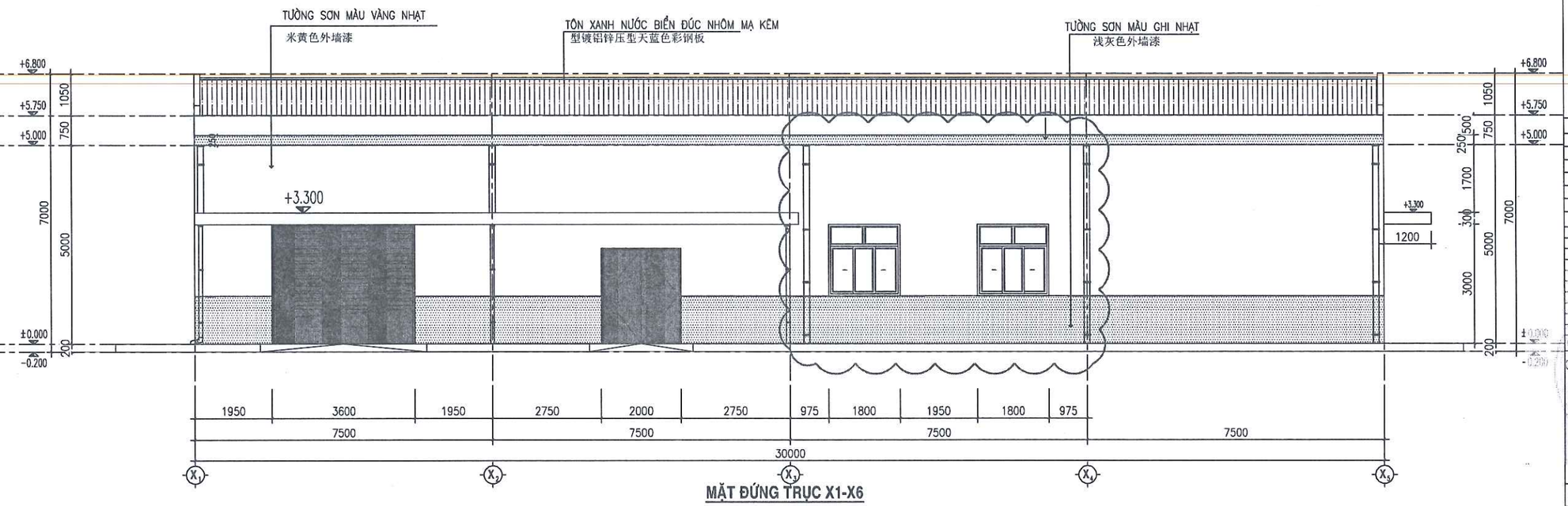
Tên bản vẽ - Drawing name

MẶT BẰNG TẦNG 1
一层平面

Hạng mục - Article

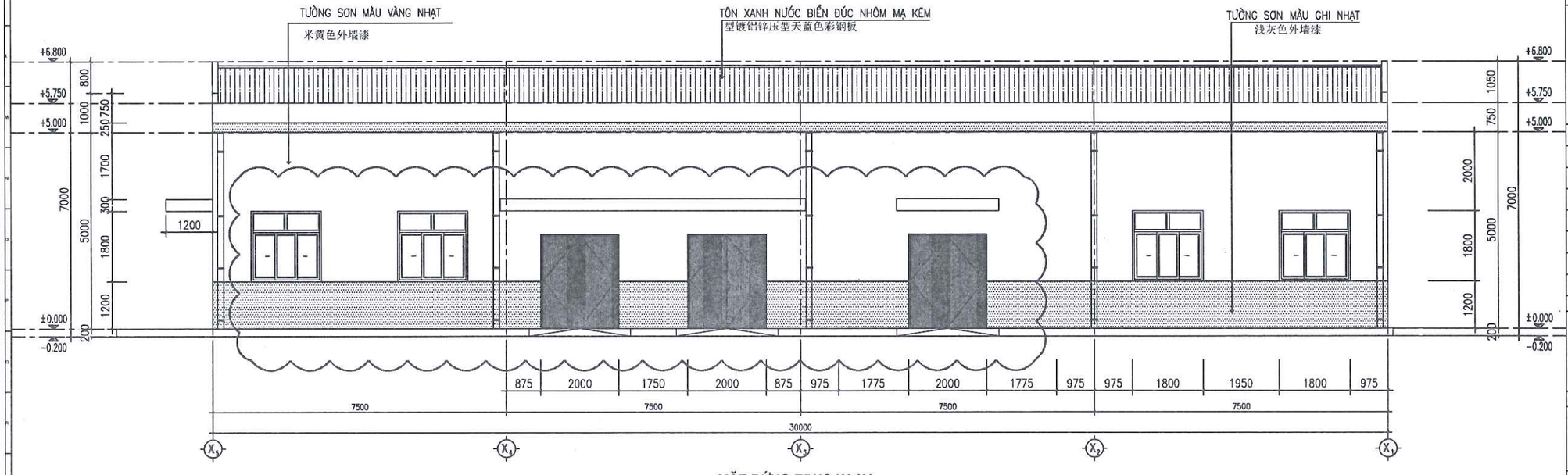
NHÀ CHỨA RÁC
废料仓库

Tỉ lệ : Scale :		Kí hiệu bản vẽ: Drawing No :	
Ngày : Date :	22/01/2018		NR - 01



MẶT ĐỨNG TRỤC X1-X6

X1-X6立面



MẶT ĐỨNG TRỤC X6-X1

X6-X1立面

Mục đích phát hành - Issued for

Tham Khảo	☐	Reference
Thiết kế Sơ Bộ	■	Preliminary
Trình Duyệt	☐	Your Approval
Thi Công	☐	Construction
Hiệu Chỉnh	☐	Revised
Hoàn Công	☐	As-Built

Hiệu chỉnh - Revision

Ngày - Date	Nội dung - Content

Phê duyệt của Chủ đầu tư - Approved of the Owner

CÔNG TY TNHH DỆT MAY LEE HING VIỆT NAM

LEE HING TEXTILE

GIÁM ĐỐC DỰ ÁN 项目经理	
DENG HAN BIN 邓汉彬	
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ 投资方代表人	
LIANG QIU LING 梁秋玲	

Tư vấn thiết kế - Design consultant

GIZA
Dedicated & Devoted
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ & XÂY DỰNG GIZA VIỆT NAM
VIETNAM GIZA ENGINEERING AND CONSTRUCTION

Address : Tầng M - Nhà A - Tòa nhà Vigracera
Số 1 - Hoàng Hoa Thám - Hà Nội - Việt Nam
Tel : (84-4-04) 7305 999 - Fax: (84-4-04) 7301 021

Phó tổng Giám đốc Deputy general director	
NGÔ HỮU HOÀNG	
Chủ trì - Preside by	
KTS. HÀ ANH TUẤN	
Thiết kế - Design by	
KTS.KHỔNG MINH QUÂN	
Kiểm - Check by	
KTS. HÀ ANH TUẤN	

Tên dự án - Project name

NHÀ MÁY LEE HING TEXTILE VIỆT NAM

利兴（越南）纺织厂

Tên bản vẽ - Drawing name

MẶT BẰNG TẦNG 1

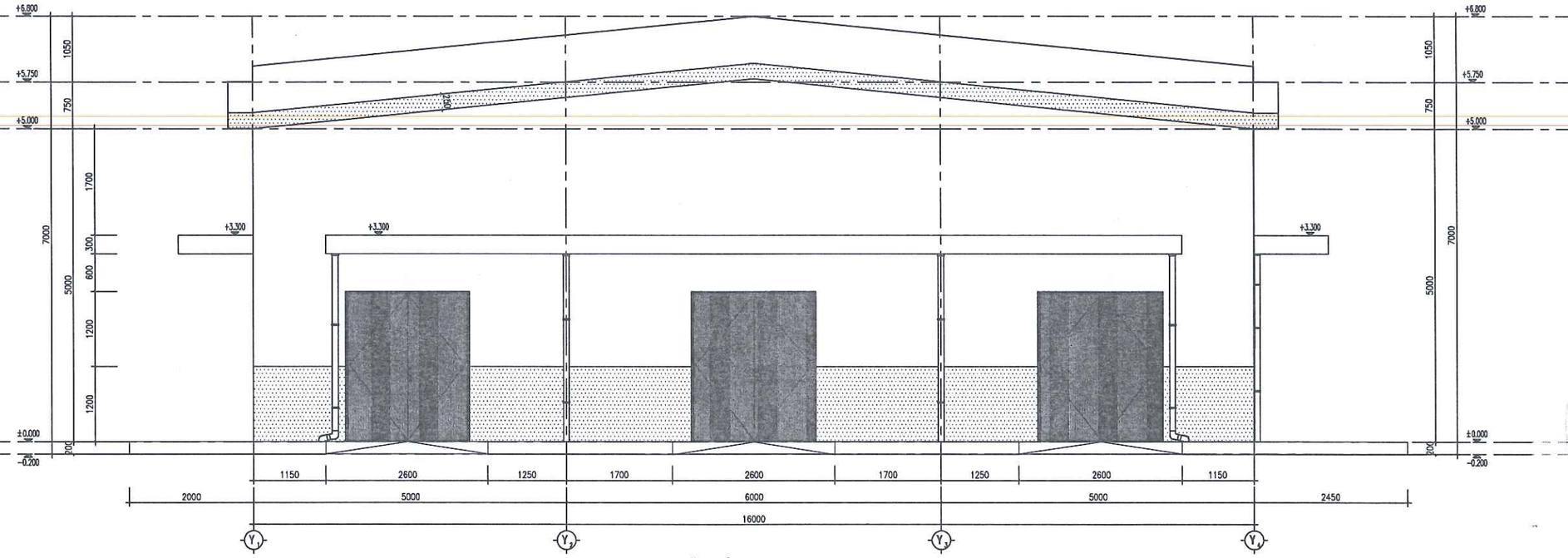
一层平面

Hạng mục - Article

NHÀ CHỨA RÁC

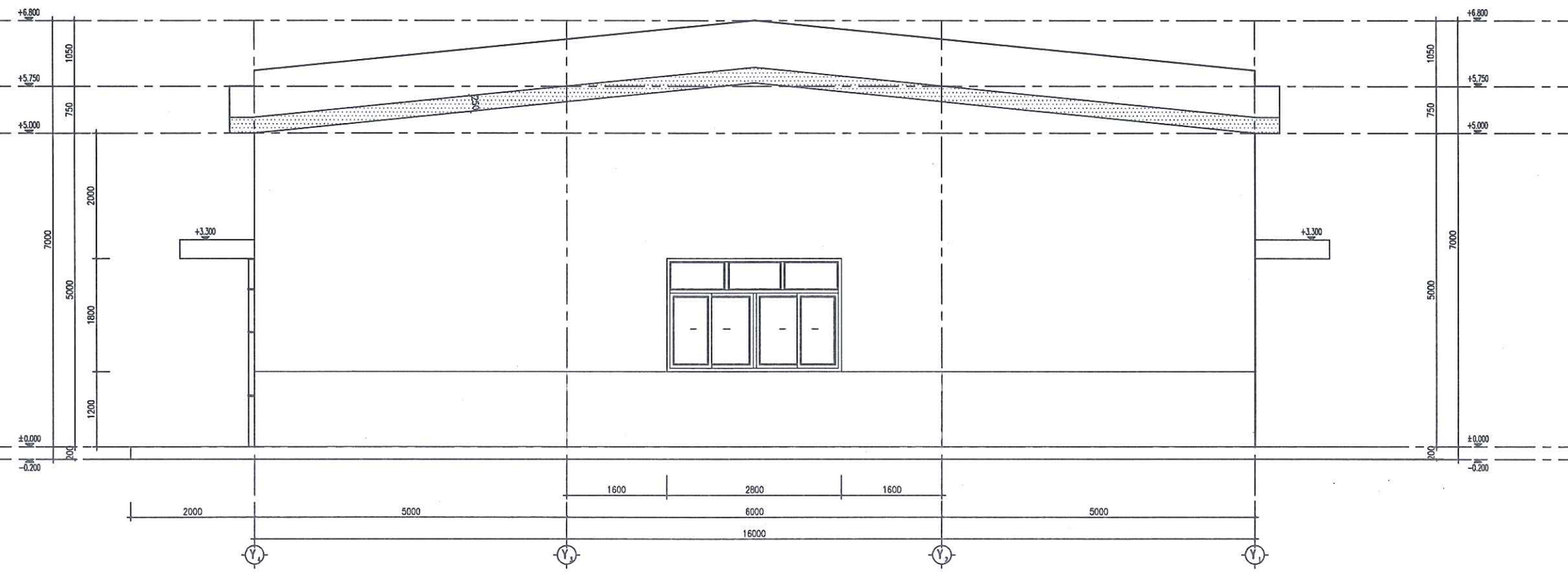
废料仓库

Tỉ lệ : Scale :		Kí hiệu bản vẽ: Drawing No :	
Ngày : Date :	22/01/2018		NR - 01



MẶT ĐỨNG TRỤC Y1-Y4

Y1-Y4立面



MẶT ĐỨNG TRỤC Y4-Y1

Y4-Y1立面

Mục đích phát hành - Issued for	
Tham Khảo	☐ Reference
Thiết kế Sơ Bộ	■ Preliminary
Trình Duyệt	☐ Your Approval
Thi Công	☐ Construction
Hiệu Chỉnh	☐ Revised
Hoàn Công	☐ As-Built

Hiệu chỉnh - Revision

Ngày - Date	Nội dung - Content

Chấp thuận của Chủ đầu tư - Approval of the owner

CÔNG TY TNHH DỆT MAY LEE HING VIỆT NAM

LEE HING TEXTILE

GIÁM ĐỐC DỰ ÁN 项目经理	
DENG HAN BIN 邓汉斌	
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ 投资方代表人	
LIANG QIU LING 梁秋玲	

Tư vấn thiết kế - Design consultant

GIZA
Dedicated & Devoted
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ & XÂY DỰNG GIZA VIỆT NAM
VIETNAM GIZA ENGINEERING AND CONSTRUCTION

Address : Tầng M - Nhà A - Tòa nhà Vigheora
371 - Hoàng Hoa Thám - Hà Nội - Việt Nam
Tel : (84-4-04) 7500 999 - Fax. (84-4-04) 7501 001

Phó tổng Giám đốc Deputy general director	
NGÔ HỮU HOÀNG	
Chủ trì - Preside by	
KTS. HÀ ANH TUẤN	
Thiết kế - Design by	
KTS.KHỔNG MINH QUÂN	
Kiểm - Check by	
KTS. HÀ ANH TUẤN	

Tên dự án - Project name

NHÀ MÁY LEE HING TEXTILE VIỆT NAM

利兴（越南）纺织厂

Tên bản vẽ - Drawing name

MẶT BẰNG TẦNG 1

一层平面

Hạng mục - Article

NHÀ CHỨA RÁC

废料仓库

Tỉ lệ : Scale :		Kí hiệu bản vẽ: Drawing No :
Ngày : Date :	22/01/2018	NR - 01

HỒ SƠ HOÀN CÔNG

Chủ đầu tư: CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ LỆ TINH

Địa chỉ: Lô đất số L4, KCN dệt may Phố Nối B, Phường Dị sử, Thị xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Nhà thầu: CÔNG TY TNHH THỰC NGHIỆP HỒNG QUÂN VIỆT NAM

Tên Bản vẽ: Bản vẽ hoàn công hệ thống xử lý khí thải của nhà máy Lệ Tinh

Chủ đầu tư xác nhận

CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ LỆ TINH

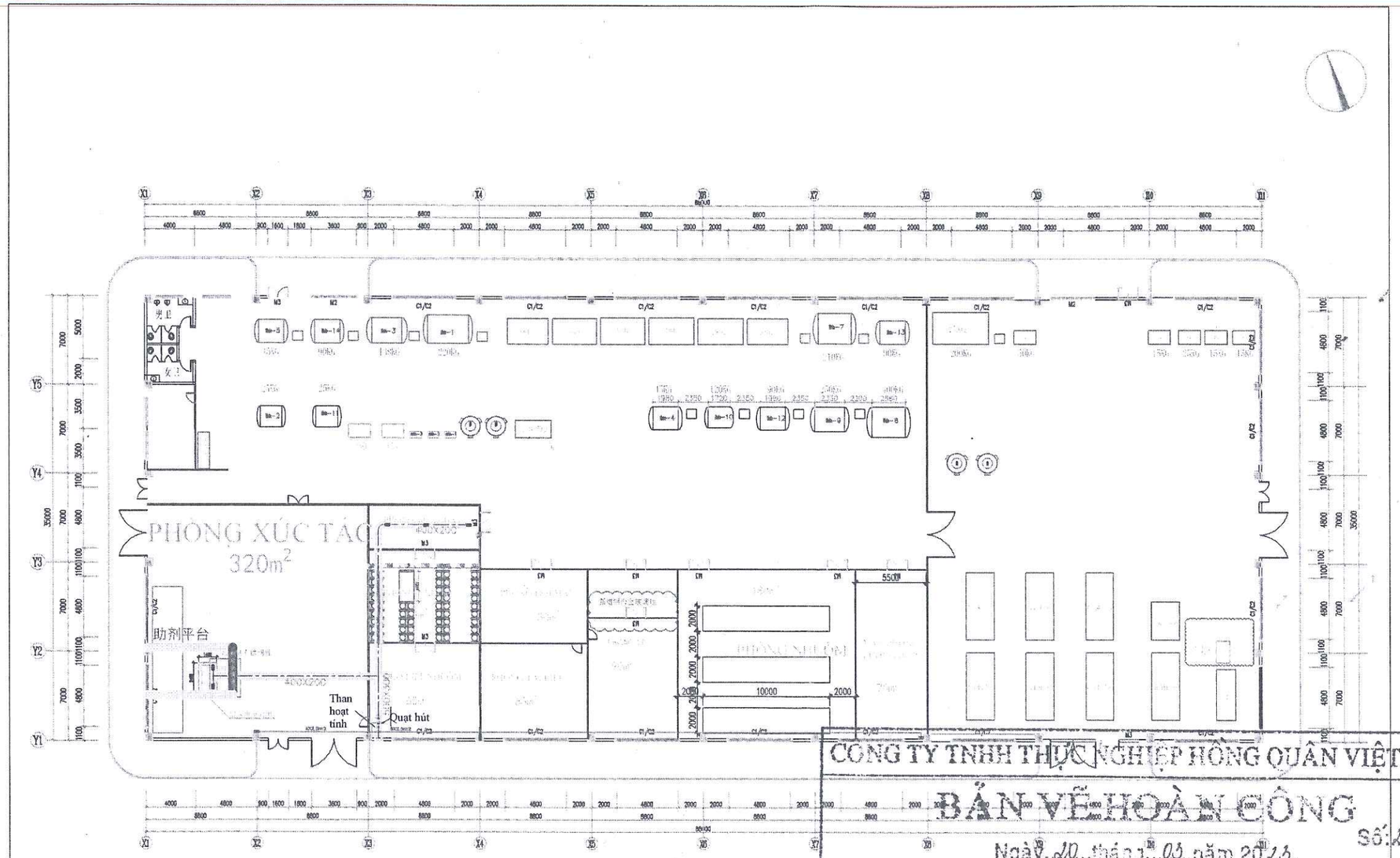
GIÁM ĐỐC

Đàm Thị Dung

Nhà thầu xác nhận

GIÁM ĐỐC

LIU YAN



CÔNG TY TNHH THỰC NGHIỆP HỒNG QUÂN VIỆT NAM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG Số: 200323

Ngày 20 tháng 03 năm 2023

NGƯỜI LẬP	NHÀ THẦU THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT	CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH THỰC NGHIỆP HỒNG QUÂN VIỆT NAM

Tên CT	
Hệ thống xử lý khí thải của nhà máy Lệ Tinh	
Tên bản vẽ	
Bản vẽ hoàn công hệ thống xử lý khí thải của nhà máy Lệ Tinh	
Thiết kế đang vẽ	
Hiệu đính	
Thiết kế có trách nhiệm	
Phê duyệt	
Tỷ lệ	1:100

ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC
LIU YAN

ĐẠI DIỆN BÊN A

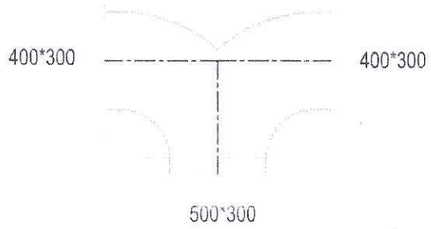
GIÁM ĐỐC
Đàm Thị Dung

ỐNG MẠ KẼM 300*200 : 2.14M

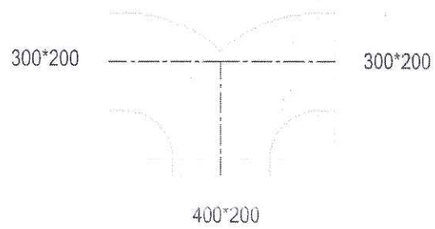
ỐNG MẠ KẼM 400*200 : 32.2M

ỐNG MẠ KẼM 500*300 : 4.07M

CÔN THU MẠ KẼM Ø250-500*300 : 1 CÁI



TÊ PVC : 1 CÁI



TÊ PVC : 1 CÁI

CÔNG TY TNHH THỰC NGHIỆP HỒNG QUÂN VIỆT NAM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 20 tháng 09 năm 2023 Số: 2003.23

NGƯỜI LẬP	NHÀ THẦU THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT	CHỦ ĐẦU TƯ

Cửa chớp 2 lớp 400*200 : 5 CÁI

CÔNG TY TNHH THỰC NGHIỆP HỒNG QUÂN VIỆT NAM

Tên CT	Hệ thống xử lý khí thải của nhà máy Lệ Tinh
Tên bản vẽ	Bản vẽ hoàn công hệ thống xử lý khí thải của nhà máy Lệ Tinh
Thiết kế đang vẽ	
Hiệu đính	
Thiết kế có trách nhiệm	
Phê duyệt	
Tỷ lệ	1:100

ĐẠI DIỆN BÊN B

CÔNG TY TNHH THỰC NGHIỆP HỒNG QUÂN VIỆT NAM

GIÁM ĐỐC

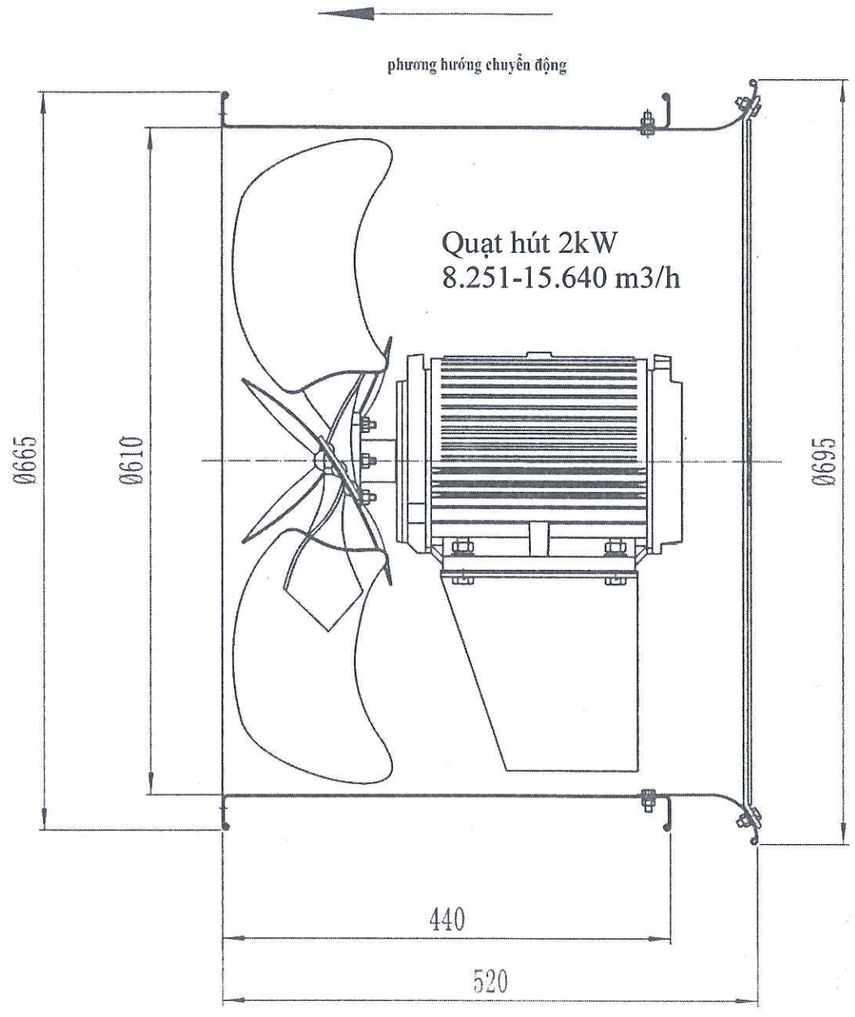
LIU YAN

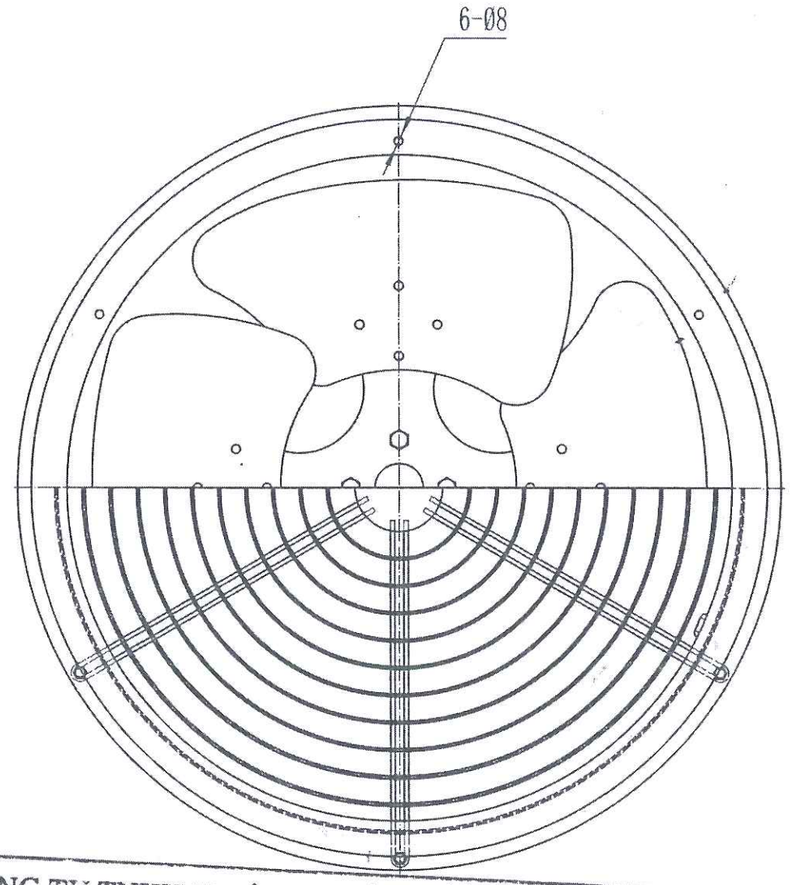
ĐẠI DIỆN BÊN A

CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ LỆ TINH

GIÁM ĐỐC

Đàm Thị Dung





CÔNG TY TNHH THỰC NGHIỆP HỒNG QUÂN VIỆT NAM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 20...tháng 05...năm 2025. Số: 200523

NGƯỜI LẬP	NHÀ THẦU THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT	CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH THỰC NGHIỆP HỒNG QUÂN VIỆT NAM

Tên CT	
Hệ thống xử lý khí thải của nhà máy Lệ Tinh	
Tên bản vẽ	
Bản vẽ hoàn công hệ thống xử lý khí thải của nhà máy Lệ Tinh	
Thiết kế đang vẽ	
Hiệu đính	
Thiết kế có trách nhiệm	
Phê duyệt	
Tỷ lệ	1:100

ĐẠI DIỆN BÊN B

CÔNG TY TNHH THỰC NGHIỆP HỒNG QUÂN VIỆT NAM

GIÁM ĐỐC

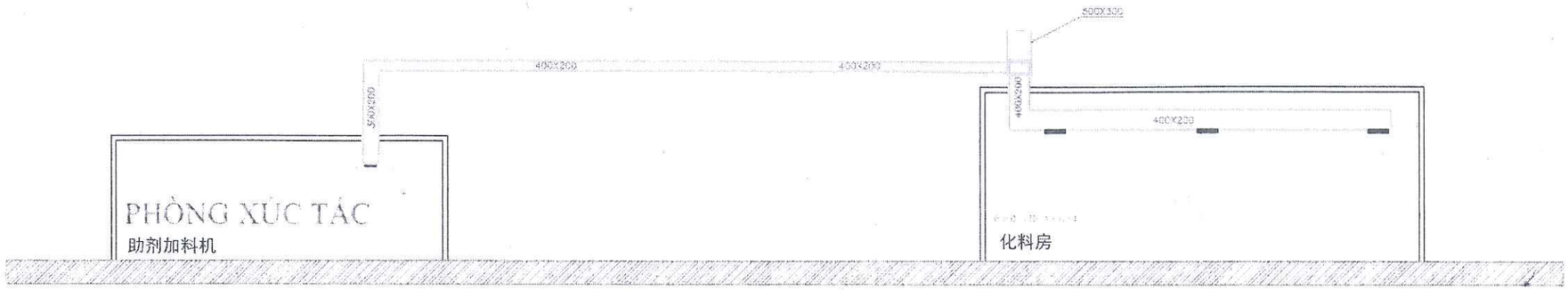
LIU YAN

ĐẠI DIỆN BÊN A

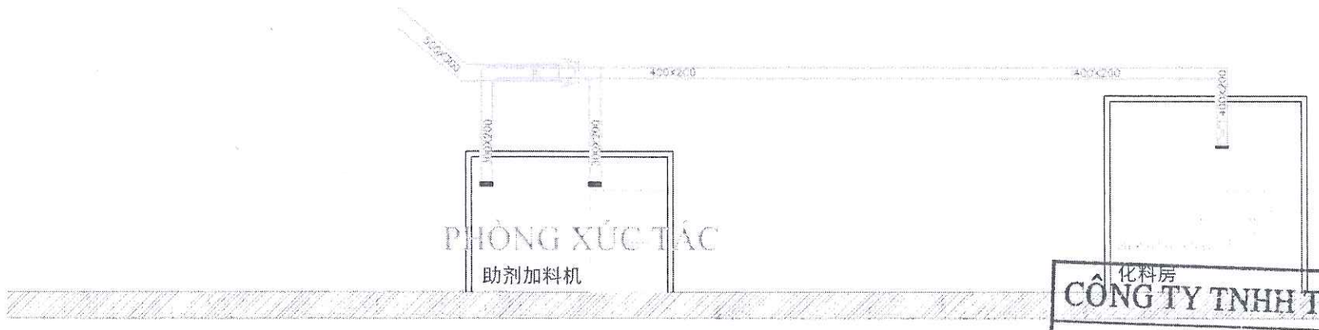
CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ LỆ TINH

GIÁM ĐỐC

Đàm Thị Dung



Mặt cắt Y-Y



Mặt cắt X-X

CÔNG TY TNHH THỰC NGHIỆP HỒNG QUÂN VIỆT NAM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 20 tháng 03 năm 2023. Số: 200323.

NGƯỜI LẬP	NHÀ THẦU THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT	CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH THỰC NGHIỆP HỒNG QUÂN VIỆT NAM

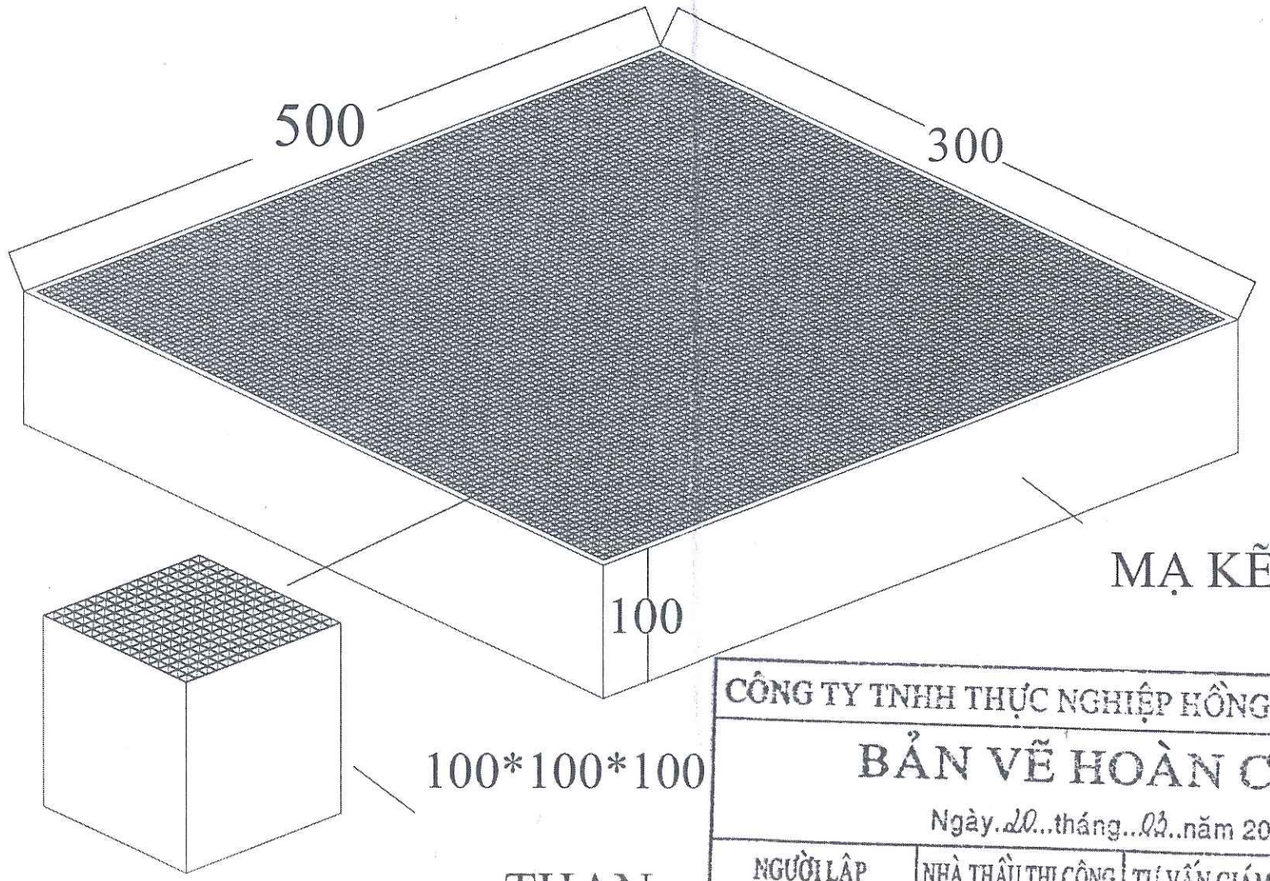
Tên CT	Hệ thống xử lý khí thải của nhà máy Lệ Tinh
Tên bản vẽ	Bản vẽ hoàn công hệ thống xử lý khí thải của nhà máy Lệ Tinh
Thiết kế đang vẽ	
Hiệu đính	
Thiết kế có trách nhiệm	
Phê duyệt	
Tỷ lệ	1:100

ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC
LIU YAN

ĐẠI DIỆN BÊN A

GIÁM ĐỐC
Đàm Thị Dung



CÔNG TY TNHH THỰC NGHIỆP HỒNG QUÂN VIỆT NAM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày..20..tháng..03..năm 2023. Số: 2003.23

NGƯỜI LẬP	NHÀ THẦU THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT	CHỦ ĐẦU TƯ

Bộ lọc than hoạt tính

CÔNG TY TNHH THỰC NGHIỆP HỒNG QUÂN VIỆT NAM	
Tên CT	
Hệ thống xử lý khí thải của nhà máy Lệ Tinh	
Tên bản vẽ	
Bản vẽ hoàn công hệ thống xử lý khí thải của nhà máy Lệ Tinh	
Thiết kế đang vẽ	
Hiệu đính	
Thiết kế có trách nhiệm	
Phê duyệt	
Tỷ lệ	1:100

ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC
LIU YAN

ĐẠI DIỆN BÊN A

GIÁM ĐỐC
Đàm Thị Dung

CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ LỆ TINH

---------o0o---------

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

CỦA "DỰ ÁN NHUỘM HÀNG MAY MẶC"

Địa điểm: Lô đất số L4, KCN dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

(Đã chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến hội đồng thẩm định)

Hưng Yên, tháng 04 năm 2022

CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ LỆ TINH

---------o0o---------

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
CỦA "DỰ ÁN NHUỘM HÀNG MAY MẶC"

Địa điểm: Lô đất số L4, KCN dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

(Đã chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến hội đồng thẩm định)

CHỦ ĐẦU TƯ	ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ LỆ TINH	**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG & CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG THĂNG LONG**
GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Đàm Thị Dung	ThS. Lê Tuấn Sơn

Hưng Yên, tháng 04 năm 2021

MỤC LỤC

MỤC LỤC i
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT vii
DANH MỤC CÁC BẢNG viii
DANH MỤC CÁC HÌNH ix
MỞ ĐẦU 1
1. Xuất xứ của dự án 1
1.1. Thông tin chung về dự án 1
1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư (đ ối với dự án phải có quyết định chủ trương đầu tư), báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật, dự án đầu tư hoặc tài liệu tương đương; 2
1.3. Mối quan hệ của dự án với các dự án khác và quy hoạch phát triển do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt 2
1.4. Sự phù hợp của dự án với quy hoạch ngành nghề và phân khu chức năng của KCN 3
2. Căn cứ pháp luật và kỹ thuật của việc thực hiện ĐTM 3
2.1. Văn bản pháp luật áp dụng lập báo cáo ĐTM 3
2.1.1. Luật 3
2.1.2. Nghị định 4
2.1.3. Thông tư, Quyết định và chỉ thị 5
2.1.4. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng 8
2.2. Các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền về dự án 11
2.3. Tài liệu, dữ liệu do chủ dự án tự tạo lập trong quá trình thực hiện đánh giác tác động môi trường 11
3. Tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường 12
4. Các phương pháp áp dụng trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường 15
4.1. Phương pháp ĐTM 15
4.1.1. Phương pháp liệt kê số liệu 15
4.1.2. Phương pháp danh mục 15
4.1.3. Phương pháp đánh giá nhanh 15
4.2. Phương pháp khác 15

4.2.1. Phương pháp điều tra, khảo sát, thu thập, tổng hợp tài liệu 15
4.2.2. Phương pháp tham vấn chuyên gia, nhà khoa học 15
4.2.3. Phương pháp đo đạc tại hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm.... 16
4.2.4. Phương pháp so sánh 16
Chương 1. MÔ TẢ TÓM TẮT DỰ ÁN 17
1. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN 17
1.1. Thông tin chung về dự án 17
1.1.1. Tên dự án 17
1.1.2. Thông tin về chủ dự án, nguồn vốn, tiến độ thực hiện dự án 17
1.1.2.1. Thông tin chung về chủ dự án 17
1.1.2.2. Tiến độ thực hiện dự án 17
1.1.3. Vị trí địa lý của dự án 17
1.1.3.1. Vị trí địa lý 17
1.1.3.2. Mối tương quan giữa Dự án và các đối tượng tự nhiên, kinh tế - xã hội 18
1.1.3.3. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất của dự án 19
1.1.4. Mục tiêu, quy mô, công suất, công nghệ và loại hình dự án 19
1.1.4.1. Mục tiêu của dự án..... 19
1.1.4.2. Quy mô..... 19
1.1.4.3. Công suất 20
1.1.4.4. Công nghệ và loại hình dự án 20
1.2. Các hạng mục công trình của dự án..... 21
1.2.1. Các hạng mục công trình chính 22
1.2.2. Các hạng mục công trình phụ trợ..... 23
1.2.2.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường..... 24
1.2.4. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất khu vực thực hiện dự án; sự phù hợp của địa điểm thực hiện dự án với các quy định của pháp luật và các quy hoạch phát triển có liên quan..... 26
1.2.4.1. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất..... 26
1.2.4.2. Sự phù hợp của địa điểm thực hiện dự án với các quy định của pháp luật và các quy hoạch phát triển có liên quan..... 26
1.3. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án; nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm của dự án..... 27

1.3.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và lắp đặt máy móc thiết bị 27
1.3.1.1. Nguyên, vật liệu 27
1.3.1.2. Máy móc, thiết bị 27
1.3.1.3. Lao động 27
1.3.1.4. Điện 27
1.3.1.5. Nước 27
1.3.2. Giai đoạn vận hành 28
1.3.2.1. Nguyên, vật liệu 28
1.3.2.2. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu, hóa chất 28
1.3.2.3. Nhu cầu sử dụng máy móc, thiết bị 31
1.3.2.4. Nhu cầu lao động 33
1.3.2.5. Nhu cầu sử dụng điện 34
1.3.2.6. Nhu cầu sử dụng hơi 34
1.3.2.7. Nhu cầu sử dụng nước 34
Theo Hợp đồng thuê nhà xưởng số 01/2021-HĐTNX ngày 21/6/2021, Công ty Lee Hing có thể hỗ trợ cung cấp 600m^3/ngày. Như vậy, lượng nước cấp đảm bảo đủ cho hoạt động của dự án khi hoạt động tối đa công suất. 36
1.3.2.8. Sản phẩm 36
1.4. Công nghệ vận hành 36
1.6.1. Tiến độ thực hiện dự án 40
1.6.2. Vốn đầu tư 40
1.6.3. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án 40
2. TÓM TẮT CÁC VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG CHÍNH CỦA DỰ ÁN 41
2.1. Các tác động môi trường chính của dự án 41
2.2. Quy mô, tính chất của các loại chất thải phát sinh từ dự án (nếu có) 41
2.3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án 43
2.4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường của dự án 46
2.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án 47
2.5.1. Giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị 47
2.5.2. Giai đoạn vận hành thương mại 47
2.6. Cam kết của chủ dự án 48

Chương 2. ĐIỀU KIỆN MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN VÀ KINH TẾ - XÃ HỘI KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN 51
2.1. Điều kiện môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội 51
2.2. Hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật khu vực dự án 51
2.2.1. Dữ liệu về đặc điểm môi trường 51
2.2.1.1. Hiện trạng và diễn biến môi trường đất 52
2.2.1.2. Hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường không khí 52
2.2.1.3. Hiện trạng và diễn biến chất lượng nước mặt 52
2.2.2.1. Chất lượng môi trường không khí xung quanh 54
2.2.3. Hiện trạng tài nguyên sinh vật 55
2.3. Hiện trạng của đơn vị cho thuê nhà xưởng (Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam) 56
Chương 3. ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG 58
3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và lắp đặt máy móc thiết bị 58
3.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động 58
3.1.1.1. Đánh giá tác động do bụi và khí thải 58
3.1.1.2. Đánh giá tác động do nước thải 61
3.1.1.4. Đánh giá tác động do chất thải rắn 63
3.1.1.5. Đánh giá tác động do chất thải nguy hại 64
3.1.1.6. Đánh giá tác động tác động các nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải 65
3.1.1.6. Đánh giá tác động tác động nên bởi các rủi ro, sự cố 67
3.1.2. Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện 68
3.1.2.1. Nước thải 68
3.1.2.2. Bụi, khí thải 70
3.1.2.3. Chất thải rắn 71
3.1.2.4. Chất thải nguy hại 71
3.1.2.5. Ồn, rung 71
3.1.2.6. Biện pháp giảm thiểu tác động đến hoạt động sản xuất xung quanh dự án. 71

3.1.2.6. Các biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, lắp đặt máy móc, thiết bị 71
3.2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành 72
3.2.1. Đánh giá, dự báo tác động 72
3.2.1.1. Đối với các nguồn phát sinh chất thải 72
3.2.1.2. Đối với các nguồn không liên quan đến chất thải 85
3.2.1.3. Rủi ro, sự cố 87
3.2.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện 89
3.2.2.2. Nước mưa 91
3.2.2.3. Bụi, khí thải 91
3.3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường 98
3.3.1. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án và Kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường, thiết bị xử lý chất thải, thiết bị quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục. 98
3.3.2. Tóm tắt dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường 100
3.3.3. Tổ chức, bộ máy quản lý vận hành các công trình bảo vệ môi trường 100
3.3.3.1. Giai đoạn thi công lắp đặt máy móc, thiết bị 100
3.3.3.2. Giai đoạn vận hành 100
3.4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo 101
Chương 4. PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯƠNG 103
Chương 5. CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG 104
5.1. Chương trình quản lý môi trường 104
5.2. Chương trình giám sát môi trường 107
5.2.1. Giám sát môi trường trong quá trình lắp đặt thêm máy móc, thiết bị 107
1.2.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành thương mại 107
Chương 6. THAM VẤN CỘNG ĐỒNG 110
6.1. Tham vấn cộng đồng 110
6.2. Tham vấn chuyên gia, nhà khoa học 110
6.2.1. Tóm tắt về quá trình tổ chức thực hiện tham vấn chuyên gia, nhà khoa học 110
6.2.2. Kết quả tham vấn 111
6.3. Tham vấn tổ chức chuyên môn về tính chuẩn xác của mô hình 111

KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT 112
1. Kết luận 112
2. Kiến nghị 112
3. Cam kết 112
CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO 114
PHỤ LỤC 115

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ATLĐ	An toàn lao động
BOD	Nhu cầu oxy sinh hoá
BXD	Bộ Xây dựng
BVMT	Bảo vệ môi trường
COD	Nhu cầu oxy hóa học
CTNH	Chất thải nguy hại
CTR	Chất thải rắn
ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
HĐND – UBND	Hội đồng nhân dân – Uỷ ban nhân dân
HTXL	Hệ thống xử lý
KĐT	Khu đô thị
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam
TSP	Tổng bụi lơ lửng
TSS	Tổng chất rắn lơ lửng
TDS	Tổng chất rắn hoà tan.
TCCP	Tiêu chuẩn cho phép
TCXD	Tiêu chuẩn xây dựng
TNMT	Tài nguyên môi trường
XLNT	Xử lý nước thải
UBMTTQ	Uỷ ban mặt trận Tổ quốc
UBND	Ủy ban nhân dân
VLXD	Vật liệu xây dựng
VOCs	Các hợp chất hữu cơ bay hơi
WHO	Tổ chức y tế thế giới

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập báo cáo ĐTM của dự án.... 14

Bảng 1. 1. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất của dự án 19
Bảng 1. 2. Cơ cấu sử dụng đất của dự án 20
Bảng 1. 3. Danh mục máy móc, thiết bị trong giai đoạn thi công 27
Bảng 1. 4. Nhu cầu sử nhiên liệu, hóa chất 28
Bảng 1. 5. Danh mục máy móc, thiết bị sản xuất của toàn bộ dự án..... 31
Bảng 1. 6. Nhu cầu về nhân sự của nhà máy 33
Bảng 1. 7. Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của dự án 35
Bảng 1. 8. Các tác động môi trường chính của dự án..... 41
Bảng 1. 9. Quy mô, tính chất của các loại chất thải phát sinh từ dự án..... 41
Bảng 1. 10. Danh mục các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án..... 43
Bảng 1. 11. Danh mục các công trình bảo vệ môi trường 46

Bảng 2. 1. Thông tin chương trình quan trắc hiện trạng môi trường khu vực triển khai dự án..... 53
Bảng 2. 2. Chi tiết vị trí quan trắc môi trường không khí xung quanh..... 53
Bảng 2. 3. Kết quả đo đạc, phân tích mẫu không khí xung quanh KX1 54
Bảng 2. 4. Kết quả đo đạc, phân tích mẫu không khí xung quanh KX2 54
Bảng 2. 5. Kết quả đo đạc, phân tích mẫu không khí xung quanh KX3 54

Bảng 3. 1. Tác hại của SO_2 đối với con người và động vật..... 60
Bảng 3. 2. Mức gây độc của CO ở những nồng độ khác nhau 61
Bảng 3. 3. Tải lượng chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt 61
Bảng 3. 4. Dự báo khối lượng CTNH từ quá trình thi công xây dựng 65
Bảng 3. 5. Lan truyền tiếng ồn do các máy móc, thiết bị 66
Bảng 3. 6. Mức độ rung động của một số máy móc 67
Bảng 3. 7. Bảng cân bằng nước của dự án..... 73
Bảng 3. 8: Bảng thành phần và lưu lượng nước thải phát sinh từ quá trình sản xuất 74
Bảng 3. 9. Thành phần, nồng độ ô nhiễm trong nước thải sản xuất của dự án..... 75
Bảng 3. 10. Nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sinh hoạt trong giai đoạn lắp đặt thiết bị máy móc..... 76

Bảng 3. 11. Tác hại của SO_2 đối với con người và động vật 82
Bảng 3. 12. Mức gây độc của CO ở những nồng độ khác nhau 83
Bảng 3. 13. Bảng tổng hợp khối lượng nguyên vật liệu 84
Bảng 3. 14. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án 84
Bảng 3. 15. Ước tính khối lượng CTNH phát sinh trong giai đoạn hoạt động 85
Bảng 3. 16. Trang thiết bị, phương tiện ứng phó sự cố hóa chất 96
Bảng 3. 17. Kinh phí vận hành các công trình BVMT 100
Bảng 3. 18. Đánh giá độ tin cậy của phương pháp sử dụng 101

Bảng 5. 1. Chương trình quản lý môi trường của dự án 104
Bảng 5. 2. Kế hoạch quan trắc môi trường giai đoạn vận hành 108

Bảng 6. 1. Danh sách đại biểu tham dự cuộc họp 110

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1. 1. Vị trí triển khai dự án 18
Hình 1. 2. Sơ đồ mặt bằng bố trí các hạng mục công trình 21
Hình 1. 3. Sơ đồ dây chuyền sản xuất của dự án 36
Hình 1. 4. Phương án tổ chức thực hiện 39
Hình 1. 5. Sơ đồ tổ chức quản lý của công ty 40

Hình 3. 1. Sơ đồ nguyên lý hoạt động của bể tự hoại 3 ngăn 69
Hình 3. 2. Sơ đồ thu gom nước mưa 70
Hình 3. 3. Sơ đồ công nghệ xử lý trạm xử lý nước nước thải tập trung 2000m^3/ngày đêm của Công ty Lee Hing 90
Hình 3. 4. Sơ đồ thu gom và xử lý hơi mùi hóa chất từ khu vực kho hóa chất và khu vực pha thuốc nhuộm 91

MỞ ĐẦU

1. Xuất xứ của dự án

1.1. Thông tin chung về dự án

Công ty TNHH quốc tế Lệ Tinh đã được Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0901104011 cấp đăng ký lần đầu ngày 30/06/2021, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 12/07/2021.

Để đáp ứng nhu cầu thị trường về may mặc, Công ty TNHH quốc tế Lệ Tinh quyết định đầu tư "Dự án nhuộm hàng may mặc", thực hiện tại 2 nhà xưởng ký hiệu: nhà xưởng F (hay còn gọi là xưởng I) và nhà G (hay còn gọi là xưởng D), địa chỉ tại Lô 4 KCN dệt may Phố Nối, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên được Công ty TNHH quốc tế Lệ Tinh thuê lại của Công ty TNHH dệt may Lee Hing Việt Nam (Thỏa thuận cho thuê nhà xưởng số 01/2021-HĐTNX) với tổng diện tích đất thuê là 6.160m^2. Dự kiến khi đi vào vận hành chính thức, công suất trung bình của dự án là 25.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 1.950 tấn sản phẩm/năm).

Căn cứ tại mục 87, phụ lục II mục I của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ Quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường thì dự án thuộc đối tượng phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và thuộc trách nhiệm thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Phạm vi của Báo cáo ĐTM:

- Công ty TNHH dệt may Lee Hing Việt Nam (đơn vị cho thuê nhà xưởng) đã được UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án Lee Hing Textile Việt Nam tại quyết định số 2219/QĐ-UBND ngày 07/8/2017 và phê duyệt thay đổi nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án tại văn bản số 2846/UBND-KT2 ngày 13/11/2019 và được xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường tại giấy xác nhận số 2845/GXN-UBND ngày 13/11/2019. Công ty Lee Hing đã đầu tư xây dựng nhà xưởng, cơ sở hạ tầng và đi vào hoạt động. Hai nhà xưởng là nhà F và nhà G đã được xây dựng hoàn chỉnh. Qua đánh giá của Chủ đầu tư, phần diện tích nhà xưởng sẵn có vẫn đáp ứng đủ diện tích để bố trí máy móc dây chuyền sản xuất của Công ty TNHH Quốc tế Lệ Tinh. Vì vậy, phần nhà xưởng và các hạng mục đã xây dựng của dự án được giữ nguyên hiện trạng và không thi công xây dựng thêm bất kỳ hạng mục nào. Tuy nhiên, chủ dự án cần phải dọn dẹp lại mặt bằng nhà xưởng, làm vách ngăn phân chia các khu vực sản xuất, văn phòng, kho,... và lắp đặt máy móc thiết bị cho phù hợp và thuận tiện cho các công đoạn sản xuất của chủ dự án.

- Phạm vi báo cáo đánh giá tác động môi trường sẽ đánh giá các tác động môi trường cho 02 giai đoạn: Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng nhà xưởng (lắp đặt vách ngăn bố trí các khu làm việc), lắp đặt máy móc thiết bị và Giai đoạn vận hành thử máy móc mới và đưa dự án vào vận hành thương mại. Từ đó đưa ra các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực, ứng phó sự cố môi trường có thể xảy ra đồng thời xây dựng chương trình quản lý, giám sát môi trường cho dự án.

1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư (đối với dự án phải có quyết định chủ trương đầu tư), báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật, dự án đầu tư hoặc tài liệu tương đương;

"Dự án nhuộm hàng may mặc" của Công ty TNHH Quốc tế Lệ Tinh không thuộc đối tượng phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo điều 37, Luật đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020. (Dự án đầu tư của nhà đầu tư trong nước).

Công ty TNHH Quốc tế Lệ Tinh đã có Báo cáo số 04/BCGSĐGĐT gửi Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên về việc báo cáo giám sát, đánh giá thực hiện đầu tư.

1.3. Mối quan hệ của dự án với các dự án khác và quy hoạch phát triển do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt

"Dự án nhuộm hàng may mặc" thực hiện trên 2 nhà xưởng F và G được chủ đầu tư thuê lại của Công ty TNHH dệt may Lee Hing Việt Nam. Công ty TNHH dệt may Lee Hing Việt Nam đã được phê duyệt:

- Quyết định số 2219/QĐ-UBND ngày 07/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Lee Hing Textile Việt Nam của Công ty TNHH dệt may Lee Hing Việt Nam.

- Quyết định số 2846/UBND-KT2 ngày 13/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc thay đổi nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án của Công ty TNHH dệt may Lee Hing Việt Nam.

- Giấy xác nhận số 2845/GXN-UBND ngày 13/11/2019 của UBND tỉnh Hưng Yên, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án Lee Hing Textile Việt Nam.

"Dự án nhuộm hàng may mặc" phù hợp với các quy hoạch phát triển của địa phương và Khu công nghiệp:

- Quy hoạch tổng thể phát triển các KCN của tỉnh Hưng Yên theo văn bản số 1181/TTg-CN ngày 11/08/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc đề án điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên đến năm 2020;

- Quy hoạch đô thị theo Khoản 1 Điều 46 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009 về rà soát quy hoạch, quyết định số 1141/QĐ-UBND ngày 06/05/2020 của Ủy ban nhân

dân tỉnh Hưng Yên về phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch chung thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

1.4. Sự phù hợp của dự án với quy hoạch ngành nghề và phân khu chức năng của KCN

Dự án thuê lại nhà xưởng của Công ty TNHH dệt may Lee Hing Việt Nam và nằm trong Khu công nghiệp dệt may Phố Nối.

Khu công nghiệp dệt may Phố Nối được Chính phủ cho phép thành lập tại văn bản số 385/CP-CN ngày 04 tháng 4 năm 2003; UBND tỉnh Hưng Yên quyết định thành lập và phê duyệt dự án đầu tư và kinh doanh hạ tầng KCN tại văn bản số 1117/QĐ-UB ngày 13/6/2003 và số 1953/QĐ-UB ngày 06/10/2003.

Khu công nghiệp dệt may Phố Nối đã được UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối B, diện tích 121,6987 ha" tại quyết định số 2284/QĐ-UBND ngày 30/09/2020.

"Dự án nhuộm hàng may mặc" với mục tiêu sản xuất chính là nhuộm vải nằm trong danh mục các ngành sản xuất được phép đầu tư vào khu công nghiệp theo quyết định phê duyệt ĐTM số 2284/QĐ-UBND ngày 30/09/2020 của UBND tỉnh Hưng Yên. Vì vậy, dự án hoàn toàn phù hợp về ngành nghề và phân khu chức năng của khu công nghiệp Dệt may Phố Nối B.

2. Căn cứ pháp luật và kỹ thuật của việc thực hiện ĐTM

2.1. Văn bản pháp luật áp dụng lập báo cáo ĐTM

2.1.1. Luật

- Luật Phòng cháy và chữa cháy được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2001;

- Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XI thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006

- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 được Quốc hội nước CHXHCNVN khóa XIII ban hành ngày 29 tháng 11 năm 2013;

- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 21 tháng 6 năm 2012;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy số 40/2013/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ngày 22 tháng 11 năm 2013;

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được Quốc hội nước XHXHCN Việt Nam khóa XIII ban hành ngày 18 tháng 06 năm 2014;

- Luật hóa chất số 06/2007/QH12 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2007;

- Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XIII thông qua ngày 25 tháng 6 năm 2015.

- Luật đầu tư số 61/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật xây dựng số 62/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 11 năm 2020;

2.1.2. Nghị định

- Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 08 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật

- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về việc thi hành một số điều của Luật đất đai.

- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất;

- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 05 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Nghị định số 03/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định về xác định thiệt hại đối với môi trường

- Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 04 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý chất thải và phế liệu;

- Nghị định 155/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

- Nghị định 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 05 năm 2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 05 năm 2020 của Chính phủ Quy định về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

- Nghị định 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;

- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư.

- Nghị định số 55/2021/NĐ-CP ngày 24/5/2021 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

2.1.3. Thông tư, Quyết định và chỉ thị

- Thông tư 16/2009/TT-BTNMT ngày 7/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường (Ban hành 02 quy chuẩn QCVN05:2009/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT);

- Thông tư 25/2009/TT-BTNMT ngày 16/11/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường (ban hành 08 quy chuẩn QCVN 07:2009/BTNMT, QCVN 19:2009/BTNMT, QCVN 20:2009/BTNMT, QCVN 21:2009/BTNMT, QCVN 22:2009/BTNMT, QCVN 23:2009/BTNMT, QCVN 24:2009/BTNMT, QCVN 25:2009/BTNMT);

- Thông tư số 18/2010/TT-BXD ngày 15 tháng 10 năm 2010 của Bộ Xây dựng về việc áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn trong hoạt động xây dựng;

- Thông tư 39/2010/TT-BTNMT ngày 16/12/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường (ban hành 04 quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT, QCVN 28:2010/BTNMT, QCVN 29:2010/BTNMT);

- Thông tư 32/2013/TT-BTNMT ngày 25/10/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường (ban hành 04 quy chuẩn QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 50:2013/BTNMT, QCVN 51:2013/BTNMT, QCVN 52:2013/BTNMT);

- Thông tư 64/2015/TT-BTNMT ngày 21/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường (ban hành QCVN 03-MT:2015/BTNMT);

- Thông tư 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao;

- Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và môi trường Quy định về quản lý chất thải nguy hại;

- Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

- Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật;

- Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng;

- Thông tư 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;

- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất

- Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ xây dựng quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng;

- Thông tư số 15/2017/TT-BCT ngày 31/8/2017 của Bộ Công thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

- Thông tư số 04/2012/TT-BTNMT ngày 08/05/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tiêu chí xác định cơ sở gây ô nhiễm môi trường, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng ;

- Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về Quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường;

- Thông tư số 02/2018/TT-BXD của Bộ Xây dựng ngày 06 tháng 02 năm 2018 về việc quy định về bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng công trình và chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường ngành xây dựng;

- Thông tư 02/2019/TT-BYT ngày 21/3/2019 của Bộ y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 05 yếu tố bụi nơi làm việc;

- Thông tư 10/2019/TT-BYT ngày 10/6/2019 của Bộ y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – giá trị tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;

- Thông tư 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

- Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Công an Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy.

- Thông tư số 43/2015/TT-BTNMT ngày 29/09/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về báo cáo hiện trạng môi trường, bộ chỉ thị môi trường và quản lý số liệu quan trắc môi trường.

- Thông tư số 04/2012/TT- BTNMT ngày 08 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tiêu chí xác định cơ sở gây ô nhiễm môi trường, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

- Thông tư số 76/2016/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ.

- Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ Y tế quyết định về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động. Ngày 30/6/2016, Bộ Y Tế ban hành 09 quy chuẩn mới thay thế tiêu chuẩn tại quyết định 3733/2002/BYT ngày 10/10/2002.

- Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 05/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 28/2017/QĐ-UBND ngày 5/12/2017 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành quy định về bảo vệ môi trường tỉnh Hưng Yên;

- Quyết định số 491/QĐ-TTG ngày 07/05/2018 của Thủ tướng chính phủ: Phê duyệt điều chỉnh chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND ngày 29/01/2019 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương về môi trường;

- Chỉ thị 04/2009/CT-UBND ngày 05/02/2021 của UBND tỉnh Hưng Yên về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ thị số 16-CT/UBND ngày 20/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

- Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 15/6/2021 của Tỉnh ủy tỉnh Hưng Yên về Chương trình Bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030.

2.1.4. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng

2.1.4.1. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường

a. Tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng chất lượng không khí và khí thải

- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

- QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh;

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với chất hữu cơ.

b. Tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng nước

- Tiêu chuẩn đấu nối nước thải của Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối

- QCĐP 01:2019/HY: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải sinh hoạt;

c. Tiêu chuẩn, quy chuẩn về tiếng ồn và độ rung

- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

- QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;

d. Tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng đất

- QCVN 03-MT: 2015/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của một số kim loại nặng trong đất.

e. Tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất thải nguy hại

- QCVN 07:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại;

- TCVN 6707:2009 về chất thải nguy hại - Dấu hiệu cảnh báo

- QCVN 50:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng bùn thải nguy hại của trạm XLNT.

f. Tiêu chuẩn về môi trường lao động

- QCVN 02:2019/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi amiăng, bụi chứa silic, bụi không chứa silic, bụi bông và bụi than - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc – Giá trị giới hạn tiếp xúc bụi tại nơi làm việc;

- QCVN 03:2019/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;

- QCVN 21:2016/BYT về Điện từ trường tần số cao - Mức tiếp xúc cho phép điện từ trường tần số cao tại nơi làm việc.

- QCVN 22:2016/BYT về Chiếu sáng - Mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc.

- QCVN 24:2016/BYT về Tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

- QCVN 26:2016/BYT về Vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

- QCVN 27:2016/BYT về Rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc.

2.1.4.2. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn khác

a. Tiêu chuẩn cấp, thoát nước công trình

- TCVN 4474:1987: Thoát nước bên trong – Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 4513:1988: Tiêu chuẩn về Cấp nước bên trong – Tiêu chuẩn thiết kế - PCCC;

- TCVN 5576:1991: Hệ thống cấp thoát nước – Quy phạm quản lý kỹ thuật;

- TCXDVN 33:2006: Cấp nước – mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 7957:2008: Thoát nước. Mạng lưới và công trình bên ngoài. Tiêu chuẩn thiết kế.

- QCXDVN 01:2019/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- QCVN 07:2016/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Các công trình hạ tầng kỹ thuật.

- TCVN 4037-2012: Cấp nước thuật ngữ và định nghĩa.

- TCVN 2622-1995 Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình-Yêu cầu thiết kế.

- TCVN 7222:2002 Yêu cầu chung về môi trường đối với TXL nước thải tập trung.

b. Tiêu chuẩn xây dựng

- TCVN 2737-1995: Tải trọng và tác động – tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 4451:2012: Nhà ở - Nguyên tắc cơ bản để thiết kế;

- TCVN 6203:2012 Cơ sở để thiết kế kết cấu – Các kí hiệu – kí hiệu quy ước chung;

- TCVN 5574:2012: Kết cấu BT và BT cốt thép – tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 5575:2012: Kết cấu thép – tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 9386:2012: Về thiết kế công trình chịu động đất;

- TCVN 9394:2012 Về đóng và ép cọc – thi công và nghiệm thu;

- TCVN 9393:2012 Về cọc – phương pháp thử nghiệm hiện trường băng tải trọng tĩnh ép dọc trục.

- QCVN 07:2016/BXD Quy chuẩn quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật;

- QCVN 01:2019/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

c. Tiêu chuẩn về thiết kế và lắp đặt điện, thiết kế và lắp đặt chiếu sáng công trình

- TCVN 4086:1985 – Tiêu chuẩn an toàn Điện trong xây dựng.

- TCXD 16:1986 – Chiếu sáng nhân tạo trong các công trình dân dụng.

- TCVN 394:2007 – Thiết kế lắp đặt trang bị điện trong công trình xây dựng – Phần an toàn.

- TCVN 9206:2012 – Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng – Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 9207:2012 – Đặt đường dây dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng – Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 333:2005 – Thiết kế hệ thống cấp điện theo tiêu chuẩn IEC và hệ thống chiếu sáng thiết kế theo tiêu chuẩn chiếu sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng và hạ tầng đô thị;

- TCVN 9385:2012 – Chống sét cho các công trình xây dựng – Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống;

- TCXD 7114-1,3:2008 – Tiêu chuẩn thiết kế chiếu sáng trong, ngoài nhà các công trình xây dựng;

- TCXD 4756:1989 – Quy phạm nối đất và nối không của các thiết bị điện;

- TCXDVN 394:2007 – Thiết kế lắp đặt trang thiết bị điện trong các công trình xây dựng – An toàn điện;

- Tiêu chuẩn TCVN 5308-91 về an toàn lắp đặt và sử dụng thiết bị điện trong thi công;

- QCVN_07-2016 - Quy chuẩn quốc gia về hạ tầng kỹ thuật;

- QCVN-07-7-2016 - Công trình chiếu sáng;

- QCVN-07-5 -2016 - Công trình cấp điện

- TCXD 29:1991: Chiếu sáng tự nhiên trong công trình dân dụng - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCXDVN 253:2001: Lắp đặt thiết bị chiếu sáng cho công trình công nghiệp. Yêu cầu chung;

- TCXDVN 259:2001 – Tiêu chuẩn thiết kế chiếu sáng nhân tạo đường đường phố, quảng trường đô thị

- TCXDVN 333:2005: Chiếu sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng và kỹ thuật hạ tầng đô thị - Tiêu chuẩn thiết kế.

d. Thông tin liên lạc

- QCVN 07-8:2016/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật - Cộng trình viễn thông;

- QCVN 32:2011/BTTTT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chống sét cho các trạm viễn thông và mạng cáp ngoại vi viễn thông;

- QCVN 33:2011/BTTTT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông;

- QCVN 36:20011/BTTTT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông di động mặt đất do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành;

e. Tiêu chuẩn về Phòng cháy chữa cháy

- TCVN 5760:1993: Hệ thống chữa cháy - Yêu cầu chung về thiết kế, lắp đặt và sử dụng;

- TCVN 3890:2009: Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình – trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng;

- TCVN 3991:2012: Tiêu chuẩn phòng cháy trong thiết kế xây dựng – thuật ngữ - định nghĩa;

- TCVN 9310-4:2012: Phòng chữa cháy – từ vựng – thiết bị chữa cháy;

- TCVN 9310-3:2012: Phòng chữa cháy – phát hiện cháy và báo động cháy;

- TCVN 5738:2000: Hệ thống báo cháy tự động – yêu cầu kỹ thuật

- QCVN 06:2020/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình

2.2. Các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền về dự án

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số 0901104011 đăng ký lần đầu ngày 30/06/2021, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 12/07/2021 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp.

- Thỏa thuận cho thuê nhà xưởng số 01/2021-HĐTNX ngày 21/06/2021 giữa Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam và Công ty TNHH Quốc tế Lệ Tinh.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 351, địa chỉ tại xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên số CG465682 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên cấp ngày 23/10/2018.

2.3. Tài liệu, dữ liệu do chủ dự án tự tạo lập trong quá trình thực hiện đánh giác tác động môi trường

- Thuyết minh đầu tư của "Dự án nhuộm hàng may mặc"

3. Tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường

Báo cáo đánh giá tác động môi trường của "Dự án nhuộm hàng may mặc" được chủ đầu tư là Công ty TNHH quốc tế Lệ Tinh thực hiện với sự tư vấn của Công ty TNHH Xây dựng & Công nghệ Môi trường Thăng Long.

- Tên chủ dự án: CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ LỆ TINH

+ Địa chỉ Công ty: Lô đất số L4, khu công nghiệp Dệt may Phố Nối B, phường Dị sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

+ Đăng ký kinh doanh số 0901104011 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp đăng ký lần đầu ngày 30/6/2021, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 12/7/2021

+ Người đại diện pháp luật: Bà Đàm Thị Dung Chức vụ: Giám đốc

Sinh ngày: 19/9/1981 Quốc tịch: Việt Nam

Giấy chứng minh nhân dân số 031068859 do Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 08/6/2012;

Địa chỉ thường trú: số 8/1, VT4A8, phường Quán Toan, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

Địa chỉ liên lạc: số 8/1, VT4A8, phường Quán Toan, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

- Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Xây dựng & Công nghệ môi trường Thăng Long

+ Đại diện: Ông Lê Tuấn Sơn Chức vụ: Giám đốc

+ Địa chỉ: Số 106, tổ 21, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

+ VPGD: Số 11 ngách 28/10, ngõ 28 Nguyên Hồng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội.

+ SĐT: 0243.5690362 Fax: 043.5690362

❖ **Quá trình thực hiện bao gồm những nội dung chính như sau:**

- Thu thập các tài liệu, số liệu liên quan đến dự án; điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của khu vực xung quanh nơi triển khai dự án;

- Khảo sát, đo đạc, lấy mẫu phân tích: Sử dụng các thiết bị chuyên dụng, tiến hành đo đạc, lấy mẫu, phân tích chất lượng môi trường không khí, đất, nước mặt để đánh giá hiện trạng môi trường nền khu vực triển khai dự án;

- Dự báo, đánh giá tác động của dự án đến các yếu tố môi trường và kinh tế xã hội; đề xuất biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu;

- Tiến hành tổng hợp thông tin, kết quả phân tích, kết quả điều tra lập báo cáo tổng hợp;

- Tham vấn ý kiến chuyên gia, nhà khoa học;

- Trình các cơ quan chức năng thẩm định, phê duyệt báo cáo.

Danh sách thành viên Chủ đầu tư và cơ quan tư vấn trực tiếp tham gia lập báo cáo ĐTM được thể hiện trong bảng 1.

Bảng 1. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập báo cáo ĐTM của dự án

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn/Chức vụ	Nội dung phụ trách	Chữ ký
I	**Công ty TNHH Quốc tế Lệ Tinh**			
1	Đàm Thị Dung	Giám đốc	Phụ trách chung và cung cấp các thông tin của dự án	
II	**Công ty TNHH Xây dựng & công nghệ môi trường Thăng Long**			
1	Lê Tuấn Sơn	Giám đốc Công ty – Thạc sỹ Kỹ thuật và công nghệ môi trường công nghiệp	Phụ trách chung	
2	Lê Vũ Linh Soa	Phó giám đốc – Kỹ sư Khoa học và kỹ thuật môi trường	Rà soát báo cáo	
3	Đoàn Quang Dũng	Trưởng phòng tư vấn – Cử nhân Địa Kỹ thuật - Địa Môi Trường	Phần mở đầu + Chương 1	
4	Nguyễn Thị Liễu	Cử nhân Công nghệ kỹ thuật môi trường	Chương 2 + Chương 6	
5	Nguyễn Thị Thủy	Kỹ sư Kỹ thuật môi trường	Chương 3	
6	Vũ Thị Nga	Kỹ sư Kỹ thuật môi trường	Chương 5 + Kết luận	

4. Các phương pháp áp dụng trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường

4.1. Phương pháp ĐTM

4.1.1. Phương pháp liệt kê số liệu

Trong phương pháp này, các số liệu có liên quan đến dự án được liệt kê dưới dạng bảng biểu nhằm mục đích làm căn cứ tính toán, dự báo các tác động trong quá trình triển khai dự án. Phương pháp này chủ yếu được sử dụng trong chương 1 và chương 2 của báo cáo.

4.1.2. Phương pháp danh mục

Phương pháp này dựa trên việc lập bảng thể hiện mối quan hệ giữa các hoạt động của Dự án với các thông số môi trường có khả năng chịu tác động bởi Dự án nhằm mục tiêu nhận dạng tác động môi trường. Xây dựng bảng danh mục có thể bao quát được tất cả các vấn đề môi trường của Dự án, cho phép đánh giá tác động sơ bộ tác động và định hướng mức độ tác động cơ bản nhất cần được đánh giá chi tiết. Phương pháp này được sử dụng tại chương 3 của báo cáo.

4.1.3. Phương pháp đánh giá nhanh

Dựa vào hệ số phát thải ô nhiễm của Việt Nam, Tổ chức y tế thế giới (WHO) đã và đang được áp dụng rộng rãi cùng với những số liệu liên quan để dự báo tải lượng ô nhiễm, mức độ, phạm vi ảnh hưởng của quá trình thực hiện dự án đến các yếu tố môi trường trong khu vực. Phương pháp đánh giá nhanh được sử dụng tại chương 3.

4.2. Phương pháp khác

4.2.1. Phương pháp khảo sát, thu thập, tổng hợp tài liệu

Đây là phương pháp được sử dụng trong hầu hết các phần của báo cáo và là một phương pháp quan trọng trong quá trình lập báo cáo.

Các thông tin được thu thập bao gồm: Những thông tin về điều kiện tự nhiên, địa lý, kinh tế, xã hội..., những thông tin liên quan đến hiện trạng môi trường khu vực triển khai dự án, các thông tin về cơ sở hạ tầng kỹ thuật của khu vực; các văn bản quy phạm pháp luật, hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường của Nhà nước Việt Nam có liên quan, ngoài ra còn có các tài liệu chuyên ngành về công nghệ, kỹ thuật và môi trường.

4.2.2. Phương pháp tham vấn chuyên gia, nhà khoa học

Trong quá trình thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường, Chủ đầu tư có xin ý kiến của chuyên gia, nhà khoa học trong lĩnh vực Môi trường về các nội dung của báo cáo ĐTM nhằm bổ sung, hoàn thiện các đánh giá tác động, biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và xử lý chất thải. Kết quả của quá trình tham vấn ý kiến chuyên gia, nhà khoa học được sử dụng cho nội dung báo cáo tại chương 6.

4.2.3. Phương pháp đo đạc tại hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm

Phương pháp này được sử dụng để đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí tại nơi thực hiện dự án. Kết quả đánh giá được thể hiện trong chương 2 của báo cáo.

Các phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích các chỉ tiêu môi trường đều là các phương pháp tiêu chuẩn của Việt Nam hoặc Quốc tế được sử dụng rộng rãi và có độ chính xác cao, được Bộ Tài nguyên và môi trường chấp thuận cho việc áp dụng để phân tích các chỉ tiêu môi trường trên lãnh thổ Việt Nam.

4.2.4. Phương pháp so sánh

Phương pháp so sánh dùng để đánh giá hiện trạng chất lượng các thành phần môi trường cũng như mức độ ảnh hưởng của dự án đến các thành phần môi trường trên cơ sở so sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường Việt Nam hiện hành. Phương pháp này được sử dụng trong chương 2 và chương 3 của báo cáo. Cụ thể:

Chương 1. MÔ TẢ TÓM TẮT DỰ ÁN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1.1. Thông tin chung về dự án

1.1.1. Tên dự án

Tên dự án: "Dự án nhuộm hàng may mặc"

1.1.2. Thông tin về chủ dự án, nguồn vốn, tiến độ thực hiện dự án

1.1.2.1. Thông tin chung về chủ dự án

- Tên chủ dự án: CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ LỆ TINH

- Địa chỉ: Lô đất số L4, khu công nghiệp Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

- Điện thoại: 0904658880

- Đại diện: Bà Đàm Thị Dung Chức vụ: Giám đốc

Sinh ngày: 19/9/1981 Quốc tịch: Việt Nam

Giấy chứng minh nhân dân số 031068859 do Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 08/6/2012;

Địa chỉ thường trú: số 8/1, VT4A8, phường Quán Toan, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

Địa chỉ liên lạc: số 8/1, VT4A8, phường Quán Toan, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

1.1.2.2. Nguồn vốn thực hiện dự án

Tổng vốn đầu tư dự án: 4.500.000.000 đồng

1.1.2.3. Tiến độ thực hiện dự án

Tiến độ thực hiện dự án như sau:

- Hoàn tất các thủ tục hành chính: Tháng 12/2021 – tháng 3/2022
- Vận chuyển, lắp đặt thiết bị và chạy thử máy móc: Tháng 3/2022
- Vận hành thử nghiệm sản xuất và thử nghiệm công trình bảo vệ môi trường: cuối tháng 04/2022
- Vận hành sản xuất chính thức: tháng 7/2022

1.1.3. Vị trí địa lý của dự án

1.1.3.1. Vị trí địa lý

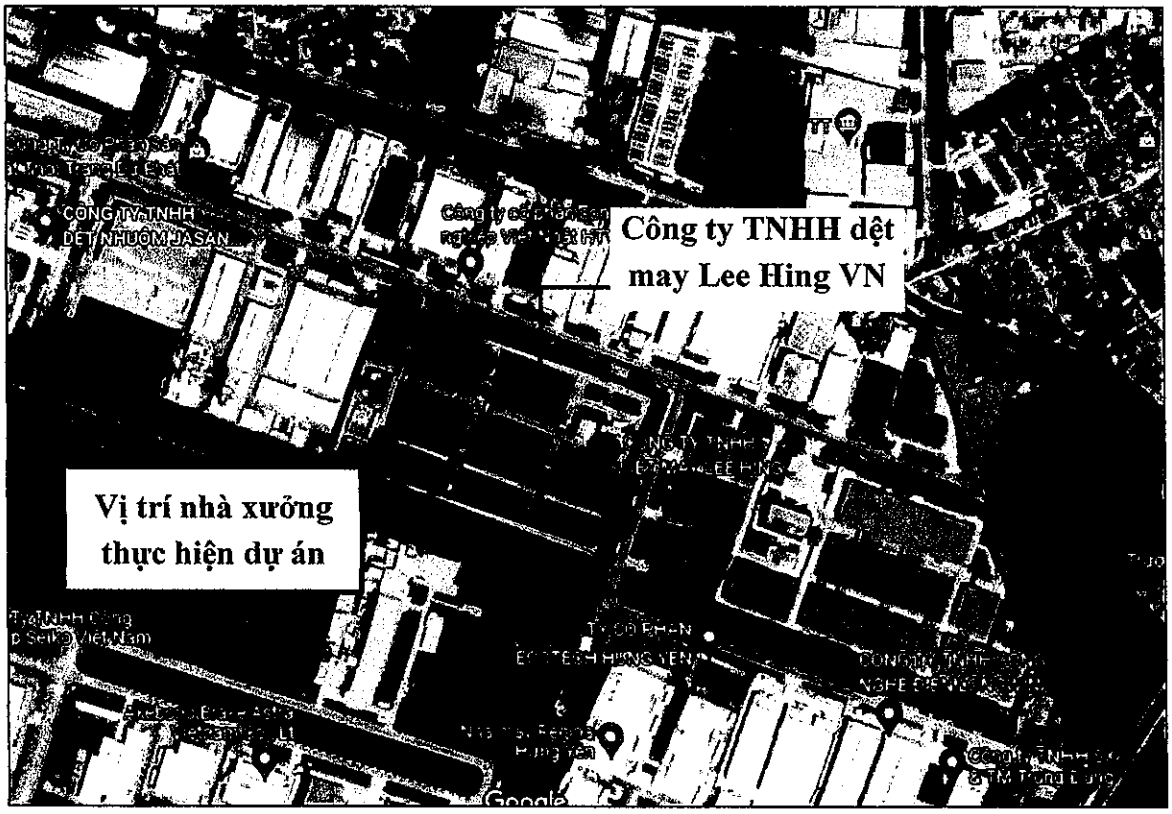
"Dự án nhuộm hàng may mặc" được thực hiện tại 2 nhà xưởng F và nhà G trên Lô đất số L4, Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối B, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, trên 2 nhà xưởng F và G được thuê lại của Công ty TNHH dệt may Lee Hing Việt Nam (theo Hợp đồng thuê nhà xưởng số 01/2021-HGGTNX ngày 21/6/2021; theo đánh số thực tế của Công ty TNHH Dệt may Lee Hing lần lượt là nhà xưởng I, D). Tổng diện tích nhà xưởng thực hiện dự án là 6.160 m^2.

Vị trí tổng thể của Công ty TNHH dệt may Lee Hing Việt Nam:

- Phía Tây: giáp Công ty Cổ phần tập đoàn hóa chất Đức Giang;
- Phía Bắc, Đông: giáp đường nội bộ của Khu công nghiệp;
- Phía Nam: giáp ranh giới của KCN với khu đất nằm ngoài KCN

Vị trí của 2 nhà xưởng thực hiện dự án: nằm tại phía Nam của Công ty TNHH dệt may Lee Hing Việt Nam, cụ thể:

- Phía Bắc, Đông: Giáp các nhà xưởng khác của Công ty TNHH dệt may Lee Hing Việt Nam;
- Phía Tây: Giáp kho rác của Công ty TNHH dệt may Lee Hing Việt Nam;
- Phía Nam: Giáp đường nội bộ của Công ty TNHH dệt may Lee Hing Việt Nam.



Hình 1. 1. Vị trí triển khai dự án

1.1.3.2. Mối tương quan giữa Dự án và các đối tượng tự nhiên, kinh tế - xã hội

- *Quy hoạch:* Khu vực nghiên cứu xây dựng dự án nằm trong Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối B, hiện nay đã có rất nhiều dự án đầu tư lớn nhỏ với vốn đầu tư trong và ngoài nước. Các nhà đầu tư vào khu công nghiệp chủ yếu là các nhà đầu tư tới từ Nhật Bản, Trung Quốc, Italia…

- *Giao thông:* Giao thông khu vực dự án đã được xây dựng đồng bộ hạ tầng với toàn khu công nghiệp. Đồng thời, vị trí địa lý của khu công nghiệp nằm ngay sát quốc lộ 5 – trục đường huyết mạch nối liền các tỉnh trọng điểm phía Bắc: Hà Nội – Hưng

Yên – Hải Dương – Hải Phòng, đây là điều kiện rất thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu nguyên liệu, hàng hóa, sản phẩm ra thị trường.

- *Hệ thống cấp điện:* Khu vực dự án sử dụng nguồn điện lấy từ trạm biến áp của khu công nghiệp thông qua mạng lưới điện phân phối đến từng nhà đầu tư thứ cấp.

- *Hệ thống cấp nước:* Dự án sử dụng nguồn cung cấp nước được lấy từ mạng lưới phân phối cấp nước của Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối B.

- *Kinh tế - xã hội:* Dự án nằm trong Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối B đã được quy hoạch nằm cách khu dân cư gần nhất khoảng 500m, trong phạm vi bán kính 2km gần KCN cũng không có các khu di tích, danh lam thắng cảnh cấp quốc gia,... Chủ yếu dân cư là các hộ gia đình nông dân, buôn bán,...

1.1.3.3. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất của dự án

Hai nhà xưởng nơi thực hiện dự án đã được Công ty Quốc tế Lệ Tinh thuê lại của Công ty TNHH dệt may Lee Hing Việt Nam. Nhà xưởng đã được đầu tư xây dựng đồng bộ với các các công trình nhà xưởng khác của Công ty và đưa vào sử dụng từ năm 2017. Tổng diện tích nhà xưởng thực hiện "Dự án nhuộm hàng may mặc" là 6.160m^2.

Bảng 1. 1. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất của dự án

STT	Chức năng sử dụng đất	Diện tích đất (m^2)
	Tổng diện tích đất	**6.160**
1	Diện tích nhà xưởng F	3.080
2	Diện tích nhà xưởng G	3.080

Chủ dự án chỉ tiến hành dọn dẹp lại mặt bằng nhà xưởng, lắp đặt bổ sung các vách ngăn để bố trí các khu vực văn phòng, phòng thí nghiệm,... và lắp đặt thiết bị, máy móc mới cho phù hợp và thuận tiện cho các công đoạn sản xuất của dự án. Vì vậy, phần diện tích đất và các hạng mục đã xây dựng của dự án được giữ nguyên hiện trạng và không thi công xây dựng thêm bất kỳ hạng mục nào.

1.1.4. Mục tiêu, quy mô, công suất, công nghệ và loại hình dự án

1.1.4.1. Mục tiêu của dự án

Chủ đầu tư tập trung thực hiện mục tiêu nhuộm các sản phẩm may mặc.

1.1.4.2. Quy mô

Do dự án thực hiện thuê nhà xưởng, chủ dự án chỉ dọn dẹp, cải tạo lại nhà xưởng thuê (lắp đặt vách ngăn để bố trí các hạng mục văn phòng, xưởng sản xuất, nhà kho,...) và lắp đặt máy móc thiết bị cho phù hợp và thuận tiện cho các công đoạn sản xuất của chủ dự án. Hai nhà xưởng được thuê để triển khai dự án là nhà xưởng F và nhà xưởng G có tổng diện tích 6.160 m^2 đã được xây dựng hoàn chỉnh. Quy mô các hạng mục của dự án khi cải tạo, lắp đặt hoàn chỉnh như sau:

Bảng 1. 2. Cơ cấu sử dụng đất của dự án

STT	Chức năng sử dụng đất	Diện tích đất (m^2)
	Tổng diện tích đất	**6.160**
1	***Diện tích nhà xưởng G***	***3.080***
1.1	Nhà văn phòng	50
1.2	Nhà xưởng sản xuất (khu vực hấp định hình, buộc dây, sấy)	3.010
1.3	Khu vệ sinh	20
2	***Diện tích nhà xưởng F***	***3.080***
2.1	Xưởng nhuộm	2.965
2.2	Phòng thí nghiệm	25
2.3	Kho chứa thuốc nhuộm khô, phòng pha thuốc	70
2.4	Khu vệ sinh	20

1.1.4.3. Công suất

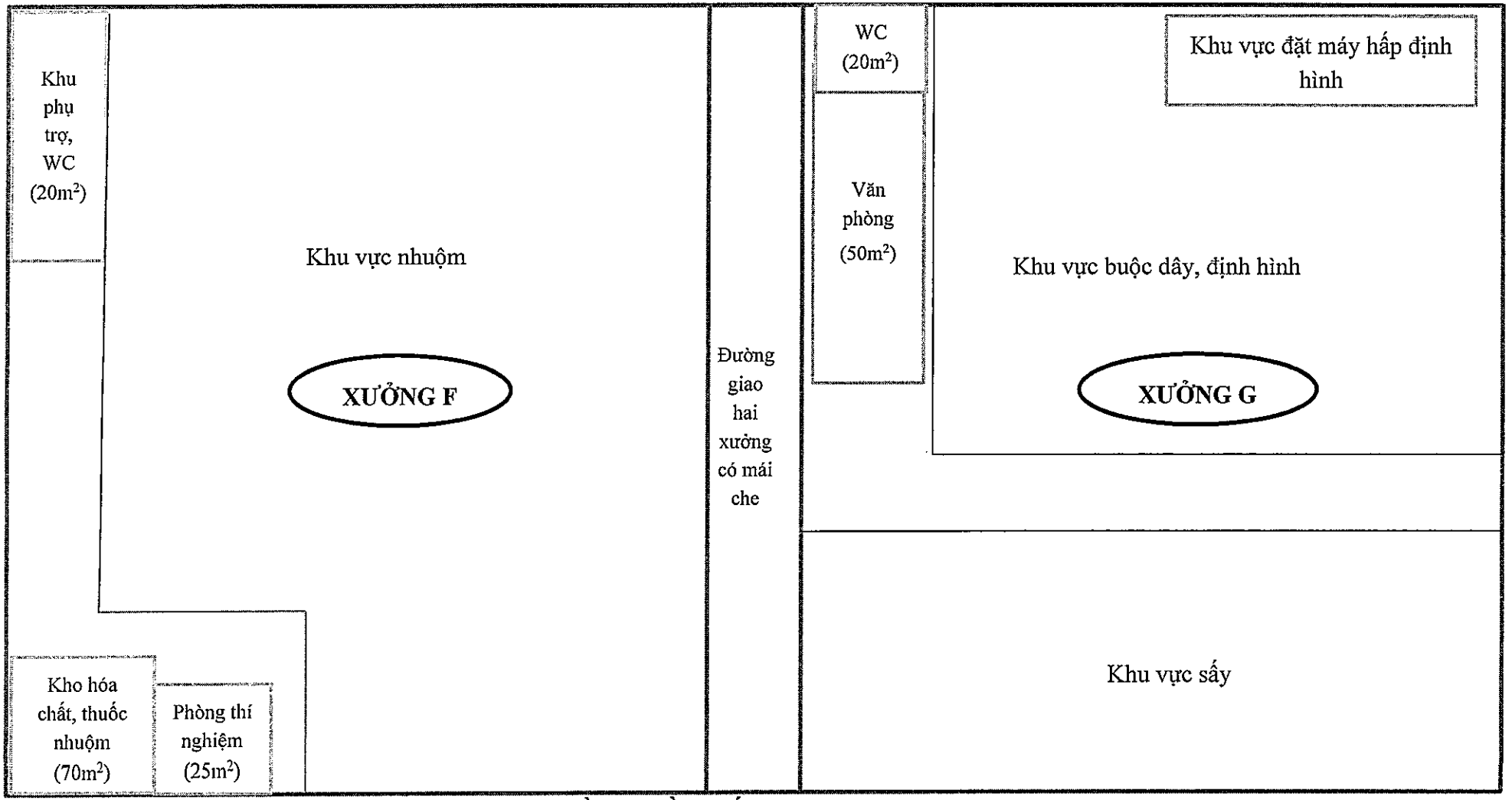
Công suất sản xuất dự kiến: 25.000.000 sản phẩm (tương đương 1.950 tấn sản phẩm/năm).

1.1.4.4. Công nghệ và loại hình dự án

- Công nghệ: nhuộm các sản phẩm may mặc
- Loại hình dự án: Dự án sản xuất (cơ sở nhuộm)

1.2. Các hạng mục công trình của dự án

Theo quy mô sử dụng đất của dự án như đã trình bày tại bảng 1.3, sơ đồ mặt bằng bố trí các hạng mục công trình của dự án như sau:



Hình 1. 2. Sơ đồ mặt bằng bố trí các hạng mục công trình

1.2.1. Các hạng mục công trình chính

Trong thời gian tới dự án sẽ không xây dựng bổ sung thêm hạng mục công trình chính nào chỉ tiến hành lắp đặt thêm các vách tường ngăn để phân chia các khu vực văn phòng, sản xuất, kho,. Toàn bộ các hạng mục công trình chính hiện hữu sẽ được giữ nguyên hiện trạng.

a. Nhà xưởng sản xuất

Dự án bao gồm 2 nhà xưởng có tổng diện tích 6.160m^2 (mỗi xưởng có diện tích là 3.080m^2) được bố trí khép kín và xây dựng theo kiểu nhà công nghiệp, giữa 2 xưởng có một đường nối có mái tôn che. Theo đánh giá của Chủ đầu tư, phần diện tích 2 nhà xưởng này vẫn đáp ứng đủ diện tích để bố trí máy móc dây chuyền mới, chủ đầu tư chỉ dọn dẹp lại mặt bằng, lắp đặt vách ngăn và bố trí lắp đặt máy móc cho phù hợp. Vì vậy, các hạng mục đã xây dựng trong nhà xưởng được giữ nguyên, không xây dựng thêm hay cải tạo nhà xưởng sản xuất.

b. Kho hóa chất

Kho hóa chất nằm trong khuôn viên của xưởng sản xuất, diện tích khoảng 95 m^2 và được bố trí cuối nhà xưởng. Kho hóa chất được bố trí thành 02 khu vực:

+ Khu vực phòng thí nhiệm (25m^2): kiểm tra màu sắc sản phẩm sau sản xuất với sản phẩm mẫu bằng mắt.

+ Kho chứa hóa chất và thuốc nhuộm, chất trợ nhuộm (70m^2): được chia làm 2 phòng: là phòng chứa thuốc nhuộm khô trong đó có 1 buồng cân, thử màu, pha thuốc và kho chứa hóa chất, thuốc trợ nhuộm

Tùy theo loại nhu cầu sản phẩm thì nhân viên kỹ thuật sẽ tiến hành định lượng các thành phần pha màu nhuộm bằng cân điện tử theo bảng hướng dẫn và pha trộn trong các thùng chuyên dụng. Công đoạn pha màu nhuộm được tiến hành tại buồng pha thuốc nhuộm kích thước kích thước dài x rộng x cao = 3m x 2m x 2,5m.

Các loại bột nhuộm khô được đựng trong các thùng kín, mỗi thùng được để riêng tại các ô có vách ngăn xây bằng bê tông gạch, vách ngăn có chiều cao khoảng 1m. Để đảm bảo cho các loại bột màu không bị biến chất, kho chứa thuốc nhuộm khô luôn được duy trì độ ẩm thấp và nhiệt độ trong phòng khoảng 20-25^{0}C.

Hóa chất, thuốc nhuộm trong kho đều được dựng trong các thùng phuy nhựa kê trên các tấm pallet, các loại hóa chất có tính phản ứng với nhau được bố trí cách xa nhau. Trong kho đã bố trí cửa thoát hiểm,hệ thống thông gió thông thoáng, rãnh thu gom. Chủ dự án sẽ lắp đặt hệ thống và trang bị các phương tiện PCCC và các đồ bảo hộ chuyên dùng cho khu vực lưu giữ hóa chất như găng tay, mặt nạ phòng độc, ủng,…

c. Khu văn phòng

Chủ dự án dự kiến lắp đặt vách ngăn cho khu vực văn phòng với tổng diện tích khoảng 50m^2 được bố trí ngay gần khu vực buộc dây và định hình nguyên liệu tại khu vực xưởng sản xuất. Văn phòng 1 tầng sử dụng các tưởng ngăn bằng thạch cao. Khu

vực được bố trí hệ thống các phòng chức năng đảm bảo không gian làm việc yên tĩnh cho cán bộ, nhân viên dự án.

1.2.2. Các hạng mục công trình phụ trợ

a. Hệ thống cấp nước

Hiện tại, dự án sử dụng nước cấp từ nguồn nước sạch của Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối B. Hệ thống cấp nước sạch đã được Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam lắp đặt hoàn chỉnh đến khu xưởng. Chủ dự án sẽ tiến hành lắp đặt thêm đường ống cấp nước về các thiết bị sử dụng trong nhà máy để cung cấp chủ yếu cho hoạt động sinh hoạt, trong quá trình giặt và nhuộm sản phẩm.

Theo đánh giá trong điều kiện hoạt động bình thường, Công ty Lee Hing có thể hỗ trợ cung cấp cho dự án 600m^3 nước/ngày (Theo Hợp đồng thuê nhà xưởng số 01/2021-HĐTNX ngày 21/6/2021).

b. Hệ thống cấp hơi

Dự án khi đi vào hoạt động sẽ sử dụng hơi được cấp từ Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam. Chủ dự án sẽ tiến hành lắp đặt thêm đường ống cấp hơi từ điểm đấu nối của Công ty Lee Hing về các máy hấp của dự án.

Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam đã lắp đặt 02 lò hơi đốt than, 01 lò công suất 10 tấn hơi/giờ, 01 lò công suất 15 tấn hơi/giờ. Theo đánh giá trong điều kiện hoạt động bình thường, Công ty Lee Hing có thể hỗ trợ cung cấp cho dự án 100 tấn hơi/ngày (Theo Hợp đồng thuê nhà xưởng số 01/2021-HĐTNX ngày 21/6/2021).

c. Hệ thống cấp điện, trạm biến áp

Nguồn điện cấp cho 2 nhà xưởng đã được đấu nối và lắp đặt hoàn thiện. Chủ dự án chỉ bố trí thêm hệ thống đường dây điện để cung cấp điện đến các máy móc, thiết bị hoạt động của dự án. Công ty Lee Hing có thể hỗ trợ cung cấp điện cho dự án 1000kWh/ngày (Theo Hợp đồng thuê nhà xưởng số 01/2021-HĐTNX ngày 21/6/2021).

c. Hệ thống giao thông, sân đường

Hệ thống đường giao thông của KCN Dệt may Phố Nối đã được trải nhựa, thiết kế mặt đường rộng, thoáng, đảm bảo công tác vận chuyển cho các phương tiện ra vào trong KCN.

Hệ thống đường nội bộ của Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam cũng đã được xây dựng đồng bộ với các hạng mục công trình khác của Công ty.

d. Các hạng mục phụ trợ khác

Công nhân viên làm việc tại dự án sẽ ăn uống tại nhà ăn của Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam do đó chủ dự án không bố trí nhà ăn. (Theo thỏa thuận thuê nhà xưởng số 01/2021-HĐTNX ngày 21/6/2021).

1.2.2.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

Toàn bộ nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất của dự án sẽ được thu gom và đấu nối về hệ thống thu gom, xử lý nước thải sơ bộ của Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam.

Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam đã xây dựng hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt, hệ thống xử lý nước thải sản xuất; hệ thống thu gom và thoát nước mưa; kho CTR sinh hoạt và CTR thông thường; khu vực lưu giữ chất thải rắn sản xuất; kho CTNH và được Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình BVMT số 2845/GXN-UBND ngày 13/11/2019.

Các công trình BVMT của nhà máy như sau:

a. Hệ thống thu gom, tiêu thoát nước mưa

- Hệ thống thoát nước mưa mái: Nước mưa chảy tràn trên mái được chảy về các ống dẫn bằng PVC từ trên mái các công trình xuống hệ thống cống thoát nước mặt phía dưới. Các ống dẫn PVC có đường kính D110.

- Hệ thống thoát nước mặt: Lượng nước mưa chảy tràn được thu gom và thoát vào hệ thống thoát nước mưa đã có được xây dựng ngầm bằng hệ thống cống, rãnh bê tông dạng xương cá có chiều rộng D300-D600 đạt tiêu chuẩn đi xung quanh. Trên dọc hệ thống thu gom có song chắn rác, hố ga để lắng cặn, chất bẩn trước khi chảy vào hệ thống thoát nước mưa chung của KCN Dệt may Phố Nối B.

- Toàn bộ lượng nước mưa mái và nước mưa chảy tràn bề mặt sẽ được đấu nối qua qua 02 điểm xả để chảy vào hệ thống thu gom nước mưa chung của KCN Dệt may Phố Nối B. Trong giai đoạn dọn dẹp mặt bằng, lắp đặt thiết bị nhà máy không tiến hành xây dựng, cải tạo các hạng mục công trình của dự án nên toàn bộ hệ thống thu gom nước mưa hiện tại vẫn được sử dụng và giữ nguyên hiện trạng.

b. Hệ thống thu gom, xử lý nước thải

- Nước thải sản xuất: quá trình sản xuất sẽ phát sinh nước thải từ công đoạn nhuộm sản phẩm. Nước thải từ các máy nhuộm của cơ sở được thu gom qua các đường ống xả nước thải đi kèm máy nhuộm (Kích thước D75) đấu nối thẳng xuống các rãnh thu gom nước thải bằng bê tông kích thước rộng x sâu = 500x500mm. Rãnh thu gom nước thải sản xuất có nắp đậy kín trên bề mặt rãnh nhằm tránh việc rò rỉ nước thải và phát sinh hơi, mùi hóa chất nhuộm ra ngoài không khí *(Hình ảnh rãnh thu gom nước thải đính kèm tại phụ lục của báo cáo)*. Sau đó đấu nối ra hệ thống thu gom nước thải và dẫn về hệ thống XLNT sơ bộ của Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam.

Toàn bộ lượng nước thải sản xuất trên của nhà máy được chảy về hệ thống XLNT sơ bộ của Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam với công suất 2000m^3/ngày đêm. Quy trình xử lý như sau: Nước thải ⟶ Hố gom ⟶ Máy tách rác ⟶ Bể gom Tháp giải nhiệt ⟶ Bể điều hòa ⟶ Bể phản ứng ⟶ Bể lắng ⟶ Bể sau xử lý ⟶ Đấu nối với hệ thống xử lý nước thải KCN.

- Nước thải sinh hoạt: Trong giai đoạn hoạt động của nhà máy phát sinh nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh. Dự án có 2 khu nhà vệ sinh bố trí tại 2 nhà xưởng. Nước thải từ 2 khu nhà vệ sinh được thu gom về để xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn của Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam trước khi đấu nối với hệ thống thu gom, thoát nước thải của KCN.

Sau đó, nước thải được đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Dệt may Phố Nối qua 01 điểm xả nước thải tại vị trí gần hệ thống XLNT của cơ sở và sát tường rào của nhà máy để vào hệ thống thu gom của KCN.

d. Công trình lưu giữ chất thải rắn

Cán bộ, công nhân viên của dự án không ăn uống tại nhà xưởng sản xuất do đó không phát sinh các loại rác thải sinh hoạt.

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình đóng gói, xuất nhập kho như bao bì, nilon,... sẽ được thu gom về các thùng thu gom rác tạm thời với dung tích 120lit đặt tại khu vực vệ sinh phía cuối nhà xưởng F. Sau đó rác thải được thu gom lưu giữ tạm thời tại vị trí riêng trong kho lưu giữ diện tích 24m^2 của Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam.

Chủ dự án đã ký Hợp đồng số 2022/01/LT-HA/HĐXL-PL với Công ty Cổ phần Hòa Anh để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thương, rác sinh hoạt và thu mua phế liệu tái chế tại dự án.

e. Công trình lưu giữ Chất thải nguy hại (CTNH)

CTNH phát sinh tại cơ sở được thu gom tách riêng với CTR thông thường.

Chất thải nguy hại của dự án được lưu giữ tạm thời tại vị trí riêng trong kho lưu giữ chất thải nguy hại diện tích 30m^2, có nền cứng, mái che, tường bao, rãnh và hố chống tràn đổ và các biển cảnh báo của Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam.

Chủ dự án đã ký Hợp đồng số 2022/01/LT-HA/HĐXL-PL với Công ty Cổ phần Hòa Anh để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thương, rác sinh hoạt và thu mua phế liệu tái chế tại dự án.

f. Hệ thống phòng cháy, chữa cháy

Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam đã thi công lắp đặt hoàn thiện hệ thống phòng cháy chữa cháy và được Phòng cảnh sát PCCC & CNCH Công an tỉnh Hưng Yên kiểm tra, thẩm duyệt nghiệm thu PCCC tại văn bản số 41/NT-PC07 ngày 30/11/2018.

Chủ dự án giữ nguyên hệ thống PCCC tại 2 nhà xưởng bao gồm hệ thống đầu phun chữa cháy tự động spirnkler, đầu báo cháy nhiệt, đầu báo cháy khói quang, hệ thống chuông đèn, nút ấn báo cháy.

Ngoài ra, Chủ dự án sẽ bố trí thêm các phương tiện chữa cháy cầm tay, hệ thống đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn,...

1.2.4. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất khu vực thực hiện dự án; sự phù hợp của địa điểm thực hiện dự án với các quy định của pháp luật và các quy hoạch phát triển có liên quan

1.2.4.1. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất

"Dự án nhuộm hàng may mặc" thực hiện trên 2 nhà xưởng thuê lại của Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam, nằm trong Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối B. Hiện tại khu công nghiệp đã đi vào hoạt động được gần 20 năm, tỷ lệ lấp đầy khu công nghiệp đạt 100%. KCN đã thu hút được nhiều nhà đầu tư từ nước ngoài. Hiện nay quỹ đất trong KCN đã được quy hoạch và đưa vào sử dụng hết, hạ tầng đã được đồng bộ và hiện đại với đầy đủ hệ thống cấp điện, cấp nước, thông tin liên lạc, thu gom rác thải, xử lý nước thải tập trung, hệ thống phòng cháy và chữa cháy,... Các nhà máy, dự án đầu tư vào KCN đều nằm trong các lĩnh vực phù hợp và được phép đầu tư vào KCN theo quy định. Các nhà đầu tư thứ cấp chủ yếu là các nhà đầu tư đến từ Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Italia và Việt Nam.

1.2.4.2. Sự phù hợp của địa điểm thực hiện dự án với các quy định của pháp luật và các quy hoạch phát triển có liên quan

Địa điểm thực hiện dự án phù hợp với các quy định của pháp luật và các quy hoạch phát triển có liên quan như sau:

- Phù hợp với văn bản số 1181/TTg-CN ngày 11/08/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc đề án điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên đến năm 2020 đã đề ra các quy hoạch tổng thể để nhằm phát triển các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, trong đó có Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối B.

- Phù hợp với quy hoạch đô thị theo Khoản 1 Điều 46 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009 về rà soát quy hoạch, quyết định số 1141/QĐ-UBND ngày 06/05/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch chung thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

- "Dự án nhuộm hàng may mặc" với mục tiêu sản xuất chính là nhuộm vải nằm trong danh mục các ngành sản xuất được phép đầu tư vào khu công nghiệp theo quyết định phê duyệt ĐTM số 2284/QĐ-UBND ngày 30/09/2020 của UBND tỉnh Hưng Yên. Vì vậy, dự án hoàn toàn phù hợp về ngành nghề và phân khu chức năng của khu công nghiệp Dệt may Phố Nối B.

Vì vậy, dự án đầu tư "Dự án nhuộm hàng may mặc" tại Lô số L4, Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối B, xã Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên là hoàn toàn phù hợp với các quy hoạch phát triển của tỉnh Hưng Yên và hoàn toàn tuân thủ theo pháp luật nước Việt Nam.

1.3. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án; nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm của dự án

1.3.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và lắp đặt máy móc thiết bị

1.3.1.1. Nguyên, vật liệu

Trong quá trình lắp đặt máy móc, trang thiết bị, cơ sở bố trí khu vực sản xuất và máy móc thiết bị trong các vị trí đã được xác định trước. Hoạt động cải tạo đơn giản chỉ lắp đặt các bức tường thạch cao và cửa nhôm kính.

1.3.1.2. Máy móc, thiết bị

Danh mục máy móc, thiết bị sử dụng được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1. 3. Danh mục máy móc, thiết bị trong giai đoạn thi công

STT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng (cái)	Tình trạng
1	Máy khoan TRC-15	05	Cũ (90%)
2	Xe nâng	02	Cũ (80%)
3	Xe container 25 tấn	01	Cũ (80%)
4	Cần trục	01	Cũ (80%)

1.3.1.3. Lao động

Số lượng công nhân dự kiến sử dụng trong hoạt động lắp đặt máy móc, thiết bị khoảng 10 người. Thời gian làm việc là 8h/ngày.

1.3.1.4. Điện

Điện được cấp từ nguồn điện hiện có của công ty cấp từ nguồn của KCN Dệt may Phố Nối. Nhu cầu sử dụng điện cho hoạt động lắp đặt máy móc, thiết bị này khoảng 80 KW/tháng.

1.3.1.5. Nước

Hiện tại, trên địa bàn thực hiện dự án đã có hệ thống cung cấp nước sạch của KCN Dệt may Phố Nối. Nguồn nước cấp sử dụng trong hoạt động lắp đặt máy móc, trang thiết bị được cấp từ nhà máy nước trong KCN với công suất 12.000m^3/ngày đêm thông qua hệ thống đường ống cấp nước đã được lắp đặt bởi Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam.

Nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt cho công nhân

Số lượng cán bộ, công nhân dự kiến là 10 người. Định mức sử dụng nước là 45 lít/người.ngày (theo TCXDVN 33:2006 – Cấp nước - mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế). Vậy nhu cầu sử dụng nước cho sinh hoạt là:

10 người × 45 lít/người.ngày = 450 lít/ngày = 0,45 m^3/ngày đêm

1.3.2. Giai đoạn vận hành

1.3.2.1. Nguyên, vật liệu

Hoạt động sản xuất của cơ sở chủ yếu là nhuộm các sản phẩm may mặc. Nguyên liệu đầu vào cơ bản là các sản phẩm may mặc bằng vải đã được may/ dệt, gia công sẵn. Do đó, nguyên liệu đầu vào phụ thuộc vào các đơn đặt hàng của khách hàng.

Dự kiến công suất sản xuất của dự án là 25.000.000 sản phẩm/năm, số lượng ống vải (đã gia công sẵn) đầu vào tương đương là 25.000.000 ống vải/năm (78g/ống vải) ≈ 1.950 tấn vải/năm.

1.3.2.2. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu, hóa chất

Dự kiến nhu cầu nhiên liệu, hóa chất của dự án như sau:

Bảng 1. 4. Nhu cầu sử nhiên liệu, hóa chất

TT	Tên hóa chất	Tên khoa học	Mã CAS	Thành phần/ Công thức hóa học	Khối lượng (tấn/năm)
I		***Thuốc nhuộm khô (dạng bột)***			***11,08***
	Thuốc nhuộm cation				
1.1	Thuốc nhuộm màu đỏ tươi	Dyes Red SD - GR	38845-47-5	$C_{18}H_{23}C_{l3}N_6Zn$	0,50
1.2	Thuốc nhuộm xanh cơ bản 159	Dyes Blue SD-2BL	105953-73-9	Cationic Blue XB	0,29
	Thuốc nhuộm axit				
1.3	Thuốc nhuộm axit màu vàng	Dyes Yellow NHF-S	71603-79-7	$C_{24}H_{18}IN_4NaO_7S$	3,03
1.4	Thuốc nhuộm đỏ	Dyes Red NHF-S	12220-47-2	Acid dyes red	0,56
	Thuốc nhuộm hoạt tính				
1.5	Thuốc nhuộm xanh lá	Bg Anoset Green BG	4403-90-1; 7757-82-6; 7732-18-5	$C_{28}H_{20}N_2Na_2O_8S_2$ (80%); Na_2SO_4 (15%); H_2O (5%)	0,00004
1.6	Thuốc nhuộm	Dyes Bordeaux HF	6408-29-3;	Disodium hydrogen bis (65%); Na_2SO_4 (30%);	0,10

TT	Tên hóa chất	Tên khoa học	Mã CAS	Thành phần/ Công thức hóa học	Khối lượng (tấn/năm)
	Bordeaux HF		7757-82-6; 7732-18-5	H_2O (5%)	
1.7	Thuốc nhuộm xanh lam	Dyes Blue NHF-S	68541-71-9	$C_{32}H_{17}CrN_6NaO_{11}S$	0,78
1.8	Thuốc nhuộm màu cam	Gsn Dyes Orange Gsn (Tq)	12217-33-3	$C_{34}H_{28}N_4Na_2O_8S_2$	0,40
1.9	Thuốc nhuộm đỏ sẫm	Fluor. Red B 400%	7647-14-5	NaCl (7-13%)	0,23
1.10	Thuốc nhuộm đen	GF Anoset Black GF	57693-14-8; 7757-82-6; 7732-18-5	Trisodium bis ($C_{40}H_{20}CrN_6NaO_{14}S_2$); Na_2SO_4; H_2O	3,54
1.11	Thuốc nhuộm đỏ đậm	Eriofast Red 2B	38845-47-5	$C_{18}H_{23}Cl_3N_6Zn$	0,06
1.12	Thuốc nhuộm đen Black MP	Eriofast Black MP 25kg	27344-41-8	$C_{28}H_{20}Na_2O_6S_2$	0,47
1.13	Thuốc nhuộm đen bóng Black M	GF Anoset Black GF	57693-14-8; 7757-82-6; 7732-18-5	$C_{40}H_{20}CrN_6NaO_{14}S_2$; Na_2SO_4; H_2O	0,50
1.14	Thuốc nhuộm đỏ nâu	Eriofast Red 2B	350797-46-5	$C_{27}H_{21}ClN_8O_9S_3$. 2Na	0,29
1.15	Thuốc nhuộm đen Black M	Eriofast Black M	854270-57-8	Chromate(3-), [7-[[4-chloro-6- [[4-(ethenylsulfonyl) phenyl]amino]-1,3,5-triazin-2-yl]amino]-4-(hydroxy-.kappa.O)-3-[[2-(hydroxy-	0,000036

TT	Tên hóa chất	Tên khoa học	Mã CAS	Thành phần/ Công thức hóa học	Khối lượng (tấn/năm)
				.kappa.O)-5-nitrophenyl]azo-.kappa.N1]-2-naphthalenesulfonato(3-)][3-(hydroxy-.kappa.O)-4-[[2-(hydroxy-.kappa.O)-1-naphthalenyl]	
II		***Hóa chất trợ nhuộm, làm mềm vải***			***7643,8***
2.1	Chất tiền xử lý Kaletex SWN	Kaletex SWN	61791-14-8; 9064-14-6; 7732-18-5	$CH_3O(CH_2CH_2O)_nCH_3$; $C_{15}H_{32}O_2$; H_2O	0,85
2.2	Axit Acetic	Acid Acetic	64-19-7	CH_3COOH	23,68
2.3	Axit Citric	Citric Acid monohydrate	5949-29-1	$C_6H_8O_7$	10,35
2.4	Chất chống ố vàng ép khuôn	Adipic acid dihydrazide	1071-93-8	$(NH_2NHCO(CH_2)_4$ $CONHNH_2)$	10,69
2.5	Chất xúc tác phân tán màu thấm vào sợi (Bột CT)	Hợp chất natri tripolyphosphat	7758-29-4	$Na_5O_{10}P_3$	0,31
2.6	Hóa chất làm mềm mượt vải 810-HP1	Di ethylene glycol monobutylether; Octa methyl cyclotetrasiloxane	112-34-5; 556-67-2	HOCH□CH□OCH□CH□O (CH□)□CH□; C□H□□O□Si□	13,88
2.7	Kalevin APY (Việt Nam)	Fatty alcohol polyether sulfonate; Polyethylene glycol; Water	91648-56-5; 25322-68-3; 7732-18-5	Fatty alcohol polyether sulfonate (55%); C_2H_4O (15%) ; H_2O (30%)	16,83
2.8	Hóa chất làm mềm	Octamethyl trisiloxane	107-51-7	$[(CH_3)_3SiO]_2Si(CH_3)_2$ Hay $C_8H_{24}O_2Si_3$	15,15

TT	Tên hóa chất	Tên khoa học	Mã CAS	Thành phần/ Công thức hóa học	Khối lượng (tấn/năm)
	sợi vải STG-01				
2.9	Chất tăng trắng quang học	Ultraphor PWC p	27344-41-8	Disodium 2,2'-([1,1'-biphenyl]-4,4'-diyldivinylene)bis (benzenesulphonate)	0,33
Tổng					**102,807**

Khối lượng hóa chất ở trên chỉ là ước tính, thực tế hóa chất sản xuất sẽ phụ thuộc vào đơn đặt hàng và yêu cầu của từng sản phẩm tại từng thời điểm.

Trong quá trình sản xuất, dự án có sử dụng hơi được cấp từ Công ty Lee Hing, dự kiến lượng hơi cấp cho sản xuất là 100 tấn hơi/ngày.

1.3.2.3. Nhu cầu sử dụng máy móc, thiết bị

- Tại dự án không có thiết bị nhuộm thí nghiệm. Với những đơn hàng mới dự án thực hiện nhuộm tại các máy nhuộm mẫu để xác định chuẩn tỷ lệ các hóa chất nhuộm đảm bảo màu sắc và chất lượng sản phẩm. Sau khi xác định tỷ lệ pha màu sẽ thực hiện nhuộm trên các thiết bị nhuộm tùy theo khối lượng đơn hàng.

- Theo thỏa thuận của tại Hợp đồng gia công với Công ty TNHH Regina Miracle Internatinal Hưng Yên (gọi tắt là Công ty RMI), Công ty RMI sẽ cho Công ty Lệ Tinh mượn miễn phí máy móc thiết bị thực hiện gia công. Toàn bộ thiết bị sẽ được Công ty RMI thực hiện lắp đặt hoàn chỉnh tại địa điểm sản xuất của Công ty Lệ Tinh.

Danh mục các loại máy móc phục vụ sản xuất của toàn bộ dự án được thể hiện tại bảng sau:

Bảng 1. 5. Danh mục máy móc, thiết bị sản xuất của toàn bộ dự án

TT	Thiết bị máy móc	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Tình trạng	Công đoạn sử dụng
1	Máy hấp định hình và làm phẳng vải	Chiếc	1	Trung Quốc	2021	Mới 100%	Sử dụng cho công đoạn hấp định hình
2	Lò ủi	Chiếc	1	Trung Quốc	2021	Mới 100%	Sử dụng cho công đoạn làm phẳng sau vắt, sấy
3	Máy nhuộm màu vải /HONGFA/GD- 400P	Bộ	1	Trung Quốc	2021	Mới 100%	Nhuộm màu

4	Máy nhuộm vải/ QUANGYE/GP-400	Bộ	1	Trung Quốc	2021	Mới 100%	Nhuộm màu
5	Máy nhuộm vải /HONGFA/GM-20	Bộ	1	Trung Quốc	2021	Mới 100%	Nhuộm màu
6	Máy nhuộm vải /HONGFA/GM-100	Bộ	1	Trung Quốc	2021	Mới 100%	Nhuộm màu
7	Máy nhuộm vải tự động/ HONGFA/GD-15KG	Bộ	3	Trung Quốc	2021	Mới 100%	Nhuộm màu
8	Máy nhuộm vải tự động/FONGFAGD-250KG	Bộ	1	Trung Quốc	2021	Mới 100%	Nhuộm màu
9	Máy nhuộm vải tự động/FC GYA/6D-200KG	Bộ	1	Trung Quốc	2021	Mới 100%	Nhuộm màu
10	Máy nhuộm vải tự động/HONGFA/GD-150KG	Bộ	1	Trung Quốc	2021	Mới 100%	Nhuộm màu
11	Máy nhuộm vải tự động/HONGFA/GD-50KG	Bộ	1	Trung Quốc	2021	Mới 100%	Nhuộm màu
12	Máy nhuộm vải tự động/HONGFA/GĐ-25KG	Bộ	2	Trung Quốc	2021	Mới 100%	Nhuộm màu
13	Máy nhuộm vải tự động/HONGFA/GĐ-300KG	Bộ	2	Trung Quốc	2021	Mới 100%	Nhuộm màu
14	Máy nhuộm vải thủ công/HONGFA/GD-4-8-10P	Bộ	1	Trung Quốc	2021	Mới 100%	Nhuộm màu
15	Máy nhuộm vải / HUZHENGCHENG GD-100	Bộ	2	Trung Quốc	2021	Mới 100%	Nhuộm màu
16	Máy nhuộm vải / HUZHENGCHENG GD-150	Bộ	2	Trung Quốc	2021	Mới 100%	Nhuộm màu
17	Máy nhuộm vải / HUZHENGCHENG GD-200	Bộ	1	Trung Quốc	2021	Mới 100%	Nhuộm màu

18	Máy nhuộm /GUANGMING GY-500	Bộ	7	Trung Quốc	2021	Mới 100%	Nhuộm màu
19	Máy nhuộm /GUANGMING GY-300	Bộ	1	Trung Quốc	2021	Mới 100%	Nhuộm màu
20	Máy sấy HQNGFA/GY-200P	Bộ	1	Trung Quốc	2021	Mới 100%	Sấy trước và sau khi nhuộm
21	Máy sấy QIANGYE/GYE-200	Bộ	1	Trung Quốc	2021	Mới 100%	Sấy trước và sau khi nhuộm
22	Máy sấy HQNGFA/GY-300P	Bộ	2	Trung Quốc	2021	Mới 100%	Sấy trước và sau khi nhuộm
23	Máy sấy GUANGZHOU PANYU QIANGYE MACHINERY/GYE-300	Bộ	5	Trung Quốc	2021	Mới 100%	Sấy trước và sau khi nhuộm
24	Máy sấy GUANGZHOU PANYU QIANGYE MACHINERY/GYE-200	Bộ	1	Trung Quốc	2021	Mới 100%	Sấy trước và sau khi nhuộm
25	Máy thổi ống vải /HONGFA/GY1-3	Chiếc	3	Trung Quốc	2021	Mới 100%	Làm khô sau sấy tại công đoạn kiểm tra sản phẩm
26	Máy làm khô bằng phương pháp quay ly tâm	Chiếc	2	Trung Quốc	2021	Mới 100%	
27	Máy vắt ly tâm 3 chân	Chiếc	1	Trung Quốc	2021	Mới 100%	Vắt khô

Ngoài việc sử dụng các máy móc, thiết bị để phục vụ cho quá trình sản xuất, dự án còn sử dụng các loại máy móc thiết bị khác phục vụ cho văn phòng như: bàn ghế văn phòng, máy tính, máy điều hòa không khí... Các thiết bị này đều được mua tại Việt Nam.

1.3.2.4. Nhu cầu lao động

Dự kiến khi đi vào vận hành nhu cầu sử dụng lao động của công ty là 125 người. Cơ cấu nhân sự của công ty như sau:

Bảng 1. 6. Nhu cầu về nhân sự của nhà máy

TT	Bộ phận	Đơn vị	Số lượng
1	Bộ phận quản lý	người	9
2	Công nhân	người	116
Tổng cộng		người	**125**

Hình thức tuyển dụng: Tất cả người lao động sẽ được tuyển dụng theo quy định pháp luật lao động Việt Nam. Quyền và nghĩa vụ của người lao động sẽ được quy định trong Hợp đồng lao động. Công ty đã thiết lập Nội quy lao động, thỏa ước lao động tập thể trong quá trình hoạt động.

Lực lượng lao động địa phương luôn được Công ty ưu tiên tuyển dụng. Công ty sẽ tuyển dụng lao động địa phương thông qua trung tâm dịch vụ việc làm, sàn giao dịch việc làm, trung tâm tư vấn việc làm và kiểm tra mỗi ứng viên trước khi thử việc tại Công ty. Nếu trung tâm dịch vụ việc làm không giới thiệu được các ứng viên đáp ứng yêu cầu công việc, Công ty sẽ trực tiếp tuyển dụng lao động.

Những vị trí quan trọng mà lao động Việt Nam không thể đảm nhận được sẽ được giao cho các chuyên gia nước ngoài.

Chế độ làm việc:

+ Số ngày làm việc trong năm: 312 ngày

+ Số ca làm việc trong ngày: 2 ca/ ngày

+ Số giờ làm việc trong ngày: 8h/ca

Ngày nghỉ trong năm: Ngày chủ nhật, ngày lễ, ngày nghỉ Tết theo quy định của Pháp luật Việt Nam và được hưởng các chế độ theo quy định của Luật lao động.

1.3.2.5. Nhu cầu sử dụng điện

Dự kiến, khi dự án đi vào vận hành chính thức nhu cầu sử dụng điện dự kiến khoảng 24.900 kW/tháng tương đương khoảng 830 kW/ngày

Theo Hợp đồng thuê nhà xưởng số 01/2021-HĐTNX ngày 21/6/2021, Công ty Lee Hing có thể hỗ trợ cung cấp điện 1000 kW/ngày. Như vậy, lượng điện cấp đảm bảo đủ cho hoạt động của dự án khi hoạt động tối đa công suất.

1.3.2.6. Nhu cầu sử dụng hơi

Dự án khi đi vào hoạt động sẽ sử dụng hơi được cấp từ Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam. Theo Hợp đồng thuê nhà xưởng số 01/2021-HĐTNX ngày 21/6/2021, Công ty Lee Hing có thể hỗ trợ cung cấp hơi là 100 tấn/ngày đảm bảo cho quá trình sử dụng hơi trong sản xuất của dự án khi hoạt động tối đa công suất.

1.3.2.7. Nhu cầu sử dụng nước

a. Nhu cầu sử dụng nước

Nhu cầu sử dụng nước của dự án chủ yếu là nước sinh hoạt, nước sử dụng trong quá trình nhuộm vải như sau:

- Nước sinh hoạt: Với số lượng công nhân viên dự kiến là 125 người, căn cứ Căn cứ theo TCXDVN 33:2006 Cấp nước – mạng lưới đường ống và công trình thiết kế, lấy định mức nước sử dụng cho công nhân viên là :

Q_{SH1} = (125 người × 45 lít/người/ngày) = 5.625 lít/ngày = 5,6 m^3/ngày

- Nước trong quá trình nhuộm: tại dự án chỉ tiến hành nhuộm các sản phẩm máy mặc dệt kim có sử dụng nước cho công đoạn giặt, nhuộm, làm mềm vải. Việc sử dụng nước tại từng máy giặt nhuộm phụ thuộc vào công suất từng máy, số mẻ/ngày. Do đó để xác định nhu cầu sử dụng nước tổng thể trong 1 ngày, chủ dự án nhu cầu sử dụng nước để giặt nhuộm cho 1 tấn vải nguyên liệu sau khi dệt. Căn cứ các dự án dệt may đã hoạt động, kinh nghiệm của chủ dự án, để sản xuất 1 tấn sản phẩm cần tiêu thụ 95 m^3 nước. Căn cứ công suất nhuộm của dự án là 1.950 tấn/năm, tương đương công suất gần 6,25 tấn/ngày (1 năm làm 312 ngày). Như vậy lượng nước dùng cho hoạt động sản xuất của dự án vào khoảng 593,7 m^3/ngày đêm. Do các công đoạn phát sinh nước thải là giặt, nhuộm và làm mềm vải cùng trên 1 thiết bị gọi chung là nồi nhuộm nên mức nước sử dụng cho các công đoạn tương đương nhau và không phát sinh nước vệ sinh nồi nhuộm khi thay màu nhuộm, cụ thể:

+ Nước cấp cho các thiết bị nhuộm (nhuộm và pha thuốc nhuộm): chiếm khoảng 2/3 tổng nhu cầu sử dụng nước tương đương 395,83 m3/ngày;

+ Nước cấp cho công đoạn giặt xả và làm mềm vải ở nhiệt độ thường sau nhuộm: chiếm 1/3 tổng nhu cầu sử dụng nước tương đương 593,75 /3 = 197,9 m3/ngày;

Bảng 1. 7. Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của dự án

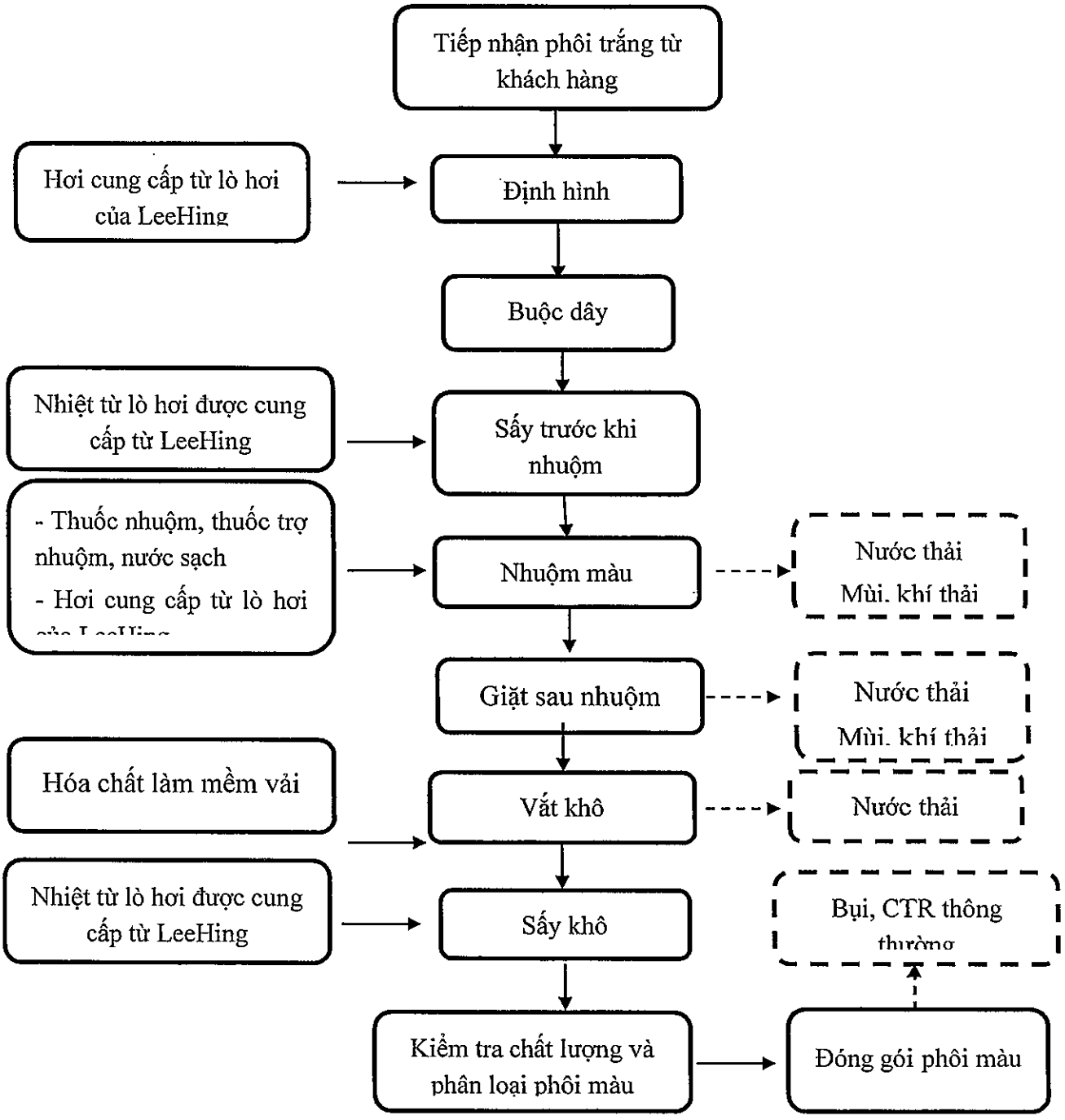
TT	Nội dung	Đơn vị	Nhu cầu
	Tổng Nhu cầu sử dụng nước	**m^3/ngày**	**599,35 ≈ 600**
1	*Nước phục vụ sinh hoạt*	*m^3/ngày*	*5,6*
2	*Nước sử dụng cho quá trình nhuộm*	*m^3/ngày*	*593,75*
2.1	Nước cấp cho các thiết bị nhuộm (nhuộm và pha thuốc nhuộm)	m^3/ngày	395,83
2.2	Nước cấp cho công đoạn giặt nhiệt độ thường sau nhuộm	m^3/ngày	197,91

Theo Hợp đồng thuê nhà xưởng số *01/2021-HĐTNX ngày 21/6/2021,* Công ty Lee Hing có thể hỗ trợ cung cấp 600m^3/ngày. Như vậy, lượng nước cấp đảm bảo đủ cho hoạt động của dự án khi hoạt động tối đa công suất.

1.3.2.8. Sản phẩm

Sản phẩm cụ thể của dự án là các sản phẩm quần lót, quần thể thao. Do đặc thù sản phẩm của dự án nên khối lượng mỗi sản phẩm rất nhỏ trung bình 78g/1 sản phẩm. Số lượng mỗi loại sản phẩm tùy thuộc đơn hàng tại từng thời điểm. Công suất sản xuất dự kiến: 25.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 1.950 tấn sản phẩm/năm).

1.4. Công nghệ vận hành



Hình 1. 3. Sơ đồ dây chuyền sản xuất của dự án

Thuyết minh dây chuyền sản xuất:

Cơ sở sử dụng phương pháp nhuộm là nhuộm nhúng.

- **Nhập nguyên liệu**: Công ty nhận đơn đặt hàng từ khách hàng với nguyên liệu đầu vào dạng bán thành phẩm là các sản phẩm dệt đã được gia công cơ bản (phôi trắng).

- **Định hình**: Trước khi vào công đoạn nhuộm, vải sẽ được xử lý, định hình sơ bộ trước khi nhuộm, cụ thể là vải sẽ được đưa vào các máy hấp định hình. Tại đây, vải được hấp trong thời gian khoảng 30 phút. Trung bình khi máy hấp hoạt động tối đa công suất là 8-10 mẻ/ngày, tối đa 100sp/mẻ đối với máy hấp công suất nhỏ và 1000sp/mẻ đối với máy công suất lớn. Công đoạn hấp chỉ sử dụng hơi nước nóng cấp từ lò hơi.

- **Buộc dây**: tùy vào yêu cầu của từng sản phẩm, sản phẩm sẽ được đưa qua các bàn thao tác và công nhân sẽ tiến hành buộc dây đối với từng sản phẩm. Mục đích của công đoạn này để giúp cho sản phẩm không bị nhăn.

- **Sấy**: sản phẩm được đưa vào các máy sấy công nghiệp để sấy trước khi nhuộm. Nhiệt độ sấy khoảng 85^{0}C, thời gian sấy khoảng 20 phút/mẻ.

- **Công đoạn Nhuộm**:

+ Công đoạn giặt, nhuộm sản phẩm được thực hiện trên cùng thiết bị gọi chung là thùng nhuộm.

+ Công đoạn pha thuốc nhuộm: gồm 2 công đoạn: Pha chất trợ nhuộm và pha thuốc nhuộm. Mỗi công đoạn pha xong sẽ chuyển hóa chất đã pha sang thùng nhuộm rồi mới chuyển sang công đoạn tiếp theo.

Trước khi tiến hành nhuộm sản phẩm hàng loạt theo đơn hàng đảm bảo chất lượng của các sản phẩm nhuộm theo đúng yêu cầu của khách hàng về màu sắc, chất lượng. Tại dự án sẽ thực hiện quá trình nhuộm mẫu tại 02 máy nhuộm để xác định quá trình nhuộm diễn ra; đưa ra các tỷ lệ pha màu thích hợp cho phân xưởng nhuộm. Sau khi nhuộm mẫu, mẫu được đưa vào phòng thí nghiệm để kiểm tra về màu sắc, chất lượng. Nếu mẫu đạt yêu cầu, bộ phận kỹ thuật chuyển lệnh, báo tỷ lệ pha màu xuống bộ phận nhuộm từ đó công nhân vận hành sẽ tiến hành nhuộm màu sản phẩm theo đúng tỷ lệ thuốc nhuộm được đề xuất.

+ Công đoạn nhuộm: đây là công đoạn quan trọng nhất của quá trình sản xuất, nó quyết định màu sắc và chất lượng sản phẩm. Tại công đoạn này, công nhân tiến hành nạp nguyên liệu là vải đã qua các công đoạn xử lý sơ bộ trước đó vào các máy nhuộm. Vải sẽ được ngâm vào trong dung dịch nhuộm một thời gian nhất định, thuốc nhuộm được đưa vào theo công thức bên bộ phận kỹ thuật đã chuyển giao. Dự án tiến hành nhuộm theo mẻ, mỗi mẻ thực hiện trong vòng 3-4 giờ. Nhiệt độ máy nhuộm được điều chỉnh tăng dần, lên đến 135^{0}C trong vòng 30 phút đầu, sau đó sẽ được hạ nhiệt, giảm xuống 85^{0}C trong vòng 3 giờ kế tiếp là kết thúc quá trình nhuộm. nước sử dụng cho công đoạn nhuộm là nước sạch.

Trong quá trình nhuộm, dự án sử dụng các loại hóa chất như: Thuốc nhuộm hoạt tính và các chất phụ trợ (CH_3COOH, chất làm mềm, chất làm trắng). Với công nghệ nhuộm dự án dự kiến sử dụng thì lượng thuốc nhuộm được hấp thụ vào sản phẩm lên tới trên 95%.

Quá trình nhuộm được chia làm 4 giai đoạn:

+ Các hạt thuốc nhuộm khuếch tán từ dung dịch đến bề mặt ngoài vải sợi

+ Các hạt thuốc nhuộm được hấp thụ lên bề mặt ngoài vải sợi.

+ Các hạt thuốc nhuộm, khuếch tán từ mặt ngoài vào sâu trong lõi vải sợi theo các mao quản.

+ Thực hiện liên kết bám dính vào vải sợi.

Trong 4 giai đoạn trên, giai đoạn 3 là giai đoạn diễn ra chậm nhất, nó quyết định tốc độ nhuộm. Sau khi nhuộm xong, công nhân không tiến hành mở nắp lấy sản phẩm ra ngay mà phải đợi đến khi nhiệt độ máy nhuộm hạ xuống còn 80°C, chốt an toàn mới tự động bật, công nhân mới có thể tiến hành mở nắp để kiểm tra sản phẩm. Nếu sản phẩm chưa đạt yêu cầu thì sẽ được bổ sung thêm thuốc nhuộm để nhuộm tiếp. Còn nếu sản phẩm đạt yêu cầu thì sẽ được thực hiện công đoạn tiếp theo.

- Giặt sau nhuộm: Sau khi xả hết nước nhuộm ra, nước sạch sẽ được bơm vào để tiến hành công đoạn giặt sau nhuộm. Lượng nước sử dụng này dao động trong khoảng 150-300 lít/ mẻ/máy tùy thuộc vào thể tích của máy. Nhiệt độ trong máy giặt qua các mẻ giặt sẽ giảm từ 80°C xuống khoảng 45°C. Sau khoảng 2 lần giặt, sản phẩm sẽ được hệ thống cặp trục ép ép bớt lượng nước dư rồi chuyển sang khu vực vắt, sấy. Quá trình này sẽ làm phát sinh nước thải.

- Vắt, sấy sau nhuộm: Sau khi xả hết nước nhuộm ra, sản phẩm được chuyển sang công đoạn vắt, sấy.

+ Công đoạn vắt: Sau khi làm mềm sản phẩm được đưa vào máy vắt ly tâm để vắt sạch nước còn trên vải, trước khi chuyển sang công đoạn sấy khô.

+ Công đoạn sấy khô: Sau các quá trình trên, sản phẩm được đưa vào máy sấy khô trong vòng 90 phút; nhiệt cấp cho máy sấy lấy từ lò hơi, nhiệt trong máy sấy duy trì ở nhiệt độ 100°C để sấy khô sản phẩm.

- Kiểm tra và đóng gói:

Sản phẩm sau khi nhuộm hoàn thiện được kiểm tra về độ co giãn của sản phẩm, màu sắc sản phẩm. Sản phẩm không đảm bảo sẽ xem xét nhuộm lại, không thể sửa chữa sẽ loại bỏ là sản phẩm lỗi.

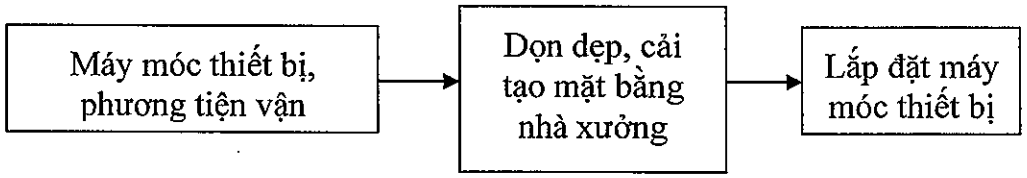
Sản phẩm đạt yêu cầu được đóng gói để đảm bảo sản phẩm không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố ngoại quan trong quá trình bảo quản. Sản phẩm đã đóng gói xong được vận chuyển vào kho, bảo quản chờ ngày xuất hàng.

Nguồn cấp nhiệt cho máy hấp, máy nhuộm và máy sấy là hệ thống lò hơi cung cấp từ Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam.

1.5. Biện pháp tổ chức thi công

Theo đánh giá của Chủ đầu tư, phần diện tích 2 nhà xưởng này vẫn đáp ứng đủ diện tích để bố trí máy móc dây chuyền mới, chủ đầu tư chỉ dọn dẹp lại mặt bằng và bố trí lắp đặt máy móc cho phù hợp. Vì vậy, các hạng mục đã xây dựng trong nhà xưởng được giữ nguyên, không xây dựng thêm hay cải tạo nhà xưởng sản xuất.

Nhà máy chỉ tiến hành dọn dẹp mặt bằng mới sau đó vận chuyển và lắp đặt máy móc, thiết bị mới vào các vị trí đã xác định trước theo sơ đồ bố trí nhà xưởng. Phương án tổ chức được thể hiện như sau:



Hình 1. 4. Phương án tổ chức thực hiện

- Các công việc thực hiện:

+ Dọn dẹp mặt bằng, lắp đặt vách ngăn

+ Vận chuyển máy móc, thiết bị, thực hiện lắp đặt vào các vị trí đã thiết kế.

- Các loại máy móc thiết bị sử dụng: xe tải vận chuyển, máy nâng,...

Giải pháp kỹ thuật thi công dọn dẹp mặt bằng:

- Dọn dẹp mặt bằng nhà xưởng để lắp đặt máy móc, thiết bị

- Biện pháp tháo dỡ và dọn dẹp mặt bằng: Máy móc được tháo dỡ theo hướng dẫn thiết kế. Tuân thủ đúng quy trình tháo dỡ và lắp đặt lại tại vị trí mới, khoảng cách an toàn, giá đêm chống ồn, chống rung,...Dọn dẹp mặt bằng và phân khu vực cho từng loại máy móc, thiết bị.

- *Giải pháp kỹ thuật thi công lắp đặt các thiết bị sản xuất:*

- Vận chuyển máy móc, thiết bị về dự án từ cảng quốc tế Hải Phòng cách dự án khoảng 80 km bằng xe container có tải trọng 25 tấn.

- Bốc dỡ máy móc, thiết bị trên xe tải và vận chuyển đến vị trí lắp đặt bằng các thiết bị vận chuyển.

- Biện pháp lắp đặt máy móc, thiết bị: Máy móc thiết bị được lắp đặt theo đúng thiết kế đã được định sẵn theo bản vẽ. Tuân thủ đúng quy trình lắp đặt máy móc, thiết bị, khoảng cách an toàn, giá đệm chống ồn, chống rung....

- Sau khi lắp đặt xong, chủ dự án vận hành thử nghiệm máy móc, thiết bị.

Đội ngũ lắp đặt máy móc, thiết bị sản xuất là các kỹ thuật viên, chuyên gia nước ngoài của hãng sản xuất, tay nghề kỹ thuật cao.

1.6. Tiến độ, vốn đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án

1.6.1. Tiến độ thực hiện dự án

Tiến độ thực hiện dự án như sau:

- Hoàn tất các thủ tục hành chính: Tháng 12/2021 – tháng 3/2022
- Vận chuyển, lắp đặt thiết bị và chạy thử máy móc: Tháng 3/2022
- Vận hành thử nghiệm sản xuất và thử nghiệm công trình bảo vệ môi trường: cuối tháng 04/2022
- Vận hành sản xuất chính thức: tháng 7/2022

1.6.2. Vốn đầu tư

- Tổng vốn đầu tư của dự án là: 4.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ năm trăm triệu đồng chẵn).

Trong đó, kinh phí thực hiện đầu tư cho các công trình bảo vệ môi trường là 53.000.000 đồng.

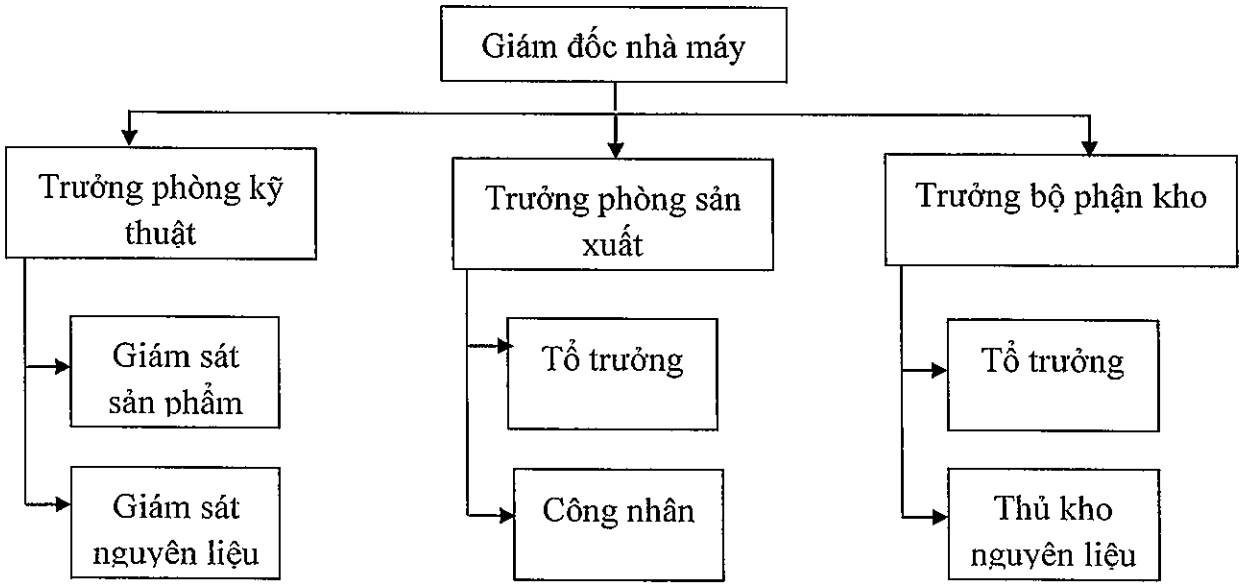
1.6.3. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án

Tổ chức quản lý và thực hiện dự án: Công ty TNHH Quốc tế Lệ Tinh.

Tất cả về tổ chức quản lý, điều hành đều thuộc chủ đầu tư dự án. Hoạt động kinh doanh của Công ty theo luật kinh tế hiện hành và đề nghị được hưởng ưu đãi theo luật khuyến khích đầu tư. Công ty TNHH Quốc tế Lệ Tinh là đơn vị kinh tế độc lập, chủ động hoàn toàn về mặt tài chính, thực hiện ký kết hợp đồng với các đơn vị có chức năng, có tư cách pháp nhân theo đúng quy định của Nhà nước Việt Nam.

Lao động làm việc trong dự án được lựa chọn chủ yếu là lực lượng lao động địa phương. Thu nhập của lao động được trả theo hình thức lương tháng. Công ty TNHH Quốc tế Lệ Tinh luôn tuân thủ các chế độ lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người lao động theo đúng quy định của Nhà nước.

Sơ đồ tổ chức quản lý của công ty như sau:



Hình 1. 5. Sơ đồ tổ chức quản lý của công ty

2. TÓM TẮT CÁC VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG CHÍNH CỦA DỰ ÁN

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

Bảng 1. 8. Các tác động môi trường chính của dự án

STT	Giai đoạn	Các hoạt động	Chất phát thải	Các tác động chính
1	Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, lắp đặt máy móc, thiết bị	- Thu dọn mặt bằng để bố trí thêm thiết bị; - Vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc; - Tập kết lắp đặt máy móc thiết bị; - Hoạt động của công nhân. - Hoạt động lắp đặt máy móc, thiết bị	- Bụi, khí thải - Nước thải (nước thải sinh hoạt, nước thải rửa xe) - CTR (CTR sinh hoạt, CTR sản xuất thông thường) - CTNH - Tiếng ồn, độ rung	- Tác động đến môi trường đất, nước, không khí xung quanh, không khí môi trường làm việc - Tác động tới hoạt động sản xuất hiện tại
2	Giai đoạn vận hành	- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm, bốc dỡ hàng hóa - Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, nhân viên - Hoạt động sản xuất	- Bụi, khí thải, hơi dung môi - Nước thải - CTR thông thường (CTR sinh hoạt, CTR sản xuất) - CTNH - Tiếng ồn, độ rung	Tác động đến môi trường đất, nước, không khí xung quanh, không khí môi trường làm việc

2.2. Quy mô, tính chất của các loại chất thải phát sinh từ dự án (nếu có)

Bảng 1. 9. Quy mô, tính chất của các loại chất thải phát sinh từ dự án

STT	Loại chất thải	Quy mô, tính chất	Vùng bị tác động
I	**Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, lắp đặt máy móc thiết bị**		
1	Bụi, khí thải	- Bụi từ hoạt động vận chuyển có kích thước lớn dễ lắng đọng trong không khí	Không khí xung quanh, không khí vùng làm việc

		- Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động của máy móc (SO_2, CO_x, NO_x...) - Thời gian tác động kéo dài	
2	Nước thải	- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động của công nhân thi công, khoảng 0,45m^3/ngày đêm. Tính chất: Chủ yếu là thành phần hữu cơ, cặn lơ lửng và vi sinh vật. - Nước mưa chảy tràn: Lượng nước mưa chảy tràn trong khu vực dự án kéo theo rất nhiều các tạp chất lơ lửng, chất thải, dầu mỡ thải và các chất ô nhiễm khác trên mặt đất. - Thời gian tác động không kéo dài	Hệ thống thoát nước thải của khu công nghiệp
3	CTR	- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của các cán bộ công nhân có khối lượng khoảng 5 kg/ngày gồm: giấy, thức ăn thừa, hộp nhựa, thủy tinh, túi nilong... - Chất thải thông thường phát sinh từ quá trình thu dọn mặt bằng, lắp đặt máy móc, thiết bị khoảng 2,5kg/ngày, gồm: bao bì nilon, carton.... - Thời gian tác động không kéo dài	Ảnh hưởng đến chất lượng không khí, chất lượng đất và mỹ quan khu vực triển khai dự án
4	CTNH	- CTNH phát sinh trong quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị khoảng 1kg/ngày gồm: Giẻ lau, găng tay có lẫn thành phần nguy hại, dầu mỡ thải, hộp đựng dầu mỡ thải - Thời gian tác động không kéo dài	Ảnh hưởng đến chất lượng đất
5	Tiếng ồn, độ rung	Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của máy móc, tiếng ồn lớn sẽ ảnh hưởng đến thính giác và hệ thần kinh của con người.	Ảnh hưởng đến sức khỏe của cán bộ, công nhân làm việc tại dự án
II	**Giai đoạn vận hành**		
1	Bụi, khí thải	- Bụi từ hoạt động giao thông ra vào dự án - Bụi từ quá trình sản xuất (quá trình nhập liệu, xử lý, định hình vải trước khi nhuộm) - Bụi, hơi dung môi từ quá trình nhuộm vải, pha thuốc nhuộm - Thời gian tác động kéo dài	Không khí xung quanh, không khí môi trường làm việc

2	Nước thải	- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động của dự án khoảng 5,6 m^3/ngày đêm. Thành phần: chất rắn lơ lửng (SS), BOD, COD, nitơ (N), phốt pho (P), coliform, chất hoạt động bề mặt,... - Nước thải sản xuất: phát sinh khoảng 593,75 m^3/ngày - Nước mưa mái: Lượng nước mưa chảy tràn trong khu vực dự án kéo theo rất nhiều các tạp chất lơ lửng, chất thải, dầu mỡ thải và các chất ô nhiễm khác trên mặt đất. - Thời gian tác động kéo dài	Hệ thống thoát nước thải của khu công nghiệp
3	CTR	- Công nhân viên không ăn uống, sinh hoạt tại nhà xưởng nên rác thải sinh hoạt phát sinh của công nhân viên sẽ ít, dự kiến 32,5 kg/ngày - CTR sản xuất thông thường: 3,3 kg/ngày - Thời gian tác động kéo dài	Ảnh hưởng đến chất lượng không khí, chất lượng đất và mỹ quan khu vực triển khai dự án
4	CTNH	- CTNH phát sinh khoảng 456 kg/năm chủ yếu là giẻ lau dính dầu, hộp, thùng đựng hóa chất, than hoạt tính thải bỏ.... - Thời gian tác động kéo dài	Ảnh hưởng đến chất lượng đất
5	Tiếng ồn, độ rung	Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của máy móc, tiếng ồn lớn sẽ ảnh hưởng đến thính giác và hệ thần kinh của con người.	Ảnh hưởng đến sức khỏe của chính người công nhân viên làm việc trong dự án và khu vực xung quanh

2.3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

Bảng 1. 10. Danh mục các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

STT	Loại chất thải	Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường
I	**Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, lắp đặt máy móc thiết bị**	
1	Bụi, khí thải	- Sử dụng phương tiện và nhiên liệu đạt tiêu chuẩn - Vận chuyển máy móc thiết bị phải có bạt che phủ - Tất cả máy móc, thiết bị và sẽ được bảo dưỡng thường xuyên để giảm thiểu sự phát sinh bụi và khí thải. - Dọn mặt bằng sau mỗi ngày làm việc

STT	Loại chất thải	Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường
2	Nước thải	- Nước thải sinh hoạt: Sử dụng nhà vệ sinh hiện có của nhà máy. Nước thải được thu gom về 02 bể tự hoại (10m^3/bể) của Công ty TNHH Dệt may Lee Hing VN để xử lý sơ bộ sau đó chảy vào hệ thống thu gom nước thải của KCN. - Nước mưa: Sử dụng hệ thống thu gom và thoát nước mưa chảy tràn hiện có đã xây dựng ngầm bằng hệ thống cống, rãnh bê tông dạng xương cá có chiều rộng D300-D600. Trên dọc hệ thống thu gom có song chắn rác, hố ga để lắng cặn, chất bẩn trước khi chảy vào hệ thống thoát nước mưa chung của KCN Dệt may Phố Nối B.
3	CTR	- Chất thải rắn sinh hoạt và CTR thông thường từ quá trình lắp đặt thiết bị, máy móc: tập kết về thùng chứa 120l tại khu vực lưu giữ CTR thông thường phía cuối nhà xưởng F, tần suất thu gom 1-2 ngày/lần. - Chất thải này sẽ được Công ty Cổ phần Hòa Anh thu gom, vận chuyển đi theo Hợp đồng đã ký kết số 2022/01/LT-HA/HĐXL-PL
4	CTNH	- Chất thải nguy hại tại dự án được phân loại, thu gom, lưu giữ tạm thời tại kho CTNH của Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam diện tích 30m^2 có nền cứng, mái che, tường bao, rãnh và hố chống tràn đổ, dán nhãn, biển cảnh báo theo đúng quy định. - Chất thải này sẽ được Công ty Cổ phần Hòa Anh thu gom, vận chuyển đi theo Hợp đồng đã ký kết số 2022/01/LT-HA/HĐXL-PL
5	Tiếng ồn, độ rung	- Không sử dụng các máy móc có mức ồn lớn - Lắp đặt thiết bị giảm âm, chống rung
6	Rủi ro, sự cố	- Tuyên truyền, hướng dẫn các biện pháp PCCC, trang bị các phương tiện chữa cháy; an toàn lao động phải tuân thủ theo pháp luật. - Hóa chất lưu trữ số lượng đủ dùng; kho hóa chất được bố trí các dụng cụ chống tràn đổ hóa chất, trang thiết bị PCCC; lưu trữ các loại hóa chất theo các khu vực khác

STT	Loại chất thải	Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường
		nhau theo tính chất của từng loại hóa chất và có biển báo ghi đầy đủ thông tin.
II	**Giai đoạn vận hành**	
1	Bụi, khí thải	- Lắp đặt hệ thống thu gom, xử lý mùi, khí thải bằng phương pháp hấp phụ qua than hoạt tính từ khu vực pha thuốc nhuộm, kho thuốc nhuộm. - Duy trì biện pháp thông gió đảm bảo không khí thường xuyên được lưu thông, hạn chế ô nhiễm không khí. - Trang bị găng tay, khẩu trang và đồ bảo hộ cho công nhân làm việc trực tiếp tại khu vực nhuộm và pha thuốc nhuộm
2	Nước thải	- Nước thải sinh hoạt: tiếp tục duy trì việc thu gom, xử lý nước thải như hiện trạng sẵn có. Nước thải được thu gom về 02 bể tự hoại dung tích 10m^3/bể để xử lý sơ bộ trước khi thoát ra hệ thống thu gom nước thải của KCN - Nước thải sản xuất: theo đường ống xả nước thải đi kèm máy nhuộm (Kích thước D75) đấu nối thẳng xuống hệ thống rãnh thu gom bằng bê tông kích thước 500x500mm bố trí dọc 2 nhà xưởng có nắp đậy kín sau đó được chảy về hệ thống XLNT sơ bộ của Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam với công suất 2000m^3/ngày đêm. - Nước mưa: Sử dụng hệ thống thu gom và thoát nước mưa chảy tràn hiện có đã xây dựng ngầm bằng hệ thống cống, rãnh bê tông dạng xương cá có chiều rộng D300-D600. Trên dọc hệ thống thu gom có song chắn rác, hố ga để lắng cặn, chất bẩn trước khi chảy vào hệ thống thoát nước mưa chung của KCN Dệt may Phố Nối.
3	CTR thông thường	Chất thải rắn sinh hoạt, văn phòng tập kết về thùng chứa 120l tại khu vực lưu giữ CTR thông thường phía cuối nhà xưởng F, tần suất thu gom 1-2 ngày/lần. Chất thải công nghiệp thông thường được thu gom lưu giữ tạm thời tại 1 khu vực riêng nằm trong Kho chứa CT công nghiệp thông thường của Công ty TNHH Dệt may Lee Hing diện tích 24 m^2.

STT	Loại chất thải	Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường
		Cơ sở đã ký hợp đồng số 2022/01/LT-HA/HĐXL-PL với Công ty Cổ phần Hòa Anh để thu gom, vận chuyển xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường, rác thải sinh hoạt và thu mua phế liệu tái chế phát sinh tại dự án.
4	CTNH	Chất thải nguy hại được thu gom bố trí lưu giữ tạm thời tại 1 khu vực riêng trong kho chứa chất thải nguy hại diện tích 30m^2 của Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam. Cơ sở đã ký hợp đồng số 2022/01/LT-HA/HĐXL-PL với Công ty Cổ phần Hòa Anh để thu gom, vận chuyển xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường, rác thải sinh hoạt và thu mua phế liệu tái chế phát sinh tại dự án.
5	Tiếng ồn, độ rung	Sử dụng máy móc đạt tiêu chuẩn, định kỳ bảo dưỡng máy móc, thiết bị. Thường xuyên theo dõi hoạt động của các máy móc thiết bị
6	Rủi ro, sự cố	- Tuyên truyền, hướng dẫn các biện pháp PCCC, trang bị các phương tiện chữa cháy; an toàn lao động phải tuân thủ theo pháp luật. - Hóa chất lưu trữ số lượng đủ dùng; kho hóa chất được bố trí các dụng cụ chống tràn đổ hóa chất, trang thiết bị PCCC; lưu trữ các loại hóa chất theo các khu vực khác nhau theo tính chất của từng loại hóa chất và có biển báo ghi đầy đủ thông tin.

2.4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường của dự án

Bảng 1. 11. Danh mục các công trình bảo vệ môi trường

STT	Tên hạng mục	Thông số cơ bản
1.	Hệ thống thu gom nước mưa	- Hệ thống thoát nước mưa mái: Nước mưa mái được chảy về các ống PVC D110 từ trên mái xuống hệ thống cống thoát nước mặt phía dưới. - Hệ thống thoát nước mặt: Nước mưa chảy tràn được thu gom vào hệ thống thoát nước mưa bằng hệ thống cống, rãnh bê tông dạng xương cá có chiều rộng D300-D600. Trên dọc hệ thống thu gom có song chắn rác, hố ga để lắng cặn, chất bẩn trước khi chảy vào hệ thống thoát nước mưa chung của KCN Dệt may Phố Nối B.

STT	Tên hạng mục	Thông số cơ bản
2.	Hệ thống thu gom nước thải sản xuất	Nước thải từ các máy nhuộm của cơ sở được thu gom qua hệ thống rãnh thu gom nước thải bằng Bê tông kích thước rộng x sâu = 500x500mm có nắp kín chạy dọc nhà xưởng sản xuất sau đó đấu nối ra hệ thống thu gom nước thải của Công ty TNHH dệt may Lee Hing Việt Nam
3.	Hệ thống thu gom, xử lý mùi, hơi hóa chất nhuộm	- Phương pháp xử lý: hấp phụ bằng than hoạt tính - Mùi, khí thải phát sinh tại khu vực cân, pha thuốc nhuộm được hút qua chụp hút dạng phễu với kích thước 1200x1200mm, qua ống dẫn kích thước từ 250 – 400 mm tùy từng vị trí đi vào thiết bị hấp phụ dùng than hoạt tính nhờ quạt hút ly tâm
4.	Khu lưu giữ CTR	Rác thải sinh hoạt vỏ chất thải sản xuất thông thường, chất thải nguy hại được thu gom và lưu giữ tại khu vực riêng nằm trong kho chứa của Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam: kho chứa chất thải sinh hoạt 24m^2 và kho chứa chất thải công nghiệp thông thường diện tích 24m^2 có nền cứng, mái che, tường bao đúng theo quy định, Kho chứa CTNH diện tích 30m^2.

2.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

2.5.1. Giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị

- Các hạng mục công trình của dự án được giữ nguyên, không tiến hành thi công xây dựng, chỉ tiến hành lắp đặt vách ngăn và lắp đặt thêm máy móc thiết bị, vận hành thử nghiệm máy móc để đưa vào vận hành trong thời gian ngắn (khoảng 20 ngày) nên trong giai đoạn này Công ty đề nghị không giám sát chất lượng môi trường không khí và nước thải.

- Giám sát chất thải rắn:

+ Tần suất giám sát: hằng ngày

+ Vị trí giám sát: các điểm phát sinh chất thải và khu vực lưu giữ tạm thời chất thải

2.5.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm

Thực hiện quan trắc đối với công trình xử lý mùi, khí thải theo quy định tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.5.3. Giai đoạn vận hành thương mại

a. Nước thải sinh hoạt

Khi dự án đi vào vận hành, nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt của dự án được thu gom và đấu nối ra hệ thống thu gom và xử lý nước thải sơ bộ của Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam. Nước thải của dự án được Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam cam kết xử lý theo Thỏa thuận cho thuê nhà xưởng số 01/2021-

HĐTNX ngày 21/6/2021. Nước thải của dự án sau khi thu gom, xử lý sơ bộ và thoát cùng nước thải của Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam sẽ được đưa về trạm xử lý nước thải của Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối B công suất 10.000 m^3/ngđ. Do vậy, Chủ dự án đề nghị không giám sát chất lượng môi trường nước trong giai đoạn vận hành.

b. Không khí làm việc

- Vị trí:

+ KLV1: Không khí giữa xưởng G , gần máy hấp định hình

+ KLV2: Không khí tại xưởng F

- Thông số quan trắc: Nhiệt độ, tiếng ồn, độ rung, bụi bông, CO_2, SO_2, NO_2

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2016/BYT; QCVN 24:2016/BYT; QCVN 27:2016/BYT; QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03: 2019/BYT

- Tần suất: 03 tháng/lần.

c. Khí thải

- Vị trí:

+ KT: Khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý hơi hóa chất

- Thông số quan trắc: Lưu lượng, bụi tổng, HCl, benzen, Cyclohexan, hơi H_2SO_4

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT, QCVN 20:2009/BTNMT;

- Tần suất: 03 tháng/lần.

d. CTR, CTNH

- Vị trí: tại khu vực lưu giữ chất thải rắn tạm thời

- Thông số: tổng khối lượng và thành phần các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường, CTNH (danh mục, mã CTNH) phát sinh; phương thức thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Tần suất: Khi bàn giao chất thải.

2.6. Cam kết của chủ dự án

Trong quá trình thực hiện dự án, Công ty TNHH dệt may Lệ Tinh cam kết thực hiện nghiêm túc các vấn đề sau:

- Thực hiện các quy định sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

- Chủ dự án chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành dự án; tuân thủ nghiêm các quy định của UBND tỉnh Hưng Yên, các quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước Việt Nam.

- Bụi và khí thải phát sinh trong quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị phải có các biện pháp giảm thiểu, đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 05:2013/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

- Tiếng ồn và độ rung trong quá trình triển khai lắp đặt máy móc thiết bị và vận hành Dự án phải có biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 26:2010/BTNMT về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT về độ rung.

- Triển khai lắp đặt hệ thống thu gom, xử lý khí thải tại khu vực kho hóa chất và khu vực pha thuốc nhuộm theo đúng quy định.

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình triển khai xây dựng vận hành Dự án phải được thu gom và xử lý theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

- Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình triển khai lắp đặt máy móc thiết bị và vận hành Dự án phải được phân loại, thu gom, lưu giữ, quản lý và xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình triển khai lắp đặt máy móc thiết bị và vận hành của Dự án được thu gom, đấu nối về xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sơ bộ của Công ty dệt may Lee Hing Việt Nam và đấu nối về Hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN

- Lập phương án và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó các sự cố môi trường khác phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án; tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Thực hiện, áp dụng triệt để các biện pháp nhằm giảm thiểu những tác động tiêu cực, xử lý các nguồn thải phát sinh có khả năng gây ảnh hưởng đến các cơ sở sản xuất xung quanh khu vực Dự án trong quá trình vận hành Dự án.

- Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại Khoản 1 Điều 37 Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm (kỳ báo cáo tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12) được gửi tới UBND tỉnh Hưng Yên, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên để giám sát.

- Thực hiện đền bù những thiệt hại môi trường do dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/05/2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản; Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo nguồn kinh phí đầu tư vận hành các công trình xử lý môi trường đã cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm trong việc xây dựng, thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và toàn bộ nội dung quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Chương 2. ĐIỀU KIỆN MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN VÀ KINH TẾ - XÃ HỘI KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN

2.1. Điều kiện môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội

- Dự án nằm trong KCN Dệt may Phố Nối đã có các thủ tục về môi trường nên dự án không thuộc đối tượng cần mô tả chi tiết về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội.

- Tình hình hoạt động của KCN Dệt may Phố Nối

Tổng diện tích KCN Dệt May Phố Nối được quy hoạch là 121 ha, chia làm 2 giai đoạn: Giai đoạn I có quy mô 25,17 ha và giai đoạn II có quy mô 95,6 ha.

Tại khu vực giai đoạn I đã đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật:

Giai đoạn I: KCN đã đầu tư xây dựng mở rộng nâng công suất Nhà máy nước KCN lên 12.000m3/ngày, cùng với 2.000m3/ngày bổ sung từ Nhà máy nước của Hưng Yên sẽ nâng tổng công suất nước sạch cung cấp tại KCN lên 14.000m3/ngày.

Giai đoạn II sẽ đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống cung cấp nước sạch: Công ty sẽ đầu tư xây dựng Giai đoạn II nâng công suất cấp nước sạch của toàn KCN (120,6 ha) lên 19.000m^3/ngày. Khu công nghiệp dệt may Phố Nối đã được UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại quyết định số 2284/QĐ-UBND ngày 30/09/2020.

Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN đang vận hành công trình xử lý nước thải tập trung có tổng công suất 10.000m^3/ngày đêm, thu gom, xử lý nước thải đạt cột A, QCVN 40:2011-BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

Khu công nghiệp đã đi vào hoạt động được gần 20 năm. Theo Báo cáo về việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường tại các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, Tỷ lệ lấp đầy của KCN đạt 100%. Các ngành nghề tiếp nhận đầu tư: Công nghiệp Dệt May, cơ khí, điện tử, hóa chất, dược phẩm, hàng tiêu dùng,....

Hiện nay quỹ đất trong KCN đã được quy hoạch và đưa vào sử dụng, hạ tầng đã được đồng bộ và hiện đại với đầy đủ hệ thống cấp điện, cấp nước, thông tin liên lạc, thu gom rác thải, xử lý nước thải tập trung, hệ thống phòng cháy và chữa cháy,... Do đó khi dự án "Dự án nhuộm hàng may mặc" đi vào hoạt động thì hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Dệt may Phố Nối B hoàn toàn đáp ứng được về công suất và hiệu suất xử lý đảm bảo toàn bộ lượng NT phát sinh từ dự án đều được xử lý đạt tiêu chuẩn quy định trước khi thải ra môi trường.

2.2. Hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật khu vực dự án

2.2.1. Dữ liệu về đặc điểm môi trường

Căn cứ theo Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2020 của UBND tỉnh Hưng Yên thì hiện trạng, diễn biến các thành phần môi trường trên địa bản tỉnh như sau.

2.2.1.1. Hiện trạng và diễn biến môi trường đất

a. Hiện trạng môi trường đất

Về diện tích đất tự nhiên: Tổng diện tích tự nhiên toàn tỉnh tính đến ngày 28/10/2020 là 93.019,7ha, gồm các loại đất: Đất nông nghiệp (tổng diện tích là 58.998,3ha chiếm 63,426% so với tổng diện tích đất tự nhiên); đất Phi nông nghiệp (tổng diện tích: 33.891ha chiếm 36,434% tổng diện tích đất tự nhiên); đất chưa sử dụng (diện tích đất 130,4 chiếm 0,14% tổng diện tích tự nhiên toàn tỉnh).

b. Tình hình biến động đất đai

Diện tích tự nhiên của tỉnh Hưng Yên năm 2020 biến động so với diện tích thống kê đất đai năm 2017, diện tích giảm từ 93.022,44ha xuống 93.019,7ha. Toàn tỉnh có 10/10 huyện, thị xã, thành phố biến động đất đai, trong đó chủ yếu là diện tích biến động hợp pháp theo quyết định của cấp có thẩm quyền về việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện các dự án đầu tư phát triển kinh tế, xã hội, xây dựng các khu dân cư mới, cụ thể như sau:

Đất nông nghiệp biến động giảm 1.117,87ha; Đất phi nông nghiệp biến động tăng 1.228,85ha; Đất chưa sử dụng biến động giảm 113,72ha.

Về hiện trạng chất lượng môi trường đất: Thực hiện Quy hoạch mạng lưới quan trắc chất lượng môi trường tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2013-2020. Năm 2020, tổ chức lấy 64 mẫu đất (02 quý) tại các làng nghề, khu vực canh tác trên địa bàn tỉnh. Kết quả cho thấy, chất lượng môi trường đất không ô nhiễm, 100% các chỉ tiêu phân tích đạt QCVN 03-MT:2015/BTNMT và QCVN 15:2008/BTNMT.

2.2.1.2. Hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường không khí

Thực hiện Quy hoạch mạng lưới quan trắc chất lượng môi trường tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2013-2020. Năm 2020, tổ chức lấy 204 mẫu không khí xung quanh tại một số làng nghề, khu công nghiệp và các trục đường giao thông cho thấy: Chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh tương đối tốt, hầu như các thông số đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2013/BTNMT; 06:2009/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT. Các thông số vượt quy chuẩn là tiếng ồn vượt từ 1,01-1,17 lần; bụi lơ lửng vượt từ 1,08-1,63 lần tập trung tại các điểm nút giao thông.

2.2.1.3. Hiện trạng và diễn biến chất lượng nước mặt

Thực hiện Quy hoạch mạng lưới quan trắc chất lượng môi trường tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2013-2020. Qua theo dõi số liệu lấy mẫu từ năm 2016 đến nay cho thấy:

Chất lượng nước sông Bắc Hưng Hải trên địa bàn tỉnh và một số sông nhánh trên địa bàn tỉnh từ năm 2016 đến giữa năm 2018 chủ yếu ô nhiễm bởi chất hữu cơ, vi sinh như: BOD_5, COD, TSS, NH_4^+, Coliform và nhiều thời điểm hàm lượng các thông số ô nhiễm ở mức cao, có thời điểm ô nhiễm nghiêm trọng.

Từ giữa năm 2018 đến nay chất lượng nước sông Bắc Hưng Hải và các sông nhánh có dấu hiệu được cải thiện, hàm lượng một số thông số ô nhiễm giảm rõ rệt so

với các năm trước. Cụ thể: TSS giảm từ vượt 5,78 lần xuống vượt 1,62 lần; COD giảm từ vượt 6,43 lần xuống vượt 3,24 lần; BOD_5 giảm từ vượt 7,53 lần xuống vượt 2,8 lần; NO_2^- giảm từ vượt 23,8 lần xuống vượt 20,0; Coliform giảm từ vượt 1.466,6 lần xuống vượt 12,4 lần.

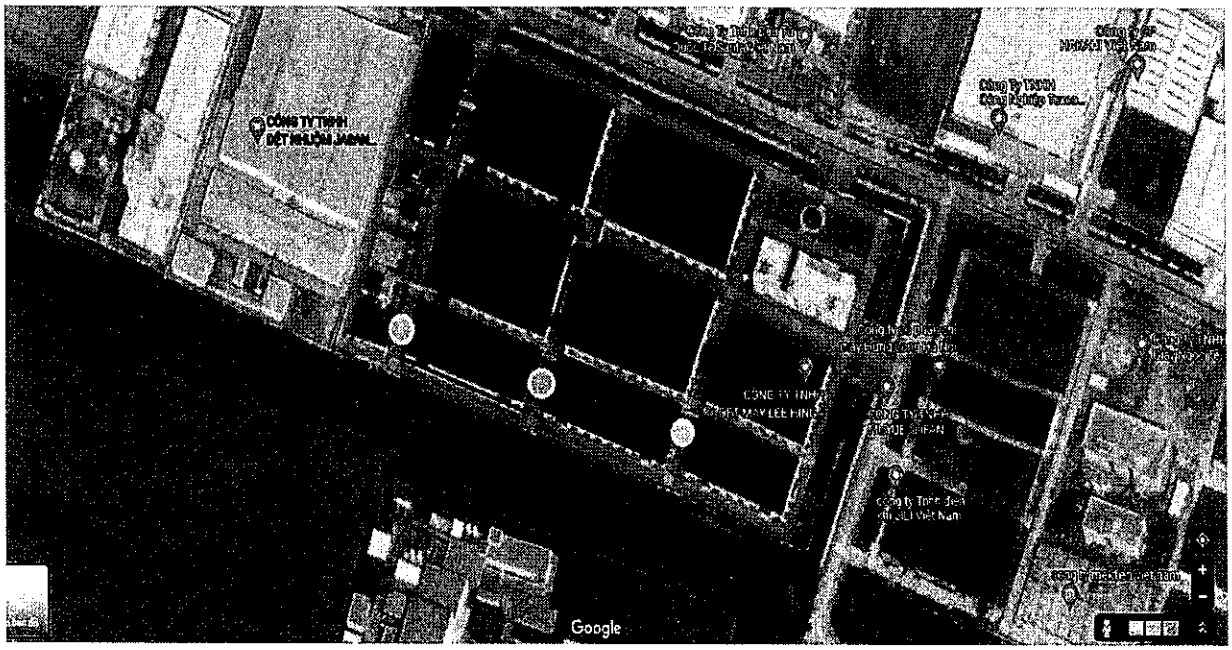
2.2.2. Hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí

Để đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường khu vực thực hiện dự án, đơn vị tư vấn lập báo cáo ĐTM đã phối hợp với đơn vị quan trắc tiến hành lấy mẫu, đo đạc, phân tích chất lượng môi trường nền với các thành phần môi trường: không khí xung quanh

Bảng 2. 1. Thông tin chương trình quan trắc hiện trạng môi trường khu vực triển khai dự án

STT	Đợt quan trắc	Thành phần môi trường	Điều kiện thời tiết
1	Đợt 1 (21/10/2021)	Không khí xung quanh	Trời nắng, có gió
2	Đợt 2 (22/10/2021)	Không khí xung quanh	Trời nắng, có gió
3	Đợt 3 (23/10/2021)	Không khí xung quanh	Trời nắng, có gió

Vị trí quan trắc môi trường không khí xung quanh như sau:



Bảng 2. 2. Chi tiết vị trí quan trắc môi trường không khí xung quanh

TT	Ký hiệu	Vị trí	Tọa độ	
			X	Y
1	KX01	Không khí xung quanh lấy tại đầu xưởng G	2314452	611740
2	KX02	Không khí xung quanh lấy tại giữa xưởng G và F	2314479	611638
3	KX03	Không khí xung quanh lấy tại cuối xưởng F	2314506	611544

2.2.2.1. Chất lượng môi trường không khí xung quanh

Hiện trạng môi trường không khí xung quanh khu vực triển khai dự án được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng 2. 3. Kết quả đo đạc, phân tích mẫu không khí xung quanh KX1

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả			QCVN 05:2013/BTNMT(1) Trung bình 1 giờ
			KX1 (đợt 1)	KX1 (đợt 2)	KX1 (đợt 3)	
1	Nhiệt độ	^{0}C	29,7	28.3	28.0	-
2	Độ ẩm	%	55.8	57.9	59.2	-
3	Tiếng ồn	dBA	60.2	63.4	65.0	**70(2)**
4	Độ rung	dB	37.7	38.1	38.0	**70(3)**
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/m^3	127	107	160	**300**
6	CO	µg/m^3	KPH	KPH	KPH	**30.000**
7	NO_2	µg/m^3	72	74	60	**200**
8	SO_2	µg/m^3	88	80	84	**350**

Bảng 2. 4. Kết quả đo đạc, phân tích mẫu không khí xung quanh KX2

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả			QCVN 05:2013/BTNMT(1) Trung bình 1 giờ
			KX2 (đợt 1)	KX2 (đợt 2)	KX2 (đợt 3)	
1	Nhiệt độ	^{0}C	30,3	28.9	31.3	-
2	Độ ẩm	%	61.3	63.0	61.4	-
3	Tiếng ồn	dBA	58.7	55.5	60.9	**70(2)**
4	Độ rung	dB	38.2	37.9	38.2	**70(3)**
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/m^3	160	153	133	**300**
6	CO	µg/m^3	KPH	KPH	KPH	**30.000**
7	NO_2	µg/m^3	66	66	68	**200**
8	SO_2	µg/m^3	76	72	76	**350**

Bảng 2. 5. Kết quả đo đạc, phân tích mẫu không khí xung quanh KX3

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả			QCVN 05:2013/BTNMT[1] Trung bình 1 giờ
			KX3 (đợt 1)	KX3 (đợt 2)	KX3 (đợt 3)	
1	Nhiệt độ	^0C	28.8	29.7	30.5	-
2	Độ ẩm	%	60.9	61.4	62.1	-
3	Tiếng ồn	dBA	58.1	56.4	58.2	**70[2]**
4	Độ rung	dB	37.8	37.9	37.8	**70[3]**
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	$\mu g/m^3$	120	140	167	**300**
6	CO	$\mu g/m^3$	KPH	KPH	KPH	**30.000**
7	NO_2	$\mu g/m^3$	62	70	60	**200**
8	SO_2	$\mu g/m^3$	80	76	84	**350**

Ghi chú:

- Quy chuẩn so sánh:

+ [1] **QCVN 05:2013/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí xung quanh.

+ [2] **QCVN 26:2010/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ [3] **QCVN 26:2010/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ (-): Không quy định.

Nhận xét: Kết quả phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh tại khu vực triển khai dự án cho thấy các thông số đo kiểm như bụi, khí SO_2, CO_2, CO đều thấp hơn ngưỡng cho phép nhiều lần.

❖ **Đánh giá về tính nhạy cảm và khả năng chịu tải của môi trường**

Kết quả đo đạc, phân tích chất lượng hiện trạng môi trường nơi triển khai dự án cho thấy giá trị của tất cả các thông số quan trắc môi trường không khí xung quanh đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

2.2.3. Hiện trạng tài nguyên sinh vật

Khu vực thực hiện dự án nằm trong Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối B thuộc tỉnh Hưng Yên vì vậy hệ sinh vật khu vực này mang nét đặc trưng của vùng đồng bằng Bắc Bộ.

Qua khảo sát thực tế các sinh vật chủ yếu xuất hiện tại khu vực gồm: các loài bò sát như thằn lằn, rắn; sinh vật dưới nước: cá, cua, ốc, sinh vật phù du, rong rêu, các loài cóc ếch, chuột…

Nhìn chung khu vực dự án có hệ sinh vật nghèo nàn, không có các vùng sinh thái nhạy cảm. Việc thực hiện dự án không gây tác động quá lớn tới hệ sinh vật và tài nguyên khu vực.

Khu vực thực hiện dự án là KCN đã được quy hoạch nên đã cách xa khu dân cư, hệ sinh thái trong khu vực không bị tác động lớn do hoạt động của dự án.

2.3. Hiện trạng của đơn vị cho thuê nhà xưởng (Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam)

a. Công trình thu gom, thoát nước mưa, nước thải

- Đã đầu tư hệ thống thu gom, thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thoát nước thải.

- Công trình thu gom, thoát nước mưa: Đã đầu tư hệ thống đường ống PVC D110, D250, D300 thu gom nước mưa trên mái vào hệ thống thu gom, thoát nước mưa. Đã xây dựng hệ thống thu gom nước mưa bằng hệ thống cống, rãnh bê tông dạng xương cá có chiều rộng D300-D600, tổng chiều dài 1.787 m và bố trí 179 hố ga sau đó thoát vào hệ thống thoát nước mưa của khu công nghiệp

- Công trình thu gom, thoát nước thải:

Đã đầu tư đường ống PVC D110 thu gom nước thải vệ sinh sau bể phốt, nước thải nhà bếp sau bể tách dầu mỡ sau, nước thải rửa tay chân về các hố ga thu gom sau đó đi vào hệ thống thu gom nước thải bằng bê tông cốt thép có kích thước D300-D500 và đấu nối với hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp.

Đã đầu tư đường ống PVC D110 thu gom nước thải từ hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi về hố ga thu gom và được dẫn về hệ thống xử lý nước thải sản xuất.

Đầu tư đường ống bê tông cốt thép D500 thu gom nước thải sản xuất qua hố ga sau đó được đưa về hệ thống xử lý nước thải sản xuất và đấu nối với hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp bằng đường ống bê tông cốt thép D800.

b. Công trình xử lý nước thải

- Đã đầu tư 07 bể tự hoại, tổng dung tích là 61,5 m xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt trước khi đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp.

- Đã đầu tư 01 bể tách dầu mỡ có thể tích 10m^3 xử lý sơ bộ nước thải nhà bếp trước khi đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp.

- Đã đầu tư hệ thống xử lý sơ bộ nước thải sản xuất, nước thải từ hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi, công suất 2.000 m^3/ngày với quy trình:

Nước thải → Hố gom → Máy tách rác → Bể gom → Tháp giải nhiệt → Bể điều hòa → Bể phản ứng → Bể lắng → Bể sau xử lý → Đấu nối với hệ thống xử lý nước thải khu công nghiệp.

c. Công trình xử lý bụi, khí thải

- Đã lắp đặt 02 lò hơi đốt than, 01 lò công suất 10 tấn hơi/giờ, 01 lò công suất 15 tấn hơi/giờ và 01 lò dầu đảo nhiệt, công suất 129,2 kWh và lắp đặt 03 hệ thống xử lý bụi, khí thải có chung 01 ống phóng không ra môi trường.

Quy trình xử lý bụi, khí thải như sau:

Bụi, khí thải → Xyclon thu bụi → Tháp hấp thụ → Quạt hút ly tâm → Ống phóng không.

- Đã lắp đặt hệ thống xử lý khí thải tại bể gom của hệ thống xử lý sơ bộ nước thải sản xuất với quy trình:

Khí thải → Chụp hút → Quạt hút → Tháp xử lý bằng than hoạt tính (02 lớp) → Ống phóng không.

d. Công trình lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại

Đã đầu tư kho chứa có diện tích khoảng 24 m^2 có nền cứng, mái che, tường bao lưu giữ chất thải sinh hoạt.

- Đã đầu tư kho chứa có diện tích 24 m^2, có nền cứng, mái che, tường bao để lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường.

- Đã đầu tư kho chứa có diện tích 30 m^2, có tiền cứng, mái che, tường bao, rãnh và hố chống tràn đổ CTNH dạng lỏng, dán dấu hiệu cảnh báo để lưu giữ chất thải nguy hại.Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam đã lắp đặt 02 lò hơi đốt than, 01 lò công suất 10 tấn hơi/giờ, 01 lò công suất 15 tấn hơi/giờ.

Chương 3. ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Công ty TNHH dệt may Lee Hing Việt Nam (đơn vị cho thuê nhà xưởng) đã được UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án Lee Hing Textile Việt Nam tại quyết định số 2219/QĐ-UBND ngày 07/8/2017 và phê duyệt thay đổi nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án tại văn bản số 2846/UBND-KT2 ngày 13/11/2019 và được xã nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường tại giấy xác nhận số 2845/GXN-UBND ngày 13/11/2019. Công ty Lee Hing đã đầu tư xây dựng nhà xưởng, cơ sở hạ tầng và đi vào hoạt động. Hai nhà xưởng là nhà I (còn gọi là xưởng F) và nhà D (còn gọi là xưởng G) đã được xây dựng hoàn chỉnh. Qua đánh giá của Chủ đầu tư, phần diện tích nhà xưởng đang hoạt động vẫn đáp ứng đủ diện tích để bố trí máy móc dây chuyền sản xuất của Công ty TNHH Quốc tế Lệ Tinh. Vì vậy, phần nhà xưởng và các hạng mục đã xây dựng của dự án được giữ nguyên hiện trạng và không thi công xây dựng thêm bất kỳ hạng mục nào. Tuy nhiên, chủ dự án cần phải dọn dẹp lại mặt bằng nhà xưởng và lắp đặt máy móc thiết bị cho phù hợp và thuận tiện cho các công đoạn sản xuất của chủ dự án. Do đó, phần đánh giá tác động môi trường sẽ đánh giá các tác động môi trường cho 02 giai đoạn:

+ Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, lắp đặt vách ngăn và lắp đặt máy móc thiết bị

+ Giai đoạn vận hành thử máy móc và đưa dự án vào vận hành thương mại.

Từ đó đưa ra các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động có thể xảy ra và ứng phó sự cố môi trường cho dự án. Đồng thời xây dựng chương trình quản lý, giám sát môi trường cho dự án.

3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và lắp đặt máy móc thiết bị

3.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động

Trong giai đoạn lắp đặt thêm máy móc thiết bị phần nhà xưởng hiện hữu vẫn đáp ứng được diện tích bố trí, tuy nhiên cần phải lắp đặt các vách ngăn phân chia các khu văn phòng, sản xuất, kho,... bố trí vị trí đặt máy cho phù hợp với từng công đoạn sản xuất sau này. Đánh giá các tác động trong giai đoạn này như sau:

3.1.1.1. Đánh giá tác động do bụi và khí thải

Nguồn gốc gây ô nhiễm môi trường không khí trong giai đoạn lắp đặt thiết bị máy móc của dự án bao gồm:

- Bụi sinh ra trong quá trình bốc dỡ và dọn dẹp mặt bằng để bố trí các khu vực văn phòng, sản xuất,...

- Quá trình vận chuyển máy móc, thiết bị mới và các hoạt động giao thông khác sẽ thải ra bụi, khí thải,...

a. Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình bốc dỡ và dọn dẹp mặt bằng nhà xưởng để bố trí máy móc, thiết bị

- Do dự án cần dọn dẹp mặt bằng, lắp đặt vách ngăn cho khu văn phòng, kho, phòng thí nghiệm,.... Trong quá trình dọn dẹp cải tạo và lắp đặt sẽ phát sinh một lượng bụi nhất định. Lượng bụi phát sinh trong quá trình này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân lắp đặt máy móc thiết bị. Các tác động có thể xảy ra như sau:

- Bụi tác động đến con người chủ yếu qua đường hô hấp như viêm phổi, hen suyễn, lao phổi,...

- Bụi phát sinh trong quá trình này thường có kích thước lớn và không có khả năng phát tán rộng, phần lớn sẽ phát tán ở khoảng cách <5m. Do vậy để hạn chế phát tán bụi nhà máy cần phải có biện pháp giảm thiểu.

- Bụi phát sinh trong quá trình khoan lắp đặt tường ngăn và thiết bị máy móc mới là loại bụi có kích thước lớn nhưng khả năng phát tán nhỏ, thường sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân sử dụng máy khoan.

Tuy nhiên, giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị được thực hiện trong thời gian ngắn là khoảng 1 tháng nên tác động đến môi trường không nhiều và tác động đến con người là không đáng kể. Dù vậy, nhà máy vẫn có những biện pháp để giảm thiểu tác động này tại phần sau của báo cáo.

b. Bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông vận chuyển máy móc thiết bị mới

Xe vận chuyển máy móc thiết bị mới: Khối lượng máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất của Công ty khoảng 100 tấn. Dự án chọn phương tiện vận chuyển là khoảng 4 xe container có trọng tải 25 tấn, thời gian vận chuyển là 4 ngày (trong 1 tháng lắp đặt) với quãng đường vận chuyển mỗi chuyến khoảng 80 km/lượt từ cảng Quốc tế Hải Phòng về khu vực dự án.

Bụi khuếch tán từ mặt đường của các xe tải và thiết bị cơ giới trên đường, tuy nhiên hiện tại đường toàn bộ đường nội bộ của KCN đã được trải nhựa nên lượng bụi này không lớn. Bụi có thể gây ảnh hưởng đến các công trình lân cận cách khu vực Dự án trong phạm vi 200m. Vì khối lượng các nguyên vật liệu và máy móc thiết bị cần vận chuyển tương đối nhỏ, do đó tác động của bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển không đáng kể.

Các phương tiện vận chuyển sẽ sản sinh ra các chất gây ô nhiễm không khí như: bụi, khói, CO, NO_x, SO_x, ... Lượng khí này rất khó định lượng vì đây là nguồn phân tán và chịu tác động của nhiều yếu tố tự nhiên khác như: chất lượng đường xá, tốc độ gió, chế độ vận hành máy móc.

Tác động:

- Đối tượng chịu tác động: Công nhân trực tiếp lắp đặt máy móc, trang thiết bị, dân cư cạnh khu vực nhà máy, dân cư dọc tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu. Ngoài ra, hoạt động chuẩn bị mặt bằng, lắp đặt máy móc, thiết bị còn ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất hiện tại.

❖ *Tác hại của bụi*

Bụi trong không khí có tác hại chủ yếu đến hệ hô hấp rồi mắt, da,..., sau đó tùy theo tính chất của bụi mà nó có tác động đến các cơ quan khác của cơ thể. Bụi bám trên mặt da có thể gây viêm da, tấy đỏ, ngứa, rát xót. Nếu vào phổi, bụi sẽ gây kích thích cơ học và phát sinh phản ứng xơ hóa phổi, gây ra các bệnh về đường hô hấp. Các hạt bụi kích thước lớn hơn 10 µm được giữ lại bởi các lông ở khoang mũi, sau đó thải ra ngoài. Còn các hạt bụi nhỏ hơn tiếp tục đi sâu vào trong các cơ quan hô hấp và các hạt có kích thước < 10 µm có thể bị giữ lại ở phổi, hay vào máu gây nhiễm độc. Lớp màng nhầy bị kích thích làm khó khăn cho quá trình hô hấp.

❖ *Tác hại của* SO_2

Đối với sức khỏe: SO_2 vào cơ thể qua đường hô hấp và tiếp xúc với niêm mạc ẩm ướt nên hình thành nhanh chóng các axit, do dễ tan trong nước nên SO_2 sau khi hít thở vào sẽ phân tán trong máu tuần hoàn. Độc tính chung của SO_2 là rối loạn chuyển hoá protein và đường, thiếu vitamin B và C, ức chế enzym oxydaza. Hấp thụ lượng lớn SO_2 có khả năng gây bệnh cho hệ tạo huyết và tạo ra methemoglobin tăng cường quá trình oxy hoá Fe^{2+} thành Fe^{3+}.

Bảng 3. 1. Tác hại của SO_2 đối với con người và động vật

Nồng độ SO_2	Tác hại
30 – 20 mg SO_2/m^3	Giới hạn của độc tính
50 mg SO_2/m^3	Kích thích đường hô hấp, ho
260 – 130 mg SO_2/m^3	Liều nguy hiểm sau khi hít thở (30 – 60 phút)
1300 – 1000 mg SO_2/m^3	Liều gây chết nhanh (30 – 60 phút)

(Nguồn: Độc học môi trường, Lê Huy Bá, 2000)

Đối với thực vật: đối với thực vật, SO_2 có tác hại đến sự sinh trưởng của rau quả. Ở nồng độ thấp nhưng với thời gian kéo dài một số ngày sẽ làm lá úa vàng và rụng. Khi nồng độ SO_2 trong không khí khoảng 1 – 2 ppm có thể gây chấn thương đối với lá cây sau vài giờ tiếp xúc. Ở nồng độ cao thì trong một thời gian ngắn đã làm rụng lá và gây bệnh chết hoại đối với thực vật.

Đối với vật liệu: sự có mặt của các khí axit trong không khí ẩm làm tăng cường quá trình ăn mòn kim loại, phá huỷ vật liệu bê tông, và các công trình xây dựng, nhà cửa.

Đối với khí hậu khu vực: sự tích luỹ SO_2, NO_2 trong khí quyển tác nhân chính gây nên hiện tượng mưa axit đang xảy ra ở nhiều nơi trên thế giới.

❖ *Tác hại của Oxyt cacbon (CO)*

Đối với người và động vật: CO còn tác dụng với sắt trong xytochrom-oxydaz-men hô hấp có chức năng hoạt hoá oxy – làm sự thiếu oxy càng trầm trọng.

Bảng 3. 2. Mức gây độc của CO ở những nồng độ khác nhau

Nồng độ CO trong không khí (ppm)	Nồng độ Hb.CO trong máu (phần đơn vị)	Mức gây độc
50	0,07	Nhiễm độc nhẹ
100	0,12	Nhiễm độc vừa và chóng mặt
250	0,25	Nhiễm độc nặng và chóng mặt
500	0,45	Buồn nôn, nôn, trụy tim mạch
1.000	0,60	Hôn mê
10.000	0,95	Tử vong

(Nguồn: Độc học môi trường, Lê Huy Bá, 2000)

Đối với thực vật: thực vật nhạy cảm với CO ít hơn so với người và động vật, nhưng khi nồng độ CO cao (100 – 10.000 ppm) làm cho lá rụng, bị xoắn lại, cây non bị chết, và cây cối chậm phát triển. CO làm mất khả năng cố định Nitơ, làm thực vật thiếu đạm.

3.1.1.2. Đánh giá tác động do nước thải

❖ **Nước thải sinh hoạt của công nhân**

Nguồn gây ô nhiễm nước trong quá trình lắp đặt thêm máy móc, thiết bị chủ yếu là nước thải sinh hoạt của công nhân lắp đặt máy móc.

Theo tính toán tại chương 1 thì lượng nước cấp cho sinh hoạt của công nhân thi công tại công trường 0,45 m^3/ngày. Căn cứ theo Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 Nghị định về thoát nước và xử lý nước thải thì lượng nước thải sinh hoạt tính bằng 100% lượng nước sử dụng do đó, lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn này 0,45 m^3/ngày.

Căn cứ theo tải lượng ô nhiễm quy định trong TCVN 7957:2008 Tiêu chuẩn Việt Nam về thoát nước – Mạng lưới và công trình bên ngoài thì có thể ước tính tổng tải lượng các chất ô nhiễm chính trong nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở như sau:

Tải lượng ô nhiễm (g/ngày) = Hệ số ô nhiễm (g/người/ngày) x Số người

Nồng độ (mg/l) = Tải lượng ô nhiễm (g/ngày): Lưu lượng thải (m^3/ ngày)

Bảng 3. 3. Tải lượng chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt

Thông số	Tải lượng ô nhiễm (g/người/ngày)	Tổng tải lượng g/ngày	Nồng độ (mg/l)	Tiêu chuẩn của KCN
TSS	60-65	41.100 – 44.525	189,8 – 401,8	300

Thông số	Tải lượng ô nhiễm (g/người/ngày)	Tổng tải lượng g/ngày	Nồng độ (mg/l)	Tiêu chuẩn của KCN
BOD_5 của nước thải đã lắng	30-35	20.550 – 23.975	109,9 – 285,9	250
Amoni	8	5.480	25,9	-
Photphat	3,3	2.260,5	18,1	-
Clorua	10	6.850	39,9	16,5
Chất hoạt động bề mặt	2-2,5	1.370 – 1.712,5	19,9 – 22,5	-

Từ bảng số liệu trên cho thấy, nồng độ các chất hữu cơ có trong nước thải sinh hoạt khá cao. Nước thải sinh hoạt của dự án nếu chỉ thu gom, không được xử lý sơ bộ thì các thông số ô nhiễm đều vượt quy chuẩn cho phép (1-2 lần).

Nước thải sinh hoạt chưa xử lý sẽ mang theo một lượng lớn các chất hữu cơ, các loại vi khuẩn (E.Coli, virut, trứng giun sán,...). Ngoài ra, trong nước thải còn có chứa các chất dinh dưỡng khác như NH_4^+, PO_4^{3-}, là nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước tiếp nhận nước thải như gây ra hiện tượng phú dưỡng các ao, hồ tiếp nhận.

- *Chất hữu cơ*: Các chất hữu cơ có khả năng bị phân huỷ sinh học cao, do đó làm giảm độ ôxy hoà tan trong nước, ảnh hưởng tới hệ thuỷ sinh vật.

- *Chất rắn lơ lửng*: Sự hiện diện của chất rắn lơ lửng trong môi trường nước làm giảm mỹ quan của nước, đặc biệt là làm giảm khả năng truyền quang vào nguồn nước, do đó ảnh hưởng tới các loại thuỷ thực vật sống ở lớp đáy. Các chất rắn này cũng là giá thể tốt để các sinh vật phát triển. Ngoài ra, hiện tượng lắng đọng của chất rắn lơ lửng theo thời gian làm bồi lấp lòng sông giảm khả năng vận chuyển nước của sông.

- *Các chất dinh dưỡng (Nitơ, Phốt pho):* Ảnh hưởng lớn nhất của hai nguyên tố này đến thuỷ vực tiếp nhận là khả năng gây ra hiện tượng phú dưỡng. Hiện tượng phú dưỡng có thể khiến các loài động vật dưới nước bị chết, gây ra mùi thối, gây ô nhiễm môi trường.

- *Các loại vi khuẩn:* Trong nước thải sinh hoạt luôn chứa một lượng vi khuẩn gây tả, lị, thương hàn. Tuỳ theo điều kiện môi trường mà các loại sinh vật này có thể tồn tại trong thời gian dài hay ngắn. Khi nhiễm vào nguồn nước, chúng sẽ có khả năng phát tán và gây bệnh trên diện rộng.

- *Dầu mỡ:* Dầu mỡ là những chất có khối lượng riêng nhỏ hơn nước. Đó là những chất nổi, chúng sẽ làm giảm khả năng truyền quang của nước, giảm khả năng hòa tan oxi từ không khí vào nước, gây mất thẩm mỹ và gây ảnh hưởng xấu tới các công trình thoát nước

Tuy nhiên, nước thải của cơ sở không đấu nối trực tiếp ra hệ thống thoát nước của KCN mà được thu gom và xử lý sơ bộ cùng với nước thải của Công ty TNHH dệt may Lee Hing Việt Nam. Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam cam kết xử lý nước thải phát sinh của cơ sở theo Thỏa thuận cho thuê nhà xưởng số 01/2021-HĐTNX ngày 21/6/2021.

❖ **Nước mưa**

Lưu lượng nước mưa chảy tràn qua khu vực Dự án được tính toán theo phương pháp cường độ giới hạn (theo TCVN 7957:2008 Tiêu chuẩn Việt Nam về thoát nước – Mạng lưới và công trình bên ngoài):

$$Q = q.F.\varphi \qquad \text{(CT1)}$$

Trong đó: *Q: lưu lượng nước mưa chảy tràn (l/s)*

F: Diện tích lưu vực thoát nước mưa (ha);

φ: Hệ số dòng chảy, lấy trung bình bằng 0,6;

q: Cường độ mưa tính toán (l/s.ha)

$$q = \frac{A_o\,(1+C\lg P)}{(t+b_o P^m)^n} \qquad \text{(CT2)}$$

+ P: chu kỳ lặp lại của mưa (năm);

+ t: thời gian mưa (phút);

A, c, b, n: Các thông số phụ thuộc vào từng vùng

Ta có các hằng số khí hậu của Hưng Yên là: A_0=760; C=0,59; b_0=20; m=0,83; n = 0,84(2). Lấy P=2 năm và thời gian mưa là 15 phút, thay vào CT2 ta tính được q=39,6 l/s.ha.

Với diện tích cơ sở là 6.160 m^2 (tương đương 0,6 ha, thay vào CT1 tính toán được lưu lượng nước mưa chảy tràn là : Q = 39,6 x 0,6 x 0,6 = 14,25 lít/s (0,014 m^3/s). Với trận mưa kéo dài 30 phút thì lượng nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án khoảng: 0,014 m^3/s x 1800 giây = 25,2 m^3 tương đương với lượng mưa: 25,2 m^3 : 6.160 m^2 = 0,004 m ≈ 4mm/ngày.

Thông thường trong nước mưa đợt đầu sẽ chứa một lượng lớn các chất bẩn tích tụ trên bề mặt công trường như bụi, đất, dầu, mỡ.... Theo số liệu của WHO (1993) nồng độ các chất ô nhiễm trong nước mưa chảy tràn khoảng 0,5÷1,5mg N/l; 0,004÷0,03 mg P/l; 10÷20 mg COD/l; và 10÷20 mg TSS/l.

Tuy nhiên, mặt bằng của cơ sở phần lớn đều được bê tông hóa và thường xuyên được quét dọn sạch sẽ, các loại chất thải phát sinh đều được thu gom và lưu chứa trong kho có mái che. Do đó, thành phần ô nhiễm trong nước mưa thực tế không cao.

Mặt khác, các trận mưa thường không diễn ra thường xuyên và kéo dài, cường độ mưa không lớn. Do vậy, tác động của nước mưa chảy tràn là không đáng kể.

3.1.1.4. Đánh giá tác động do chất thải rắn

❖ ***Nguồn phát sinh***

- Trong giai đoạn lắp đặt máy móc, trang thiết bị, nguồn phát sinh chất thải rắn thông thường bao gồm:

+ Chải thải rắn sinh hoạt của công nhân lắp đặt;

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường từ quá trình dọn dẹp mặt bằng và lắp đặt máy móc, thiết bị.

❖ ***Thành phần và khối lượng phát sinh***

+ *Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân lắp đặt*: Dự kiến số lượng công nhân tham gia lắp đặt là 10 người. Căn cứ theo định mức phát sinh CTR tại QCVN01:2019/BXD Quy hoạch xây dựng thì định mức phát sinh CTR sinh hoạt đối với Hà Nội là 1,3 kg/người/ngày. Tuy nhiên do hoạt động sinh hoạt của công nhân trong giai đoạn thi công xây dựng không có hoạt động ăn uống, sinh hoạt nội trú như các hộ dân nên lấy định mức phát sinh CTR sinh hoạt theo báo cáo "Quan trắc môi trường Việt Nam năm 2004, phần chất thải rắn của Ngân hàng thế giới", một công nhân thải ra 0,5kg rác thải mỗi ngày. Lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân lắp đặt khoảng 5 kg/ngày.

Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân xây dựng bao gồm các chất thải hữu cơ và các chất thải vô cơ. Thành phần chính bao gồm giấy, nilon, thức ăn thừa,.... Lượng chất thải này tuy không nhiều, song nếu không thu gom và xử lý hàng ngày sẽ gây ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí, cảnh quan trong công trường và khu vực xung quanh.

Lượng rác sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân lắp đặt máy móc với khối lượng không lớn sẽ được thu gom, xử lý cùng rác sinh hoạt phát sinh từ dự án hiện tại. Với số các thùng chứa rác sinh hoạt và khu vực chứa rác sinh hoạt hiện hữu của nhà máy hoàn toàn có khả năng lưu chứa lượng rác sinh hoạt trong giai đoạn lắp đặt máy móc. Vì vậy, tác động từ chất thải rắn sinh hoạt trong giai đoạn này tới môi trường là không đáng kể.

+ *Chất thải rắn công nghiệp*:

Chất thải rắn phát sinh trong quá trình lắp đặt thêm máy móc thiết bị bao gồm bao bì, túi nilon, thùng carton.... Khối lượng ước tính khoảng 50kg/giai đoạn. Tuy nhiên, hoạt động chuẩn bị mặt bằng, lắp đặt máy móc, thiết bị chỉ diện ra trong khoảng 1 tháng, hiện tại Dự án đã có các biện pháp, công trình thu gom, lưu giữ tạm thời (thùng chứa, kho lưu giữ) vẫn trong tình trạng hoạt động tốt nên trong thời gian tới chủ dự án sẽ tận dụng các công trình, biện pháp này vì vậy tác động do CTR trong giai đoạn này là không đáng kể.

3.1.1.5. Đánh giá tác động do chất thải nguy hại

Trong giai đoạn lắp đặt máy móc, trang thiết bị, nguồn phát sinh CTNH từ quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị có thể dự báo như sau:

Bảng 3. 4. Dự báo khối lượng CTNH từ quá trình thi công xây dựng

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng *(kg/giai đoạn)*	Mã CTNH
1	Dầu mỡ thải	Lỏng	10	17 02 03
2	Giẻ lau, găng tay dính dầu	Rắn	2	18 02 01
3	Hộp đựng dầu mỡ thải	Rắn	10	18 01 02
Tổng			**22**	

Đánh giá tác động

Khối lượng CTNH phát sinh trong giai đoạn này không lớn nhưng nhìn chung CTNH thường có tính chất nguy hại cao. Do vậy, nếu không có biện pháp thu gom, xử lý tốt sẽ gây ảnh hưởng đến sức khỏe của con người, làm ảnh hưởng đến chất lượng môi trường đất và nước. Chủ dự án sẽ bàn giao cho Công ty TNHH dệt may Lee Hing Việt Nam thu gom, lưu giữ và chuyển cho đơn vị có chức năng để xử lý do vậy CTNH phát sinh trong trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, lắp đặt máy móc thiết bị sẽ được thu gom, lưu giữ theo đúng quy định nên tác động do CTNH không đáng kể.

3.1.1.6. Đánh giá tác động tác động các nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải

a. Tác động do ồn

❖ ***Nguồn phát sinh***

- Do hoạt động dọn dẹp mặt bằng, lắp đặt máy móc, thiết bị trong nhà xưởng
- Do các xe tải vận chuyển nguyên vật liệu, thiết bị máy móc,….

❖ ***Đánh giá tác động***

- Để đánh giá phạm vi chịu ảnh hưởng của độ ồn từ quá trình vận tải, lắp đặt máy móc, thiết bị có thể sử dụng công thức toán học làm cơ sở cho mô hình là công thức xác định độ ồn tại một điểm có khoảng cách d (m) so với nguồn phát ra tiếng ồn:

$$L_i = L_p - \Delta L_d - \Delta L_c - \Delta L_{cx} \text{ (dB)}$$

Trong đó:

- L_i: Mức ồn tại điểm tính toán cách nguồn gây ồn khoảng cách d (m).
- L_p: Mức ồn đo được tại nguồn gây ồn (cách 1,5m).
- ΔL_d: Mức ồn giảm theo khoảng cách d ở tần số i.

$$\Delta L_d = 20\lg[(r_2/r_1)^{1+a}] \quad \text{(dB)}$$

Trong đó:

+ r_1: Khoảng cách tới nguồn gây ồn ứng với L_p, m.

+ r_2: Khoảng cách tính toán độ giảm mức ồn theo khoảng cách ứng với L_i ; m
+ a: Hệ số kể đến ảnh hưởng hấp thu tiếng ồn của địa hình mặt đất.

- ΔL_c: Độ giảm mức ồn qua vật cản.

- ΔL_{cx}: Độ giảm mức ồn sau các dải cây xanh.

$$\Delta Lcx = \Delta Ld + 1,5Z + \beta \sum B_i \quad (dB)$$

Trong đó:

+ ΔL_d: Độ giảm mức ồn do khoảng cách; dB
+ 1,5Z: Độ giảm mức ồn do tác dụng phản xạ của các dải cây xanh.
+ Z- Số lượng các dải cây xanh.
+ $\beta\Sigma B_i$: Mức ồn hạ thấp do âm thanh bị hút và khuếch tán trong các dải cây xanh (β: Trị số hạ thấp trung bình theo tần số, β=0,10÷0,20 dB/m)

Như vậy có thể thấy rằng, độ ồn giảm theo hàm số logarit theo khoảng cách tính từ điểm phát sinh tiếng ồn. Đối với khu vực dự án, do có ít vật cản, địa hình bằng phẳng, thảm thực vật chủ yếu là cây bụi, cỏ dại thấp nên nếu khoảng cách tính tới thiết bị xây dựng tăng lên gấp đôi ($r_2 = 2\ r_1$) thì độ ồn sẽ giảm đi xấp xỉ 6 dB.

Như vậy, kết quả tính toán mức độ lan truyền tiếng ồn do các máy móc, thiết bị và xe tải sử dụng cho Dự án tạo được trình bày như trong bảng sau:

Bảng 3. 5. Lan truyền tiếng ồn do các máy móc, thiết bị

Máy móc thiết bị	Tiếng ồn trung bình khoảng cách 1,5m (dBA)	Mức ồn cách nguồn (dBA)		
		10m	20m	100m
Xe nâng	72,0 ÷ 84,0	68	60	50
Máy khoan	71,0 ÷ 82,0	67	59	48
Xe tải	83,0 ÷ 94,0	79	71	60
Cần trục	65,0 ÷ 75,0	66	58	48
QCVN 26:2010/BTNMT	**70dBA**			
QCVN 24:2016/BYT	**85 dBA**			

(Độ ồn quy chuẩn cho từng thiết bị (nguồn: Ủy ban BVMT Hoa Kỳ)

Từ kết quả tính toán ở bảng trên, so sánh với quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT nhận thấy với khoảng cách trên 20m, mức ồn của một số thiết bị cải tạo, cơ bản tại công trình đạt giới hạn cho phép. Với khoảng cách nhỏ hơn 20m, xe tải có mức ồn vượt giới hạn cho phép trong khu vực thông thường. Tuy nhiên tác động này là tạm thời, chỉ diễn ra trong thời gian ngắn nên mức độ ảnh hưởng đến môi trường xung quanh được đánh

giá là không nghiêm trọng. Để giảm thiểu các tác động đến công nhân lắp đặt trực tiếp và trong khu vực lân cận cần áp dụng các phương pháp giảm thiểu.

b. Tác động do rung

❖ ***Nguồn phát sinh***

- Do hoạt động dọn dẹp mặt bằng, lắp đặt máy móc, thiết bị trong nhà xưởng
- Do các xe tải vận chuyển nguyên vật liệu, thiết bị máy móc,….

❖ ***Đánh giá tác động***

Mức rung tham khảo của các thiết bị, máy móc được trình bày trong bảng sau:

Bảng 3. 6. Mức độ rung động của một số máy móc

TT	Thiết bị thi công	Mức rung tham khảo, dB (mức rung theo phương thẳng đứng z)	
		Nguồn rung cách 10m	Nguồn rung cách 30m
1	Xe nâng	65	59
2	Xe tải	74	64
3	Máy khoan	78	61

(Nguồn: Ủy ban bảo vệ môi trường U.S. Tiếng ồn từ các thiết bị xây dựng và máy móc xây dựng NJID, 300.1, 31 – 12 - 1971)

Tiếng ồn, độ rung lớn sẽ gây tác động xấu đến sức khỏe của người lao động trong khu vực lân cận, ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất hiện hữu xung quanh dự án. Do đó, trong thời gian tới, Chủ đầu tư sẽ thực hiện các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động xấu.

c. Ảnh hưởng đến giao thông khu vực

Trong giai đoạn này số lượng xe tải được sử dụng cho vận chuyển máy móc thiết bị (trong khoảng thời gian 1 tháng) là 4 xe, các xe chở nguyên vật liệu và thành phẩm cùng với hoạt động tham gia giao thông của 10 công nhân xây dựng. Lượng xe của cán bộ công nhân viên tác động đến giao thông chủ yếu ở khoảng thời gian đến công ty từ 7h-8h và tan ca từ 17h-18h gây ùn tắc, tai nạn giao thông, ...

Vấn đề an toàn lao động của công nhân tại dự án cũng là điều cần quan tâm. Có biện pháp, cách thức phòng tránh tai nạn lao động để không làm thiệt hại tài sản và con người.

3.1.1.6. Đánh giá tác động tác động nên bởi các rủi ro, sự cố

a. Sự cố tai nạn lao động

Cũng như bất cứ công trình xây dựng nào, công tác an toàn lao động và vệ sinh môi trường lao động là vấn đề đặc biệt quan trọng, đòi hỏi sự quan tâm của mọi người từ cán bộ lãnh đạo cho đến người lao động trực tiếp làm việc trên công trường. Các vấn

đề về sức khoẻ và an toàn chính trong giai đoạn xây dựng của Dự án liên quan đến tai nạn lao động.

Có rất nhiều tai nạn lao động có khả năng xảy ra tại khu vực xây dựng:

- Sự ô nhiễm môi trường có khả năng làm ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của người lao động trên công trường. Một vài chất ô nhiễm như khói có chứa SO_2, CO, CO_2... tùy thuộc vào thời gian và mức độ tác động có khả năng làm ảnh hưởng đến người lao động, gây choáng váng, mệt mỏi, thậm chí ngất xỉu (thường xảy ra đối với công nhân nữ hoặc người có sức khỏe yếu). Tuy nhiên, nồng độ các loại khí thải phát sinh từ hoạt động xây dựng của dự án không đáng kể. Cho nên, các ảnh hưởng sẽ không nguy hiểm.

- Quá trình di chuyển, bốc dỡ máy móc, thiết bị chất cao có thể rơi đổ gây tai nạn lao động;

- Các tai nạn lao động từ các công tác tiếp cận với điện như công tác thi công hệ thống điện, va chạm vào các đường dây điện dẫn ngang qua đường, gió bão gây đứt dây điện,...;

Tuy nhiên, công nhân thực hiện đều được đào tạo liên quan đến an toàn lao động nên tác động này được đánh giá là nhỏ và có thể giảm thiểu.

b. Sự cố cháy nổ

- Quá trình thi công lắp đặt sẽ phát sinh nhiều khả năng gây ra cháy nổ:

+ Việc sử dụng các công đoạn gia nhiệt trong thi công cũng có khả năng gây ra cháy;

+ Sự cố về điện do quá tải khi hoạt động đồng thời nhiều máy móc, thiết bị, hoặc do chất lượng thiết bị điện không đảm bảo cũng có khả năng gây ra cháy nổ.

- Ngoài ra, còn tiềm ẩn nguy cơ cháy nổ do chập điện, sét đánh, do sự thiếu ý thức của cán bộ, nhân viên, người dân hoặc khách hàng của tòa nhà (vứt tàn thuốc vào các vật liệu dễ cháy).

3.1.2. Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện

3.1.2.1. Nước thải

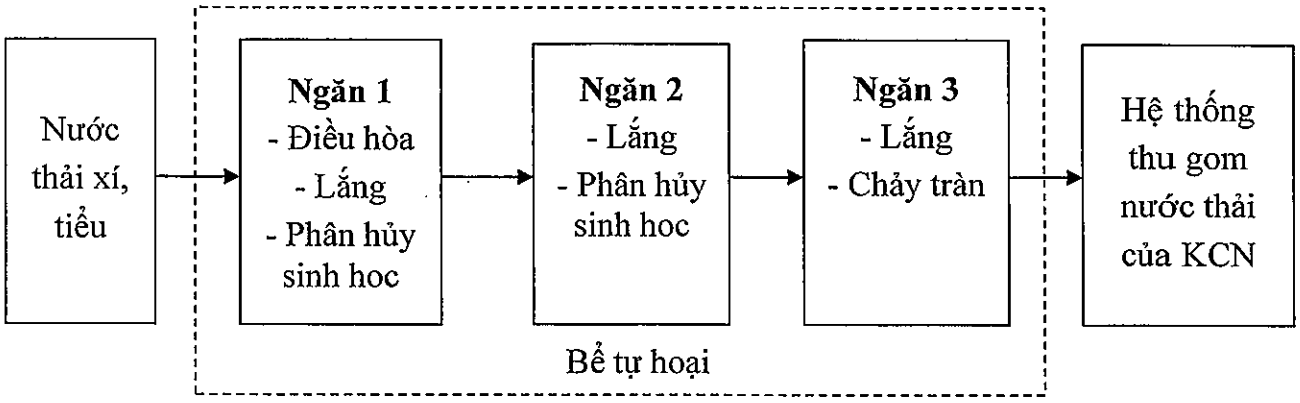
- Hiện tại, dự án đã có sẵn các công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt để thu gom nước thải sinh hoạt phát sinh từ 2 nhà xưởng về 2 bể tự hoại thể tích 10m^3/bể. Các công trình này đã được UBND tỉnh Hưng yên xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường trước khi vận hành tại Giấy xác nhận số 2845/GXN-UBND ngày 13/11/2019 cấp cho Công ty TNHH dệt may Lee Hing Việt Nam. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ 3 tháng/lần cho thấy nước thải sau HTXLN nước thải tập trung luôn đảm bảo đạt tiêu chuẩn đấu nối của KCN Dệt may Phố Nối; các trang thiết bị, máy móc của HTXLN thường xuyên được kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng nên tình trạng hoạt động vẫn

tốt. Vì vậy, trong thời gian tới, Chủ đầu tư sẽ tiến hành thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, lắp đặt máy móc, thiết bị về xử lý cùng với nước thải sinh hoạt hiện hữu. Phương án thu gom nước thải như sau

+ Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh: Được xử lý sơ bộ qua các bể tự hoại 3 ngăn của Công ty TNHH dệt may Lee Hing Việt Nam rồi tự chảy vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty.

❖ **Nguyên lý xử lý nước thải xí, tiểu bằng bể tự hoại**

Nguyên lý hoạt động của bể tự hoại được thể hiện trong sơ đồ sau:



Hình 3. 1. Sơ đồ nguyên lý hoạt động của bể tự hoại 3 ngăn

Trong các bể tự hoại xảy ra quá trình phân hủy các chất hữu cơ hòa tan và các chất dạng keo trong nước thải với sự tham gia của các vi sinh vật yếm khí. Trong quá trình sinh trưởng và phát triển, vi sinh vật yếm khí sẽ hấp thụ các chất hữu cơ hòa tan có trong nước thải, phân hủy và chuyển hóa chúng thành các hợp chất ở dạng khí. Bọt khí sinh ra bám vào các hạt bùn cặn. Các hạt bùn cặn này nổi lên trên làm xáo trộn, gây ra dòng tuần hoàn cục bộ trong lớp cặn lơ lửng.

Quá trình phân hủy chất hữu cơ của hệ vi sinh vật yếm khí rất phức tạp, tuy nhiên có thể đơn giản hóa quá trình phân hủy yếm khí bằng các phương trình như sau:

(COHNS) + VSV $\rightarrow$ CO_2 + H_2S + CH_4 + các chất khác + năng lượng

(COHNS) + VSV + năng lượng $\rightarrow$ $C_5H_7O_2N$ (Tế bào vi khuẩn mới)

[$C_5H_7O_2N$ là công thức hóa học thông dụng để đại diện cho tế bào vi khuẩn]

Hỗn hợp khí sinh ra thường được gọi là khí sinh học hay biogas, có thành phần: Methane (CH_4): 55 – 65%; Carbon dioxide (CO_2): 35 – 45%Nitrogen (N_2): 0 – 3%; Hydrogen (H_2): 0 – 1% và Hydrogen Sulphide (H_2S): 0-1%.

Quá trình phân hủy yếm khí được chia thành 3 giai đoạn chính là

+ Quá trình phân hủy các chất hữu cơ cao phân tử;

+ Quá trình tạo các axit

+ Quá trình tạo methane.

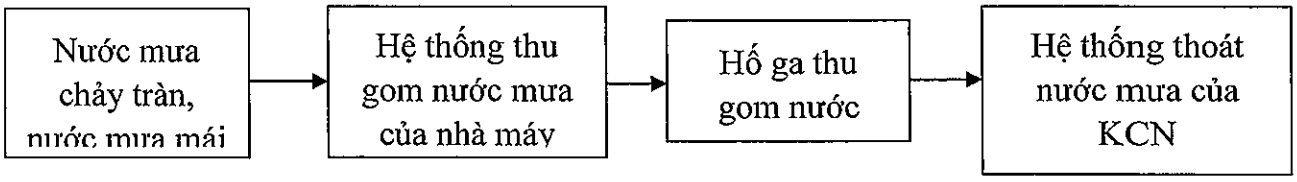
❖ ***Đối với nước mưa***

Hiện tại, dự án đã có hệ thống thu gom, tiêu thoát nước mưa hoàn thiện do đó trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, lắp đặt bổ sung máy móc, thiết bị thì phương án thu gom nước mưa sẽ được giữ nguyên như hiện trạng. Cụ thể như sau:

- Hệ thống thoát nước mưa mái: Nước mưa chảy tràn trên mái được chảy về các ống dẫn bằng PVC từ trên mái các công trình xuống hệ thống cống thoát nước mặt phía dưới. Các ống dẫn PVC có đường kính D110.

- Hệ thống thoát nước mặt: Lượng nước mưa chảy tràn được thu gom và thoát vào hệ thống thoát nước mưa đã có của cơ sở được xây dựng ngầm bằng hệ thống cống, rãnh bê tông dạng xương cá có chiều rộng D300-D600 đạt tiêu chuẩn. Trên dọc hệ thống thu gom có song chắn rác, hố ga để lắng cặn, chất bẩn trước khi chảy vào hệ thống thoát nước mưa chung của KCN Dệt may Phố Nối.

- Toàn bộ lượng nước mưa mái và nước mưa chảy tràn bề mặt sẽ được đấu nối qua 02 điểm xả để chảy vào hệ thống thu gom nước mưa chung của KCN Dệt may Phố Nối B.



Hình 3. 2. Sơ đồ thu gom nước mưa

3.1.2.2. Bụi, khí thải

Để hạn chế tác động của bụi và khí thải phát sinh trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị, Chủ đầu tư sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Các phương tiện vận tải, các máy móc thiết bị sử dụng cần kiểm tra định kỳ; không chở quá tải trọng cho phép, phân bố mật độ xe ra vào hợp lý, quy định thời gian hoạt động của các phương tiện vận chuyển, tránh ùn tắc gây ô nhiễm khói bụi cho khu vực.

- Các xe vận chuyển phải được phủ bạt kín trong quá trình hoạt động tham gia giao thông.

- Khi bốc dỡ nguyên vật liệu, máy móc cần trang bị bảo hộ lao động để hạn chế bụi ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân.

- Vệ sinh khu vực lắp đặt sau mỗi buổi làm việc.

- Giáo dục ý thức BVMT cho công nhân và người quản lý lao động giúp họ thấy được lợi ích trong việc BVMT, lao động trong sạch gắn liền với bảo vệ sức khoẻ của chính mình và cộng đồng.

- Xử phạt nghiêm khắc các trường hợp vi phạm qui định.

3.1.2.3. Chất thải rắn

Trong quá tình chuẩn bị mặt bằng, lắp đặt máy móc, thiết bị phát sinh chủ yếu là CTR sinh hoạt của công nhân và CTR thông thường từ quá trình lắp đặt (bao bì nilon, thùng carton…) tính chất tương tự CTR sinh hoạt. CTR sinh hoạt phát sinh tại dự án thu gom vào các thùng dung tích 10 lít-20 lít đặt tại khu vực văn phòng, nhà xưởng, … sau đó đến cuối ngày chuyển về thùng chứa 120 lít và lưu giữ tại khu lưu giữ CTR sinh hoạt với diện tích khoảng 6,4 m^2 được bố trí cuối nhà xưởng.

Cơ sở đã ký hợp đồng số 2022/01/LT-HA/HĐXL-PL với Công ty Cổ phần Hòa Anh để thu gom, vận chuyển xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường, rác thải sinh hoạt và thu mua phế liệu tái chế phát sinh tại dự án.

3.1.2.4. Chất thải nguy hại

CTNH phát sinh trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, lắp đặt máy móc thiết bị với khối lượng nhỏ, chỉ có 22kg/toàn giai đoạn. Thành phần CTNH bao gồm găng tay dính dầu, dầu mỡ thải, hộp đựng dầu mỡ thải cũng tương tự các CTNH phát sinh thường xuyên tại dự án. Cơ sở đã ký hợp đồng số 2022/01/LT-HA/HĐXL-PL với Công ty Cổ phần Hòa Anh để thu gom, vận chuyển xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường, rác thải sinh hoạt và thu mua phế liệu tái chế phát sinh tại dự án.

3.1.2.5. Ồn, rung

- Kiểm tra mức ồn của phương tiện GTVT, thiết bị và máy móc thi công, nếu mức ồn lớn hơn GHCP thì lắp các thiết bị giảm âm.

- Sử dụng các máy móc, thiết bị vận chuyển đạt tiêu chuẩn về môi trường, thường xuyên, định kì bảo dưỡng máy móc thiết bị, không sử dụng các thiết bị quá cũ kĩ phát sinh tiếng ồn lớn.

- Trang bị các thiết bị hạn chế hoặc chống ồn như mũ bảo hiểm, chụp tai cho công nhân.

- Hạn chế vận hành đồng thời các thiết bị gây ra tiếng ồn và độ rung.

3.1.2.6. Biện pháp giảm thiểu tác động đến hoạt động sản xuất xung quanh dự án

- Bố trí thời gian lắp đặt máy móc, thiết bị hợp lý

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc gần khu vực thi công: mũ, kính, khẩu trang, gang tay, nút chống ồn…

- Tăng cường công tác vệ sinh nhà xưởng, đặc biệt là khu vực di chuyển, lắp đặt máy móc, thiết bị

3.1.2.6. Các biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, lắp đặt máy móc, thiết bị

❖ An toàn về điện

- Hệ thống lưới điện động lực và lưới điện chiếu sáng phải riêng rẽ; có cầu dao tổng, cầu dao phân đoạn có khả năng cắt điện một phần hay toàn bộ khu vực thi công.

- Người lao động phải được bảo đảm an toàn về điện. Các thiết bị điện phải được cách điện an toàn trong quá trình thi công lắp đặt máy móc.

- Những người tham gia thi công lắp đạt máy móc phải được hướng dẫn về kỹ thuật an toàn điện, biết sơ cứu người bị điện giật khi xảy ra tai nạn về điện.

❖ An toàn về cháy nổ

- Ban hành và phổ biến các nguyên tắc, quy định về phòng cháy chữa cháy (PCCC) cho tất cả cán bộ, công nhân cải tạo máy móc, trang thiết bị.

- Huấn luyện cho cán bộ, công nhân cải tạo máy móc, trang thiết bị về công tác PCCC và thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở cán bộ, công nhân cải tạo máy móc, trang thiết bị chấp hành các nguyên tắc, quy định về PCCC.

- Hệ thống PCCC tại nhà máy đã được đầu tư đồng bộ, các phương tiện PCCC được trang bị đầy đủ, tình trạng hoạt động tốt. Do đó, trong giai đoạn này chủ đầu tư sẽ tiếp tục sử dụng các phương tiện PCCC hiện có.

3.2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành

Đơn vị cho thuê nhà xưởng là Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam đã có các công trình xử lý chất thải theo quy định và đã được UBND tỉnh Hưng Yên xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 2845/GXN-UBND ngày 13/11/2019. Đến nay, các công trình bảo vệ môi trường của dự án không thay đổi về quy mô, công suất, công nghệ. Ngoài ra, các công trình bảo vệ môi trường này thường xuyên được kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng nên luôn hoạt động trong tình trạng tốt. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ của cơ sở 3 tháng/lần cho thấy khí thải, nước thải đều đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

Các loại máy móc, thiết bị lắp đặt cho nhà máy cũng giống những loại máy móc, thiết bị vận hành hiện có nên công tác hiệu chỉnh, chạy thử nghiệm không mất nhiều thời gian.

Vì vậy, tính chất giai đoạn vận hành thử nghiệm cũng sẽ giống giai đoạn vận hành thương mại. Do đó trong phần này, sẽ đánh giá tổng hợp tác động và đề xuất các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu, xử lý ô nhiễm trong giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại.

3.2.1. Đánh giá, dự báo tác động

3.2.1.1. Đối với các nguồn phát sinh chất thải

a. Nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải phát sinh trong giai đoạn vận hành dự án bao gồm: nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất.

Bảng cân bằng nước của dự án:

Bảng 3. 7. Bảng cân bằng nước của dự án

TT	Nhu cầu sử dụng	Lượng nước sử dụng	Nước thải phát sinh	Lượng nước thải	Đơn vị
	Tổng	**599,35**		**599,35**	**m^3/ngày**
1	*Nước phục vụ sinh hoạt*	*5,6*	*Nước thải sinh hoạt*	*5,6*	*m^3/ngày*
2	*Nước sử dụng cho quá trình nhuộm*	*593,75*		*593,75*	*m^3/ngày*
2.1	Nước cấp cho các thiết bị nhuộm (nhuộm và pha thuốc nhuộm)	395,83	Nước thải phát sinh từ quá trình nhuộm	395,83	m^3/ngày
2.2	Nước cấp cho công đoạn giặt nhiệt độ thường sau nhuộm	197,91	Nước thải phát sinh từ quá trình giặt sau nhuộm	191,97	m^3/ngày
			Nước thải phát sinh từ quá trình vắt	5,94	

❖ ***Nước thải sản xuất***

- Nước thải trong quá trình sản xuất của dự án phát sinh từ công đoạn nhuộm, công đoạn giặt, làm mềm vải và công đoạn vắt.

- Nước thải sản xuất có độ màu cao chứa các tạp chất rắn lơ lửng, các muối và các hợp chất hữu cơ trong thuốc nhuộm, các chất hoạt động bề mặt, chất oxi hóa,... Các nguồn phát sinh nước thải của dự án như sau:

+ Nước thải phát sinh từ quá trình nhuộm: Trong quá trình nhuộm của dự án, chủ dự án sử dụng nước để cấp vào các máy nhuộm với lượng nước sử dụng giai đoạn vận hành thương mại vào khoảng 396,6 m^3/ngày. Sau khi nhuộm xong, nước thải được công nhân mở van xả dưới đáy nồi để xả hết vào hệ thống đường ống thu gom nước thải dưới đáy nồi nhuộm về bể chứa, lắng và điều tiết nước thải sản xuất của dự án. Lượng nước nhuộm thải bỏ chiếm 100% lượng nước cấp. Vậy lượng nước thải trong giai đoạn vận hành thương mại là **395,83 m^3/ngày**. Nước thải phát sinh từ quá trình nhuộm có nhiệt độ khoảng 65 – 80^{0}C và chứa các chất nhuộm, chất trợ nhuộm, cặn bẩn.

+ Nước thải phát sinh từ quá trình giặt xả và làm mềm vải ở nhiệt độ thường sau nhuộm: Trong quá trình giặt, chủ dự án sử dụng nước sạch cấp vào máy giặt để giặt giúp làm sạch hết các hóa chất bám dính trên bề mặt sản phẩm. Lượng nước sử dụng cho giai đoạn vận hành thương mại là 197,91 m^3/ngày. Sau khi giặt xong, toàn bộ lượng nước giặt được tự động mở van qua đường ống xả vào hệ thống rãnh thu gom nước trong khu xưởng sau đó thu gom về hố gom, bể gom và tháp giải nhiệt của HTXL nước thải tập trung.

Lượng nước thải bằng 97% lượng nước cấp (do một phần nước còn trên sản phẩm và chỉ được thải bỏ sau khi vắt khô), tương đương lưu lượng nước giặt thải bỏ trong giai đoạn vận hành thương mại là **191,97 m^3/ngày**. Nước thải phát sinh từ quá trình giặt xả sau nhuộm có nhiệt độ khoảng 30-45°C, chứa một lượng nhỏ hóa chất nhuộm và chất làm mềm.

+ Nước thải phát sinh từ quá trình vắt: Chủ dự án sử dụng máy vắt ly tâm để tiến hành vắt sạch lượng nước bám dính trên bề mặt sản phẩm. Lượng nước phát sinh từ quá trình vắt trong giai đoạn vận hành thương mại vào khoảng **5,94 m^3/ngày**. Nước thải phát sinh từ quá trình vắt có nhiệt độ khoảng 30 – 35^{0}C.

Bảng 3. 8: Bảng thành phần và lưu lượng nước thải phát sinh từ quá trình sản xuất

TT	Nguồn phát sinh	Thành phần chất ô nhiễm	Lưu lượng thải (m^3/ngày)	Nhận xét
1	Nước thải phát sinh từ quá trình nhuộm	Nhiệt độ, TSS, hóa chất nhuộm, độ màu	395,83	Nước thải có nhiệt độ 65-80°C chứa các hóa chất nhuộm, trợ nhuộm, độ màu cao,
2	Nước thải phát sinh từ quá trình giặt sau nhuộm	TSS, độ màu, hóa chất nhuộm	191,97	Nước thải có nhiệt độ 30-45°C chứa lượng nhỏ các hóa chất nhuộm, chất trợ nhuộm, chất làm mềm
3	Nước thải phát sinh quá trình vắt		5,94	Nước thải có nhiệt độ 30-35^{0}C.
Tổng (lượng lớn nhất khi tiến hành xả thải ở tất cả các nguồn phát sinh)			**593,75**	

Từ bảng tổng hợp trên ta thấy: Nguồn nước thải có nhiệt cao từ các máy nhuộm, tổng lượng nước thải có nhiệt cao (60-80 °C) là 395,83 m^3, lượng nước có nhiệt độ 35-45 °C khoảng 191,97 m^3, lượng nước thải còn lại (5,94 m^3) có nhiệt độ môi trường (30-35 °C). Khi các dòng thải thu gom về hệ thống rãnh thu gom nước trong khu xưởng sau đó thu gom về hố gom, bể gom và tháp giải nhiệt của HTXL nước thải tập trung của Công ty Lee Hing. Nước sau xử lý sẽ có nhiệt độ dưới 40 °C, đảm bảo điều kiện đấu nối nước thải theo quy định của KCN. Theo thực tế hoạt động của một số dự án, dự báo thành phần và nồng độ các thông số ô nhiễm trong nước thải sản xuất tại dự án theo bảng số liệu dưới đây:

Bảng 3. 9. Thành phần, nồng độ ô nhiễm trong nước thải sản xuất của dự án

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Dự báo nồng độ trong nước thải sản xuất của dự án	Tiêu chuẩn KCN
1	pH	-	5,5-6	**5-9**
2	Nhiệt độ	^{0}C	< 40^{0}C	**40**
3	Độ màu	Pt/Co	200	**750**
4	TSS	mg/l	250	**300**
5	BOD_5 (20°C)	mg/l	220	**250**
6	COD	mg/l	500	**800**
7	Dầu mỡ khoáng	mg/l	0,5	**10**
8	Fe	mg/l	2,5	-
9	NH_4^+ - N	mg/l	1,8	-
10	Tổng N	mg/l	3,0	**60**
11	Clo	mg/l	13	**16,5**
12	Nitrat	mg/l	0,2	-
13	Coliform	MPN/100ml	3.500	**6.000**

Nguồn: Chủ dự án

Qua bảng thống kê trên cho thấy, nước thải sản xuất của dự án có chứa một số nồng độ chất ô nhiễm tuy nằm trong quy chuẩn đấu nối của KCN Dệt may Phố Nối nhưng ở mức tương đối cao như COD, BOD_5, TSS. Vì vậy, nếu không được đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN mà thải ra môi trường sẽ gây ô nhiễm rất lớn đối với nguồn nước mặt khu vực thực hiện dự án. Vì vậy, chủ dự án phải có trách nhiệm đảm bảo yêu cầu của phía KCN, thực hiện tốt các công tác xử lý sơ bộ (quan trọng nhất là nhiệt độ nước thải) để đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN, để xử lý đảm bảo tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường.

❖ ***Nước thải sinh hoạt***

Theo tính toán tại chương 1 thì nhu cầu sử dụng nước cho sinh hoạt trong giai đoạn vận hành dự án là 5,6 m^3/ngày. Căn cứ theo Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 08 năm 2014 về thoát nước và xử lý nước thải thì 100% lượng nước sử dụng sẽ được thải ra môi trường. Như vậy, lượng nước thải sinh hoạt lớn nhất là 5,6 m^3/ngày đêm.

Căn cứ theo tải lượng ô nhiễm quy định trong TCVN 7957:2008 Tiêu chuẩn Việt Nam về thoát nước – Mạng lưới và công trình bên ngoài thì có thể ước tính tổng tải lượng các chất ô nhiễm chính trong nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở khi sử dụng nước nhiều nhất như sau:

Tải lượng ô nhiễm (g/ngày) = Hệ số ô nhiễm (g/người/ngày) x Số người

Bảng 3. 10. Nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sinh hoạt trong giai đoạn lắp đặt thiết bị máy móc

Thông số	Tải lượng ô nhiễm (g/người/ngày)	Tổng tải lượng g/ngày	Nồng độ (mg/l)	Tiêu chuẩn KCN (mg/l)
TSS	60-65	41.100–44.525	1.019,8–1.104,8	300
BOD_5 của nước thải đã lắng	30-35	20.550–23.975	509,9–594,9	250
Amoni	8	5.480	135,9	-
Photphat	3,3	2.260,5	56,1	-
Clorua	10	6.850	169,9	16,5
Chất hoạt động bề mặt	2-2,5	1.370–1.712,5	39,9–42,5	-

Theo số liệu tính toán tại bảng trên cho thấy nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt nếu chưa được xử lý thì sẽ vượt tiêu chuẩn nước thải của KCN Dệt may Phố Nối (tiêu chuẩn KCN).

Nước thải sinh hoạt: có thành phần chủ yếu là các chất hữu cơ dễ phân hủy và các vi sinh vật gây bệnh nếu chưa qua xử lý mà xả ra hệ thống thoát nước chung sẽ gây ô nhiễm nguồn tiếp nhận, bốc mùi hôi thối ảnh hưởng đến sức khỏe và đời sống sinh hoạt của người dân xung quanh.

- Các thành phần như Nitơ, Phốt pho: Các hợp chất hữu cơ của nitơ, phốt pho có thể gây ra hiện tượng phú dưỡng kéo theo sự phát triển của các loài tảo không mong muốn tại các vùng tiếp nhận nước thải. Các loài tảo sẽ phát triển rất nhanh khi mà lưu lượng nước trao đổi (pha loãng) giảm xuống và khả năng tự làm sạch của nước kém đi. Ngoài ra, ô nhiễm môi trường nước mặt, nước ngầm ảnh hưởng đến môi trường, cảnh quan. Gây mùi hôi do quá trình lên men yếm khí các chất thải hữu cơ.

- Chất hữu cơ: Các chất hữu cơ trong nước thải chủ yếu là carbonhydrate. Đây là hợp chất dễ dàng bị vi sinh vật phân huỷ. Ô nhiễm hữu cơ dẫn đến suy giảm nồng độ oxy hoà tan trong nước do vi sinh vật sử dụng oxy hoà tan để phân huỷ các chất hữu cơ. Sự cạn kiệt oxy hoà tan sẽ gây tác hại nghiêm trọng đến tài nguyên thuỷ sinh. Khi nồng độ oxy hòa tan xuống quá thấp, các loài thủy sinh vật sẽ giảm. Tại khu vực có nồng độ oxy hòa tan xuống quá thấp thì thường xảy ra quá trình phân hủy kỵ khí lớp bùn đáy, phát sinh mùi hôi thối. Đây là môi trường không thuận lợi cho các sinh vật sống dưới nước. Ngược lại nấm và vi khuẩn phát triển mạnh nhờ sự phân hủy các chất hữu cơ làm

tăng hàm lượng NH_4^+, phát sinh các khí độc hại, có mùi khó chịu ảnh hưởng trực tiếp đến sinh vật sống dưới nước và môi trường không khí xung quanh.

- Chất rắn lơ lửng: Chất rắn lơ lửng cũng là tác nhân gây ảnh hưởng tiêu cực đến tài nguyên thuỷ sinh đồng thời gây tác hại về mặt cảnh quan do làm tăng độ đục nguồn nước và gây bồi lắng nguồn nước mặt tiếp nhận. Độ đục tăng sẽ cản trở ánh sáng mặt trời xuống các tầng nước phía dưới, các loài sinh vật sinh sống ở các tầng nước phía dưới sẽ bị ảnh hưởng do thiếu ánh sáng. Đồng thời trong quá trình vận chuyển, sự lắng đọng của chất rắn lơ lửng sẽ tạo ra cặn làm tắc nghẽn hệ thống cống thoát nước.

Tuy nhiên, Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam đã có hệ thống 07 bể tự hoại 3 ngăn, tổng dung tích 61,5m3 để xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt trước khi đấu nối ra hệ thống. Vì vậy, hệ thống XLNT hiện tại của nhà máy vẫn còn khả năng tiếp nhận và xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn vận hành của dự án sau khi dự án đi vào hoạt động chính thức. Ngoài ra, theo kết quả quan trắc định kỳ hàng năm của cơ sở thì nồng độ của tất cả các thông số trong nước thải sau xử lý trước khi đấu nối ra hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp trong tất cả các đợt quan trắc đều đạt tiêu chuẩn của KCN Dệt may Phố Nối B chứng tỏ HTXLNT của cơ sở hoạt động ổn định và hiệu quả. Vì vậy, tác động của nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn này của dự án tới môi trường là không đáng kể.

b. Nước mưa

Trong giai đoạn vận hành thì diện tích lưu vực thoát nước mưa không thay đổi so với giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, lắp đặt máy móc, thiết bị. Căn cứ theo tính toán tại mục 3.1 thì lưu lượng nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án ≈ 24,2 mm/ngày.

Mặt bằng của cơ sở phần lớn đều được bê tông hóa và thường xuyên được quét dọn sạch sẽ, các loại chất thải phát sinh đều được thu gom và lưu chứa trong kho có mái che. Do đó, thành phần ô nhiễm trong nước mưa thực tế không cao. Mặt khác, các trận mưa thường không diễn ra thường xuyên và kéo dài, cường độ mưa không lớn. Do vậy, tác động của nước mưa chảy tràn là không đáng kể.

c. Bụi, khí thải

Trong giai đoạn vận hành dự án, bụi và khí thải có thể phát sinh từ:

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm; phương tiện giao thông của cán bộ, nhân viên nhà máy
- Hoạt động sản xuất;
- Hoạt động của hệ thống điều hòa;

❖ ***Bụi, khí thải từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm; phương tiện giao thông của cán bộ, nhân viên nhà máy***

Hoạt động vận chuyển diễn ra chủ yếu ở bên ngoài phạm vi nhà máy, do đó tác động từ hoạt động này là không đáng kể.

❖ ***Bụi, khí thải từ hoạt động sản xuất***

Quá trình sản xuất của dự án không có các công đoạn cắt may, gia công sản phẩm, dự án chỉ tiến hành nhuộm các bán thành phẩm đã được gia công sẵn được đặt hàng từ khách hàng, do đó nguồn phát sinh bụi, khí thải phát sinh chủ yếu tại các công đoạn nhuộm sản phẩm.

✓ *Mùi, hơi hóa chất từ quá trình nhuộm vải*

Trong quá trình nhuộm dự án có sử dụng thuốc nhuộm các màu, hóa chất trợ nhuộm nên sẽ làm phát sinh hơi hóa chất. Do đặc trưng nguyên liệu đầu vào là các dạng vải, sợi thiên nhiên do đó cơ sở sử dụng các loại thuốc nhuộm cation, thuốc nhuộm axit và thuốc nhuộm hoạt tính.

- Thuốc nhuộm cation được sử dụng nhuộm cho các loại vải sợi acrylic. Nguyên lý nhuộm đối với loại thuốc nhuộm này là thuốc nhuộm chính là các cation mang màu kết hợp với các anion của sợi bằng lực hút điện tích, thực hiện nhuộm trong môi trường axit yếu CH_3COOH). Để đạt hiệu quả thì nhiệt độ lý tưởng cho quá trình nhuộm này cao nhất là 90^0C. Theo bảng hóa chất thuốc nhuộm đầu vào liệt kê tại Chương 1, có 2 loại thuốc nhuộm cation được sử dụng, nhiệt độ hóa hơi của 2 loại thuốc nhuộm này là $>200^0C$, do đó quá trình nhuộm bằng thuốc nhuộm cation không phát sinh khí thải.

- Đối với quá trình nhuộm bằng thuốc nhuộm hoạt tính hay thuốc nhuộm axit: nguyên lý cơ bản là thuốc nhuộm sẽ phản ứng hóa học với một xơ sợi để tạo thành liên kết cộng hóa trị (covalent bond) giữa thuốc nhuộm và xơ sợi. Liên kết hóa trị này được hình thành giữa các phân tử thuốc nhuộm và nhóm -OH (hydroxyl) của sợi cellulose hay giữa các phân tử thuốc nhuộm và các nhóm $-NH_2$ (amin) của sợi polyamide hoặc len.

Công thức căn bản của thuốc nhuộm hoạt tính, axit: D-B-RG

Trong đó:

D: Là nhóm mang màu (Chromophoric group):

Quyết định màu của thuốc nhuộm (color producing part). Thuốc nhuộm sử dụng Nhóm này có thể là : Azo; Anthaquinone; Phtalocyanine; Phức kim loại…

B = Là nhóm cầu nối (Bridging group)

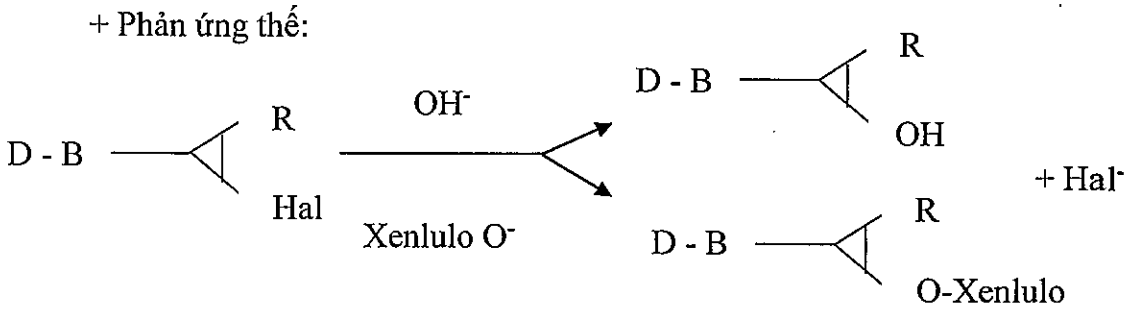
Kết nối nhóm mang màu với nhóm phản ứng của thuốc nhuộm (reactive group), có thể là nhóm – NH hoặc nhóm -NR .

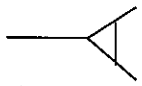
RG= Nhóm phản ứng của thuốc nhuộm (Reactive group).

Là nhóm dặc trưng chủ yếu của thuốc nhuộm hoạt tính tạo liên kết cộng hóa trị với xơ sợi. Có thể là: -Cl; -I; -Br; -SH; -OCH;…

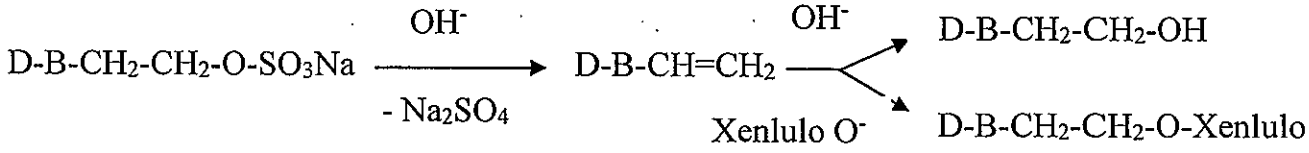
Trong nhuộm bằng thuốc nhuộm hoạt tính bên cạnh phản ứng chính với xenlulo còn xảy ra phản ứng thủy phân với nước. Gắn màu và thủy phân thuốc nhuộm hoạt tính đơn chức được thể hiện qua hai phản ứng sau:

+ Phản ứng thế:



Ghi chú:  : vòng triazin; Hal: Halogen = Cl, I

+ Phản ứng cộng:



Căn cứ theo phản ứng thế và phản ứng cộng nêu trên, quá trình nhuộm ở nhiệt độ từ khoảng 40-135°C, khí thải phát sinh bao gồm hơi axit HCl, hơi H_2SO_4

- Do quá trình nhuộm được thực hiện ở nhiệt độ cao nên có thể làm phát sinh acid, chất hữu cơ, chất làm mềm và các hợp chất dễ bay hơi khác. Các chất còn lại từ quá trình chuẩn bị vải đôi khi cũng tạo ra ô nhiễm trong quá trình xử lý nhiệt. Các loại ô nhiễm tiềm tàng khác có thể là hơi dung môi có chứa các hợp chất độc như acetaldehyt, ecthyl acetat, Cyclohexan, butylamin. Tuy nhiên, khi dự án đi vào hoạt động thì nồng độ hơi dung môi bay hơi có khả năng phát tán vào môi trường không khí là thấp hơn nhiều. Vì quá trình nhuộm được thực hiện trong máy kín ở nhiệt độ 135°C rồi xuống 85°C nhưng dự án không tiến hành mở nắp nhuộm ngay mà sẽ đợi đến khi nhiệt độ trong máy nhuộm hạ đến 50°C, do đó khí thải chuyển từ hơi sang nước và đi vào hệ thống thoát nước thải nên mức độ tác động là không đáng kể.

Điều này có thể được thể hiện thông qua các kết quả quan trắc tại các cơ sở có các công đoạn sản xuất tương tự như trong bảng sau:

Thông số / Tên công ty	Bụi mg/Nm^3	Axetaldehyt mg/Nm^3	Cyclohexan mg/Nm^3	Butylamin mg/Nm^3
Công ty TNHH Công Vinh, Hà Nội*	315	256	1450	KPH
Công ty cổ phần nhuộm Hà Nội**	205	298	1305	5

Công ty CP dệt may Hoàng Lâm***	310	310	1400	KPH
Công ty TNHH nhà nước MTV dệt 19/5 Hà Nội**	312	320	1480	9
Công ty TNHH Dệt Pacific Crystal****	245	305	1560	3
QCVN 20: 2009/BTNMT	-	**270**	**1300**	**15**
QCVN 19:2009/BTNMT	**200**	-	-	-

Ghi chú: KPH: Không phát hiện; - : không đo

*Nguồn: *: Trung tâm giáo dục và phát triển sắc ký, 2009*

***: Viện khoa học và kỹ thuật môi trường IESE, 2009*

****: Viện nghiên cứu da giầy, bộ công thương, 2009*

*****: Công ty TNHH Dệt Pacific Crystal, 2016*

- Ngoài ra, quá trình nhuộm còn sử dụng axit acetic, đây là một loại axit dễ bay hơi ở nhiệt độ cao (118^0C) và gây nguy hiểm khi tiếp xúc qua đường hô hấp, da hoặc mắt. Tổng lượng axit acetic (CH_3COOH) dự án sử dụng tại công đoạn nhuộm là 500 kg/tháng (tương đương với 694,4g/giờ). Mỗi mẻ được thực hiện trong thời gian 2,5-3 giờ (tính trung bình là 2,5h) tùy thuộc vào màu sắc của màu nhuộm. Nên lượng CH_3COOH cấp vào cho mỗi mẻ nhuộm là:

CH_3COOH= 694,4 *2.5= 1736,1 (g/mẻ)

Công đoạn nhuộm được thực hiện trong máy nhuộm kín có thể tích (150-300 lít/máy) (tính trung bình 225 l/máy) ở nhiệt độ 135°C (tương đương 408°K), áp suất 2 atm. Vì vậy ta có thể tính số mol CH_3COOH trong nước nhuộm theo công thức:

$nCH_3COOH = (P.V)/(R.T) = (2* 225)/(0.082*408) = 13,45$ (mol) E

$CH_3COOH = nCH_3COOH * MCH_3COOH = 13,45*60 = 807,3$ (g)

Nên lượng CH_3COOH có khả năng bay hơi được tính như sau:

$M_{bay\ hoi}CH_3COOH = m_{cấp}\ CH_3COOH - m_{trong\ máynhuộm}\ CH_3COOH = 1736,1 - 807,3 = 929,08$ (g)

Nồng độ CH có thể bay hơi là: $[CH_3COOH]bay\ hơi = m_{bay\ hơi}\ CH_3COOH/V = 929,08/225 = 4,13$(g/l).

Tuy nhiên, khi dự án đi vào hoạt động thì nồng độ CH_3COOH bay hơi có khả năng phát tán vào môi trường không khí là thấp hơn nhiều. Vì quá trình nhuộm được thực hiện trong máy kín ở nhiệt độ 135°C rồi xuống 85°C nhưng dự án không tiến hành mở nắp nhuộm ngay mà sẽ đợi đến khi nhiệt độ trong máy nhuộm hạ đến 50°C.

Các hợp chất hữu cơ bay hơi gây độc cấp tính như suy nhược, chóng mặt, say, co giật, ngạt, viêm phổi, epxe phổi,... Khi hít phải các hydrocacbon ở nồng độ 40mg/l dẫn đến tức ngực, chóng mặt, rối loạn giác quan, buồn nôn,...

Các hơi hóa chất trong thực tế sẽ phát sinh từ các công đoạn sản xuất như pha hóa chất, nhuộm, giặt làm mềm vải, sấy. Vì máy nhuộm được thực hiện trong máy kín ở nhiệt độ 135^{0}C rồi xuống đến 85^{0}C nhưng dự án không tiến hành mở nắp nhuộm ngay mà sẽ đợi đến khi nhiệt độ trong máy nhuộm hạ xuống 45^{0}C mới mở nắp máy nhuộm. Chính vì vậy phần lớn hơi nước và hóa chất đã bay hơi và ngưng tụ lại trên nắp máy nhuộm và rơi trở lại vào máy nhuộm.

Tương tự như quá trình nhuộm, công đoạn giặt được thực hiện luôn bằng máy nhuộm kín và chỉ tiến hành mở nắp khi nhiệt độ máy hạ xuống còn 45^{0}C.

Tuy nhiên, để giảm thiểu tối đa tác động của hơi hóa chất phát sinh từ quá trình sản xuất đến môi trường cũng như sức khỏe của cán bộ công nhân viên thì chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp giảm thiểu được đưa ra tại mục 3.2.2.

- Bụi: trong quá trình sản xuất, do đặc trưng tại dự án không tiến hành gia công cắt may vải, chỉ tiến hành nhuộm nên bụi chỉ phát sinh tại công đoạn đóng gói sản phẩm.

Đối tượng chịu tác động chính của bụi vải phát sinh từ quá trình sản xuất là cán bộ công nhân viên làm việc tại khu vực kiểm tra đóng gói sản phẩm bên trong nhà xưởng

✓ *Mùi, hơi hóa chất phát sinh từ kho chứa và khu vực pha hóa hóa chất nhuộm:*

Kho hóa chất của dự án chia làm 02 ngăn: 01 ngăn chứa hóa chất; 01 ngăn cân và pha hóa chất.

- Ngăn chứa hóa chất: Các hóa chất của dự án chủ yếu ở dạng rắn, tồn tại ở dạng bột và được đóng gói rất kĩ càng theo đúng quy định của nhà sản xuất: đóng gói gồm 2 lớp, 1 lớp nilon dày và cứng bao kín bên trong và đựng trong lớp ngoài là thùng nhựa và được đóng gói kín hoàn toàn và được xếp theo từng loại trong kho. Đặc điểm của kho hóa chất tại dự án là lưu giữ các hóa chất dạng đóng gói nguyên vẹn khi nhập về, sử dụng đến sẽ mang ra khu vực pha hóa chất để pha chế. Do đó khu vực chứa hóa chất không có cảm giác mùi khó chịu do các hóa chất bị bay hơi.

- Ngăn pha hóa chất: Tại dự án hầu hết các loại thuốc nhuộm, thuốc trợ nhuộm và các hóa chất tiền xử lý của dự án đều ở tồn tại ở thể rắn. Khi thực hiện pha hóa chất, đong, cân đo sẽ phát sinh mùi do hóa chất bay hơi. Tác động này chỉ xảy ra khi đong, pha, tuy không xảy ra thường xuyên nhưng thực hiện trong không gian hẹp, khá kín do đó chủ dự án sẽ có biện pháp giảm thiểu tác động kho hóa chất.

✓ *Tác động của hơi hóa chất phát sinh từ công đoạn sấy:*

Sau công đoạn nhuộm, sản phẩm sẽ được chuyển tiếp sang các công đoạn giặt (2,3 lần giặt) sau đó mới chuyển sang công đoạn vắt và sấy. Vì vậy, hóa chất còn dư sau khi nhuộm sẽ tác động hết vào môi trường nước trong công đoạn giặt. Sau đó sản phẩm

được chuyển vào máy vắt để vắt hết tối đa lượng nước còn lại trong sản phẩm. Sợi chỉ sau khi qua máy vắt gần như đã khô tới 90%. Hơn nữa công đoạn sấy được thực hiện trong máy sấy kín, ở nhiệt 110°C trong thời gian 1 giờ nên khả năng hơi hóa chất phát sinh phát tán vào môi trường không khí là không đáng kể. Tuy nhiên để giảm thiểu tối đa tác động của hơi hóa chất phát sinh từ quá trình sản xuất đến môi trường cũng như sức khỏe cán bộ công nhân viên thì chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp giảm thiểu được đưa ra ở chương sau.

❖ ***Khí thải phát sinh từ quá trình chạy máy phát điện:***

Đặc trưng của nhà máy nhuộm là sẽ sử dụng các loại nồi nhuộm, máy hấp định hình, máy sấy công suất cao, do đó để đảm bảo cho quá sản xuất nhà máy có thể sử dụng máy phát điện dự phòng. Việc sử dụng dầu DO để chạy máy phát điện có thể phát sinh các loại khí thải chủ yếu: CO, SO_2, CO_2, NOx, tiếng ồn, bụi.

- Khí SO_2: vào cơ thể qua đường hô hấp và tiếp xúc với niêm mạc ẩm ướt nên hình thành nhanh chóng các axit, do dễ tan trong nước nên SO_2 sau khi hít thở vào sẽ phân tán trong máu tuần hoàn. Độc tính chung của SO_2 là rối loạn chuyển hoá protein và đường, thiếu vitamin B và C, ức chế enzym oxydaza. Hấp thụ lượng lớn SO_2 có khả năng gây bệnh cho hệ tạo huyết và tạo ra methemoglobin tăng cường quá trình oxy hoá Fe^{2+} thành Fe^{3+}.

Bảng 3. 11. Tác hại của SO_2 đối với con người và động vật

Nồng độ SO_2	Tác hại
30 – 20 mg SO_2/m^3	Giới hạn của độc tính
50 mg SO_2/m^3	Kích thích đường hô hấp, ho
260 – 130 mg SO_2/m^3	Liều nguy hiểm sau khi hít thở (30 – 60 phút)
1300 – 1000 mg SO_2/m^3	Liều gây chết nhanh (30 – 60 phút)

(Nguồn: Độc học môi trường, Lê Huy Bá, 2000)

Đối với thực vật: đối với thực vật, SO_2 có tác hại đến sự sinh trưởng của rau quả. Ở nồng độ thấp nhưng với thời gian kéo dài một số ngày sẽ làm lá úa vàng và rụng. Khi nồng độ SO_2 trong không khí khoảng 1 – 2 ppm có thể gây chấn thương đối với lá cây sau vài giờ tiếp xúc. Ở nồng độ cao thì trong một thời gian ngắn đã làm rụng lá và gây bệnh chết hoại đối với thực vật.

Đối với vật liệu: sự có mặt của các khí axit trong không khí ẩm làm tăng cường quá trình ăn mòn kim loại, phá huỷ vật liệu bê tông, và các công trình xây dựng, nhà cửa.

Đối với khí hậu khu vực: sự tích luỹ SO_2, NO_2 trong khí quyển tác nhân chính gây nên hiện tượng mưa axit đang xảy ra ở nhiều nơi trên thế giới.

- Tác hại của Oxyt cacbon (CO)

Đối với người và động vật: CO còn tác dụng với sắt trong xytochrom-oxydaz-men hô hấp có chức năng hoạt hoá oxy – làm sự thiếu oxy càng trầm trọng.

Bảng 3. 12. Mức gây độc của CO ở những nồng độ khác nhau

Nồng độ CO trong không khí (ppm)	Nồng độ Hb.CO trong máu (phần đơn vị)	Mức gây độc
50	0,07	Nhiễm độc nhẹ
100	0,12	Nhiễm độc vừa và chóng mặt
250	0,25	Nhiễm độc nặng và chóng mặt
500	0,45	Buồn nôn, nôn, trụy tim mạch
1.000	0,60	Hôn mê
10.000	0,95	Tử vong

(Nguồn: Độc học môi trường, Lê Huy Bá, 2000)

Đối với thực vật: thực vật nhạy cảm với CO ít hơn so với người và động vật, nhưng khi nồng độ CO cao (100 – 10.000 ppm) làm cho lá rụng, bị xoắn lại, cây non bị chết, và cây cối chậm phát triển. CO làm mất khả năng cố định Nitơ, làm thực vật thiếu đạm.

❖ ***Bụi, khí thải do hoạt động của hệ thống điều hòa***

Hệ thống điều hòa không khí và thông gió được trang bị cho dự án với mục đích tạo ra môi trường vi khí hậu thông thoáng, mát mẻ đảm bảo tạo ra một môi trường thoải mái, dễ chịu. Hệ thống điều hoà không khí sẽ đảm bảo tiện nghi làm việc, tuy nhiên chúng sẽ gây tác động tiêu cực tới môi trường như sau:

- Làm ảnh hưởng xấu tới cảnh quan khi mặt ngoài của dự án được lắp đặt các dàn nóng của máy điều hoà với nhiều dạng, kiểu khác nhau không theo một trật tự nào.

- Khí thải của dàn nóng máy điều hoà thải vào môi trường sẽ làm cho nhiệt độ không khí tăng cao, gây ô nhiễm nhiệt.

- Các loại máy điều hoà có khả năng gây rò rỉ chất tải lạnh (khí gas) sẽ gây ô nhiễm khí quyển và tác động tới tầng ozôn.

Nhìn chung, các tác động khi xảy ra sự rò rỉ các chất làm lạnh không nhiều.

c. Chất thải rắn

❖ ***Chất thải rắn sinh hoạt***

Dự kiến dự án đi vào hoạt động với số lượng công nhân viên là 125 người. Với định mức thải rác là 1,3 kg rác/ngày.người (theo QCVN 01:2008/BXD) thì tổng khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh là:

125 người × 1,3 kg rác/ngày.người = 162,5 kg/ngày.

Tuy nhiên, công nhân viên không ăn uống, sinh hoạt tại nhà xưởng nên rác thải sinh hoạt phát sinh của công nhân viên dự kiến sẽ phát sinh khoảng 20% so với khối lượng tính toán ở trên là **32,5 kg/ngày**.

❖ ***Chất thải rắn sản xuất thông thường***

Quá trình sản xuất sẽ phát sinh chất thải rắn từ công đoạn nhập kho thành phần chủ yếu thùng cattong, sản phẩm hỏng, các dụng cụ bảo hộ lao động sau quá trình sử dụng... Các loại chất thải rắn này nếu không có biện pháp thu gom và xử lý sẽ là nguồn gây thất thoát nguyên vật liệu đáng kể đồng thời gây ô nhiễm môi trường.

Chất thải rắn sản xuất bao gồm: giấy carton, bao gói nguyên liệu,... Nhìn chung các loại chất thải này có tính bền vững hóa học, ít bị phân hủy hoặc tạo ra mùi ít nên không gây tác động đến môi trường nếu được quản lý tốt.

Bảng 3. 13. Bảng tổng hợp khối lượng nguyên vật liệu

STT	Danh mục	Khối lượng (kg/tháng)
1	Thuốc nhuộm khô (dạng bột)	923,5
2	Hóa chất trợ nhuộm	7.643,8
Tổng		**8.567,3**

Theo bảng trên, tổng khối lượng nguyên vật liệu của dự án khoảng **8.567,3** kg/tháng, tương ứng 329,5 kg/ngày (1 tháng làm việc 26 ngày). Lượng phế liệu bao gồm phụ liệu hỏng, bìa cacton, giấy cắt mẫu, túi nilon, bao bì hỏng, ... chiếm khoảng 1% lượng nguyên vật liệu. Khối lượng chất thải rắn sản xuất thông thường tương ứng khoảng: **3,3 kg/ngày**.

Bảng 3. 14. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án

STT	Danh mục	Khối lượng (kg/ngày)
1	Rác thải sinh hoạt	32,5
2	Giấy, thùng carton từ hoạt động văn phòng	
3	Sản phẩm lỗi, bao gói nguyên liệu, sản phẩm	3,3
Tổng		**35,8**

d. Chất thải nguy hại

- CTNH có khả năng phát sinh trong giai đoạn hoạt động của dự án chủ yếu từ các hoạt động sau:

+ Hoạt động sản xuất, bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị làm phát sinh một số loại chất thải nguy hại như: Giẻ lau, găng tay dính dầu mỡ, hóa chất, dầu mỡ thải,...

+ Quá trình sinh hoạt hay hoạt động tại khu văn phòng cũng làm phát sinh chất thải nguy hại: mực in, bóng đèn huỳnh quang thải,...

+ Quá trình sản xuất: thùng đựng thuốc nhuộm, hóa chất trợ nhuộm,...

Khối lượng chất thải nguy hại trong quá trình hoạt động của dự án được ước tính như sau:

Bảng 3. 15. Ước tính khối lượng CTNH phát sinh trong giai đoạn hoạt động

TT	Loại CTNH	Mã CTNH	Độc tính	Trạng thái	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Dầu mỡ thải	17 02 03	Đ, ĐS, C	Lỏng	150
2	Thùng đựng thuốc nhuộm, hóa chất	18 01 02 18 01 03	Đ, ĐS	Rắn	112
3	Giẻ lau, găng tay dính dầu mỡ, hóa chất	18 02 01	Đ, ĐS	Rắn	50
4	Cặn thuốc nhuộm thải	10 02 02	Đ, ĐS, C	Lỏng	112
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Đ, ĐS	Rắn	8
6	Mực in từ khu văn phòng	08 02 01	Đ, ĐS	Rắn	16
7	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ HTXL khí thải	12 01 04	Đ	Rắn	8
	Tổng				**456**

Các loại CTNH thường có có tính độc hại cao. Các chất thải này có tính độc khi tiếp xúc với da, có tác hại tới sức khỏe của công nhân trực tiếp tiếp xúc, dễ bắt cháy gây ra các sự cố cháy nổ và gây ra tác động xấu đối với môi trường, hệ sinh vật thông qua tích lũy sinh học. Các chất này nếu không được thu hồi sẽ phát thải vào môi trường gây ô nhiễm môi trường đất, nước và không khí.

Công ty TNHH Dệt may Lee Hing đã bố trí kho CTNH có diện tích 30 m^2 có dán biển cảnh báo và dấu hiệu nhận biết, kết cấu kho đảm bảo kỹ thuật theo quy định. Do vậy toàn bộ lượng CTNH phát sinh sẽ được phân loại, thu gom, lưu giữ theo quy định.

3.2.1.2. Đối với các nguồn không liên quan đến chất thải

a. Tiếng ồn, độ rung

- Từ quá trình sinh hoạt của cán bộ, nhân viên, khách hàng. Tuy nhiên, cường độ tiếng ồn rải rác và không tập trung cho nên tiếng ồn sẽ không ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

- Từ máy móc thiết bị sản xuất: Dự án có sử dụng nhiều trang thiết bị, máy móc trong quá trình sản xuất do đó việc phát sinh tiếng ồn, độ rung là không tránh khỏi. Vì

vậy, trong thời gian tới chủ dự án sẽ cần thực hiện các biện pháp giảm ồn làm hạn chế tác động của tiếng ồn, độ rung tới công nhân làm việc tại dự án.

+ Hoạt động của hệ thống điều hòa.

+ Các phương tiện giao thông vận tải ra vào dự án. Đó là tiếng ồn phát ra từ các động cơ và do sự rung động của các bộ phận xe, tiếng ồn từ ống xả khói... Các loại xe khác nhau sẽ phát sinh mức độ ồn khác nhau. Tuy nhiên, các phương tiện này không hoạt động cùng lúc tại cùng một thời điểm. Các phương tiện giao thông ra vào khuôn viên dự án được trải dài trong ngày nên độ ồn sẽ giảm đáng kể.

Tác động của tiếng ồn, độ rung gây ra như sau:

- Tiếng ồn

Tiếng ồn là tập hợp những âm thanh khác nhau về cường độ và tần số không có nhịp gây cho con người cảm giác khó chịu.

Tiếng ồn tác động trước hết đến hệ thần kinh trung ương, sau đó đến hệ thống tim mạch, nhiều cơ quan khác và cuối cùng là đến cơ quan thính giác. Tiếng ồn làm rối loạn hệ thống thần kinh, ngay cả khi không đáng kể (50-70dB) tiếng ồn cũng tạo ra một tải trọng đáng kể lên hệ thần kinh, đặc biệt đối với những người lao động trí óc. Đối với âm tần số 2.000 - 4.000Hz, tác dụng mệt mỏi sẽ bắt đầu từ 80dB, đối với âm 5.000-6.000Hz thì bắt đầu từ 60dB. Tiếng ồn còn gây ra những thay đổi trong hệ thống tim mạch kèm theo sự rối loạn trương lực bình thường của mạch máu và rối loạn nhịp tim.

- Độ rung

Tần số những rung động mà ta cảm nhận được nằm trong khoảng 12 - 8.000Hz. Cũng giống như tiếng ồn, ảnh hưởng của rung động trước hết đến hệ thần kinh trung ương và sau đó đến các bộ phận khác. Theo hình thức tác động, người ta chia rung động thành hai loại: rung động chung và rung động cục bộ. Rung động chung gây ra dao động cho toàn cơ thể, còn rung động cục bộ chỉ làm cho từng bộ phận cơ thể dao động.

b. Tác động do ô nhiễm nhiệt

Đặc thù loại hình của dự án có nhiều công đoạn như hấp, sấy có thể phát sinh nhiệt dư. Quá trình vận hành máy móc có thể làm gia tăng nhiệt độ tại khu vực nhà xưởng.

Tác động: Loại ô nhiễm này tác động trực tiếp đến công nhân làm việc. Nhiệt độ môi trường cao sẽ gây nên mất mồ hôi, kèm theo là mất mát một lượng muối khoáng như các muối K, Na,... Nhiệt độ cao cũng làm cơ tim phải làm việc nhiều hơn. Ngoài ra, làm việc trong môi trường nóng thường dễ mắc các bệnh hơn so với các điều kiện bình thường, ví dụ bệnh tiêu hoá chiếm tới 15% trong khi điều kiện bình thường chỉ chiếm 7,5%, bệnh ngoài da là 6,3% so với 1,6%. Rối loạn sinh lý thường gặp ở một số công nhân làm việc trong môi trường nhiệt độ cao là chứng say nóng và co giật, nặng hơn là choáng nhiệt.

Tuy nhiên, hoạt động cải tạo đơn giản chỉ lắp đặt các bức tường thạch cao và kính, lắp đặt máy móc thiết bị chỉ sử dụng xe nâng, với số lượng máy móc không nhiều, nguồn nhiệt từ các máy móc là không đáng kể, ít ảnh hưởng tới sức khỏe của công nhân. Ngoài ra quá trình cải tạo, lắp đặt máy móc diễn ra trong nhà xưởng, có bố trí hệ thống điều hòa và quạt công nghiệp, do đó giảm thiểu mức độ ảnh hưởng của nhiệt dư.

3.2.1.3. Rủi ro, sự cố

a. Sự cố cháy, nổ

Sự cố cháy nổ có thể do những nguyên nhân sau:

- Cháy do các sự cố về điện: Chọn thiết bị điện không phù hợp với các trang thiết bị, máy móc; hệ thống cung cấp điện của dự án bị quá tải, bị chập, các thiết bị văn phòng cháy gây cúp điện; không tuân thủ các quy tắc an toàn khi sử dụng các thiết bị điện. Chập điện tại khu vực tòa nhà văn phòng, nhà máy phân xưởng sản xuất gây cúp điện và làm gián đoạn tạm thời hoạt động sản xuất, kinh doanh tại khu vực xảy ra sự cố, sự cố chập điện không được phát hiện, xử lý kịp thời có thể gây hỏa hoạn.

- Sự cố cháy nổ xảy ra trong kho chứa nguyên liệu, thành phẩm, kho hóa chất: Nguyên liệu, hóa chất và thành phẩm của nhà máy có đặc trưng dễ cháy, do đó nếu có sự cố chập điện mà không phát hiện kịp thời hoặc do sự bất cẩn của công nhân để tàn lửa vào khu vực dễ bắt cháy thì rất dễ xảy ra cháy nổ.

- Cháy do sét đánh: Sự cố do sét đánh là một hiện tượng tự nhiên, nguy cơ xảy ra vào mùa mưa và cũng là nguồn gây hiểm họa lớn.

- Sự cố cháy nổ do công nhân không tuân thủ theo đúng các quy định về phòng chống cháy nổ trong quá trình sản xuất.

Khi cháy nổ xảy ra gây ra thiệt hại rất lớn cho doanh nghiệp và môi trường xung quanh. Vì vậy, Công ty cần quan tâm đến các biện pháp phòng chống sự cố.

b. Sự cố trong quá trình lưu trữ và sử dụng hóa chất

Tại kho hóa chất của dự án có lưu trữ: thuốc nhuộm khô, hóa chất trợ nhuộm. Quá trình lưu trữ và sử dụng hóa chất có thể xảy ra các sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất. Quá trình lưu chứa hóa chất trong kho chứa có khả năng xảy ra các sự cố rò rỉ, tràn đổ bao gồm:

- Tràn đổ, rò rỉ hóa chất có thể xảy ra khi bao bì chứa hóa chất bị rách thủng trong quá trình vận chuyển và bốc vác, do chuột cắn phá, do vật nhọn làm rách thùng. Thùng chứa, phuy, can có thể bị nứt vỡ do va chạm, do tác động cơ học, do thời gian sử dụng lâu, do chứa dựng hóa chất không phù hợp (ăn mòn, phá hủy,...) với chất liệu làm vật chứa, cũng có thể do nhiệt độ kho bảo quản quá cao gây nứt vật chứa.

- Tràn đổ cũng có thể xảy ra do quá trình sắp xếp hàng hóa trong các kho như xếp hàng hóa quá cao, vượt quá chiều cao quy định và không cẩn thận nên lớp hàng hóa bị nghiêng đổ, kéo theo các lô hóa chất kế bên.

- Sự cố cháy nổ hóa chất: Các hóa chất trong quá trình lưu chứa nếu gặp các tác nhân gây cháy như sự cố chập điện phát sinh tia lửa điện, hoặc gặp vật liệu dễ cháy như tàn thuốc. Ngoài ra, các hóa chất dễ bay hơi nếu bị rò rỉ lâu ngày tích tụ phát sinh đám mây khí độc, hoặc phản ứng với nhau và bắt cháy với các vật liệu dễ cháy hình thành đám cháy.

- Sự cố hóa chất còn xảy ra trong quá trình sử dụng hóa chất, khi công nhân trực tiếp cấp hóa chất trong quá trình sản xuất. Sự cố rò rỉ, tràn đổ xảy ra do sự bất cẩn của công nhân trong quá trình lấy hóa chất, hoặc do các thiết bị lưu chứa hóa chất bị nứt vỡ gây rò rỉ.

- Với bất kỳ một nguyên nhân nào dẫn đến phát sinh sự cố rò rỉ, tràn đổ các loại hóa chất, dung môi ra kho hóa chất hay ra nhà xưởng sản xuất đều gây tác động ảnh hưởng đến môi trường. Nhìn chung, hoạt động tàng trữ và sử dụng hóa chất nói chung luôn tiềm ẩn các nguy cơ mất an toàn, sự cố hóa chất xảy ra bất kỳ, luôn đi liền với nguy cơ xảy ra sự cố lớn, ngay lập tức tác động trên phạm vi rộng ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, tài sản vật chất và môi trường; hóa chất có khả năng phát tán nhanh, trên diện rộng, rất dễ xâm nhập vào cơ thể người và để lại những hậu quả lâu dài đối với sức khỏe và môi trường bởi khả năng tồn lưu lâu dài khó phân hủy. Chính vì vậy việc chủ động xây dựng quản lý phòng ngừa và ứng phó sự cố là việc làm cấp bách và cần thiết. Biện pháp này được nêu cụ thể ở phần sau.

c. Sự cố hệ thống thu gom nước thải

Một số sự cố thường gặp ở hệ thống thu gom nước thải của dự án gồm:

- Sự cố hư hỏng, rò rỉ đường ống dẫn nước thải.

Quy mô và mức độ ảnh hưởng:

- Đối với các sự cố hư hỏng thiết bị hoặc rò rỉ đường ống cơ sở sẽ có phương án khắc phục các sự cố xảy ra ngay khi phát hiện sự cố

e. Sự cố ngộ độc thực phẩm:

Nhà máy bố trí nhà ăn tập thể cho công nhân viên, nếu nguồn cung cấp thực phẩm không đảm bảo chất lượng rất có thể dẫn đến ngộ độc thực phẩm. Sự cố ngộ độc thức ăn nếu xảy ra sẽ dẫn đến một số tác hại như sau:

- Sức khỏe của công nhân bị ảnh hưởng. Nếu nghiêm trọng có thể dẫn đến tử vong.

- Năng suất làm việc của công nhân. Từ đó ảnh hưởng đến chất lượng cũng như số lượng sản phẩm.

- Ảnh hưởng đến hình ảnh của công ty cũng như là tài chính của Công ty.

f. Tai nạn lao động:

Sự cố tai nạn lao động có thể gây thiệt hại về người và tài sản cũng như hoạt động sản xuất của toàn công ty. Nguyên nhân chủ yếu gây tai nạn lao động là do công nhân không tuân thủ nghiêm ngặt các nội quy về an toàn lao động như:

- Thói quen không sử dụng bảo hộ lao động khi làm việc;

- Không thực hiện đầy đủ các quy định an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp do Công ty đề ra.

- Bất cẩn về sử dụng điện trong an toàn lao động;

- Không tuân thủ nghiêm ngặt các quy định khi vận hành máy móc, thiết bị trong dây chuyền sản xuất.

- Bất cẩn trong quá trình bốc dỡ nguyên liệu, sản phẩm.

Xác xuất xảy ra sự cố tùy theo ý thức chấp hành nội quy và quy tắc an toàn lao động của nhân viên, do đó xưởng sẽ trang bị kiến thức an toàn lao động và cũng cố ý thức trách nhiệm cho những nhân viên và tất cả những người hoạt động trong khu vực xưởng để hạn chế tai nạn lao động xảy ra.

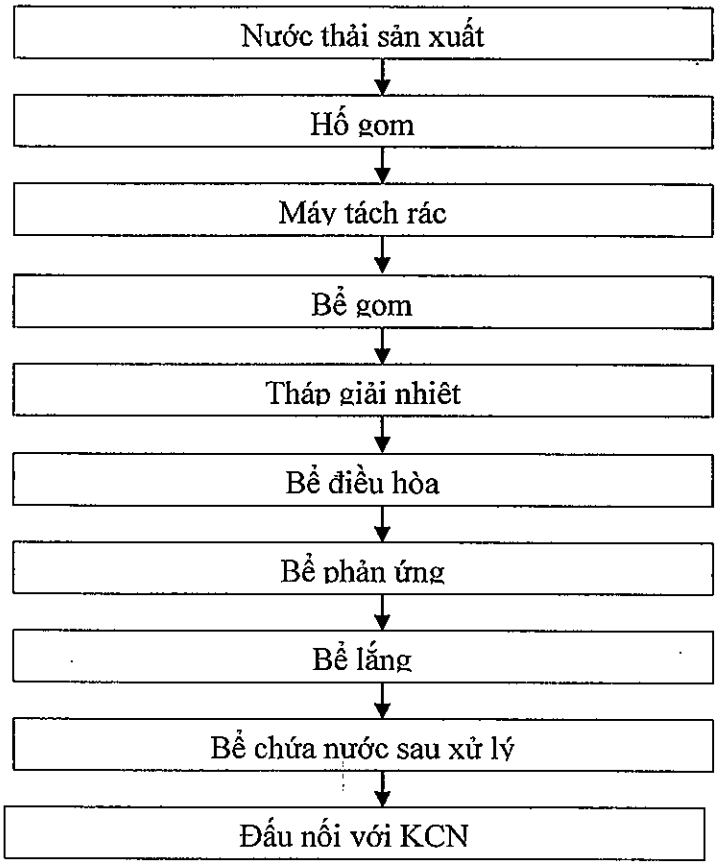
3.2.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện

3.2.2.1. Nước thải

a. Nước thải sản xuất

Lượng nước thải sản xuất lớn nhất phát sinh tại dự án là 593,75 m^3/ngày đêm. Nước thải phát sinh từ các công đoạn nhuộm, pha thuốc nhuộm, giặt sau nhuộm, vắt. Toàn bộ nước thải sản xuất được hạ nhiệt độ ngay từ các máy nhuộm xuống còn 45^0C sau đó theo đường ống xả nước thải đi kèm máy nhuộm (Kích thước D75) đấu nối thẳng xuống hệ thống rãnh thu gom bằng bê tông kích thước 500x500mm bố trí dọc 2 nhà xưởng có nắp đậy kín trên bề mặt rãnh nhằm tránh phát sinh hơi, mùi hóa chất nhuộm ra ngoài không khí.

Toàn bộ lượng nước thải sản xuất trên của nhà máy được chảy về hệ thống XLNT sơ bộ của Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam với công suất 2000m^3/ngày đêm.



Hình 3. 3. Sơ đồ công nghệ xử lý trạm xử lý nước nước thải tập trung 2000m^3/ngày đêm của Công ty Lee Hing

Hiện nay, theo thống kê của Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam, lượng nước thải phát sinh trong năm 2021 lớn nhất khoảng 33.000 m^3/tháng tương đương khoảng 1100m^3/ngày. Lượng nước thải phát sinh được thu gom về trạm xử lý chiếm khoảng 55% công suất thiết kế. Như vậy, hệ thống XLNT sơ bộ của Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam đáp ứng được nhu cầu thu gom và xử lý nước thải phát sinh từ dự án.

Do lượng nước thải sản xuất phát sinh bằng 100% lượng nước sử dụng, do đó cơ sở thực hiện kiểm soát lưu lượng nước thải thông qua đồng hồ cấp nước đầu vào cho dự án.

b. Nước thải sinh hoạt

Lượng nước thải sinh hoạt lớn nhất là 5,6 m^3/ngày đêm. Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam đã có hệ thống 07 bể tự hoại 3 ngăn, tổng dung tích 61,5m^3 để xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt phát sinh. Nước thải sinh hoạt phát sinh từ 2 nhà xưởng của dự án được thu gom, xử lý sơ bộ qua 02 bể tự hoại 3 ngăn, mỗi bể có dung tích là 10m^3 sau đó đấu nối ra hệ thống thu gom nước thải của Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam.

Hiện nay, Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam hoạt động khoảng 60% công

suất thiết kế, lượng nước sinh hoạt phát sinh lớn nhất hiện nay khoảng 35m^3/ngày đêm. Vì vậy, hệ thống xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt hiện tại của Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam vẫn còn khả năng tiếp nhận và xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn vận hành của dự án. Ngoài ra, theo kết quả quan trắc định kỳ hàng năm của cơ sở thì nồng độ của tất cả các thông số trong nước thải sau xử lý trước khi đấu nối ra hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp trong tất cả các đợt quan trắc đều đạt tiêu chuẩn của KCN Dệt may Phố Nối B chứng tỏ HTXLNT của cơ sở hoạt động ổn định và hiệu quả.

3.2.2.2. Nước mưa

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa của dự án đã có sẵn và đang hoạt động tốt. Thực tế, tại dự án chưa từng xảy ra hiện tượng ngập úng do tắc nghẽn hệ thống thu gom, thoát nước mưa. Như vậy, khi dự án đi vào hoạt động chính thức thì Chủ đầu tư sẽ yêu cầu Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam tiếp tục thực hiện các biện pháp thu gom nước mưa đang áp dụng, định kỳ nạo vét các hố ga tránh tình trạng tắc nghẽn đường thoát nước để đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa tại dự án hoạt động hiệu quả.

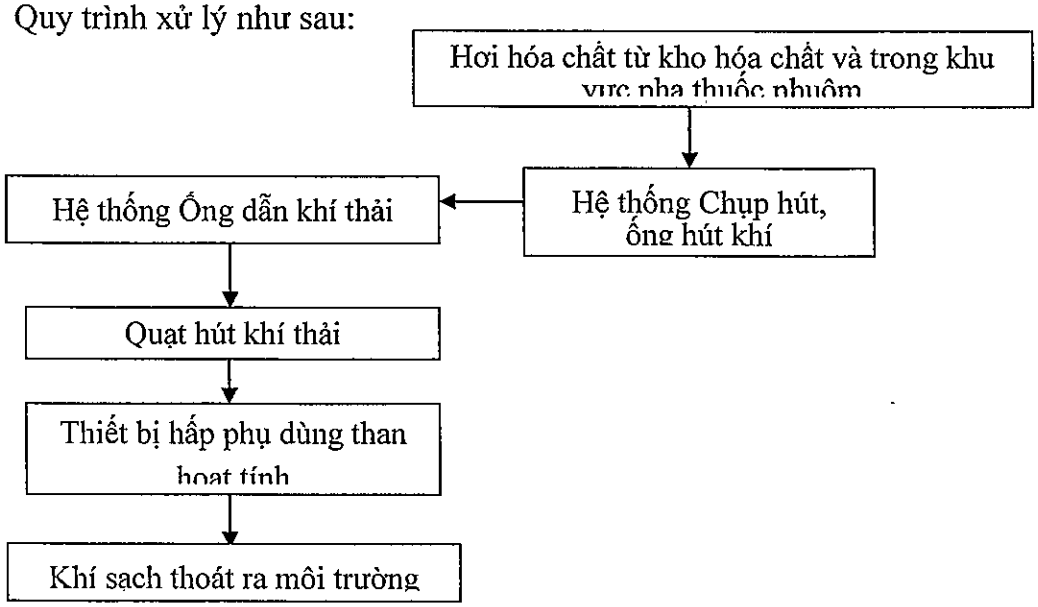
3.2.2.3. Bụi, khí thải

a. Biện pháp giảm thiểu bụi trong quá trình sản xuất

❖ ***Mùi, hơi hóa chất nhuộm tại kho hóa chất và trong quá trình pha thuốc nhuộm***

Để giảm thiểu tác động của hơi hóa chất phát sinh từ kho hóa chất nhuộm và khu vực pha thuốc nhuộm tới môi trường và người lao động, Chủ dự án sẽ lắp đặt 01 hệ thống thu gom, xử lý hơi hóa chất phát sinh. Dự án lắp đặt hệ thống chụp hút, ống hút và quạt hút công suất lớn để hút toàn bộ khí thải phát sinh từ các vị trí về thiết bị hấp phụ dùng than hoạt tính để hấp phụ toàn bộ khí độc hại phát sinh.

Quy trình xử lý như sau:



Hình 3. 4. Sơ đồ thu gom và xử lý hơi mùi hóa chất từ khu vực kho hóa chất và khu vực pha thuốc nhuộm

* Thuyết minh: Hơi hóa chất có thể phát sinh từ quá trình nhập, xuất tại kho hóa chất và trong quá trình pha thuốc nhuộm tại buồng pha thuốc nhuộm được quạt hút, hút lại qua chụp hút, sau đó theo đường ống dẫn khí ra bên ngoài nhà xưởng và đi vào thiết bị hấp phụ dùng than hoạt tính nhờ quạt hút ly tâm. Khí thải sau khi đến buồng chứa khí của tháp hấp phụ, sẽ được đẩy lên tầng hấp phụ than hoạt tính nhờ lực đẩy của quạt.

Tại tháp hấp phụ, không khí mang theo hơi hóa chất đi qua 03 lớp than hoạt tính, hơi hóa chất sẽ được giữ lại, không khí sạch được thoát ra ngoài môi trường qua ống thoát khí của thiết bị xử lý. Than hoạt tính là 1 dạng sản phẩm vật chất (than) được đốt bởi lò đốt đặc biệt ở nhiệt độ cao trong môi trường yếm khí. Sau đó than được hoạt hóa theo công nghệ riêng nhằm đem đến chất lượng họ mong muốn. Than hoạt tính có bề mặt riêng rất lớn có thể đạt tới 1.500 - 2.500 m^2/g. Thành phần của than hoạt tính bao gồm: C (85-90%), Oxi (6-7%), S (1%), Nito (0,5%), Hidro (0,5%). Do cấu trúc xốp rỗng và xung quanh mạng tinh thể của than hoạt tính có một lực hút rất mạnh, do đó than hoạt tính có khả năng hấp phụ khác thường đối với các chất có gốc hữu cơ.

* Thông số các thiết bị chính:

- Các chụp hút: dự án lắp đặt chụp hút tại kho hóa chất, khu vực buồng cân và pha thuốc nhuộm, công nhân sẽ chủ động bật quạt hút khi có hoạt động sản xuất khi có hơi hóa chất nhuộm thoát ra thì sẽ được hút vào hệ thống xử lý;

+ Chụp hút làm từ tôn mạ kẽm, dày 1,1mm; chụp hút dạng phễu với kích thước 1200x1200mm.

- Hệ thống ống dẫn khí: khí thải từ chụp hút theo ống dẫn nhánh vào ống dẫn chính đến thiết bị hấp phụ. Ống dẫn nhánh tại từng khu vực theo tính toán trên. Với ống dẫn chính có kích thước từ 250 – 400 mm tùy từng vị trí. Ống dẫn khí làm bằng vật liệu tôn mạ kẽm, dày 0,6mm

- Quat hút li tâm: 01 cái, công suất P = 7,5kw; Lưu lượng: 1.500-1.780 m^3/h.

+ Buồng pha thuốc nhuộm cần hút khí thải có thể tích V = 3m x 2m x 2,5m = $15m^3$

+ Kho hóa chất cần hút khí thải có thể tích V = $20m^3$

Tổng lượng khí thải cần hút: T = X x V = 50 x 35 = 1750 (m^3/h) (Trong đó X là bội số trao đổi, đối với nhà máy, công xưởng bội số từ 40-60 lần/h). Như vậy, lưu lượng quạt hút khí thải đáp ứng hút toàn bộ mùi, khí thải phát sinh.

- Ống thoát khí: được lắp đặt trên mái của nhà xưởng F (phía ngoài nhà xưởng), nguyên vật liệu là inox 304. Trên ống thoát khí thải sau xử lý có 01 vị trí lấy mẫu được thiết kế đảm bảo đúng quy định tại Thông tư 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

- Than hoạt tính: cơ sở dự kiến sử dụng phin lọc carbon độ dày khoảng 10mm. Để đảm bảo hiệu quả xử lý của hệ thống thì định kỳ 06 tháng/lần chủ dự án sẽ tiến hành

thay thế lớp màng lọc bằng than hoạt tính và vận chuyển về khu lưu giữ chất thải nguy hại để lưu giữ tạm thời chờ vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

Vị trí lắp đặt ống khói xả được thống nhất với đơn vị cho thuê nhà xưởng.

* Hiệu quả xử lý của hệ thống: Với việc lắp đặt hệ thống thu gom, xử lý khí thải trên đảm bảo thu gom, xử lý khí thải, hơi hóa chất phát sinh từ quá trình pha thuốc nhuộm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 20/2009/BTNMT và QCVN 19/2009/BTNMT (cột B) trước khi được phóng không ra môi trường.

Hệ thống thu gom, xử lý vận hành có hiệu quả, đảm bảo điều kiện làm việc cho công nhân cũng như quy định về bảo vệ môi trường.

Đồng thời công ty cũng sẽ tiến hành áp dụng các biện pháp thông thoáng nhà xưởng để không khí luôn được lưu thông, tạo môi trường làm việc thoáng đãng cho cán bộ công nhân viên.

b. Biện pháp giảm thiểu tác động từ hoạt động của hệ thống điều hòa nhiệt độ

- Hệ thống điều hòa nhiệt độ được lắp đặt tại vị trí hợp lý theo thiết kế của đơn vị tư vấn đảm bảo không phát tán nhiệt dư gây ô nhiễm nhiệt cục bộ.

- Vận hành đúng quy trình, bảo dưỡng định kỳ các thiết bị của hệ thống điều hoà tránh gây rò rỉ chất tải lạnh (khí gas).

- Lắp đặt, vận hành hệ thống thông gió đảm bảo không khí thường xuyên được lưu thông, hạn chế ô nhiễm không khí.

3.2.2.4. Chất thải rắn

a. Chất thải rắn sinh hoạt

Như tính toán ở trên, khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh là 162,5 kg/ngày. Tuy nhiên, công nhân viên không ăn uống, sinh hoạt tại nhà xưởng nên rác thải sinh hoạt phát sinh của công nhân viên sẽ ít hơn. Rác thải của dự án được thu gom tạm thời về 03 thùng đựng dung tích 120l đặt phía cuối xưởng F.

Cơ sở đã ký hợp đồng số 2022/01/LT-HA/HĐXL-PL với Công ty Cổ phần Hòa Anh để thu gom, vận chuyển xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường, rác thải sinh hoạt và thu mua phế liệu tái chế phát sinh tại dự án.

b. CTR sản xuất thông thường

Rác thải sản xuất thông thường được thu gom bố trí lưu giữ tạm thời tại 1 vị trí riêng trong kho chứa chất thải công nghiệp thông thường diện tích 24m^2 của Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam. Cơ sở đã ký hợp đồng số 2022/01/LT-HA/HĐXL-PL với Công ty Cổ phần Hòa Anh để thu gom, vận chuyển xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường, rác thải sinh hoạt và thu mua phế liệu tái chế phát sinh tại dự án.

3.2.2.4. Chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại được thu gom bố trí lưu giữ tạm thời tại 1 ví trí riêng trong kho chứa chất thải nguy hại diện tích 30m^2 của Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam. Kho chứa chất thải nguy hại có nền cứng, mái che, tường bao, rãnh và hố chống tràn đổ, dán nhãn, biển cảnh báo theo đúng quy định

Cơ sở đã ký hợp đồng số 2022/01/LT-HA/HĐXL-PL với Công ty Cổ phần Hòa Anh để thu gom, vận chuyển xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường, rác thải sinh hoạt và thu mua phế liệu tái chế phát sinh tại dự án.

3.2.2.5. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động không liên quan đến chất thải

a. Các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Cân chỉnh và bảo dưỡng các chi tiết truyền động của máy móc thiết bị;

- Phân bố các nguồn gây ồn ra các khu vực riêng biệt một cách hợp lý;

- Trang bị nút tai cho công nhân phải làm việc ở khu vực thường xuyên tiếp xúc với độ ồn cao, đây là biện pháp vừa hiệu quả, vừa kinh tế, vừa dễ thực hiện;

- Có kế hoạch kiểm tra thường xuyên và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân;

- Bố trí luân phiên nhóm công nhân làm việc tại khu vực có mức ồn cao;

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng cáo máy móc thiết bị. Tránh tập trung hoạt động các máy móc phát sinh độ ồn lớn.

b. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm nhiệt

Để hạn chế ảnh hưởng của nhiệt độ cũng như để đảm bảo tốt môi trường cho công nhân làm việc, chủ đầu tư đã áp dụng một số biện pháp sau:

- Nhà xưởng được xây dựng thông thoáng;

- Các khu vực trong nhà máy được trang bị hệ thống điều hòa nhiệt độ, hệ thống quạt thông gió, quạt công nghiệp kiểm soát nhiệt trong môi trường làm việc và lắp đặt hệ thống quạt hút, hệ thống xử lý khí thải.

- Trang bị các trang thiết bị bảo hộ lao động như: găng tay, khẩu trang cho cán bộ công nhân trong các trường hợp cần thiết.

- Các thiết máy sấy, hấp được bảo ôn và nằm trong khu vực kín nhằm tránh thất thoát nhiệt thừa ra ngoài môi trường.

- Các thiết bị phát thải nhiệt thường xuyên được kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế, tăng cường bảo ôn nhằm kiểm soát nhiệt.

3.2.2.6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó rủi ro, sự cố

a. Phòng ngừa, ứng phố sự cố cháy nổ

Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam đã thi công lắp đặt hoàn thiện hệ thống phòng cháy chữa cháy và được Phòng cảnh sát PCCC & CNCH Công an tỉnh Hưng Yên kiểm tra, thẩm duyệt nghiệm thu PCCC tại văn bản số 41/NT-PC07 ngày 30/11/2018.

Chủ dự án giữ nguyên hệ thống PCCC tại 2 nhà xưởng bao gồm hệ thống đầu phun chữa cháy tự động spirnkler, đầu báo cháy nhiệt, đầu báo cháy khói quang, hệ thống chuông đèn, nút ấn báo cháy.

Ngoài ra, Chủ dự án sẽ bố trí thêm các phương tiện chữa cháy cầm tay, hệ thống đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn,...

Trong giai đoạn hoạt động, chủ đầu tư sẽ thường xuyên giám sát yêu cầu Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam kiểm tra mức độ tin cậy của các thiết bị an toàn (báo cháy, chữa cháy,...) và có các biện pháp bổ sung, thay thế kịp thời.

- Khi xảy ra sự cố, ưu tiên con người được đặt lên hàng đầu, mọi người di chuyển tới cửa thoát hiểm, đồng thời hệ thống báo cháy bật và hệ thống PCCC được sử dụng.

- Hàng năm, tại công ty định kỳ kiểm tra hoạt động của các thiết bị PCCC, định kỳ tổ chức diễn tập PCCC để phòng ngừa và ứng phó các sự cố có khả năng xảy ra. Trong thời gian tới, Chủ dự án tiếp tục thực hiện các kế hoạch, biện pháp đề ra. Tuyên truyền, nâng cao ý thức của công nhân trong công tác PCCC.

b. Phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất

Trong quá trình lưu trữ, sử dụng hóa chất, chủ dự án đã và đang áp dụng các biện pháp sau:

- Lưu trữ số lượng hóa chất đủ dùng.

- Bảo quản nguyên nhiên liệu trong các thiết bị chuyên dụng, các thùng chứa phải đảm bảo chất lượng, phải đậy kín, đặt nơi khô ráo, thông thoáng.

- Lưu trữ các thiết bị chứa hóa chất tại kho riêng, thông thoáng, tránh tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng mặt trời và có biển báo ghi đầy đủ thông tin;

- Trong khu vực kho chứa hóa chất, treo biển báo không được hút thuốc, không mang bật lửa, diêm quẹt, các dụng cụ phát ra lửa;

- Tuân thủ các yêu cầu về đảm bảo an toàn hóa chất của Nhà nước, bảo vệ môi trường phòng chống tràn hóa chất trong quá trình bảo quản, tồn chứa, vận hành và sử dụng;

- Sử dụng đúng kỹ thuật và tuân thủ các quy tắc an toàn trong sản xuất đối với từng chủng loại nguyên nhiên liệu;

- Nhân viên sử dụng hóa chất phải được huấn luyện các thao tác làm việc đúng yêu cầu kỹ thuật, khi sử dụng hóa chất phải trang bị quần áo, đồ bảo hộ lao động.

- Vận chuyển bình chứa, thùng chứa đúng cách (di chuyển bình ở tư thế đứng, không lăn tròn, hạn chế rung động mạnh), tuyệt đối không được dùng bình chứa, thùng chứa vào các mục đích khác;

- Thường xuyên kiểm tra định kỳ bình chứa và kho chứa.

- Tuân thủ và thực hiện tốt công tác phòng chống cháy nổ;

- Tổ chức nhân sự cho kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố.

- Lập nội quy, thường xuyên tuyên truyền, hướng dẫn công nhân làm việc trong quá trình lưu trữ và sử dụng hóa chất.

Dự án đã xây dựng và bố trí kho hóa chất theo quy định của Nghị định 113/NĐ-CP ngày 09/10/2017 Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất. Các hóa chất trong kho được bố trí trên giá, kệ theo các khu riêng trong đó các hóa chất có tính phản ứng với nhau được bố trí theo phân khu riêng. Trong kho bố trí các dụng cụ chống tràn hóa, trang thiết bị PCCC chất theo quy định. Ngay phía cửa ra vào, cơ sở đã bố trí bảng nội quy về an toàn hóa chất.

Các nhân viên làm ở những bộ phận liên quan đến hóa chất đều được tập huấn về an toàn hóa chất và phòng ngừa, ứng phó sự cố trong quá trình sử dụng, lưu giữ hóa chất. Ngoài kho lưu giữ hóa chất, thì các khu vực sản xuất có sử dụng hóa chất đều có hướng dẫn ứng phó sự cố hóa chất dán ở vị trí dễ quan sát.

Bảng 3. 16. Trang thiết bị, phương tiện ứng phó sự cố hóa chất

STT	Mô tả	Đơn vị	Số lượng	Tình trạng thiết bị	Ghi chú (Vị trí, quy cách)
A	**Hệ thống thiết bị chữa cháy**				
1	Bình chữa cháy xe đẩy MFZT35	cái	01	Mới 100%	Bố trí theo TCVN 3890:2009
2	Bình CO_2	cái	15	Mới 100%	Bố trí theo TCVN 3890:2009
3	Bình bột MFZL4	cái	10	Mới 100%	Bố trí theo TCVN 3890:2009
4	Xẻng xúc cát	cái	2	Mới 100%	Bố trí theo TCVN 3890:2009
5	Bình chữa cháy tự động ABC loại 6kg	cái	04	Mới 100%	Bố trí theo TCVN 3890:2009
B	**Thiết bị sơ cấp cứu**				
1	Tủ sơ cứu	cái	2	Mới 100%	Bố trí tại các xưởng sản xuất
C	**Vật tư bảo vệ cá nhân**				
1	Găng tay cao su dài	đôi	100	Mới 100%	Bộ phận kho, các phân xưởng
2	Kính trắng	cái	100	Mới 100%	Trong toàn bộ nhà xưởng
3	Giẻ lau	Cái	100	Mới 100%	Bộ phận kho hóa chất
4	Găng tay sợi	đôi	200	Mới 100%	Bộ phận làm sạch
5	Khẩu trang vải KT5	cái	500	Mới 100%	Toàn bộ các bộ phận SX

STT	Mô tả	Đơn vị	Số lượng	Tình trạng thiết bị	Ghi chú (Vị trí, quy cách)
6	Mặt nạ phòng độc GM – 76DS	cái	5	Mới 100%	Bộ phận kho hóa chất
7	Tạp dề	cái	13	Mới 100%	Bộ phận pha thuốc nhuộm
8	Ủng chống hóa chất	đôi	10	Mới 100%	Bộ phận kho hóa chất
9	Bộ quần áo chống hóa chất	Bộ	5	Mới 100%	Bộ phận kho hoá chất

c. Biện pháp phòng ngừa sự cố hệ thống thu gom nước thải

Để giảm thiểu sự cố hệ thống thu gom, xử lý nước thải phát sinh tại dự án, Công ty đã áp dụng các biện pháp giảm thiểu sau:

- Thường xuyên kiểm tra sự hoạt động của máy móc thiết bị và các rãnh thu gom nước thải

- Kiểm tra, nhắc nhở, giáo dục ý thức làm việc của nhân viên tại hệ thống khống chế ô nhiễm để kịp thời phát hiện và ứng phó khi sự cố xảy ra;

- Thường xuyên kiểm tra đường ống dẫn nước thải, hạn chế sự cố rò rỉ hoặc chảy tràn nước thải do vỡ đường ống;

d. Biện pháp giảm thiểu tai nạn lao động

Trong quá trình hoạt động, Công ty sẽ tiếp tục thực hiện các biện pháp sau đây để phòng ngừa sự cố tai nạn lao động:

- Xây dựng chi tiết các bảng nội quy về an toàn lao động, nội quy phòng cháy chữa cháy, phòng chống độc hại hóa chất cho từng khâu và từng công đoạn sản xuất cũng như trong khu vực nhà kho, phòng thí nghiệm. Tuyên truyền, huấn luyện cho công nhân nhằm phổ biến chế độ, chính sách, tiêu chuẩn, quy phạm về an toàn lao động;

- Nhà xưởng phải được thiết kế đảm bảo đúng kỹ thuật, thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về đăng ký, kiểm định máy, thiết bị, vật tư, các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động theo quy định. Không đưa các thiết bị vào vận hành khi chưa được kiểm định hoặc quá thời hạn kiểm định;

- Trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân như: quần áo, giày, khẩu trang, bao tay, kính,...;

- Bảo trì, tu sửa máy móc thiết bị vào những ngày nghỉ hàng tuần. Kiểm tra định kỳ các phương tiện vận chuyển và tuân thủ nghiêm ngặt các quy định trong vận chuyển;

- Thường xuyên kiểm tra, thay thế các bóng đèn hỏng để đảm bảo ánh sáng. Công nhân được hướng dẫn đầy đủ các biện pháp an toàn trong sử dụng điện, máy móc thiết bị;

- Các máy móc thiết bị được sắp xếp gọn gàng, trật tự và có khoảng cách an toàn cho công nhân khi có sự cố cháy nổ xảy ra. Trên các máy móc, thiết bị có nội quy vận hành sử dụng an toàn.

- Trang bị các trang thiết bị và dụng cụ và thuốc men cần thiết để kịp thời ứng cứu sơ bộ trước khi chuyển nạn nhân đến bệnh viện;

- Lên kế hoạch ứng cứu sự cố trong đó xác định những vị trí có khả năng xảy ra sự cố, bố trí nhân sự và trang thiết bị thông tin để đảm bảo thông tin khi có xảy ra sự cố;

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn tổ chức các buổi huấn luyện về thao tác ứng cứu khẩn cấp, thực hành cấp cứu, sử dụng thành thạo các phương tiện thông tin, địa chỉ liên lạc khi có sự cố;

- Người lao động (kể cả học nghề) trước khi vào làm việc phải được khám sức khoẻ; chủ dự án phải căn cứ vào sức khoẻ của người lao động để bố trí việc làm và nghề nghiệp cho phù hợp với sức khỏe của người lao động;

- Có kế hoạch khám sức khỏe định kỳ cho công nhân viên ít nhất 1 lần/năm, việc khám sức khỏe được các đơn vị chuyên môn thực hiện và tuân thủ theo quy định.

3.3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

3.3.1. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án và Kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường, thiết bị xử lý chất thải, thiết bị quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục.

Biện pháp, công trình bảo vệ môi trường tại dự án:

	Giai đoạn thi công	Giai đoạn vận hành
Đối với môi trường nước	- Nước thải sinh hoạt công nhân: Sử dụng nhà vệ sinh hiện có của nhà máy. Nước thải được thu gom về 02 bể tự hoại (10m^3/bể) để xử lý sơ bộ trước khi chảy vào hệ thống thu gom nước thải của KCN - Nước mưa: Sử dụng hệ thống thu gom và thoát nước mưa chảy tràn hiện có đã xây dựng ngầm bằng hệ thống cống, rãnh bê tông dạng xương cá có chiều rộng D300-D600. Trên dọc hệ thống thu gom có song chắn rác, hố ga để lắng cặn, chất bẩn trước khi chảy vào hệ thống thoát	- Nước thải sinh hoạt công nhân: Sử dụng nhà vệ sinh hiện có của nhà máy. Nước thải được thu gom về 02 bể tự hoại (10m^3/bể) để xử lý sơ bộ trước khi chảy vào hệ thống thu gom nước thải của KCN - Nước thải sản xuất: theo đường ống xả nước thải đi kèm máy nhuộm (Kích thước D75) đấu nối thẳng xuống hệ thống rãnh thu gom bằng bê tông kích thước 500x500mm bố trí dọc 2 nhà xưởng có nắp đậy kín sau đó được chảy về hệ thống XLNT sơ bộ của Công ty TNHH Dệt may Lee Hing

	Giai đoạn thi công	Giai đoạn vận hành
	nước mưa chung của KCN Dệt may Phố Nối B.	Việt Nam với công suất 2000m^3/ngày đêm. - Nước mưa: Sử dụng hệ thống thu gom và thoát nước mưa chảy tràn hiện có đã xây dựng ngầm bằng hệ thống cống, rãnh bê tông dạng xương cá có chiều rộng D300-D600. Trên dọc hệ thống thu gom có song chắn rác, hố ga để lắng cặn, chất bẩn trước khi chảy vào hệ thống thoát nước mưa chung của KCN Dệt may Phố Nối B.
Môi trường không khí	- Bố trí giờ thi công hợp lý; - Quản lý chặt chẽ phương tiện ra vào dự án; - Giám sát chặt chẽ việc sử dụng máy móc thi công	- Hệ thống quạt thông gió nhà xưởng - Lắp đặt hệ thống thu gom, xử lý mùi, khí thải bằng phương pháp hấp phụ qua than hoạt tính từ khu vực pha thuốc nhuộm, kho thuốc nhuộm.
Chất thải rắn	Thu gom rác vào thùng chứa riêng biệt, lưu giữ tại khu tập kết rác thải có và thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, xử lý	- Chất thải rắn sinh hoạt tập kết về thùng chứa 120l tại kho lưu giữ CTR thông thường phía cuối nhà xưởng F, tần suất thu gom 1-2 ngày/lần. - Chất thải công nghiệp thông thường được thu gom lưu giữ tạm thời tại 1 khu vực riêng nằm trong Kho chứa CT công nghiệp thông thường của Công ty TNHH Dệt may Lee Hing diện tích 24 m^2. - Chất thải nguy hại được thu gom bố trí lưu giữ tạm thời tại 1 khu vực riêng trong kho chứa chất thải nguy hại diện tích 30m^2 của Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam. - Cơ sở đã ký hợp đồng số 2022/01/LT-HA/HĐXL-PL với Công ty Cổ phần Hòa Anh để thu

	Giai đoạn thi công	Giai đoạn vận hành
		gom, vận chuyển xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường, rác thải sinh hoạt và thu mua phế liệu tái chế phát sinh tại dự án.

3.3.2. Tóm tắt dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

Bảng 3. 17. Kinh phí vận hành các công trình BVMT

TT	Nội dung	Đơn vị	Kinh phí
I	**Giai đoạn thi công cải tạo**		
1	Mua thùng đựng rác thải	VNĐ	2.000.000đ
II	**Giai đoạn vận hành**		
1	Kinh phí thuê đơn vị xử lý CTR sinh hoạt, CTRSX thông thường, CTNH	VNĐ/Tháng	10.000.000
2	Lắp đặt hệ thống thu gom, xử lý khí thải bằng than hoạt tính	VNĐ	50.000.000
3	Kinh phí bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải	VNĐ/Tháng	500.000
4	Kinh phí đấu nối, xử lý nước thải	VNĐ/Tháng	1.000.000
5	Kinh phí giám sát môi trường định kỳ	VNĐ/Qúy	12.000.000

3.3.3. Tổ chức, bộ máy quản lý vận hành các công trình bảo vệ môi trường

3.3.3.1. Giai đoạn thi công lắp đặt máy móc, thiết bị

Trong giai đoạn lắp đặt máy móc của Công ty trong thời gian thực hiện khoảng 1 tháng, thời gian tiến hành lắp đặt ngắn. Tuy nhiên, Công ty sẽ bố trí người giám sát lắp đặt để hạn chế tác động cũng như việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động tới môi trường trong giai đoạn này.

Nhân viên chuyên trách sẽ theo dõi và giám sát trực tiếp trong suốt quá trình lắp đặt thiết bị, máy móc để đảm bảo rằng những biện pháp giảm thiểu và các yêu cầu giám sát được nêu trong kế hoạch QLMT sẽ được thực hiện trên thực tế.

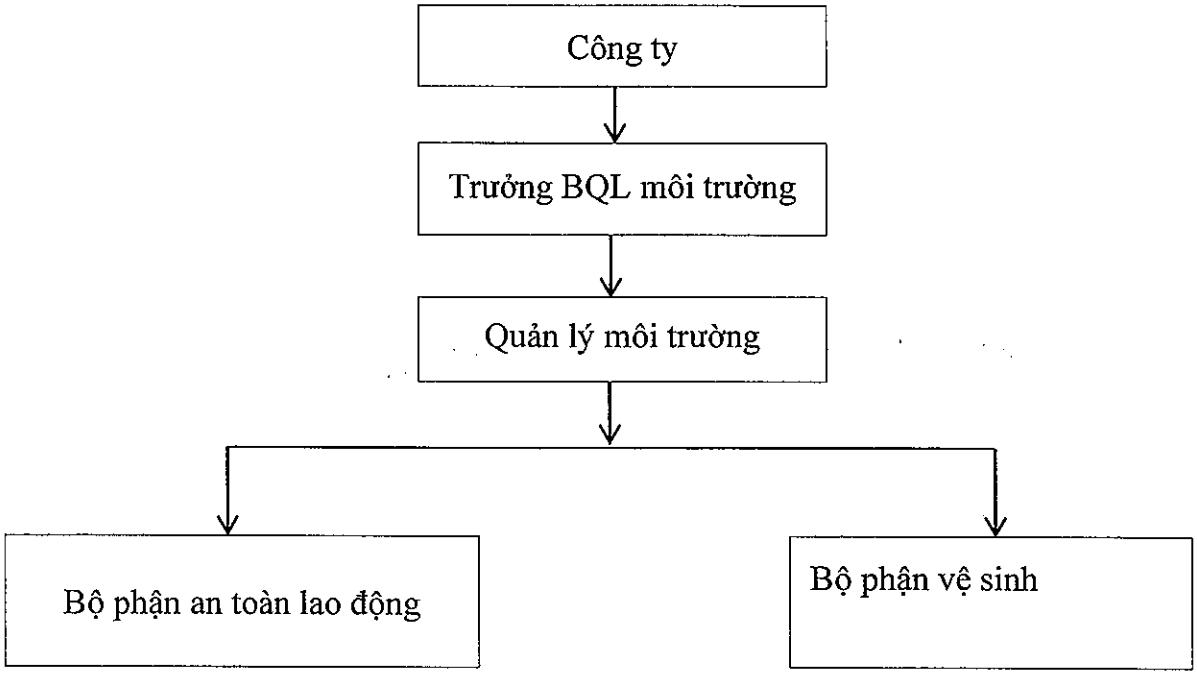
3.3.3.2. Giai đoạn vận hành

Công ty sẽ bố trí Ban quản lý môi trường và an toàn lao động với 02 cán bộ phụ trách quản lý các vấn đề môi trường chung của toàn công ty. Ngoài ra, Công ty luôn đảm bảo cho việc quản lý và thực hiện công tác bảo vệ môi trường không tách rời công việc sản xuất. Chỉ đạo cấp Phòng ban thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường. Các cấp ban chịu trách nhiệm quản lý và hướng dẫn thực hiện bảo vệ môi trường trong các Phòng ban của mình và có trách nhiệm phối hợp đồng bộ theo sự chỉ đạo của cấp Công ty. Cấp phòng của từng xưởng là cấp chịu trách nhiệm thực hiện việc bảo vệ môi trường cụ thể của từng khu vực của công ty. Chịu sự chỉ đạo trực tiếp của cấp Phòng

ban thực hiện các nhiệm vụ quản lý như thu gom chất thải, xử lý chất thải, phòng chống cháy nổ, sự cố rủi ro, an toàn lao động, đo kiểm môi trường,... Phản ánh tình hình diễn biến trong công tác bảo vệ môi trường với cấp trên.

Thành lập Đội Vệ sinh môi trường với các chức năng, nhiệm vụ như sau:

- Quét dọn, vệ sinh, thu gom rác thải từ khu vực nhà ở và văn phòng đổ vào nơi quy định của khu nhà xưởng.



Hình 3.15. Sơ đồ tổ chức quản lý môi trường giai đoạn hoạt động

3.4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo

Đánh giá độ tin cậy của phương pháp sử dụng được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 3. 18. Đánh giá độ tin cậy của phương pháp sử dụng

STT	Phương pháp thực hiện ĐTM	Mức độ tin cậy	Nguyên nhân
1	Phương pháp liệt kê số liệu	Cao	Các số liệu được liệt kê lấy từ các tài liệu đáng tin cậy đã được chủ đầu tư phê duyệt
2	Phương pháp đánh giá nhanh	Trung bình	Dựa vào hệ số ô nhiễm do WHO thiết lập nên chưa thực sự phù hợp với điều kiện Việt Nam.
3	Phương pháp khảo sát, thu thập, tổng hợp tài liệu	Cao	Dựa vào số liệu thống kê chính thức của địa phương.
4	Phương pháp đo đạc tại hiện trường và phân	Cao	- Thiết bị lấy mẫu, phân tích mới, hiện đại, đình kỳ được hiệu chuẩn;

STT	Phương pháp thực hiện ĐTM	Mức độ tin cậy	Nguyên nhân
	tích trong phòng thí nghiệm		- Phương pháp lấy mẫu, phân tích theo tiêu chuẩn hiện hành - Đơn vị quan trắc, phân tích môi trường được Bộ Tài nguyên và Môi trường chứng nhận đủ điều kiện hoạt động trong lĩnh vực quan trắc môi trường
5	Phương pháp so sánh	Cao	Nồng độ các chất phát thải được so sánh với quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam hiện hành
6	Phương pháp chuyên gia	Cao	Các nội dung của dự án, các tác động và các biện pháp giảm thiểu của dự án được sự góp ý các chuyên gia, nhà khoa học có trình độ chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm.

Nhìn chung, các phương pháp trên đã sử dụng để đánh giá tác động đến môi trường Dự án. Những phương pháp này đã được giới thiệu trong các nghiên cứu, hướng dẫn về đánh giá tác động môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Vì vậy, mức độ tin cậy là khá cao.

Chương 4. PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯƠNG

Dự án không phải là dự án khai thác khoáng sản nên không phải thực hiện nội dung chương này

Chương 5. CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

5.1. Chương trình quản lý môi trường

Mục tiêu của kế hoạch quản lý môi trường cho các dự án là cung cấp các hướng dẫn để dự án có thể được đảm bảo về mặt môi trường. Kế hoạch quản lý môi trường tuân thủ theo pháp luật hiện hành về môi trường của Việt Nam. Chương trình quản lý môi trường của dự án được thực hiện theo bảng sau:

Bảng 5. 1. Chương trình quản lý môi trường của dự án

Giai đoạn	Các hoạt động của dự án	Các tác động Môi trường	Các công trình, biện pháp BVMT	Kinh phí thực hiện các công trình biện pháp BVMT	Thời gian thực hiện và hoàn thành	Trách nhiệm tổ chức thực hiện, giám sát
Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, lắp đặt thêm máy móc thiết bị	Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị	Bụi, khí thải	- Sử dụng phương tiện và nhiên liệu đạt tiêu chuẩn - Vận chuyển máy móc thiết bị phải có bạt che phủ	-	Trong suốt quá trình lắp đặt thêm máy móc thiết bị	Chủ dự án, đơn vị vận chuyển
	Lắp đặt máy móc, thiết bị	- Môi trường không khí	- Tất cả máy móc, thiết bị và sẽ được bảo dưỡng thường xuyên để giảm thiểu sự phát sinh bụi và khí thải.		Trong suốt quá trình lắp đặt thêm máy móc thiết bị	Chủ dự án

Giai đoạn	Các hoạt động của dự án	Các tác động Môi trường	Các công trình, biện pháp BVMT	Kinh phí thực hiện các công trình biện pháp BVMT	Thời gian thực hiện và hoàn thành	Trách nhiệm tổ chức thực hiện, giám sát
		- Chất thải rắn - An toàn, sức khỏe người lao động	- Dọn mặt bằng sau mỗi ngày làm việc. - Trang bị đồ bảo hộ lao động cho công nhân - Chất thải rắn thông thường bao gồm: bao bì, nilon, thùng carton,... Chủ dự án sẽ mua 3 thùng đựng rác loại 120l đặt tại khu phụ trợ gần WC cuối nhà xưởng F của dự án để thu gom rác thải thông thường - CTNH bao gồm: giẻ lau dính dầu, dầu mỡ thải, găng tay dính dầu,... sẽ được thu gom lưu chứa tại kho CTNH của Công ty Lee Hing. Chủ dự án đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải thông thường và nguy hại với đơn vị có chức năng	2.000.000đ		
Giai đoạn Vận hành	Hoạt động sản xuất	Khí thải	- Hệ thống thông thoáng nhà xưởng;	1.000.000đ/tháng	Đã hoàn thành xây dựng	Chủ dự án

Giai đoạn	Các hoạt động của dự án	Các tác động Môi trường	Các công trình, biện pháp BVMT	Kinh phí thực hiện các công trình biện pháp BVMT	Thời gian thực hiện và hoàn thành	Trách nhiệm tổ chức thực hiện, giám sát
thử nghiệm máy móc mới và vận hành thương mại			- Lắp đặt hệ thống thu gom, xử lý khí thải bằng than hoạt tính	50.000.000 đ	Qúy 1 năm 2022	Chủ dự án
			- Bảo dưỡng và thay than hoạt tính cho hệ thống thu gom, xử lý khí thải bằng than hoạt tính	500.000 đ/tháng	Trong quá tình vận hành	Chủ dự án
		Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại	- Phân loại, thu gom vào vị trí riêng bố trí trong kho của Công ty Lee Hing sau đó bàn giao cho đơn vị có chức năng để thu gom và vận chuyển - Ký hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển CTNH đi xử lý	9.000.000đ/tháng	Kho chứa của Công ty Lee Hing Đã hoàn thành xây dựng, Chủ dự án sẽ duy trì hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý trong suốt quá trình vận hành	Chủ dự án
	Hoạt động của công nhân	Rác thải sinh hoạt	- Bố trí thùng rác 120l tại cuối nhà xưởng F để thu gom tạm thời sau đó chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý	1.000.000đ/tháng	Duy trì hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý	Chủ dự án

Giai đoạn	Các hoạt động của dự án	Các tác động Môi trường	Các công trình, biện pháp BVMT	Kinh phí thực hiện các công trình biện pháp BVMT	Thời gian thực hiện và hoàn thành	Trách nhiệm tổ chức thực hiện, giám sát
		Nước thải	- NTSH, NTSX: nước thải sinh hoạt và sản xuất của dự án phát sinh đấu nối ra hệ thống thu gom nước thải của Công ty Lee Hing để xử lý sơ bộ sau đó đấu nối ra hệ thống thoát nước thải của KCN - Hệ thống thu gom và thoát nước mưa chảy tràn	1.000.000đ/tháng	Đã hoàn thành xây dựng hệ thống thu gom, đấu nối nước thải. Duy trì đóng phí xử lý nước thải	Chủ dự án

5.2. Chương trình giám sát môi trường

5.2.1. Giám sát môi trường trong quá trình lắp đặt thêm máy móc, thiết bị

- Các hạng mục công trình của dự án được giữ nguyên, không tiến hành thi công xây dựng, chỉ tiến hành lắp đặt vách ngăn và lắp đặt thêm máy móc thiết bị, vận hành thử nghiệm máy móc để đưa vào vận hành trong thời gian ngắn (khoảng 20 ngày) nên trong giai đoạn này Công ty đề nghị không giám sát chất lượng môi trường không khí và nước thải.

- Giám sát chất thải rắn:

+ Tần suất giám sát: hằng ngày

+ Vị trí giám sát: các điểm phát sinh chất thải và khu vực lưu giữ tạm thời chất thải

5.2.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành thử nghiệm

Thực hiện quan trắc đối với công trình xử lý mùi, khí thải theo quy định tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

5.2.3. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành thương mại

Khi dự án đi vào vận hành, nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt của dự án được thu gom và đấu nối ra hệ thống thu gom và xử lý nước thải sơ bộ của Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam. Nước thải của dự án được Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam cam kết xử lý theo Thỏa thuận cho thuê nhà xưởng số 01/2021-HĐTNX ngày 21/6/2021. Nước thải của dự án sau khi thu gom, xử lý sơ bộ và thoát cùng nước thải của Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam sẽ được đưa về trạm xử lý nước thải của Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối B công suất 10.000 m^3/ngđ. Do vậy, Chủ dự án đề nghị không giám sát chất lượng môi trường nước trong giai đoạn vận hành. Chủ dự án sẽ tiến hành giám sát môi trường không khí khi dự án đi vào hoạt động:

Bảng 5. 2. Kế hoạch quan trắc môi trường giai đoạn vận hành

Nội dung giám sát	Địa điểm giám sát	Thông số giám sát	Tần suất giám sát	Quy chuẩn so sánh
Khí thải	KT: Khí thải sau xử lý tại hệ thống xử lý hơi mùi hóa chất trước khi thải ra môi trường	Lưu lượng, bụi tổng, HCl, hơi H_2SO_4, acetaldehyt, ecthyl acetat, Cyclohexan	03 tháng/lần	QCVN 19:2009/BTNMT-quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 20:2009/BTNMT – quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
Không khí môi trường làm việc	- KLV1: Không khí giữa xưởng G , gần máy hấp định hình - KLV2: Không khí xưởng F	Nhiệt độ, Tiếng ồn, độ rung, bụi bông, CO_2, SO_2, NO2	03 tháng/lần	QCVN 26:2016/BYT – quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu; QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 27:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung – giá trị cho phép tại nơi làm việc

Nội dung giám sát	Địa điểm giám sát	Thông số giám sát	Tần suất giám sát	Quy chuẩn so sánh
				QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc QCVN 03: 2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc

- Giám sát chất thải rắn:

+ Tần suất giám sát: hằng ngày và Khi bàn giao chất thải đi xử lý

+ Vị trí giám sát: các điểm phát sinh chất thải và khu vực lưu giữ tạm thời chất thải

Chương 6. THAM VẤN CỘNG ĐỒNG

6.1. Tham vấn cộng đồng

Theo mục a, khoản 3 Điều 21 Luật bảo vệ Môi trường 2014 đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 5 Điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018. Các dự án không phải thực hiện tham vấn gồm: Phù hợp với quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường cho giai đoạn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung.

Dự án nằm trong KCN Dệt may Phố Nối B, nơi thực hiện dự án tại nhà xưởng của Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam (được UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án Lee Hing Textile Việt Nam tại quyết định số 2219/QĐ-UBND ngày 07/8/2017 và phê duyệt thay đổi nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án tại văn bản số 2846/UBND-KT2 ngày 13/11/2019 và được xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường tại giấy xác nhận số 2845/GXN-UBND ngày 13/11/2019). Dự án phù hợp với quy hoạch cũng như quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của KCN và Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam. Do vậy, dự án không phải thực hiện tham vấn cộng đồng.

6.2. Tham vấn chuyên gia, nhà khoa học

6.2.1. Tóm tắt về quá trình tổ chức thực hiện tham vấn chuyên gia, nhà khoa học

Do dự án thuộc mục số 5 nhóm I Phụ lục IIa, mục 1 của Nghị định 40/NĐ-CP ngày 13/5/2019 nên trong quá trình lập báo cáo ĐTM của dự án cần tiến hành họp tham vấn, lấy ý kiến của các chuyên gia, nhà khoa học có chuyên môn. Thực hiện đúng quy định, Công ty TNHH quốc tế Lệ Tinh phối hợp với Công ty TNHH Xây dựng & Công nghệ môi trường Thăng Long (đơn vị tư vấn) đã tổ chức cuộc họp xin ý kiến của các chuyên gia, nhà khoa học để hoàn thiện nội dung báo cáo.

- Thời gian: 25/11/2021
- Địa điểm: phòng họp Công ty TNHH quốc tế Lệ Tinh
- Thành phần cuộc họp bao gồm:

Bảng 6. 1. Danh sách đại biểu tham dự cuộc họp

STT	Họ và tên	Chức vụ
I	**CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ LỆ TINH**	
1	Đàm Thị Dung	Giám đốc
II	**Công ty TNHH Xây dựng & công nghệ môi trường Thăng Long**	
1	Đoàn Quang Dũng	Trưởng phòng tư vấn

2	Nguyễn Thị Thủy	Nhân viên
III	**Chuyên gia, nhà khoa học**	
1	TS. Dương Ngọc Bách	Giảng viên Trường Đại học khoa học tự nhiên – Đại học Quốc gia Hà Nội
2	TS. Phạm Anh Hùng	Giảng viên Trường Đại học khoa học tự nhiên – Đại học Quốc gia Hà Nội
3	TS. Phạm Thị Thu Hà	Giảng viên Trường Đại học khoa học tự nhiên – Đại học Quốc gia Hà Nội

6.2.2. Kết quả tham vấn

Tại cuộc họp, sau khi nghe đơn vị tư vấn trình bày tóm tắt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của "Dự án nhuộm hàng may mặc" các chuyên gia đã nhận xét, góp ý liên quan đến nội dung báo cáo.

Chủ dự án xin chân thành cảm ơn và xin tiếp thu các ý kiến đóng góp của các chuyên gia, nhà khoa học. Chủ đầu tư cam kết phối hợp với đơn vị tư vấn chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và cam kết tuân thủ các quy định về pháp luật BVMT trong suốt quá trình thi công và hoạt động dự án.

6.3. Tham vấn tổ chức chuyên môn về tính chuẩn xác của mô hình

Dự án không sử dụng mô hình do đó dự án không thuộc đối tượng phải tham vấn tổ chức chuyên môn về tính chuẩn xác của mô hình.

KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

1. Kết luận

Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án về cơ bản đã liệt kê, xác định và định lượng được hầu hết các nguồn thải và các sự cố, rủi ro có thể xảy ra trong quá trình thi công lắp đặt máy móc và vận hành dự án; từ đó đề xuất các giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động đến môi trường có tính thực tế và khả thi, đảm bảo xử lý các nguồn thải đạt tiêu chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường. Báo cáo đã xây dựng được chương trình quản lý và quan trắc môi trường phù hợp với từng giai đoạn của Dự án.

2. Kiến nghị

Trong quá trình triển khai Dự án, Công ty TNHH quốc tế Lệ Tinh kiến nghị các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương, tạo điều kiện để Dự án được triển khai theo đúng tiến độ đã đề ra.

3. Cam kết

Trong quá trình thực hiện dự án, Công ty TNHH quốc tế Lệ Tinh cam kết thực hiện nghiêm túc các vấn đề sau:

- Thực hiện các quy định sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

- Chủ dự án chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành dự án; tuân thủ nghiêm các quy định của KCN dệt may Phố Nối, UBND tỉnh Hưng Yên, các quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước Việt Nam.

- Bụi và khí thải phát sinh trong quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị phải có các biện pháp giảm thiểu, đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 05:2013/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

- Tiếng ồn và độ rung trong quá trình triển khai lắp đặt máy móc thiết bị và vận hành Dự án phải có biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 26:2010/BTNMT về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT về độ rung.

- Triển khai lắp đặt hệ thống thu gom, xử lý mùi, hơi hóa chất nhuộm phát sinh theo đúng quy định.

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình triển khai xây dựng vận hành Dự án phải được thu gom và xử lý theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

- Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình triển khai lắp đặt máy móc thiết bị và vận hành Dự án phải được phân loại, thu gom, lưu giữ, quản lý và xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình triển khai lắp đặt máy móc thiết bị và vận hành của Dự án được thu gom, đấu nối về xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sơ bộ của Công ty dệt may Lee Hing Việt Nam và đấu nối về Hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN

- Phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện các giải pháp kỹ thuật phù hợp nhằm ngăn chặn và giảm thiểu các sự cố ngập lụt, sụt lún phát sinh do việc xây dựng Dự án; lập phương án và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó các sự cố môi trường khác phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án; tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Thực hiện, áp dụng triệt để các biện pháp nhằm giảm thiểu những tác động tiêu cực, xử lý các nguồn thải phát sinh có khả năng gây ảnh hưởng đến đời sống nhân dân xung quanh khu vực Dự án trong quá trình vận hành Dự án.

- Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại Khoản 1 Điều 37 Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm (kỳ báo cáo tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12) được gửi tới UBND tỉnh Hưng Yên, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên để giám sát.

- Thực hiện đền bù những thiệt hại môi trường do dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo nguồn kinh phí đầu tư vận hành các công trình xử lý môi trường đã cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

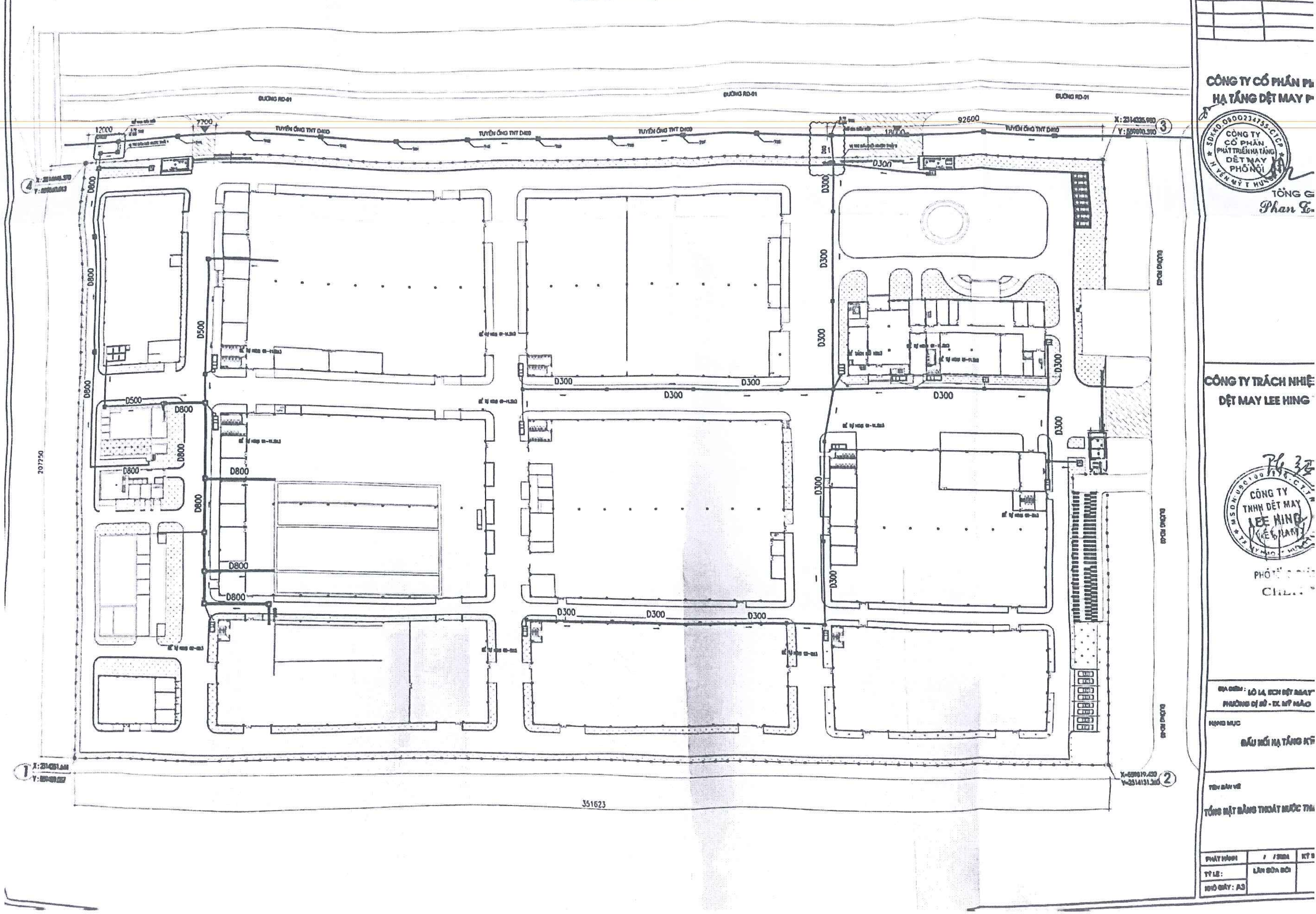
- Chịu hoàn toàn trách nhiệm trong việc xây dựng, thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và toàn bộ nội dung quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Trình, Đánh giá tác động môi trường - Phương pháp và ứng dụng, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội - 2000.
2. GS. TSKH. Phạm Ngọc Đăng, Môi trường không khí, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội - 2003.
3. GS. TS. Trần Ngọc Chấn, Ô nhiễm không khí và xử lý khí thải, Tập 1, 2, 3, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội – 2004.
4. Tài liệu đánh giá nhanh của WHO: WHO-Rapid source inventory, 1993.
5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2020 của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên.

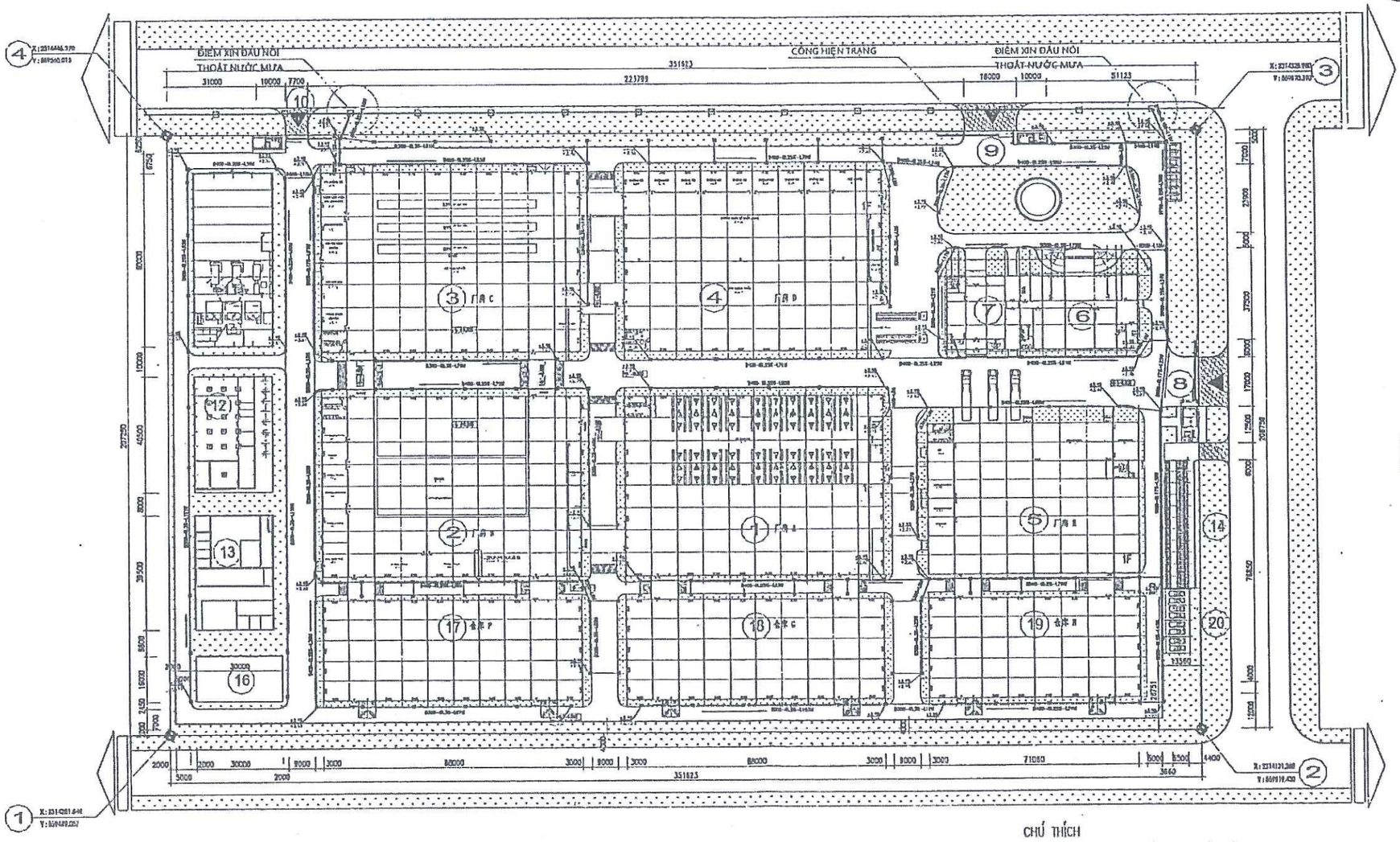
TỔNG MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI HIỆN TRẠNG VỀ NHÀ MÁY XLNT SỐ 1

CÔNG TY TNHH DỆT MAY LEE HING VIỆT NAM



Scanned with CamScanner

MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC MƯA



Mục đích phát hành - Issued for

Tham khảo	☐	Reference
Thiết kế sơ bộ	☒	Preliminary
Trình duyệt	☐	Your Approval
Thi công	☐	Construction
Hiệu chỉnh	☐	Revised
Hoàn công	☐	As-Built

Hiệu chỉnh - Revision

Ngày - Date	Nội dung - Content

Chấp thuận của Chủ đầu tư - Approval of the owner

CÔNG TY TNHH DỆT MAY LEE HING VIỆT NAM
利興紡織（越南）有限公司

LEE HING TEXTILE

GIÁM ĐỐC DỰ ÁN	
ĐẶNG HẢN BÌNH	
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ	
LIANG CHIA-HUA	

Đơn vị tư vấn - Consultant

CÔNG TY THIẾT KẾ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI GIZA VIỆT NAM
GIZA VIET NAM DESIGN AND CONSTRUCTION TRADING JOINT STOCK COMPANY

Phó tổng Giám đốc - Deputy general director	
NGÔ HỮU HOÀNG	
Chủ trì - Presided by	
KS. NGUYỄN VĂN THUẬN	
Thiết kế - Design by	
KS. HOÀNG NGỌC NAM	
Kiểm - Check by	
KS. NGUYỄN VĂN THUẬN	

Tên dự án - Project name

NHÀ MÁY LEE HING TEXTILE VIỆT NAM
利興（越南）纺织

Tên bản vẽ - Drawing name

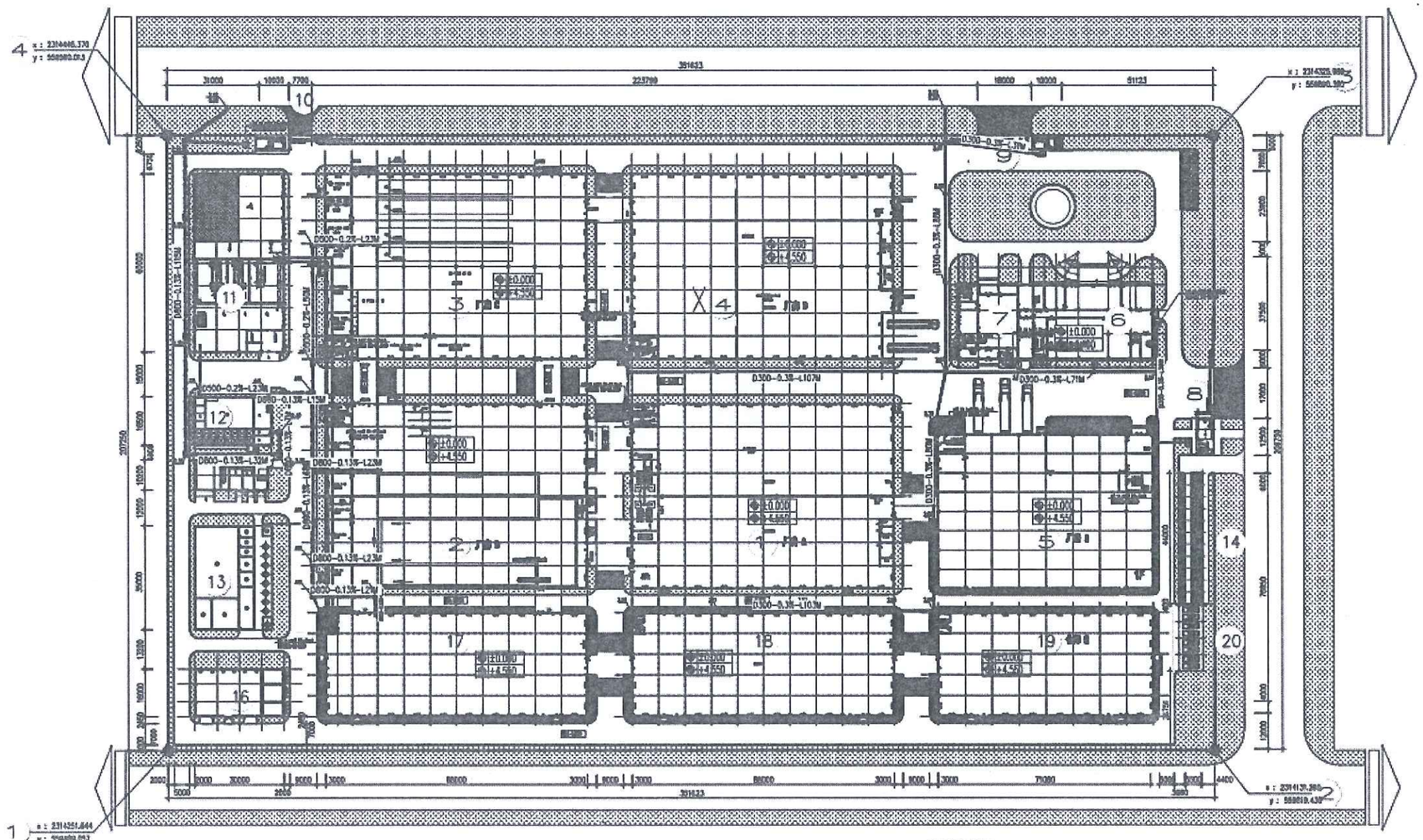
MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA

Hạng mục - Article

CẤP THOÁT NƯỚC

Tỉ lệ - Scale :		Số hiệu bản vẽ - Drawing No :
Ngày - Date :		CTN-01

MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC THẢI



CHÚ THÍCH
备注

——————— ỐNG UPVC CLASS 2 THOÁT NƯỚC THẢI SẢN XUẤT
生产废水排放UPVC CLASS 2管

——————— ỐNG UPVC CLASS 2 THOÁT NƯỚC THẢI SINH HOẠT
生活废水排放UPVC CLASS 2管

Mục đích phát hành - Issued for

Thẩm tra	☐	Reference	
Thiết kế sơ bộ	☐	Preliminary	
Trình Duyệt	☐	For Approval	
Thi Công	☐	Construction	
Hiệu Chỉnh	☐	Revised	
Hoàn Công	☐	As Built	

Hiệu chỉnh - Revision

Ngày - Date	Nội dung - Content

Chấp thuận của Chủ đầu tư - Approval of the owner

CÔNG TY TNHH DỆT MAY LEE HING VIỆT NAM
利兴纺织（越南）有限公司

LEE HING TEXTILE

GIÁM ĐỐC DỰ ÁN	
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ	
LIANG CHIUNG	

Tổng giám đốc
Deputy general director
NGÔ HỮU HOÀNG

Chủ trì - Provide by
KS. NGUYỄN VĂN THUẬN

Thiết kế - Design by
KS. HOÀNG DUỌC NAM

Kiểm - Check by
KS. NGUYỄN VĂN THUẬN

Tên dự án - Project name

NHÀ MÁY LEE HING TEXTILE VIỆT NAM
利兴（越南）纺织厂

Tên bản vẽ - Drawing name

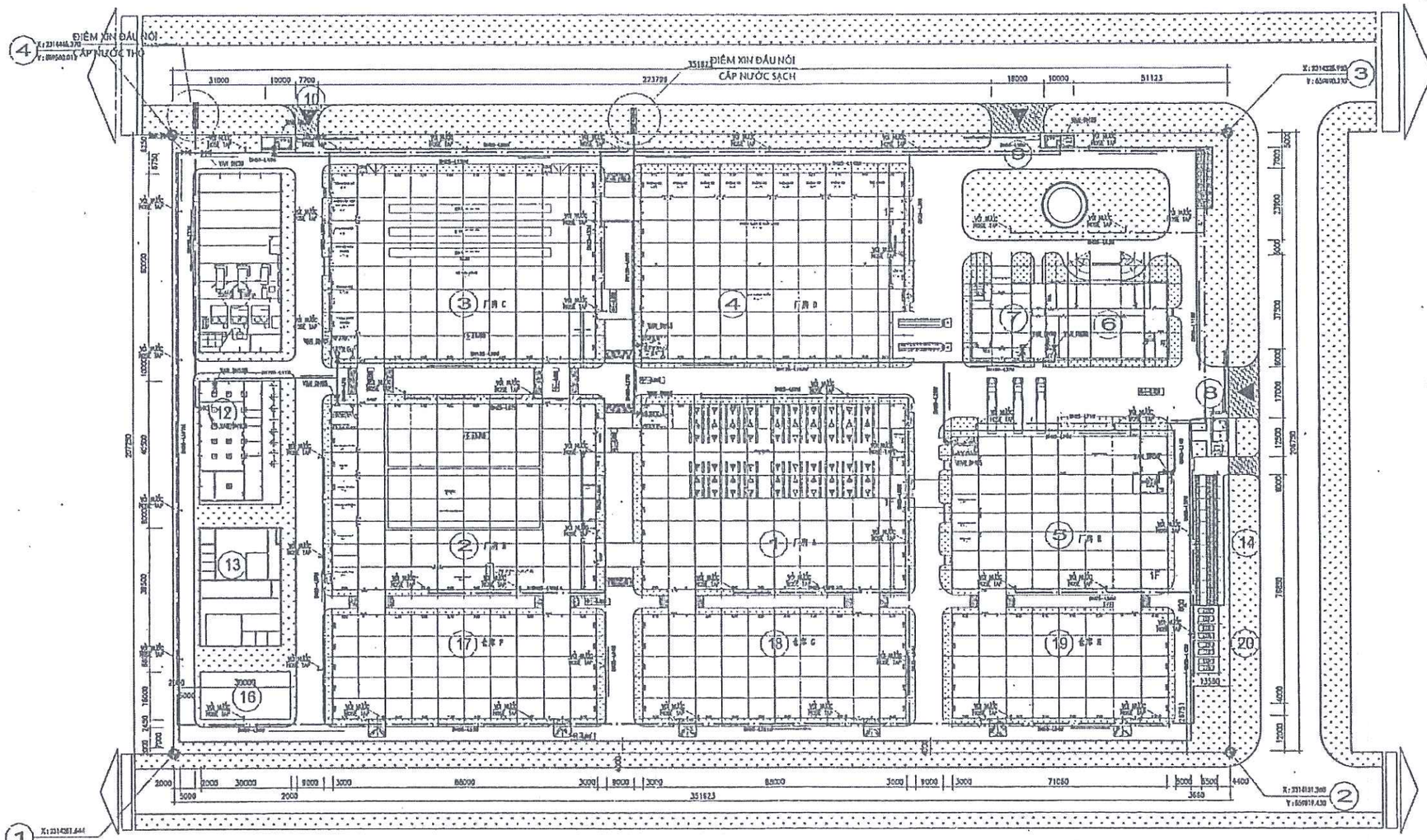
MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI

Hạng mục - Article

CẤP THOÁT NƯỚC

Tỷ lệ - Scale		Số hiệu bản vẽ - Drawing No.	CTN-02
Ngày - Date			

MẶT BẰNG TỔNG THỂ CẤP NƯỚC



Mục đích phát hành - Issued for

Thẩm tra	☐	Reference
Thiết kế cơ sở	☒	Preliminary
Chấp thuận	☐	Your Approval
Thi công	☐	Construction
Hiệu chỉnh	☐	Revised
Hoàn công	☐	As-Built

Hiệu chỉnh - Revision

Ngày - Date	Nội dung - Content

Chấp thuận của Chủ đầu tư - Approved of the owner

CÔNG TY TNHH DỆT KAY LEE HING VIỆT NAM
利興紡織（越南）有限公司

LEE HING TEXTILE

GIÁM ĐỐC DỰ ÁN 項目經理	
ĐIỀU HÀNH BIM 管理員	
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ 投資方代表人	
LÃNH ĐẠO VIỆN 院領導	
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC Deputy general director	NGÔ HỮU HOÀNG
CHỦ TRÌ - Prepared by	KS. NGUYỄN VĂN THUẬN
THIẾT KẾ - Design by	KS. HOÀNG NGỌC NAM
KIỂM - Check by	KS. NGUYỄN VĂN THUẬN

Tên dự án - Project name

NHÀ MÁY LEE HING TEXTILE VIỆT NAM
利興（越南）紡織廠

Tên bản vẽ - Drawing name

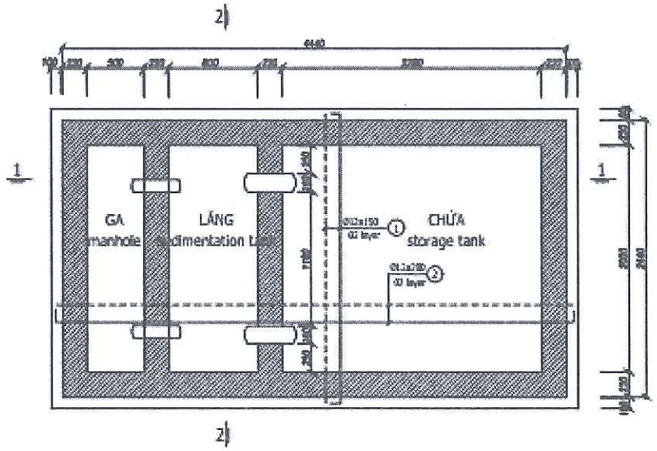
MẶT BẰNG CẤP NƯỚC

Hạng mục - Mục

CẤP THOÁT NƯỚC

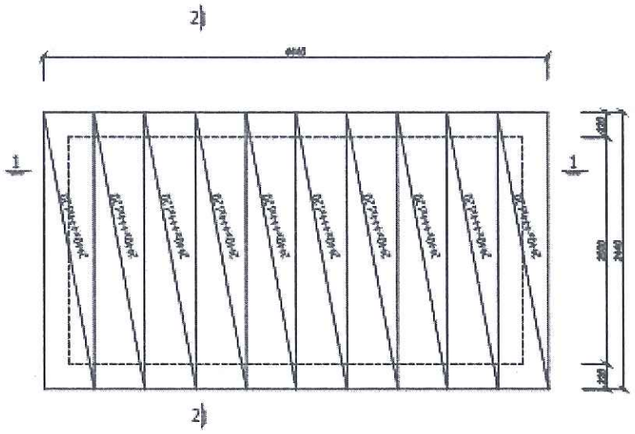
Tỉ lệ : Scale :		Số hiệu bản vẽ Drawing No :
Ngày : Date :		CTN-03

BỂ TỰ HOẠI



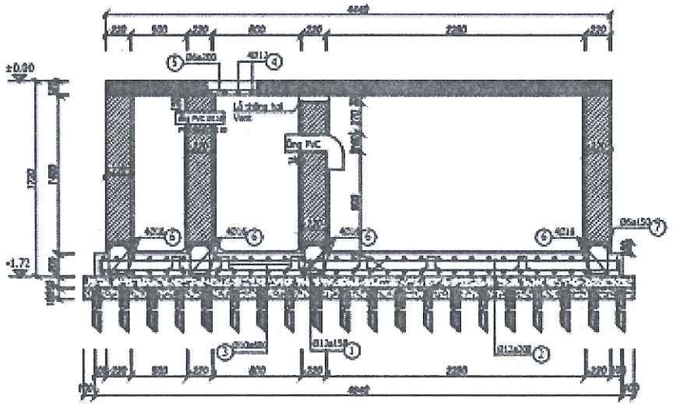
MẶT BẰNG KẾT CẤU BỂ PHỐT

Septick tank plan



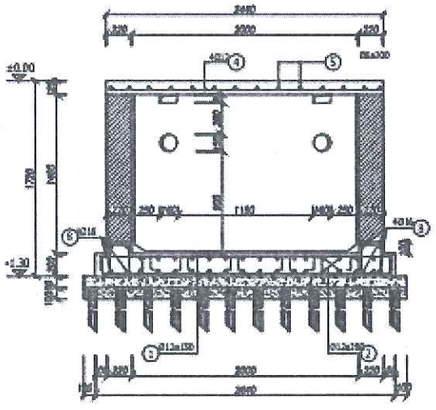
MẶT BẰNG ĐAN NẮP BỂ PHỐT

Septick cover plan



MẶT CẮT 1-1

Section 1-1



MẶT CẮT 2-2

Section 2-2

Mục đích phát hành - Issued for

Tham khảo	☐	Reference
Thiết kế sơ bộ	☒	Preliminary
Trình Duyệt	☐	For Approval
Thi Công	☐	Construction
Hiệu chỉnh	☐	Revised
Hoàn Công	☐	As-Built

Hiệu chỉnh - Revision

Ngày - Date	Nội dung - Content

Chấp thuận của Chủ đầu tư - Approval of the owner

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LEE HING VIỆT NAM
利興紡織（越南）有限公司

LEE HING TEXTILE

GIÁM ĐỐC DỰ ÁN	
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ	
LẮNG CHỨNG	

CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LEE HING VIỆT NAM

Phó tổng Giám đốc Deputy general director	
NGÔ HỮU HOÀNG	
Chủ trì - Provide by	
KS. NGUYỄN VĂN THUẬN	
Thiết kế - Design by	
KS. HOÀNG NGỌC NAM	
Kiểm - Check by	
KS. NGUYỄN VĂN THUẬN	

Tên dự án - Project name

NHÀ MÁY LEE HING TEXTILE VIỆT NAM
利兴（越南）纺织厂

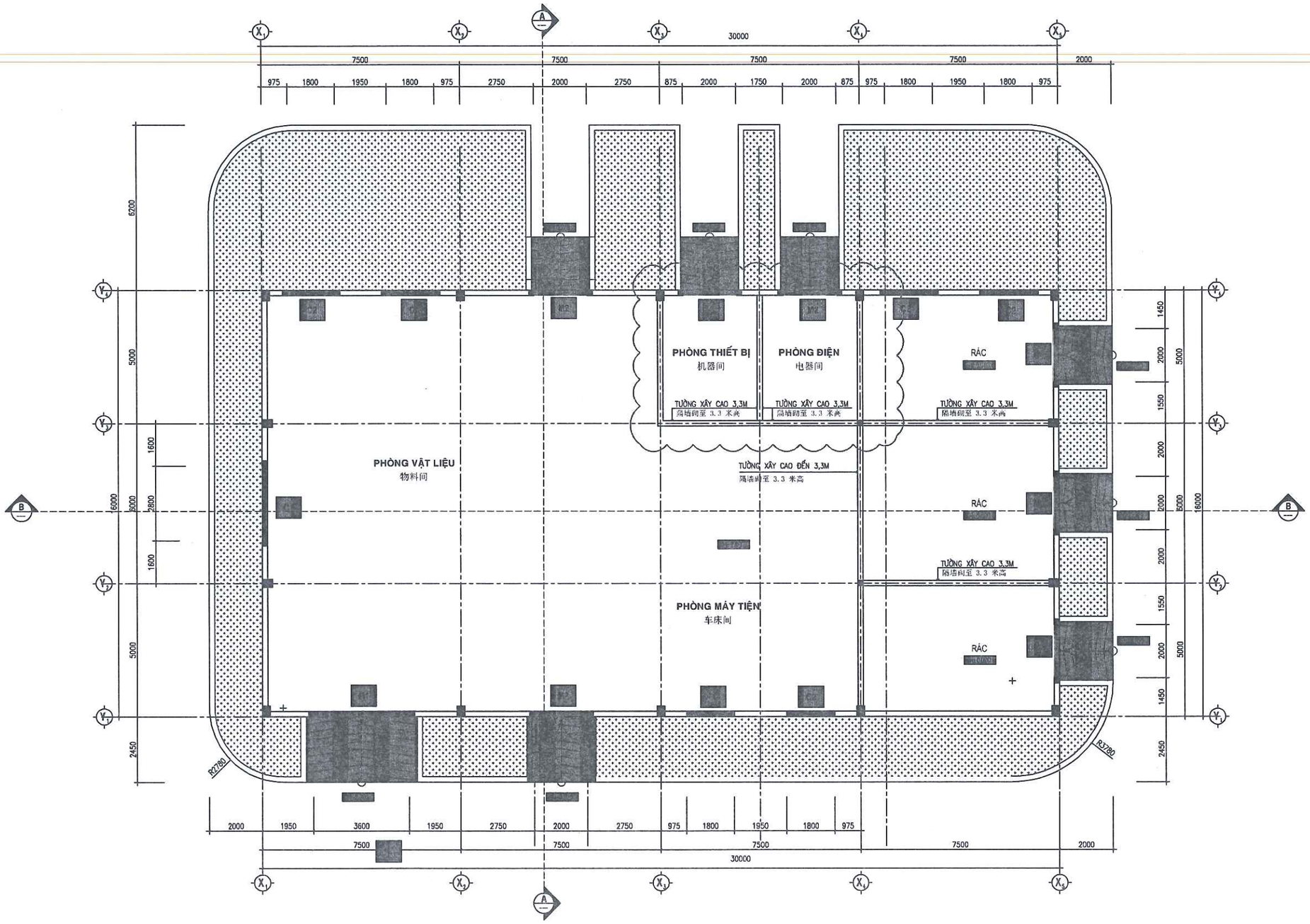
Tên bản vẽ - Drawing name

BỂ TỰ HOẠI

Hạng mục - Article

CẤP THOÁT NƯỚC

Tỷ lệ : Scale :		Số bản vẽ: Drawing No :	CTN-01
Ngày : Date			



MẶT BẰNG TẦNG 1
一层平面

Mục đích phát hành - Issued for

Tham Khảo	☐	Reference
Thiết kế Sơ Bộ	■	Preliminary
Trình Duyệt	☐	Your Approval
Thi Công	☐	Construction
Hiệu Chỉnh	☐	Revised
Hoàn Công	☐	As-Built

Hiệu chỉnh - Revision

Ngày - Date	Nội dung - Content

Chấp thuận của Chủ đầu tư - Approved of The Owner

CÔNG TY TNHH DỆT MAY LEE HING VIỆT NAM
LEE HING

GIÁM ĐỐC DỰ ÁN 项目经理	
DENG HAN BIN 邓汉斌	
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ 投资方代表人	
LIANG QIU LING 梁秋玲	

Tư vấn thiết kế - Design consultant:

GIZA
Dedicated & Devoted
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ & XÂY DỰNG GIZA VIỆT NAM
VIETNAM GIZA ENGINEERING AND CONSTRUCTION

Address : Tầng M - Nhà A - Tòa nhà Vilaccera
671 - Hoàng Hoa Thám - Hà Nội - Việt Nam
Tel : (84-4-04) 7500 999 - Fax : (84-4-04) 7501 001

Phó tổng Giám đốc Deputy general director	
NGÔ HỮU HOÀNG	
Chủ trì - Preside by	
KTS. HÀ ANH TUẤN	
Thiết kế - Design by	
KTS.KHỔNG MINH QUÂN	
Kiểm - Check by	
KTS. HÀ ANH TUẤN	

Tên dự án - Project name

NHÀ MÁY LEE HING TEXTILE VIỆT NAM
利兴（越南）纺织厂

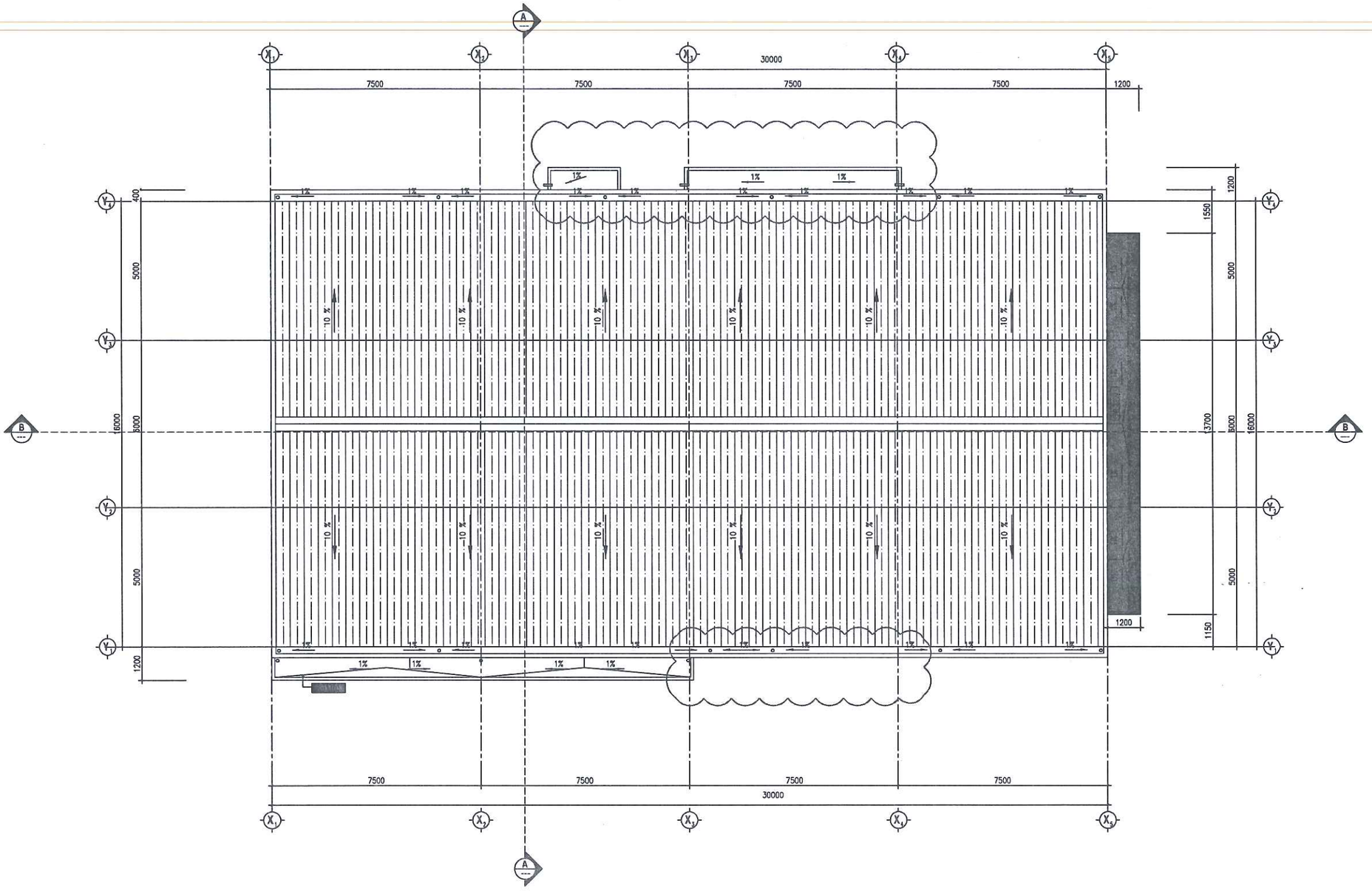
Tên bản vẽ - Drawing name

MẶT BẰNG TẦNG 1
一层平面

Hạng mục - Article

NHÀ CHỨA RÁC
废料仓库

Tỉ lệ : Scale :		Kí hiệu bản vẽ: Drawing No :
Ngày : Date :	22/01/2018	NR - 01



MẶT BẰNG MÁI
屋顶平面

Mục đích phát hành - Issued for		
Tham Khảo	☐	Reference
Thiết kế Sơ Bộ	■	Preliminary
Trình Duyệt:	☐	Your Approval
Thi Công	☐	Construction
Hiệu Chỉnh	☐	Revised
Hoàn Công	☐	As-Built

Hiệu chỉnh - Revision

Ngày - Date	Nội dung - Content

Chấp thuận của chủ đầu tư - Approved of the owner

CÔNG TY TNHH DỆT MAY LEE HING VIỆT NAM
利兴（越南）纺织厂
LEE HING

GIÁM ĐỐC DỰ ÁN 项目经理	
DENG HAN BIN 邓汉斌	
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ 投资方代表人	
LIANG QIU LING 梁秋玲	

Tư vấn thiết kế - Design consultant

GIZA
Declared & Devoted
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ & XÂY DỰNG GIZA VIỆT NAM
VIETNAM GIZA ENGINEERING AND CONSTRUCTION

Address : Tầng M - Nhà A - Tòa nhà Vigracera
671 - Hoàng Hoa Thám - Hà Nội - Việt Nam
Tel : (84-4-04) 7500 999 - Fax. (84-4-04) 7501 001

Phó tổng Giám đốc Deputy general director	
NGÔ HỮU HOÀNG	
Chủ trì - Preside by	
KTS. HÀ ANH TUẤN	
Thiết kế - Design by	
KTS.KHỔNG MINH QUÂN	
Kiểm - Check by	
KTS. HÀ ANH TUẤN	

Tên dự án - Project name

NHÀ MÁY LEE HING TEXTILE VIỆT NAM
利兴（越南）纺织厂

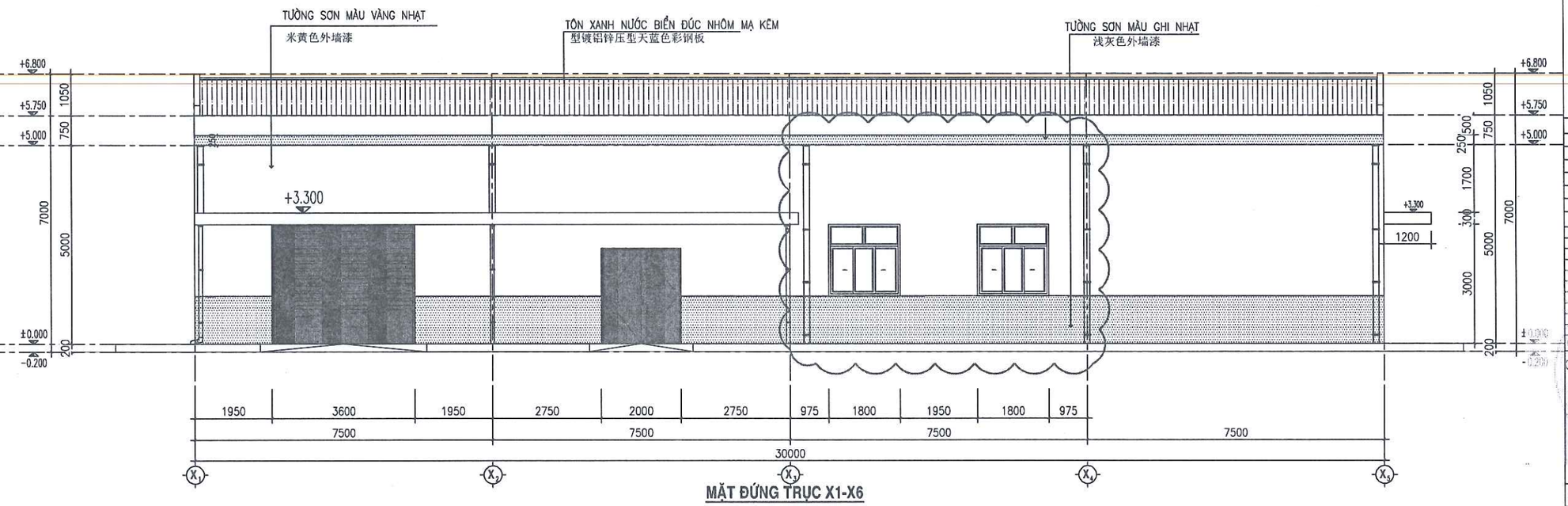
Tên bản vẽ - Drawing name

MẶT BẰNG TẦNG 1
一层平面

Hạng mục - Article

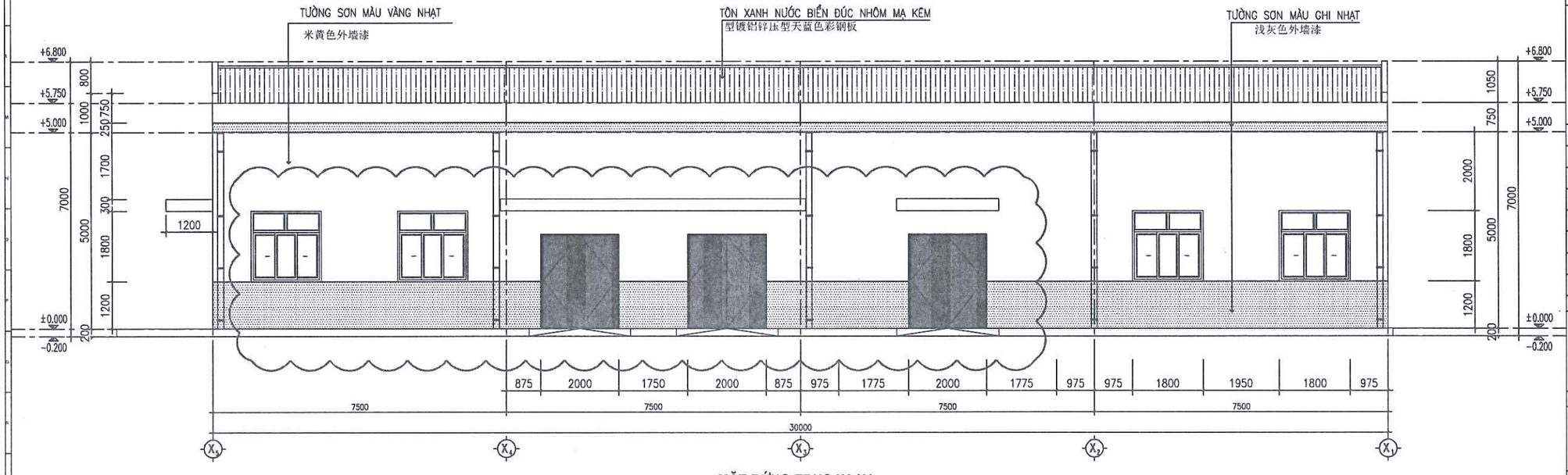
NHÀ CHỨA RÁC
废料仓库

Tỉ lệ : Scale :		Kí hiệu bản vẽ: Drawing No :	
Ngày : Date :	22/01/2018		NR - 01



MẶT ĐỨNG TRỤC X1-X6

X1-X6立面



MẶT ĐỨNG TRỤC X6-X1

X6-X1立面

Mục đích phát hành - Issued for

Tham Khảo	☐	Reference
Thiết kế Sơ Bộ	■	Preliminary
Trình Duyệt	☐	Your Approval
Thi Công	☐	Construction
Hiệu Chỉnh	☐	Revised
Hoàn Công	☐	As-Built

Hiệu chỉnh - Revision

Ngày - Date	Nội dung - Content

Phê duyệt của Chủ đầu tư - Approved of the Owner

CÔNG TY TNHH DỆT MAY LEE HING VIỆT NAM

LEE HING TEXTILE

GIÁM ĐỐC DỰ ÁN 项目经理	
DENG HAN BIN 邓汉彬	
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ 投资方代表人	
LIANG QIU LING 梁秋玲	

Tư vấn thiết kế - Design consultant

GIZA
Dedicated & Devoted
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ & XÂY DỰNG GIZA VIỆT NAM
VIETNAM GIZA ENGINEERING AND CONSTRUCTION

Address : Tầng M - Nhà A - Tòa nhà Vigracera
Số 1 - Hoàng Hoa Thám - Hà Nội - Việt Nam
Tel : (84-4-04) 7305 999 - Fax: (84-4-04) 7301 021

Phó tổng Giám đốc Deputy general director	
NGÔ HỮU HOÀNG	
Chủ trì - Preside by	
KTS. HÀ ANH TUẤN	
Thiết kế - Design by	
KTS.KHỔNG MINH QUÂN	
Kiểm - Check by	
KTS. HÀ ANH TUẤN	

Tên dự án - Project name

NHÀ MÁY LEE HING TEXTILE VIỆT NAM

利兴（越南）纺织厂

Tên bản vẽ - Drawing name

MẶT BẰNG TẦNG 1

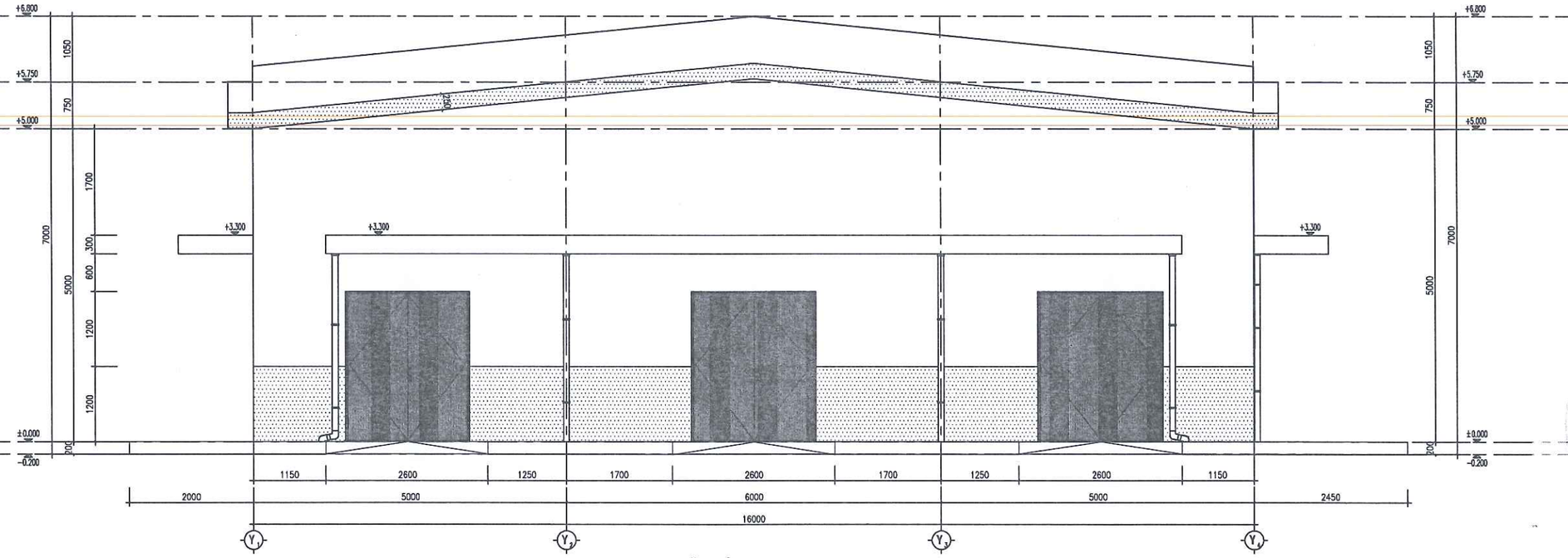
一层平面

Hạng mục - Article

NHÀ CHỨA RÁC

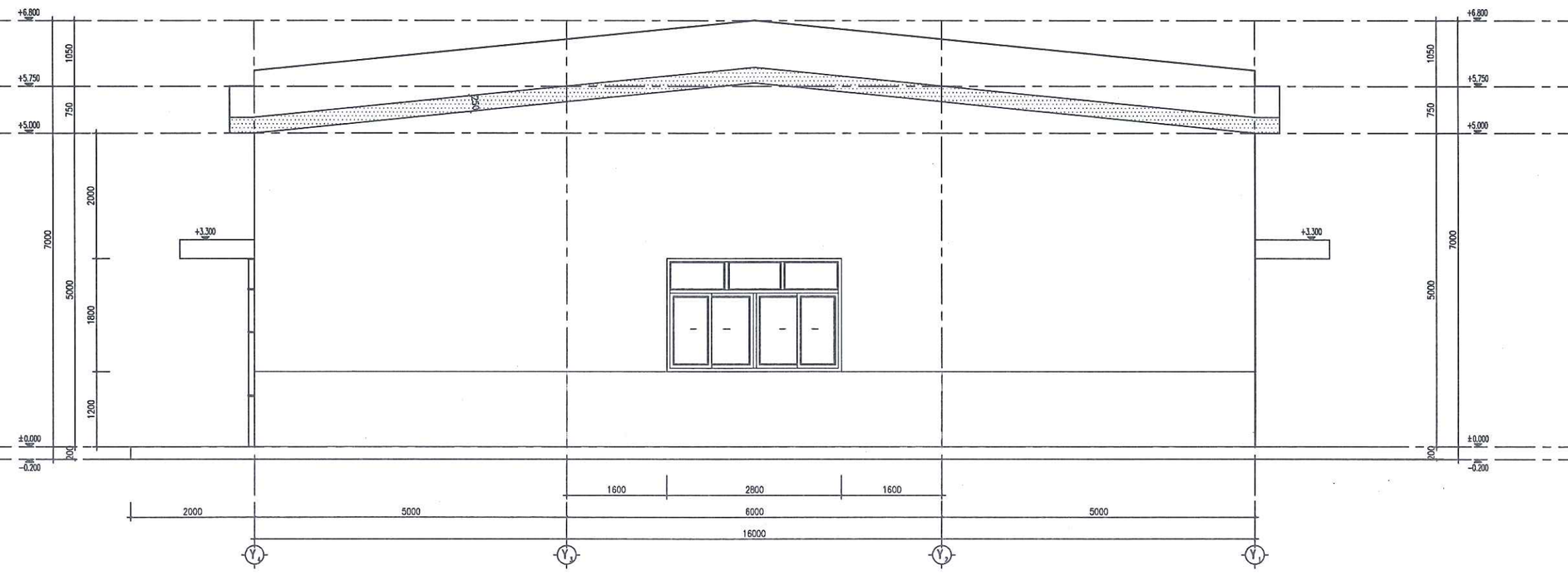
废料仓库

Tỉ lệ : Scale :		Kí hiệu bản vẽ: Drawing No :	
Ngày : Date :	22/01/2018		NR - 01



MẶT ĐỨNG TRỤC Y1-Y4

Y1-Y4立面



MẶT ĐỨNG TRỤC Y4-Y1

Y4-Y1立面

Mục đích phát hành - Issued for	
Tham Khảo	☐ Reference
Thiết kế Sơ Bộ	■ Preliminary
Trình Duyệt	☐ Your Approval
Thi Công	☐ Construction
Hiệu Chỉnh	☐ Revised
Hoàn Công	☐ As-Built

Hiệu chỉnh - Revision

Ngày - Date	Nội dung - Content

Chấp thuận của Chủ đầu tư - Approval of the owner

CÔNG TY TNHH DỆT MAY LEE HING VIỆT NAM

LEE HING TEXTILE

GIÁM ĐỐC DỰ ÁN 项目经理	
DENG HAN BIN 邓汉斌	
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ 投资方代表人	
LIANG QIU LING 梁秋玲	

Tư vấn thiết kế - Design consultant

GIZA
Dedicated & Devoted
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ & XÂY DỰNG GIZA VIỆT NAM
VIETNAM GIZA ENGINEERING AND CONSTRUCTION

Address : Tầng M - Nhà A - Tòa nhà Vigheora
371 - Hoàng Hoa Thám - Hà Nội - Việt Nam
Tel : (84-4-04) 7500 999 - Fax. (84-4-04) 7501 001

Phó tổng Giám đốc Deputy general director	
NGÔ HỮU HOÀNG	
Chủ trì - Preside by	
KTS. HÀ ANH TUẤN	
Thiết kế - Design by	
KTS.KHỔNG MINH QUÂN	
Kiểm - Check by	
KTS. HÀ ANH TUẤN	

Tên dự án - Project name

NHÀ MÁY LEE HING TEXTILE VIỆT NAM

利兴（越南）纺织厂

Tên bản vẽ - Drawing name

MẶT BẰNG TẦNG 1

一层平面

Hạng mục - Article

NHÀ CHỨA RÁC

废料仓库

Tỉ lệ : Scale :		Kí hiệu bản vẽ: Drawing No :
Ngày : Date :	22/01/2018	NR - 01

HỒ SƠ HOÀN CÔNG

Chủ đầu tư: CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ LỆ TINH

Địa chỉ: Lô đất số L4, KCN dệt may Phố Nối B, Phường Dị sử, Thị xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Nhà thầu: CÔNG TY TNHH THỰC NGHIỆP HỒNG QUÂN VIỆT NAM

Tên Bản vẽ: Bản vẽ hoàn công hệ thống xử lý khí thải của nhà máy Lệ Tinh

Chủ đầu tư xác nhận

CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ LỆ TINH

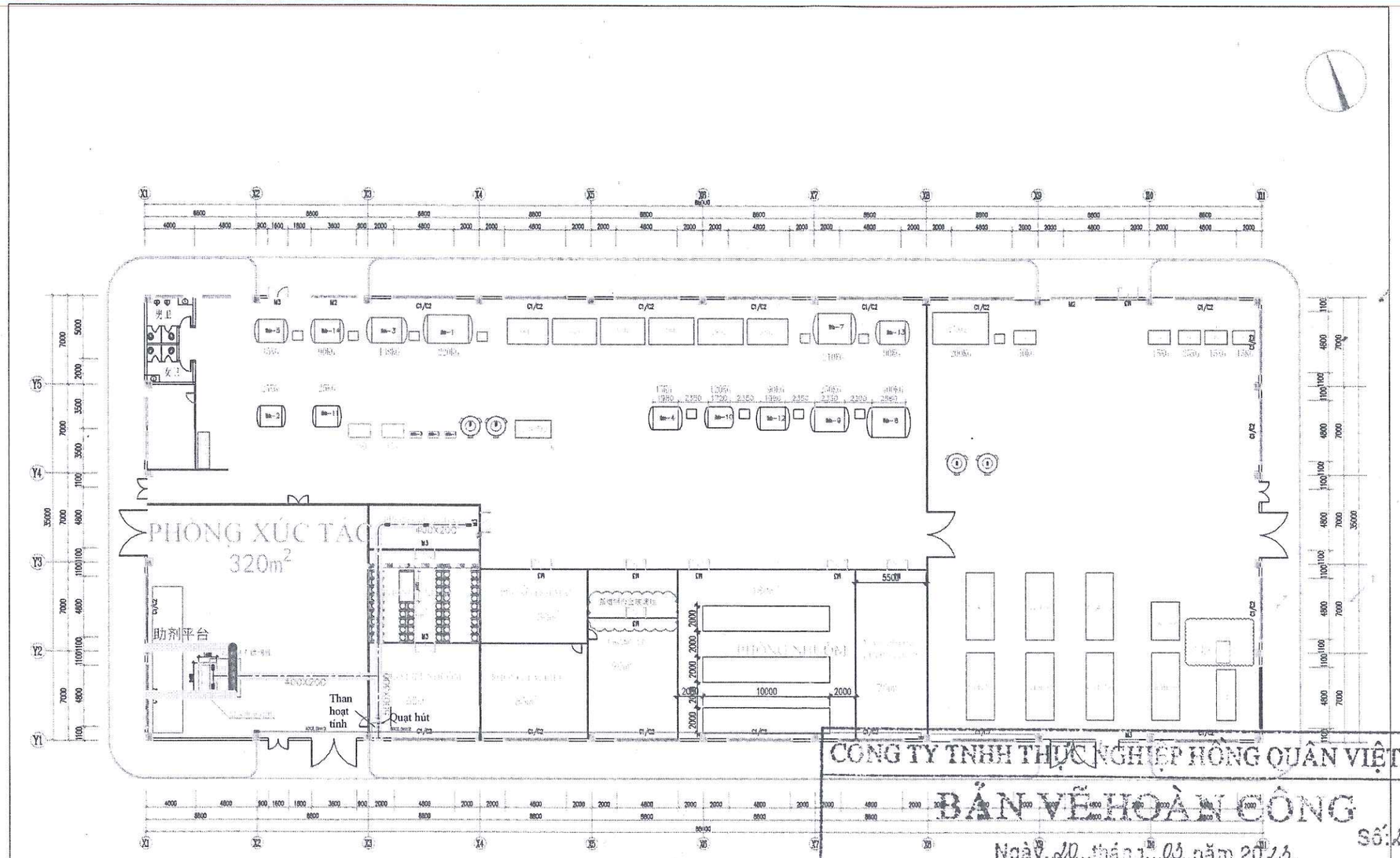
GIÁM ĐỐC

Đàm Thị Dung

Nhà thầu xác nhận

GIÁM ĐỐC

LIU YAN



CÔNG TY TNHH THỰC NGHIỆP HỒNG QUÂN VIỆT NAM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG Số: 200323

Ngày 20 tháng 03 năm 2023

NGƯỜI LẬP	NHÀ THẦU THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT	CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH THỰC NGHIỆP HỒNG QUÂN VIỆT NAM

Tên CT	
Hệ thống xử lý khí thải của nhà máy Lệ Tinh	
Tên bản vẽ	
Bản vẽ hoàn công hệ thống xử lý khí thải của nhà máy Lệ Tinh	
Thiết kế đang vẽ	
Hiệu đính	
Thiết kế có trách nhiệm	
Phê duyệt	
Tỷ lệ	1:100

ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC
LIU YAN

ĐẠI DIỆN BÊN A

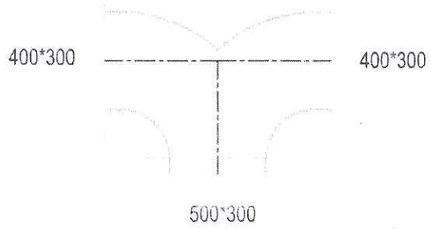
GIÁM ĐỐC
Đàm Thị Dung

ỐNG MẠ KẼM 300*200 : 2.14M

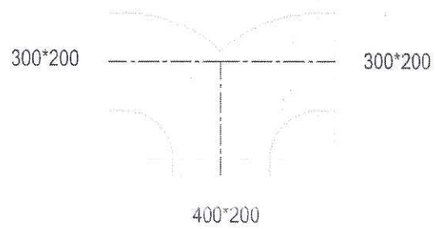
ỐNG MẠ KẼM 400*200 : 32.2M

ỐNG MẠ KẼM 500*300 : 4.07M

CÔN THU MẠ KẼM Ø250-500*300 : 1 CÁI



TÊ PVC : 1 CÁI



TÊ PVC : 1 CÁI

CÔNG TY TNHH THỰC NGHIỆP HỒNG QUÂN VIỆT NAM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 20 tháng 09 năm 2023 Số: 2003.23

NGƯỜI LẬP	NHÀ THẦU THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT	CHỦ ĐẦU TƯ

Cửa chớp 2 lớp 400*200 : 5 CÁI

CÔNG TY TNHH THỰC NGHIỆP HỒNG QUÂN VIỆT NAM

Tên CT	Hệ thống xử lý khí thải của nhà máy Lệ Tinh
Tên bản vẽ	Bản vẽ hoàn công hệ thống xử lý khí thải của nhà máy Lệ Tinh
Thiết kế đang vẽ	
Hiệu đính	
Thiết kế có trách nhiệm	
Phê duyệt	
Tỷ lệ	1:100

ĐẠI DIỆN BÊN B

CÔNG TY TNHH THỰC NGHIỆP HỒNG QUÂN VIỆT NAM

GIÁM ĐỐC

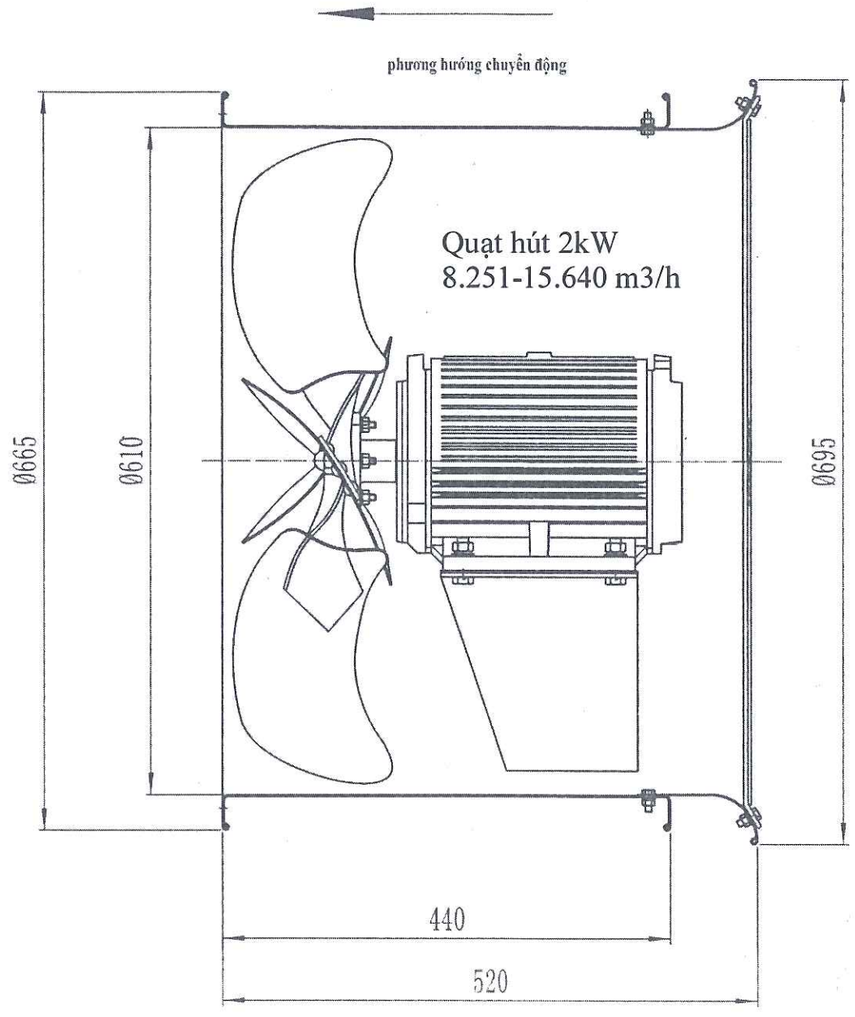
LIU YAN

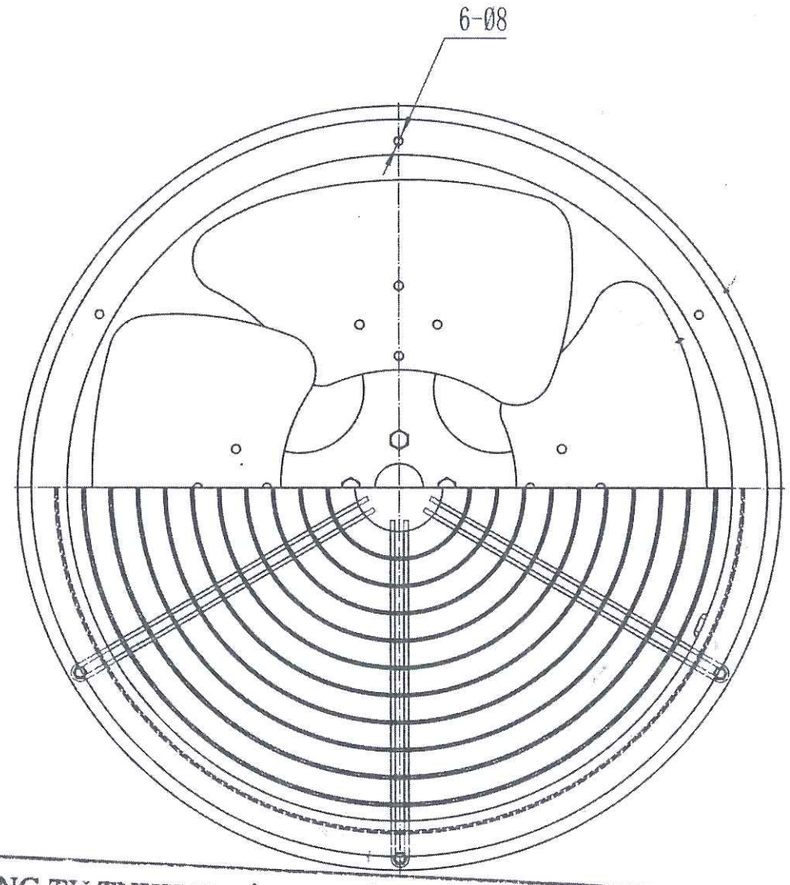
ĐẠI DIỆN BÊN A

CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ LỆ TINH

GIÁM ĐỐC

Đàm Thị Dung





CÔNG TY TNHH THỰC NGHIỆP HỒNG QUÂN VIỆT NAM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 20...tháng 05...năm 2025. Số: 200523

NGƯỜI LẬP	NHÀ THẦU THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT	CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH THỰC NGHIỆP HỒNG QUÂN VIỆT NAM

Tên CT	
Hệ thống xử lý khí thải của nhà máy Lệ Tinh	
Tên bản vẽ	
Bản vẽ hoàn công hệ thống xử lý khí thải của nhà máy Lệ Tinh	
Thiết kế đang vẽ	
Hiệu đính	
Thiết kế có trách nhiệm	
Phê duyệt	
Tỷ lệ	1:100

ĐẠI DIỆN BÊN B

CÔNG TY TNHH THỰC NGHIỆP HỒNG QUÂN VIỆT NAM

GIÁM ĐỐC

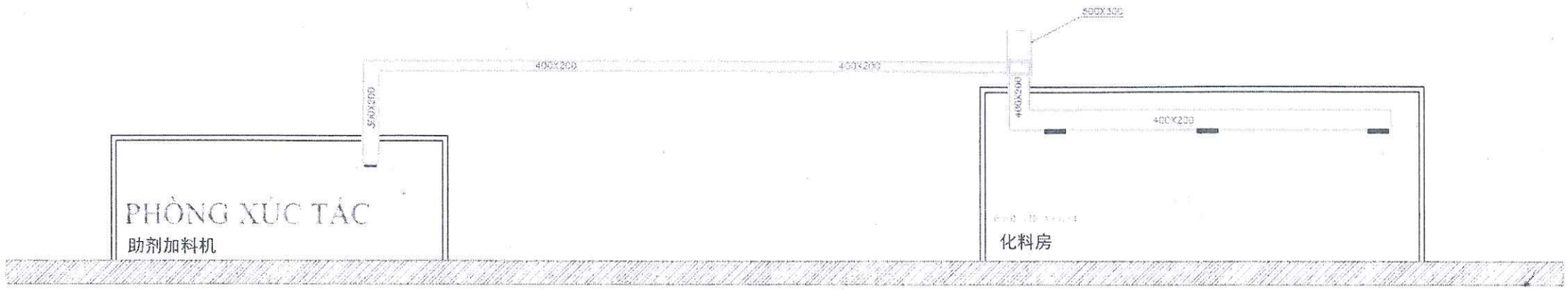
LIU YAN

ĐẠI DIỆN BÊN A

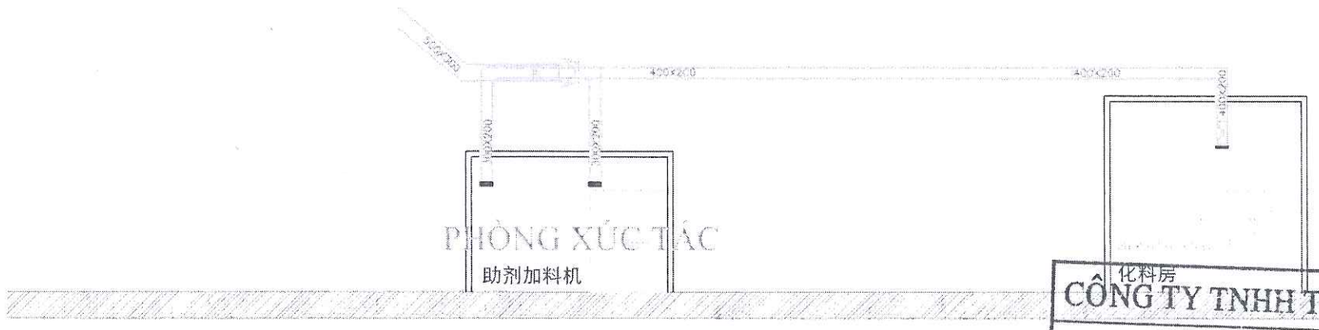
CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ LỆ TINH

GIÁM ĐỐC

Đàm Thị Dung



Mặt cắt Y-Y



Mặt cắt X-X

CÔNG TY TNHH THỰC NGHIỆP HỒNG QUÂN VIỆT NAM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 20 tháng 03 năm 2023. Số: 200323.

NGƯỜI LẬP	NHÀ THẦU THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT	CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH THỰC NGHIỆP HỒNG QUÂN VIỆT NAM

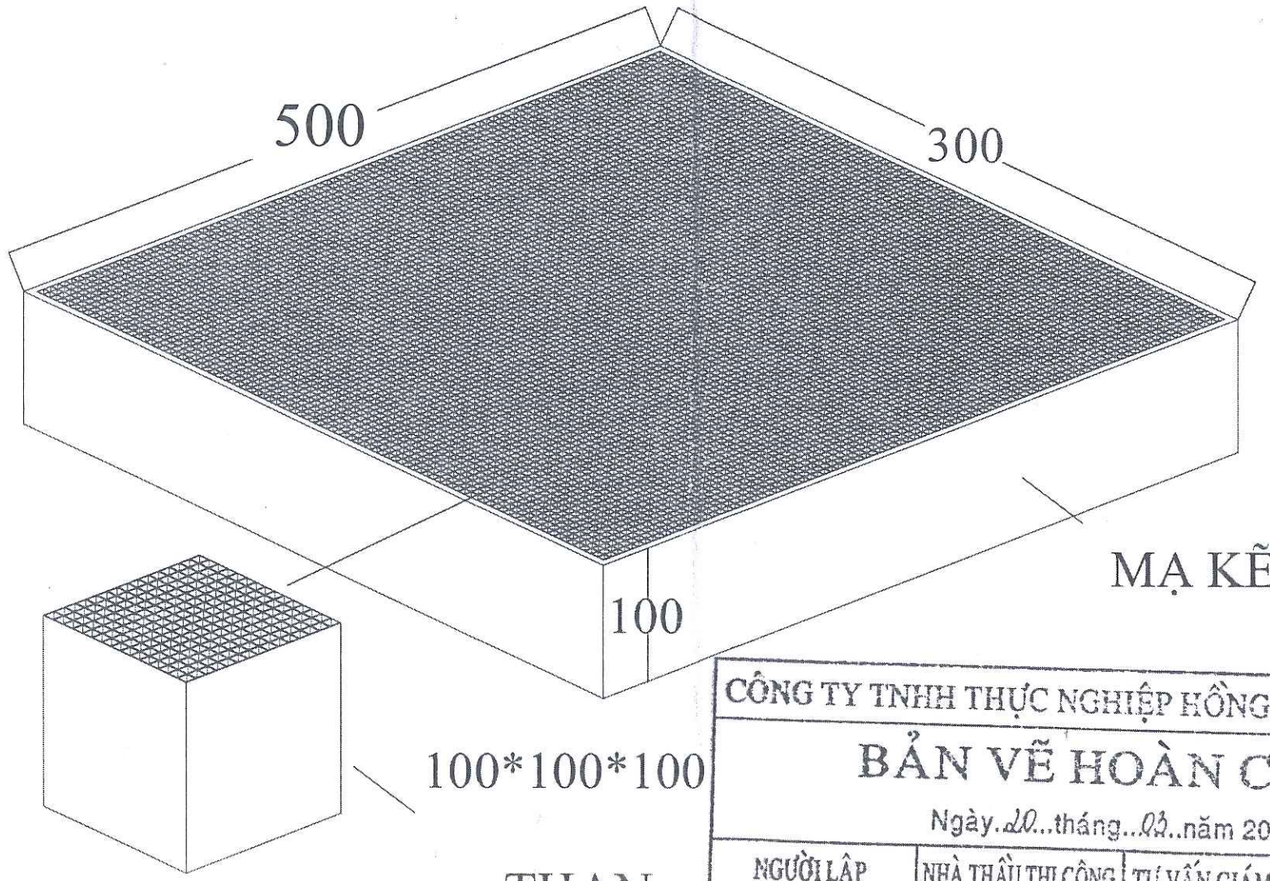
Tên CT	Hệ thống xử lý khí thải của nhà máy Lệ Tinh
Tên bản vẽ	Bản vẽ hoàn công hệ thống xử lý khí thải của nhà máy Lệ Tinh
Thiết kế đang vẽ	
Hiệu đính	
Thiết kế có trách nhiệm	
Phê duyệt	
Tỷ lệ	1:100

ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC
LIU YAN

ĐẠI DIỆN BÊN A

GIÁM ĐỐC
Đàm Thị Dung



CÔNG TY TNHH THỰC NGHIỆP HỒNG QUÂN VIỆT NAM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày..20..tháng..03..năm 2023. Số: 2003.23

NGƯỜI LẬP	NHÀ THẦU THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT	CHỦ ĐẦU TƯ

Bộ lọc than hoạt tính

CÔNG TY TNHH THỰC NGHIỆP HỒNG QUÂN VIỆT NAM	
Tên CT	
Hệ thống xử lý khí thải của nhà máy Lệ Tinh	
Tên bản vẽ	
Bản vẽ hoàn công hệ thống xử lý khí thải của nhà máy Lệ Tinh	
Thiết kế đang vẽ	
Hiệu đính	
Thiết kế có trách nhiệm	
Phê duyệt	
Tỷ lệ	1:100

ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC
LIU YAN

ĐẠI DIỆN BÊN A

GIÁM ĐỐC
Đàm Thị Dung